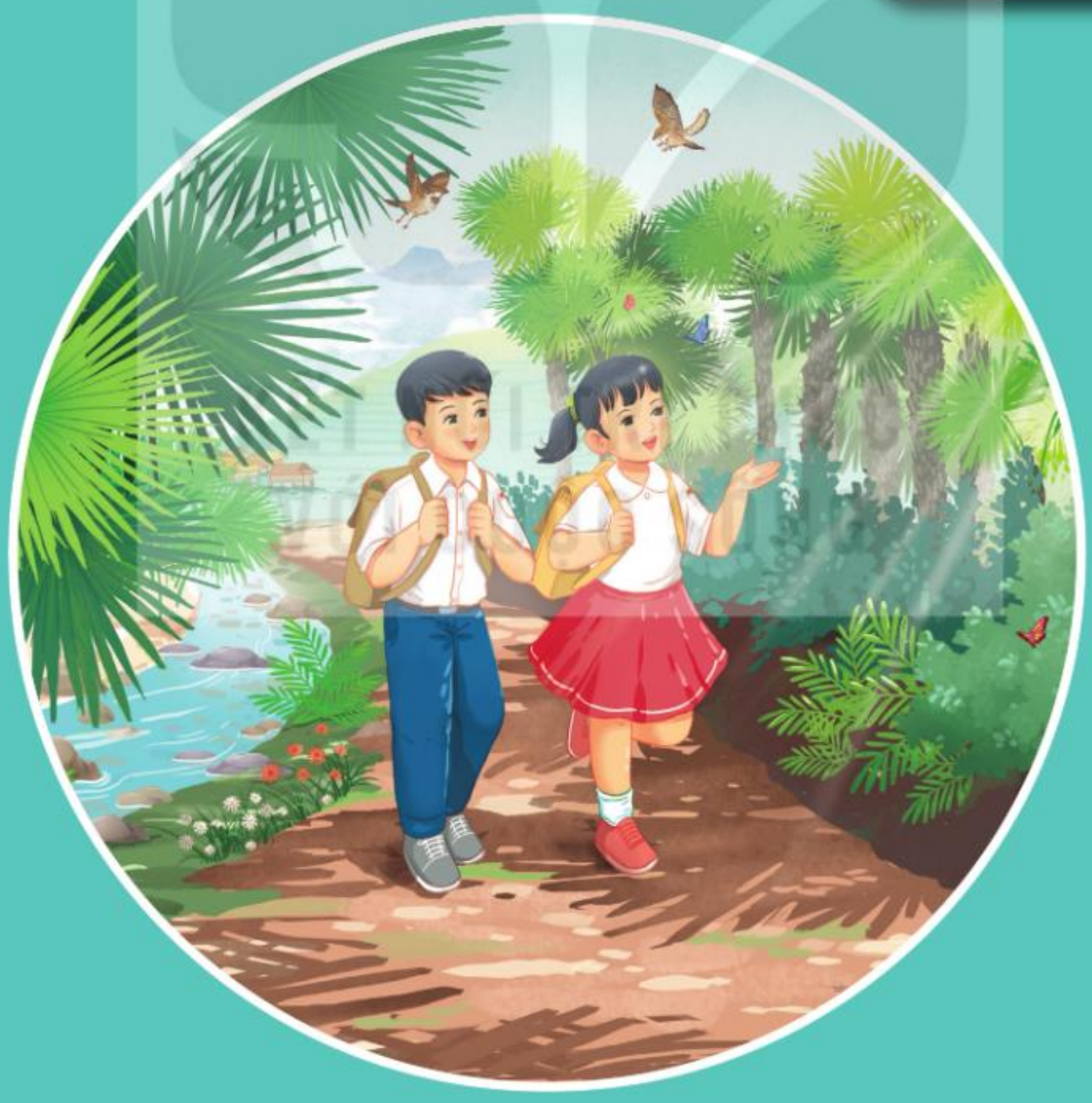
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TIẾNG VIỆT 3

TẬP MỘT

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
ĐỖ HỒNG DƯƠNG – NGUYỄN THỊ KIM OANH – TRẦN KIM PHƯỢNG

TIẾNG VIỆT 3

TẬP MỘT
SÁCH GIÁO VIÊN

(Tái bản lần thứ hai)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

HS	học sinh
GV	giáo viên
SGV	sách giáo viên
SHS	sách học sinh
VB	văn bản

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Tiếng Việt 3 – SGV là tài liệu dùng cho các thầy cô dạy SHS *Tiếng Việt 3*, biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

Theo định hướng chung của SHS *Tiếng Việt* ở cấp Tiểu học thuộc bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống", *Tiếng Việt 3* được biên soạn theo quan điểm dạy tiếng hiện đại, ứng dụng những cách tiếp cận mới nhất trong biên soạn SHS dạy học ngôn ngữ của nhiều quốc gia tiên tiến, đồng thời có chú ý kế thừa kinh nghiệm từ các SHS *Tiếng Việt* lâu nay. *Tiếng Việt 3* – SGV giới thiệu và hướng dẫn GV tổ chức dạy học theo SHS *Tiếng Việt 3* một cách hiệu quả, tạo hứng thú cho HS và bảo đảm đáp ứng tốt các mục tiêu của chương trình.

Tiếng Việt 3 – SGV gồm hai phần: phần một là *Hướng dẫn chung*, phần hai là *Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể*. Phần *Hướng dẫn chung* thuyết minh về yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Tiếng Việt lớp 3; giới thiệu quan điểm biên soạn, những điểm mới cơ bản của SHS *Tiếng Việt 3*, cấu trúc sách và cấu trúc bài học trong SHS; giới thiệu SGV gồm cấu trúc bài hướng dẫn dạy học, định hướng đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập. Phần hai trình bày những "kịch bản" dạy học cụ thể, nhưng theo tinh thần mở để phát huy quyền tự chủ và năng lực sáng tạo của GV. Thay vì thiết kế những quy trình mà GV cần tuân thủ hay những chỉ dẫn chi tiết mà GV cần làm theo, *Tiếng Việt 3* – SGV chỉ đưa ra những gợi ý, cung cấp những hỗ trợ cần thiết để GV có thể tự thiết kế kế hoạch bài học theo cách riêng của mình.

Hi vọng cuốn sách này là tài liệu hướng dẫn dạy học hữu ích, giúp quý thầy cô đổi mới hoạt động dạy học để nâng cao chất lượng và hiệu quả của môn Tiếng Việt trong nhà trường, góp phần giúp HS phát triển hiệu quả kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng, nhưng *Tiếng Việt 3* – SGV có thể có những hạn chế nhất định. Kính mong quý thầy cô góp ý để sách được cập nhật và ngày càng hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn nhu cầu dạy học tiếng Việt của GV và HS.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỘT – HƯỚNG DẪN CHUNG 5

PHẦN HAI – HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI HỌC CỤ THỂ 21

NHỮNG TRẢI NGHIỆM THÚ VỊ 21

Tuần 1 ..... **21**
Bài 1. Ngày gặp lại 21
Bài 2. Về thăm quê 27

Tuần 2 ..... **35**
Bài 3. Cánh rừng trong nắng 35
Bài 4. Lần đầu ra biển 42

Tuần 3 ..... **49**
Bài 5. Nhật kí tập bơi 49
Bài 6. Tập nấu ăn 55

Tuần 4 ..... **62**
Bài 7. Mùa hè lấp lánh 62
Bài 8. Tạm biệt mùa hè 69

CỔNG TRƯỜNG RỘNG MỞ 76

Tuần 5 ..... **76**
Bài 9. Đi học vui sao 76
Bài 10. Con đường đến trường 82

Tuần 6 ..... **88**
Bài 11. Lời giải toán đặc biệt 88
Bài 12. Bài tập làm văn 95

Tuần 7 ..... **103**
Bài 13. Bàn tay cô giáo 103
Bài 14. Cuộc họp của chữ viết 109

Tuần 8 ..... **116**
Bài 15. Thư viện 116
Bài 16. Ngày em vào Đội 123

Trang

Tuần 9. Ôn tập giữa học kì 1 ..... **130**

MÁI NHÀ YÊU THƯƠNG 137

Tuần 10 ..... **137**
Bài 17. Ngưỡng cửa 137
Bài 18. Món quà đặc biệt 143

Tuần 11 ..... **151**
Bài 19. Khi cả nhà bé tí 151
Bài 20. Trò chuyện cùng mẹ 156

Tuần 12 ..... **162**
Bài 21. Tia nắng bé nhỏ 162
Bài 22. Để cháu nắm tay ông 167

Tuần 13 ..... **174**
Bài 23. Tôi yêu em tôi 174
Bài 24. Bạn nhỏ trong nhà 179

CỘNG ĐỒNG GẦN BÓ 186

Tuần 14 ..... **186**
Bài 25. Những bậc đá chạm mây 186
Bài 26. Đi tìm mặt trời 192

Tuần 15 ..... **199**
Bài 27. Những chiếc áo ấm 199
Bài 28. Con đường của bé 207

Tuần 16 ..... **213**
Bài 29. Ngôi nhà trong cỏ 213
Bài 30. Những ngọn hải đăng 220

Tuần 17 ..... **227**
Bài 31. Người làm đồ chơi 227
Bài 32. Cây bút thần 232

Tuần 18. Ôn tập và Đánh giá cuối học kì 1 ..... **239**

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG DẠY HỌC ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG VIỆT LỚP 3

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KĨ THUẬT ĐỌC • Đọc đúng và bước đầu biết đọc diễn cảm các đoạn văn miêu tả, câu chuyện, bài thơ; tốc độ đọc khoảng 70 – 80 tiếng/phút. Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hay chỗ ngắt nhịp thơ. • Đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong một đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật. • Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp 2. • Đánh dấu được đoạn sách đang đọc. • Ghi chép ngắn gọn những nội dung quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay. ĐỌC HIỂU **Văn bản văn học** *Đọc hiểu nội dung* • Nhận biết được chi tiết và nội dung chính. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản. • Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi gợi ý. • Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý. *Đọc hiểu hình thức* • Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản. • Nhận biết được thời gian, địa điểm và trình tự các sự việc trong câu chuyện. • Nhận biết được vần và biện pháp tu từ so sánh trong thơ. • Nhận xét được về hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình. *Liên hệ, so sánh, kết nối* • Lựa chọn một nhân vật trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, nêu tình cảm và suy nghĩ về nhân vật đó. • Lựa chọn một nhân vật hoặc địa điểm trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, mô tả hoặc vẽ lại được nhân vật, địa điểm đó.	**KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT** **1.** Cách viết nhan đề văn bản **2.1.** Vốn từ theo chủ điểm **2.2.** Từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau **3.1.** Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất **3.2.** Sơ giản về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm: đặc điểm thể hiện qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của từng kiểu câu **3.3.** Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật); dấu ngoặc kép (đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại); dấu hai chấm (báo hiệu phần giải thích, liệt kê) **4.1.** Biện pháp tu từ so sánh: đặc điểm và tác dụng **4.2.** Sơ giản về đoạn văn và văn bản có nhiều đoạn: dấu hiệu nhận biết **4.3.** Sơ giản về lượt lời thể hiện qua trao đổi nhóm **4.4.** Kiểu văn bản và thể loại • Đoạn văn kể lại câu chuyện đã đọc hoặc một việc đã làm • Đoạn văn miêu tả đồ vật • Đoạn văn chia sẻ cảm xúc, tình cảm

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
Đọc mở rộng • Trong một năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. • Thuộc lòng được ít nhất 8 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 60 chữ. **Văn bản thông tin** *Đọc hiểu nội dung* • Trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý? • Tìm được ý chính của từng đoạn trong văn bản. *Đọc hiểu hình thức* • Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản qua đặc điểm của văn bản: văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc, văn bản giới thiệu một đồ vật, thông báo ngắn, tờ khai đơn giản. • Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian. • Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản. *Liên hệ, so sánh, kết nối* Nêu được những điều học được từ văn bản. *Đọc mở rộng* Trong một năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương các văn bản đã học. **VIẾT** KĨ THUẬT VIẾT • Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa. • Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam và một số tên nhân vật, tên địa lí nước ngoài đã học. • Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. • Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ – viết một bài có độ dài khoảng 65 – 70 chữ, tốc độ khoảng 65 – 70 chữ trong 15 phút. • Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN *Quy trình viết* • Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý.	• Đoạn văn nêu lí do vì sao mình thích một nhân vật trong câu chuyện • Đoạn văn giới thiệu về đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc, thông báo hoặc bản tin ngắn, tờ khai in sẵn **5.** Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) **KIẾN THỨC VĂN HỌC** **1.** Bài học rút ra từ văn bản **2.** Địa điểm và thời gian **3.** Suy nghĩ và hành động của nhân vật **NGỮ LIỆU** **1.1.** Văn bản văn học • Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả • Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè Độ dài của văn bản: truyện khoảng 200 – 250 chữ, bài miêu tả khoảng 180 – 200 chữ, thơ khoảng 80 – 100 chữ **1.2.** Văn bản thông tin • Văn bản giới thiệu một đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc • Thông báo ngắn, tờ khai in sẵn Độ dài của văn bản: khoảng 120 – 150 chữ **2.** Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
Thực hành viết • Viết được đoạn văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến, tham gia. • Viết được đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật. • Viết được đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc về con người, cảnh vật dựa vào gợi ý. • Viết được đoạn văn ngắn nêu lí do vì sao mình thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. • Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, nêu được những thông tin quan trọng như: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, sở thích, ước mơ của bản thân. Viết được thông báo hay bản tin ngắn theo mẫu; điền được thông tin vào một số tờ khai in sẵn; viết được thư cho người thân hay bạn bè (thư viết tay hoặc thư điện tử). **NÓI VÀ NGHE** *Nói* • Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và đề tài được nói tới; có thái độ tự tin và có thói quen nhìn vào người nghe, biết tránh dùng từ ngữ kém văn hoá. • Biết phát biểu ý kiến trước nhóm, tổ, lớp; giới thiệu các thành viên, các hoạt động của nhóm, tổ, lớp. • Nói được về một con người, đồ vật, vật nuôi dựa vào gợi ý. • Kể được một câu chuyện đơn giản đã đọc, nghe hoặc xem (có sự hỗ trợ, gợi ý); kết hợp lời kể, điệu bộ thể hiện cảm xúc về câu chuyện. Nói 2 – 3 câu về một tình huống do em tưởng tượng. • Nói được một số đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình ảnh trong truyện tranh hay phim hoạt hình. *Nghe* • Chú ý nghe người khác nói. Đặt được những câu hỏi có liên quan để hiểu đúng nội dung đã nghe. • Biết hỏi và đáp kết hợp với cử chỉ, điệu bộ thích hợp. • Nghe một câu chuyện, tưởng tượng và diễn tả lại dáng vẻ hoặc hành động, lời nói của một nhân vật trong câu chuyện đó. *Nói nghe tương tác* • Chú ý lắng nghe, tập trung vào vấn đề trao đổi, không nói lạc đề. • Biết nói chuyện qua điện thoại với cách mở đầu và kết thúc phù hợp; lắng nghe để hiểu đúng thông tin; nói rõ ràng và tỏ thái độ thích hợp; tập trung vào mục đích cuộc nói chuyện.	

II GIỚI THIỆU SÁCH HỌC SINH *TIẾNG VIỆT 3*

SHS *Tiếng Việt 3* thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, tuân thủ các quy định của chương trình tổng thể, Chương trình Giáo dục Phổ thông môn Ngữ văn 2018 và Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sách thể hiện một cách tiếp cận mới mẻ và hiện đại trong lĩnh vực biên soạn SHS và dạy học tiếng Việt, nhất quán với tinh thần đổi mới đã triển khai từ SHS *Tiếng Việt 1* và *Tiếng Việt 2*.

2.1. Quan điểm biên soạn

Sách *Tiếng Việt 3* vẫn tiếp tục phát triển ý tưởng của bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, đó là: nội dung các bài học trong sách phải làm cho HS cảm thấy việc học môn Tiếng Việt hấp dẫn, thú vị, bổ ích, được phát huy tính sáng tạo của bản thân; mỗi hoạt động học tập được thiết kế trong sách phải giúp HS từng bước phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học một cách hiệu quả, theo đúng mục tiêu, yêu cầu của Chương trình môn Tiếng Việt.

Sách được biên soạn theo mô hình SGK dạy tiếng hiện đại trên cơ sở kế thừa và phát huy ưu điểm của các sách dạy học Tiếng Việt ở Việt Nam trước đây. Cụ thể:

2.1.1. Đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh

SHS *Tiếng Việt 3* bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Tiếng Việt ở cấp Tiểu học) năm 2018 với mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực của HS. Nội dung sách *Tiếng Việt 3* đáp ứng các yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học được quy định trong Chương trình Tiếng Việt lớp 3.

Các bài học được thiết kế theo cách tạo cơ hội cho HS tăng cường tham gia những hoạt động giao tiếp tự nhiên. Một số kiến thức sơ giản về tiếng Việt và văn học thuộc chương trình môn Tiếng Việt lớp 3 được tích hợp trong quá trình dạy học đọc, viết, nói và nghe. Các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS, giúp các em sử dụng tiếng Việt thành thạo, để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống, học tốt các môn học, tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục; bước đầu hình thành và phát triển năng lực văn học, đồng thời bồi dưỡng cho HS những phẩm chất tốt đẹp với các biểu hiện cụ thể như: tình yêu đối với gia đình, mái trường, thiên nhiên, đất nước; có ý thức đối với cội nguồn, có lòng nhân ái, có cảm xúc lành mạnh, có hứng thú học tập, yêu lao động,...

2.1.2. Phát huy tính tích cực của học sinh

Để đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực của HS, sách *Tiếng Việt 3* chú ý phát huy tính tích cực của HS trong học tập thông qua các hoạt động phù hợp với đặc điểm nhận thức và cách học của HS tiểu học. Những hoạt động này rất đa dạng, có

tính chất và vai trò khác nhau trong quá trình học tập của HS, từ khởi động (giúp HS huy động những hiểu biết, trải nghiệm của các em để tiếp nhận bài học mới); khám phá, hình thành kiến thức (giúp HS phát hiện, tìm hiểu kiến thức, giá trị mới trong bài học dựa trên những hiểu biết đã có) đến luyện tập, vận dụng (giúp HS thực hành để phát triển các kĩ năng và vận dụng để giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống của chính các em).

Các bài học trong sách *Tiếng Việt 3* tạo điều kiện thuận lợi để GV tổ chức các hoạt động dạy học giúp HS đóng vai trò chủ động hơn trong học tập; hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ HS một cách hiệu quả để các em từng bước hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực mà chương trình giáo dục mong đợi.

2.1.3. Chú trọng dạy học tích hợp và phân hoá

Các nội dung trong *Tiếng Việt 3* được chọn lọc theo hướng tinh giản ở mức hợp lí, chú trọng dạy học tích hợp và dạy học phân hoá. Định hướng dạy học tích hợp trong *Tiếng Việt 3* được thể hiện như sau:

Tích hợp giữa các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe ở lớp 3 và kết nối với kĩ năng đọc, viết, nói và nghe mà HS đã đạt được ở lớp 2. Các nội dung học tập có sự gắn kết chặt chẽ với nhau trong từng bài học và giữa các bài học trong từng chủ điểm. Sự tích hợp trong *Tiếng Việt 3* không chỉ thể hiện trên bình diện nội dung bài học mà còn thể hiện cả trên bình diện phương pháp và kĩ thuật dạy học. Nhiều hoạt động trong sách vừa có mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học, vừa có mục tiêu phát triển một số năng lực chung như: năng lực tự chủ và tự học, năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề. Chẳng hạn, ở hoạt động đọc hiểu, HS có thể đóng vai để kể lại suy nghĩ, việc làm của nhân vật, để nói lại lời đối thoại của các nhân vật, để nêu nhận xét về nhân vật, sự việc. Trong nhiều bài học, HS còn được giao nhiệm vụ giải quyết một tình huống có thực (đơn giản) trong đời sống để các em tập vận dụng các kiến thức, kĩ năng mới được học vào giải quyết các vấn đề đặt ra với các em hằng ngày.

Tích hợp nội dung các môn học và hoạt động giáo dục khác trong cùng một khối lớp với kiến thức, kĩ năng Tiếng Việt. Nhiều bài học trong *Tiếng Việt 3* đã tích hợp nội dung của một số môn học như Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Âm nhạc, Mĩ thuật. Các em có cơ hội vận dụng hiểu biết về môi trường tự nhiên, hành vi ứng xử theo chuẩn mực với người thân, thầy cô, bạn bè và những người xung quanh; khả năng cảm nhận màu sắc, hình khối, đường nét của tranh ảnh,... để đọc hiểu và thực hành viết, nói và nghe trong khi học Tiếng Việt.

Để giúp HS phát triển năng lực một cách phù hợp, yêu cầu dạy học phân hoá cũng được chú trọng trong *Tiếng Việt 3*. Nhiều nội dung thực hành, nhiều nhiệm vụ học tập tạo cơ hội cho HS có thể thực hiện bằng nhiều cách, hoàn thành ở nhiều mức độ, yêu cầu khác nhau tuỳ theo năng lực, sở trường của mỗi HS.

2.2. Những điểm mới cơ bản của SHS *Tiếng Việt 3*

2.2.1. Tên các chủ điểm trong sách có sức gợi mở và hấp dẫn

Hệ thống chủ điểm được sắp xếp hợp lí như thể mỗi trang sách sẽ lần lượt dẫn dắt các em từ những trải nghiệm của bản thân các em, về nhà trường, gia đình, cộng đồng, thiên nhiên, xã hội, đất nước, thế giới. Qua mỗi chủ điểm học tập, các em dần được mở rộng tầm mắt, mở rộng hiểu biết. Đi theo các chủ điểm này, các em sẽ được rèn luyện và phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe cùng các kiến thức của môn Tiếng Việt đáp ứng yêu cầu của Chương trình môn Tiếng Việt lớp 3:

– Tập một có 4 chủ điểm. Các chủ điểm ở tập một gắn với phạm vi cuộc sống rất gần gũi với HS: *Những trải nghiệm thú vị* (4 tuần), *Cổng trường rộng mở* (4 tuần), *Mái nhà yêu thương* (4 tuần), *Cộng đồng gắn bó* (4 tuần).

– Tập hai có 4 chủ điểm. Các chủ điểm ở tập 2 được phát triển dần sang những phạm vi khác của đời sống, giúp HS có thêm hiểu biết, mở rộng trải nghiệm: *Những sắc màu thiên nhiên* (4 tuần), *Bài học từ cuộc sống* (4 tuần), *Đất nước ngàn năm* (4 tuần), *Trái Đất của chúng mình* (3 tuần).

Chủ điểm mở đầu sách là *Những trải nghiệm thú vị*, phù hợp với tâm lí chung của trẻ em. Bước vào năm học mới, các em có bao nhiêu điều muốn chia sẻ với thầy cô, bạn bè về kì nghỉ hè đã qua. Ở chủ điểm *Những trải nghiệm thú vị*, các em được đọc, được nói, được nghe, được viết về những hoạt động trong kì nghỉ hè, những trải nghiệm ở ngoài trường, ngoài lớp học. Những câu chuyện, bài thơ trong chủ điểm này chắc chắn sẽ tạo được sự đồng cảm và khơi dậy ở các em nhu cầu chia sẻ những trải nghiệm của mình với bạn bè, thầy cô.

Nội dung các chủ điểm trong hai tập sách vừa gắn với đời sống thực tiễn, với những giá trị văn hoá Việt Nam, vừa đáp ứng yêu cầu giáo dục, đào tạo nên những con người có được các phẩm chất và năng lực để sống tốt và làm việc hiệu quả trong thế kỉ XXI. Qua cách đặt tên chủ điểm, các tác giả muốn dõi theo từng trải nghiệm, từng niềm vui và mỗi bước trưởng thành của các em HS, những người đồng hành cùng bộ sách này.

2.2.2. Sách chú trọng rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ cho HS

Thống nhất và tiếp tục ý tưởng của *Tiếng Việt 1*, *Tiếng Việt 2*, trong *Tiếng Việt 3*, nội dung học tập được tổ chức theo các mạch tương ứng với các kĩ năng ngôn ngữ (đọc, viết, nói và nghe), không chia thành các phân môn (Tập đọc, Chính tả, Kể chuyện, Tập làm văn,...) như trước đây. Cách tiếp cận này giúp cho hoạt động dạy học môn Tiếng Việt gần với giao tiếp thực tế, tạo được hứng thú ở người học và nâng cao hiệu quả dạy học. Nhìn vào mục lục, các thầy cô giáo và các em học sinh sẽ biết được nội dung, yêu cầu về đọc – viết – nói – nghe cùng với nội dung luyện tập kiến thức về từ, câu,... trong mỗi tuần, mỗi bài học trong tuần.

2.2.3. Nội dung bài học có sự kết nối chặt chẽ giữa các kĩ năng và được thiết kế theo hướng mở để phát huy năng lực người học

a. Ở kĩ năng đọc, sách *Tiếng Việt 3* chú trọng thiết kế các câu hỏi đọc hiểu đa dạng về kiểu loại và mức độ yêu cầu, tạo cơ hội để HS phát biểu ý kiến cá nhân, luyện cho HS thói quen và kĩ năng suy nghĩ độc lập, cách thức trình bày suy nghĩ, cảm xúc chân thực của mình trước tập thể. Suy nghĩ, cảm xúc của các em có thể chưa thật rõ nét và sâu sắc, diễn đạt có thể chưa mạch lạc và gãy gọn, song điều quan trọng là các em được tập luyện để hình thành thói quen tìm tòi, khám phá và phát huy sáng tạo thông qua những câu hỏi đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức văn bản và yêu cầu liên hệ, so sánh, kết nối văn bản được đọc với trải nghiệm của các em, với các sự vật, sự việc trong cuộc sống, v.v... Sách *Tiếng Việt 3* chú trọng rèn luyện kĩ năng đọc hiểu VB đa phương thức cho HS (qua các yêu cầu đọc hiểu truyện tranh, quan sát nội dung tranh, sơ đồ, v.v...), đồng thời phát triển ở các em kĩ năng tư duy thông qua yêu cầu suy đoán, suy luận trong tiếp nhận văn bản.

b. Ở kĩ năng viết, *Tiếng Việt 3* chú trọng phát triển kĩ năng viết cho HS và thiết kế các hoạt động viết theo một trình tự hợp lí đối với cả 3 nội dung: luyện viết chữ (chữ viết thường, chữ viết hoa), viết chính tả, viết đoạn văn.

Với yêu cầu viết đúng chính tả những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương, sách *Tiếng Việt 3* đã thiết kế nhiều bài học thú vị, giúp các em có ấn tượng sâu sắc để dễ dàng nhớ cách viết đúng từ dễ viết sai, viết lẫn.

Với yêu cầu viết đoạn văn, HS lớp 3 được yêu cầu viết đoạn văn thuật việc, đoạn văn miêu tả, đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc, đoạn văn nêu lí do vì sao thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện,.... Môn Tiếng Việt có thời lượng là 7 tiết/ tuần, tiết viết đoạn văn được thiết kế ở tiết thứ 7, sau tiết luyện tập về từ và câu. Tất cả các nội dung học tập trong các bài học trong tuần (ở 6 tiết học trước) đều góp phần làm phong phú vốn ngôn ngữ và vốn sống, trải nghiệm cho HS, giúp các em có thể thực hiện tốt yêu cầu viết đoạn văn. Ngoài ra, yêu cầu viết đoạn còn kết nối với chủ điểm của các bài đọc. Nhờ đó, các VB đọc trong tuần cũng góp phần làm giàu vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc cho HS để các em có thể hoàn thành bài viết của mình một cách thuận lợi.

So với lớp 2, yêu cầu viết đoạn văn ở lớp 3 có nâng cao về dung lượng và mở rộng thêm yêu cầu về kiểu văn bản. Do đó, sách *Tiếng Việt 3* đã chú trọng hơn đến việc hướng dẫn viết đoạn văn theo các bước: xác định nội dung viết, hình thành ý và sắp xếp ý cho đoạn văn, chỉnh sửa lỗi và hoàn thiện bài viết của mình. Trước các tiết yêu cầu HS thực hành viết một kiểu đoạn văn nào đó, các em được học tiết hướng dẫn cặn kẽ cách viết kiểu đoạn văn đó.

Theo Chương trình môn Tiếng Việt lớp 3, kĩ năng viết đoạn văn đã nâng cao hơn về yêu cầu so với lớp 2. Do đó, sách *Tiếng Việt 3* chú trọng nhiều hơn đến việc hướng dẫn HS nắm vững quy trình viết từng kiểu đoạn văn, theo đúng yêu cầu của Chương trình.

Ở các bài hướng dẫn viết đoạn văn, bên cạnh hệ thống câu hỏi gợi ý, sách *Tiếng Việt 3* còn sử dụng yếu tố trực quan (tranh ảnh, sơ đồ,...) giúp HS dễ dàng nắm bắt yêu cầu và cách thức thực hiện yêu cầu đối với mỗi kiểu bài. Cách thiết kế bài học như vậy sẽ giúp GV tổ chức dạy học viết đoạn văn một cách sinh động, hiệu quả.

c. Ở kĩ năng nói và nghe, *Tiếng Việt 3* dành nhiều thời lượng hơn cho luyện nói theo chủ đề, chủ điểm, tạo cơ hội cho HS rèn luyện kĩ năng nói chuẩn bị nội dung trình bày suy nghĩ, rèn kĩ năng bày tỏ ý kiến riêng của mình trước những vấn đề gần gũi với lứa tuổi và thiết thực trong đời sống hằng ngày của các em, đồng thời chú ý hướng dẫn các em kĩ năng lắng nghe, thái độ tôn trọng người nói và kĩ năng phản hồi tích cực. Do tăng cường luyện nói theo chủ đề, chủ điểm, yêu cầu về nghe và kể lại câu chuyện đã nghe, đã đọc giảm bớt. Các giờ học có nội dung kể lại câu chuyện đã nghe sẽ chú trọng hơn đến yêu cầu nghe hiểu câu chuyện.

2.2.4. Kiến thức tiếng Việt và văn học được truyền tải nhẹ nhàng, sinh động thông qua thực hành, luyện tập

Các kiến thức phổ thông về tiếng Việt và văn học cần cung cấp cho HS theo yêu cầu của chương trình Tiếng Việt lớp 3 được hình thành, củng cố và phát triển ở HS thông qua hoạt động thực hành. Sách *Tiếng Việt 3* không cung cấp các kiến thức mang tính lí thuyết, hàn lâm. Trong các bài học, nội dung kiến thức được kết hợp một cách tự nhiên với hiểu biết, trải nghiệm của các em. Bài học luôn được bắt đầu từ những điều HS quan tâm, những điều các em đã biết, muốn biết để từ đó hướng vào những kiến thức các em cần hiểu biết. Với cách thiết kế bài học và tổ chức hoạt động dạy học như vậy, việc học tập môn Tiếng Việt luôn trở nên nhẹ nhàng và thú vị hơn đối với HS. Dưới đây là một số ví dụ:

– Về từ chỉ đặc điểm: Ở lớp 2, HS đã nhận biết sơ bộ về từ chỉ đặc điểm (để phân biệt với từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động). Lớp 3 đưa ra yêu cầu cao hơn một chút: phân loại các từ chỉ đặc điểm theo một số nhóm.

– Về nhận biết câu: Chương trình lớp 3 yêu cầu HS nhận biết câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến, sách *Tiếng Việt 3* đã giúp HS nhận biết các câu này dựa vào trải nghiệm của HS.

Với cách nhận biết từ chú trọng vào nghĩa, nhận biết câu chú trọng vào mục đích sử dụng câu, qua thực hành nhiều lượt, các em sẽ nắm vững các kiến thức của môn học theo đúng yêu cầu của Chương trình.

2.2.5. Nội dung ngữ liệu đọc, viết, nói và nghe của sách mới mẻ, cập nhật với cuộc sống hiện tại ở các vùng miền, phù hợp với tâm lí tiếp nhận của HS lớp 3 hiện nay

Nhân vật đóng vai trò chủ thể chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc trong hầu hết các văn bản được tuyển chọn trong sách *Tiếng Việt 3* đều là trẻ em ở độ tuổi HS lớp 3. Điều này giúp cho các em khi đọc các VB, tìm hiểu các bài học sẽ thấy gần gũi với mình

và dễ dàng tiếp nhận. Nhiều điều trong cuộc sống được nhìn nhận, được lí giải, suy luận... theo cách tư duy của trẻ em, bằng ngôn ngữ của trẻ em, kể cả khi nói về những vấn đề, những khái niệm lớn lao như đất nước, ngôi nhà chung thế giới,...

Ngữ liệu trong sách *Tiếng Việt 3* bảo đảm tỉ lệ cân đối, hài hoà giữa VB văn học và VB thông tin (16 VB thơ, 39 VB truyện và VB miêu tả, 7 VB thông tin trong tổng số 62 VB; chưa tính các VB trong các phần ôn tập giữa kì và cuối kì); tăng tỉ lệ VB thông tin và giảm tỉ lệ VB văn học so với các sách Tiếng Việt lâu nay. Nội dung của ngữ liệu được chọn lựa, sắp xếp phù hợp với hiểu biết và trải nghiệm của người học; giúp HS có cơ hội kết nối với trải nghiệm cá nhân, phát triển cá tính lành mạnh và tư duy độc lập. Nhờ đó, ngoài việc giúp HS phát triển hiệu quả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, *Tiếng Việt 3* còn góp phần tích cực vào việc bồi dưỡng cho HS tình yêu gia đình, bạn bè; tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; bước đầu giới thiệu với các em thế giới bên ngoài để từng bước hình thành, phát triển ý thức, hiểu biết về công dân toàn cầu;... Các em cũng được phát triển kĩ năng quan sát, tư duy suy luận, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.2.6. Tiếp nối *Tiếng Việt 1* và *Tiếng Việt 2*, *Tiếng Việt 3* chú ý dành thời gian cho hoạt động đọc mở rộng

Ở hoạt động đọc mở rộng. HS được khuyến khích tự tìm sách, báo để đọc và có cơ hội chia sẻ trên lớp kết quả đọc sách với các bạn. Sách *Tiếng Việt 3* có đưa ra các văn bản đọc mở rộng để HS có thể đọc hoặc tham khảo cách tìm, cách lựa chọn văn bản đọc theo yêu cầu. Qua hoạt động này, HS có cơ hội được tự chọn ngữ liệu (truyện, thơ, VB thông tin,...) để đọc ở nhà hoặc ở lớp, biết chia sẻ với các bạn trong nhóm hoặc trước lớp. Nhờ đó, HS từng bước hình thành, phát triển thói quen và hứng thú đọc sách, phát triển kĩ năng tự đọc, tự học để mở rộng hiểu biết.

2.2.7. *Tiếng Việt 3* thiết kế kênh hình đẹp. Không chỉ hình ảnh mà các loại bảng và sơ đồ cũng được sử dụng để tăng thêm hiệu quả trình bày. HS sẽ cảm thấy thích thú với việc học tiếng Việt khi cầm cuốn sách trên tay và từng bước khám phá những bài học dành cho các em ở trong đó.

2.3. Cấu trúc sách và các bài học

2.3.1. *Cấu trúc sách*

Tiếng Việt 3 được thiết kế thành 2 tập: tập một dành cho học kì I (18 tuần), tập hai dành cho học kì II (17 tuần) và mỗi tuần có 7 tiết.

Tập một có 32 bài học, được sắp xếp theo 4 chủ điểm và học trong 16 tuần, mỗi tuần 2 bài. Ngoài ra, có một tuần Ôn tập giữa học kì và một tuần Ôn tập, đánh giá cuối học kì. Ở đầu sách có Lời nói đầu; cuối sách có bảng thuật ngữ (Một số thuật ngữ dùng trong sách) và Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài xuất hiện trong các bài học ở tập một.

Tập hai có 30 bài học, được sắp xếp theo 4 chủ điểm và học trong 15 tuần, mỗi tuần 2 bài. Ngoài ra, có một tuần Ôn giữa học kì và một tuần Ôn tập, đánh giá cuối học kì. Cuối sách có bảng thuật ngữ (Một số thuật ngữ dùng trong sách) và Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài xuất hiện trong các bài học ở tập hai.

Ngoài các bài học chính, mỗi tập sách đều có các trang mục lục (ở đầu sách), bảng tra cứu thuật ngữ, bảng tra cứu tên riêng nước ngoài (ở cuối sách). Về cơ bản, cấu trúc cả tập sách và cấu trúc của từng bài học trong hai tập là như nhau. Các bài học được tổ chức theo chủ điểm. Tập một, các chủ điểm xoay quanh những vấn đề cá nhân/ bản thân HS, nhà trường, gia đình, cộng đồng. Tập hai, các chủ điểm hướng đến vẻ đẹp của thiên nhiên, những vấn đề của cuộc sống xã hội, những bài học từ các mối quan hệ xã hội, đất nước Việt Nam và thế giới.

Mỗi tuần có hai bài học: bài thứ nhất 3 tiết, bài thứ hai 4 tiết. Cuối mỗi tập sách đều có đề tham khảo để GV có thể dựa vào đó thiết kế đề kiểm tra học kì và cuối năm cho HS. Đề tham khảo chỉ là gợi ý về cấu trúc và các dạng bài tập cần có trong đề kiểm tra. Mức độ yêu cầu của đề ở từng học kì có thể linh hoạt trong giới hạn cho phép, tuỳ theo điều kiện dạy học thực tế của mỗi địa phương, mỗi nhà trường và theo công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

2.3.2. *Cấu trúc bài học trong 1 tuần*

a. Bài học thứ nhất (3 tiết)

Bài 3 tiết được phân bổ thời gian như sau:

– Tiết 1 và 2: Đọc, Nói và nghe (1 tuần nói theo chủ đề, 1 tuần kể chuyện)

– Tiết 3: Viết (viết chính tả và bài tập chính tả).

Tiết 1 và 2, hoạt động Đọc có thể học trong khoảng 1,5 tiết; hoạt động Nói và nghe học trong khoảng 0,5 tiết. Hoạt động Đọc gồm các nội dung: khởi động trước khi đọc, đọc thành tiếng và đọc hiểu. Hệ thống câu hỏi đọc hiểu được thiết kế đa dạng. Ngoài câu hỏi tự luận theo cách truyền thống, còn có một số dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan (áp dụng chủ yếu cho những câu hỏi có thể khó nếu HS phải trả lời theo hình thức tự luận) và câu hỏi được thiết kế kèm tranh minh hoạ, HS vừa phải hiểu VB vừa phải hiểu nội dung tranh để trả lời. Ở một số bài đọc là thơ, còn có hoạt động học thuộc lòng đoạn thơ khoảng 60 chữ.

Tiết 3, hoạt động Viết gồm viết chính tả và làm bài tập chính tả. Hoạt động nghe – viết hoặc nhớ – viết một đoạn thơ hoặc đoạn văn (có độ dài khoảng 65 – 70 chữ) được thực hiện trong khoảng 15 phút, thời gian còn lại của tiết học dành cho việc thực hiện các bài tập chính tả âm, vần và nhận xét, đánh giá kết quả tiết học. Do quy định HS không được viết, điền vào SHS nên các câu lệnh ở phần bài tập chính tả âm, vần cho HS ở các vùng phương ngữ khác nhau, sách nêu yêu cầu "chọn" bài tập. Nhưng khi làm bài tập thì HS cần viết các từ ngữ có hiện tượng chính tả liên quan vào vở để hình thành

kĩ năng viết đúng chính tả. GV có thể quyết định những từ ngữ nào cần viết căn cứ vào điều kiện thời gian và khả năng viết của HS.

Cuối mỗi bài 3 tiết, ngay sau phần viết chính tả và hoàn thành bài tập chính tả có phần vận dụng, yêu cầu HS thực hành ngoài giờ lên lớp, thường là kể hoặc chia sẻ với người thân về câu chuyện đã nghe hoặc về một nội dung của chủ điểm đã trao đổi ở lớp.

b. Bài học thứ hai (4 tiết)

Bài 4 tiết được phân bổ thời gian như sau:

– Tiết 1 và 2: Đọc, Viết chữ hoa hoặc Đọc mở rộng (1 tuần Viết chữ hoa, 1 tuần Đọc mở rộng).

– Tiết 3 và 4: Luyện tập (1 tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt, 1 tiết luyện viết đoạn văn).

Tiết 1 và 2, hoạt động đọc học trong khoảng 1,5 tiết (tương tự như bài 3 tiết); 0,5 tiết còn lại là Viết chữ hoa hoặc Đọc mở rộng. Với tuần có nội dung Viết chữ hoa, HS được ôn luyện viết chữ hoa đã học ở lớp 2 nhưng mức độ yêu cầu cao hơn so với lớp 2. Trong khoảng nửa tiết, các em thường phải viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ của 2 chữ cái viết hoa (theo bảng chữ cái tiếng Việt) và câu ứng dụng. Ở tuần có nội dung Đọc mở rộng, HS được đọc sách theo những chỉ dẫn cụ thể, ghi chép phiếu đọc sách và chia sẻ những điều em đã đọc được với các bạn.

Tiết 3 và 4 là hoạt động Luyện tập. Tiết 3 luyện tập kiến thức tiếng Việt (từ, câu, biện pháp tu từ so sánh). Tiết 4 luyện viết đoạn văn.

Ở tiết 3, nội dung các kiến thức tiếng Việt trong Chương trình lớp 3 giúp HS phát triển vốn từ, kĩ năng đặt câu, trên cơ sở đó phát triển kĩ năng viết đoạn văn. Các nội dung luyện tập về từ và câu được triển khai có tính hệ thống, khoa học, kết nối hài hoà với các bài học trong tuần và phù hợp với HS lớp 3. Các bài tập luyện từ tập trung vào các trường từ vựng ngữ nghĩa, vừa kết nối với chủ điểm của bài học vừa cung cấp ngữ liệu cho phần viết đoạn. Các bài tập luyện câu tập trung vào các kiểu câu theo chức năng và mục đích phát ngôn mà không khai thác sâu vào đặc điểm cấu trúc của câu. Tương tự phần về từ, các bài tập luyện câu cũng kết nối với chủ điểm của bài học và nội dung từ vựng trong phần bài tập về từ mà HS thực hành ngay trên đó, đồng thời cũng kết nối với phần viết đoạn, phục vụ cho hoạt động viết đoạn.

Ở tiết 4, HS được luyện viết đoạn. Trước khi yêu cầu HS thực hành viết một đoạn văn giới thiệu bản thân, hoặc thuật việc, miêu tả, nêu tình cảm, cảm xúc,... thường có hoạt động hướng dẫn nhận biết quy trình viết đoạn, cách thức chuẩn bị nội dung, cách sắp xếp ý,... cho đoạn văn. HS thường được luyện nói trước khi luyện viết, có sự hỗ trợ bằng những gợi ý, hướng dẫn và nhiều yếu tố trực quan khiến cho nhiệm vụ viết đoạn trở nên nhẹ nhàng, dễ thực hiện hơn với các em.

Cuối mỗi bài 4 tiết, ngay sau phần viết đoạn văn có phần vận dụng, yêu cầu HS thực hành ngoài giờ lên lớp, thường yêu cầu HS chỉnh sửa hoàn thiện đoạn văn, chia sẻ

đoạn văn của mình với người thân hoặc chỉ dẫn các em tìm đọc sách báo (theo yêu cầu Đọc mở rộng của Chương trình môn Tiếng Việt lớp 3). Với yêu cầu Đọc mở rộng, sách *Tiếng Việt 3* có đưa văn bản để HS tham khảo.

III GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO VIÊN

3.1. Cấu trúc bài hướng dẫn dạy học trong SGV

Tương ứng với mỗi bài học trong SHS có một bài hướng dẫn dạy học trong SGV. Tương tự *Tiếng Việt 2 – SGV*, mỗi bài hướng dẫn dạy học trong *Tiếng Việt 3 – SGV* đều có cấu trúc gồm các phần: ***Mục tiêu***, ***Chuẩn bị***, ***Hoạt động dạy học***.

Phần ***Mục tiêu*** có nội dung và cách thể hiện phù hợp với định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

Phần ***Chuẩn bị*** bao gồm hai nội dung: a. Kiến thức (tiếng Việt và đời sống) mà GV cần có để dạy tốt bài học; b. Phương tiện dạy học cần có và nên có (Ngoài những phương tiện dạy học chung (tranh minh hoạ trong SHS được phóng to; hoặc máy tính, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh;...), GV có thể sử dụng các phương tiện phù hợp khác. GV cần xác định rõ mục tiêu của từng hoạt động dạy học và chức năng của mỗi phương tiện dạy học để sử dụng đúng và hiệu quả, phù hợp với điều kiện dạy học của địa phương và nhà trường; tránh lạm dụng, gây lãng phí và làm sai lệch mục tiêu dạy học).

Phần ***Hoạt động dạy học*** bám sát các mục của bài học trong SHS. Ngoài ra, ở đầu bài học có mục ôn bài cũ, tạo tâm thế cho bài học mới; ở cuối bài học có mục ***Củng cố***, giúp GV và HS tóm tắt lại những nội dung đã học và GV nhận xét, đánh giá hoạt động học tập của HS. Tuỳ tình hình thực tế, GV vận dụng linh hoạt thời gian cho mỗi hoạt động dạy học.

3.2. Phương pháp dạy học

3.2.1. *Định hướng đổi mới phương pháp dạy học nói chung*

Phương pháp dạy học trong *Tiếng Việt 3* tuân thủ định hướng đổi mới phương pháp dạy học của Chương trình môn Ngữ văn và Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung là đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học.

GV cần chú trọng tổ chức hoạt động học như đọc, viết, nói và nghe cho HS. Để đáp ứng yêu cầu đó, GV cần nắm vững kĩ thuật thực hiện các bước: khởi động bài học, giao nhiệm vụ cho HS, hướng dẫn HS học hợp tác, hướng dẫn HS tự ghi bài, tổ chức cho HS báo cáo kết quả học tập và nhận xét, đánh giá. GV cần giảm thời gian nói để HS có cơ hội được tăng cường hoạt động học (cá nhân, nhóm, lớp). GV chỉ hỗ trợ, không làm thay, không trả lời thay. Trong khi dạy học, GV cần chú ý tạo không khí lớp học thân thiện, gây được hứng thú học tập cho HS.

GV cần nắm được yêu cầu đổi mới phương pháp học tập đối với HS để hướng dẫn và hỗ trợ các em. Theo định hướng mới, HS cần phát huy vai trò chủ động, tích cực của người học. Ở lớp 3, vai trò chủ động, tích cực đó được thể hiện chủ yếu qua: làm việc cá nhân; tham gia trao đổi, thảo luận nhóm theo các nội dung GV nêu ra; trình bày kết quả trao đổi, thảo luận của nhóm nếu được giao nhiệm vụ; tương tác tích cực với GV.

Các nghiên cứu về dạy học và thực tiễn dạy học các lớp đầu cấp tiểu học trên thế giới đều cho thấy hiệu quả của quy trình dạy học sau: GV trình bày và làm mẫu những kĩ năng và chiến lược mới cho cả lớp. Sau đó, HS hoạt động nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm nhiều hơn hai), chẳng hạn hỏi và trả lời, chia sẻ ý tưởng, đọc lại câu chuyện cho bạn nghe,... và học cá nhân để vận dụng những kĩ năng mới học được. Kết hợp dạy học chung cả lớp, sau đó HS học theo nhóm và học độc lập là hình thức cần được áp dụng phổ biến, linh hoạt và cân bằng.

Tiếp nối lớp 2, GV cần tiếp tục khuyến khích HS tham gia vào những hoạt động có tính tương tác, coi đó là một cách thức quan trọng để thúc đẩy việc học và trưởng thành. Hoạt động tương tác chủ yếu ở lớp 3 là HS trao đổi nhóm, cùng tham gia hoàn thành một nhiệm vụ. Đối với dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp thì các hoạt động có tính tương tác càng có ý nghĩa. Nó giúp HS phát triển ngôn ngữ, tư duy và các kĩ năng xã hội một cách hiệu quả; các em trở nên tự tin hơn, có mối quan hệ bạn bè tốt hơn, tôn trọng sự khác biệt và có động lực học cao hơn. Trong khi HS làm việc nhóm, GV cần quan sát và dành thời gian làm việc với những HS hay nhóm HS cần hỗ trợ.

Cần có những hoạt động, câu hỏi dành riêng cho HS gặp khó khăn trong phát triển các kĩ năng giao tiếp. Tương tự như vậy, cần có những hoạt động, câu hỏi dành riêng cho HS tự tin, năng động, có khả năng đọc, viết, nói và nghe tốt hơn so với các HS khác.

3.2.2. *Định hướng đổi mới phương pháp dạy học đối với từng hoạt động*

Đọc: Dạy đọc nhằm giúp HS hình thành và phát triển kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu. Tương tự lớp 2, ở lớp 3, yêu cầu phát triển kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu đều quan trọng như nhau, nhưng kĩ năng đọc hiểu cần được tăng dần để chiếm "tỉ trọng" ngày càng cao hơn, chuẩn bị cho giai đoạn lớp 4 và 5 khi đọc hiểu được chú trọng hơn đọc thành tiếng. HS được đọc các VB có độ dài và độ khó cao hơn so với lớp 2 và phù hợp với yêu cầu của chương trình.

Tiếp nối lớp 2, đối với đọc thành tiếng, phương pháp dạy học chủ yếu là GV đọc mẫu và HS thực hành theo mẫu. Đọc phân vai dựa theo một câu chuyện cũng cần được chú ý khai thác nhiều hơn. Đối với đọc hiểu, phương pháp dạy học chủ yếu vẫn là GV huy động trải nghiệm, hiểu biết của HS có liên quan đến nội dung của VB đọc, cho HS so sánh, liên hệ mở rộng; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa HS với HS, giữa GV và HS, tăng cường hoạt động thảo luận nhóm. Trước khi đọc VB, GV có thể cho HS dựa

vào nhan đề và tranh minh hoạ để suy đoán nội dung VB. Nâng cao hơn so với lớp 2, ở lớp 3, GV nên áp dụng yêu cầu này đối với tất cả đối tượng HS. Phương châm là dạy đọc hiểu phải kích hoạt được việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc.

Viết: Ở lớp 3, HS được luyện viết chính tả và viết đoạn văn ngắn. Yêu cầu về viết chữ (viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa nêu trong chương trình môn Tiếng Việt lớp 3) không có tiết học riêng như ở lớp 2, song được tích hợp rèn luyện ở nội dung dạy viết chính tả và viết đoạn văn. Về phương pháp dạy viết chính tả (nghe – viết và nhớ – viết) nhìn chung vẫn kế thừa phương pháp dạy học trước đây. Về phương pháp dạy viết đoạn văn, tương tự lớp 2, ở lớp 3, HS được hướng dẫn luyện tập theo một quy trình phù hợp, qua từng bước: bắt đầu từ hoạt động tìm kiếm, huy động thông tin và ý tưởng bằng hình thức làm việc cá nhân rồi trao đổi, chia sẻ giữa các thành viên trong nhóm, trước lớp, sau đó HS thực hành viết dựa trên thông tin và ý tưởng được chuẩn bị. Trước khi viết, GV có thể cho HS lập dàn ý bằng cách hướng dẫn các em điền những thông tin, ý tưởng đã được chuẩn bị (làm việc cá nhân, làm việc nhóm,...) vào mẫu cho sẵn. HS chỉ cần viết ra dưới hình thức các từ ngữ ngắn gọn, chưa phải viết thành câu. Từ dàn ý đã lập như vậy, các em thực hành viết đoạn văn trọn vẹn. Việc đặt hoạt động viết đoạn văn (tập làm văn) vào cuối mỗi tuần, kết nối, tích hợp giữa đoạn văn cần viết với nội dung của các bài đọc trong tuần và hướng dẫn HS viết theo quy trình vừa nêu trên nhằm bảo đảm HS được chuẩn bị đầy đủ các công cụ và chất liệu cho hoạt động viết để các em vừa viết đúng yêu cầu của chương trình vừa có khả năng sáng tạo.

Nói và nghe: Ở lớp 3, dạy nói và nghe cũng cần chú ý vận dụng phương pháp GV làm mẫu và HS thực hành theo mẫu; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa GV và HS, HS thảo luận nhóm rồi trình bày trước nhóm và trước lớp; nghe kể chuyện và kể lại hoặc đóng vai diễn lại câu chuyện đã nghe. Khác với lớp 2, ở lớp 3, hoạt động nói và nghe theo chủ điểm được chú trọng hơn, nhiều nội dung được thiết kế mở hơn. Tuy vẫn gắn với nội dung bài đọc, nhưng nội dung nói và nghe đòi hỏi HS phải có nhiều liên hệ với vốn sống, trải nghiệm của người học. Qua hoạt động nói và nghe, GV cần chú ý tạo cơ hội để HS được tranh luận về một số nội dung có ý kiến khác biệt hay trái ngược nhau, từng bước giúp các em phát triển tư duy độc lập.

3.3. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập trong *Tiếng Việt 3* tuân thủ định hướng đổi mới về mục tiêu, nội dung, cách thức đánh giá trong môn Ngữ văn nói chung và tiếp tục quan điểm đổi mới đánh giá được triển khai ở lớp 1 và lớp 2.

3.3.1. ***Về mục tiêu,*** đánh giá nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong học tập, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học.

3.3.2. ***Về nội dung***, đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe được quy định trong chương trình.

– ***Về phẩm chất***, đánh giá HS thông qua các biểu hiện:

+ Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên; yêu quê hương, nơi sinh sống; yêu thương, quan tâm người thân trong gia đình; yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè; yêu thương những người xung quanh; không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn; sẵn sàng tha thứ cho những hành vi có lỗi của bạn.

+ Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập; ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết; có ý thức tham gia các công việc của gia đình và của nhà trường vừa sức với bản thân.

+ Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.

+ Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích; có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi.

– ***Về năng lực chung***

Năng lực tự chủ và tự học: Đánh giá khả năng tự làm được những việc của mình theo sự phân công, hướng dẫn; nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Đánh giá khả năng tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp; biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng; biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đánh giá khả năng nhận ra được những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi; nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng.

– ***Về năng lực đặc thù (đọc, viết, nói, nghe)***

Đọc: Đánh giá kĩ năng đọc gồm kĩ năng đọc thành tiếng và kĩ năng đọc hiểu. Tương tự lớp 2, ở lớp 3, việc đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng vẫn cần được coi trọng; tập trung vào yêu cầu đọc đúng, rõ ràng, trôi chảy và theo tốc độ như chương trình quy định.

Đánh giá kĩ năng đọc hiểu dựa vào kết quả HS trả lời các câu hỏi liên quan đến những nội dung hàm ẩn phức tạp hơn so với lớp 2. Bên cạnh đó, *Tiếng Việt 3* cũng thiết kế một số câu hỏi tạo cơ hội cho HS tìm hiểu về đặc điểm thể loại hay kiểu loại VB và đặc điểm ngôn ngữ của VB đọc. Việc thiết kế những câu hỏi liên quan đến thể loại hay loại VB này sẽ giúp HS từng bước định hình được "mô hình đọc hiểu" đối với từng thể loại hay loại VB.

Viết: Đánh giá kĩ năng viết dựa trên nhiều hình thức viết đa dạng với những yêu cầu khác nhau: nghe viết chính tả và viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu về kiểu VB viết được

quy định trong chương trình. Ngoài đánh giá kĩ năng viết đúng chính tả, cần chú ý đến đánh giá kĩ năng dùng từ ngữ, đặt câu và đặc biệt là kĩ năng viết đoạn văn dựa trên những ý tưởng sáng tạo và đúng với yêu cầu về kiểu VB theo yêu cầu của chương trình. Đây là bước khởi đầu để HS có được kĩ năng viết bài văn hoàn chỉnh ở các lớp trên.

Nói và nghe: Đánh giá về sự tự tin của HS khi nói, trao đổi, thảo luận trong nhóm và trước lớp; khả năng nói rõ với tốc độ phù hợp; khả năng tập trung vào nội dung cần nói và sử dụng ngôn ngữ chính xác; khả năng tập trung khi nghe; khả năng trả lời câu hỏi thể hiện hiểu được nội dung đã nghe.

3.3.3. ***Về cách thức đánh giá,*** các phẩm chất và năng lực chung được đánh giá bằng định tính dựa vào kết quả GV quan sát, ghi chép, nhận xét, thực hiện trong suốt năm học. Các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe cũng được đánh giá vừa bằng định tính, thực hiện trong suốt năm học; vừa bằng định lượng, được thực hiện vào cuối học kì và cuối năm. Cuối tuần ôn tập của mỗi học kì có một đề kiểm tra tham khảo. Nhà trường và GV có thể dựa vào cấu trúc và mức độ yêu cầu về đọc, viết, nói và nghe để thiết kế đề kiểm tra phù hợp với HS của mình.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI HỌC CỤ THỂ

NHỮNG TRẢI NGHIỆM THÚ VỊ

TUẦN 1

Bài 1 NGÀY GẶP LẠI (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Ngày gặp lại*. Bước đầu biết thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện qua giọng đọc, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

b. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Trải nghiệm mùa hè của bạn nhỏ nào cũng đều rất thú vị và đáng nhớ, dù các bạn chỉ ở nhà hoặc được đi đến những nơi xa, dù ở thành phố hay nông thôn.

2. Nói được những điều đáng nhớ trong kì nghỉ hè của mình.

3. Viết đúng chính tả bài thơ *Em yêu mùa hè* (theo hình thức nghe – viết) trong khoảng 15 phút. Viết đúng từ ngữ chứa *c/ k*.

4. Biết khám phá bản thân, biết quý trọng những trải nghiệm đã có, biết nhận ra niềm vui qua mỗi trải nghiệm, có đời sống tâm hồn phong phú, có khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (địa điểm, thời gian, trình tự các sự việc, suy nghĩ và hành động của nhân vật).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ chủ điểm *Những trải nghiệm thú vị* và bài đọc *Ngày gặp lại*, tranh ảnh minh hoạ cho phần Nói và nghe.

– Tranh minh hoạ ở bài tập chính tả.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ĐỌC

1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS xem tranh chủ điểm và nêu nội dung tranh (VD: Tranh vẽ một chiếc ô tô ngộ nghĩnh chở mấy bạn nhỏ và rất nhiều đồ trên nóc. Trong xe, các bạn đang cười tươi, vẫy tay rối rít chào ông mặt trời. Ông mặt trời cũng đang cười tít, giơ tay chào các bạn. Có lẽ các bạn đã có một kì nghỉ hè tuyệt vời với những trải nghiệm vô cùng thú vị.).

– GV giới thiệu chủ điểm *Những trải nghiệm thú vị.* (VD: Đây là chủ điểm mở đầu của sách *Tiếng Việt 3*. Ở chủ điểm *Những trải nghiệm thú vị*, các em sẽ được đọc những câu chuyện, bài thơ, bài văn,... viết về những trải nghiệm của các bạn nhỏ. Trải nghiệm của mỗi bạn mỗi khác, nhưng đều vui vẻ, có ích, giúp các bạn khám phá và thể hiện bản thân mình. Qua những trải nghiệm của các bạn, các em sẽ thấy điều gì đó giống trải nghiệm của các em và nhận ra những điều bổ ích, lí thú qua những trải nghiệm đó.)

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm: đọc to câu hỏi khởi động và thảo luận.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp (Tưởng tượng em gặp lại bạn sau một kì nghỉ dài. Em sẽ nói gì với bạn?).

+ HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

+ HS (2 – 3 em) lần lượt phát biểu ý kiến trước lớp. GV có thể gợi ý các em nhớ lại những câu nói, câu chuyện mà các em đã chia sẻ với nhau trong ngày đầu tiên gặp lại sau kì nghỉ hè vừa qua.

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc. (VD: Tranh vẽ cảnh hai bạn nhỏ đang trò chuyện vui vẻ ở hiên nhà. Bạn trai đang cười tươi và có vẻ như đang nói chuyện. Bạn gái cầm một chiếc diều và cũng cười rất tươi, như đang lắng nghe bạn trai nói. Có lẽ hai bạn đang rất vui và có nhiều điều để kể cho nhau nghe). Sau đó, GV giới thiệu khái quát câu chuyện *Ngày gặp lại* (VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc câu chuyện *Ngày gặp lại*. Các em sẽ đọc kĩ để hiểu câu chuyện nói về niềm vui trong ngày gặp lại giữa hai bạn Chi và Sơn, hai bạn đã kể cho nhau nghe những trải nghiệm thú vị sau thời gian nghỉ hè.).

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *cửa sổ, tia nắng, thế là, năm học, mừng rỡ, gặp lại, bãi cỏ, lấp lánh,...*).

+ Cách ngắt giọng ở câu dài, VD: *Sơn về quê từ đầu hè,/ giờ gặp lại,/ hai bạn/ có bao nhiêu chuyện.; Sơn kể ở quê,/ cậu được theo ông bà/ đi trồng rau,/ câu cá.; Ngày mai đi học rồi,/ nhưng mùa hè/ chắc sẽ theo các bạn vào lớp học.*

+ Đọc diễn cảm các lời thoại với ngữ điệu phù hợp, chú ý các lời thoại:

"Cho cậu này.": đọc nhanh, vui.

"Tớ chẳng được đi đâu.": đọc chậm, buồn.

– GV cùng HS chia đoạn đọc (đoạn 1: từ đầu đến *Cho cậu này,* đoạn 2: tiếp theo đến *bầu trời xanh,* đoạn 3: tiếp theo đến *Ừ nhỉ,* đoạn 4: tiếp theo đến hết), 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– HS làm việc nhóm (4 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 4 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Tìm những chi tiết thể hiện niềm vui khi gặp lại nhau của Chi và Sơn.*

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

Bước 1: Làm việc cá nhân

+ Đọc thầm lại VB.

+ Tìm những chi tiết thể hiện niềm vui khi gặp lại nhau của Chi và Sơn.

Bước 2: Làm việc nhóm

+ Từng bạn phát biểu ý kiến, cả nhóm góp ý và bổ sung nếu chưa đầy đủ.

+ Bầu một bạn trình bày ý kiến trước lớp.

Bước 3: Làm việc cả lớp

+ 2 – 3 HS phát biểu.

+ GV và HS nhận xét, góp ý, bổ sung, thống nhất đáp án. (Sơn vẫy rối rít; Sơn cho Chi một chiếc diều rất xinh; Chi mừng rỡ chạy ra; Hai bạn có bao nhiêu chuyện để kể với nhau.)

Câu 2. *Sơn đã có những trải nghiệm gì trong mùa hè?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS chuẩn bị câu trả lời.

– HS trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– Một số HS phát biểu ý kiến, GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– HS và GV thống nhất đáp án. (Sơn đã theo ông bà đi trồng rau, câu cá; cùng các bạn đi thả diều.)

Câu 3. *Trải nghiệm mùa hè của Chi có gì khác với Sơn?*

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

– Bước 1: Làm việc cá nhân

+ Đọc thầm lại VB.

+ Tìm các chi tiết nói về trải nghiệm trong mùa hè của Chi.

+ Xem lại câu trả lời của câu hỏi 2 về trải nghiệm mùa hè của Sơn.

+ So sánh trải nghiệm mùa hè của hai bạn (GV gợi ý: khác biệt về địa điểm, hoạt động,...)

– Bước 2: Làm việc nhóm

+ Từng bạn phát biểu ý kiến.

+ Cả nhóm góp ý và bổ sung (nếu cần thiết).

+ Bầu 1 bạn phát biểu trước lớp.

– Bước 3: Làm việc cả lớp

+ 2 – 3 HS phát biểu.

+ GV và cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung đáp án. (GV có thể kẻ bảng so sánh)

	Kì nghỉ hè của Sơn	Kì nghỉ hè của Chi
Địa điểm	– Ở quê	– Ở nhà
Hoạt động	– Theo ông bà đi trồng rau, câu cá – Cùng bạn thả diều	– Tập đi xe đạp cùng bố – Đạp xe đi khắp nơi

Câu 4. *Theo em, vì sao khi đi học, mùa hè sẽ theo các bạn vào lớp? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.*

a. *Vì các bạn vẫn nhớ những câu chuyện về mùa hè.*

b. *Vì các bạn sẽ kể cho nhau nghe những câu chuyện về mùa hè.*

c. *Vì các bạn sẽ mang những kỉ niệm của mùa hè đến lớp.*

– GV nêu yêu cầu. GV lưu ý HS, đây là câu hỏi lựa chọn theo ý HS (có thể chọn nói theo ý a, b, c hoặc nêu ý kiến riêng của các em), chứ không phải câu hỏi chỉ có một đáp án duy nhất.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.

+ HS làm việc cá nhân: đọc thầm lại đoạn cuối VB, suy nghĩ, lựa chọn phương án a, b, c hoặc ý kiến khác. Nhẩm lại phương án đã chọn.

+ HS làm việc nhóm: từng HS nêu suy nghĩ của mình, các HS khác góp ý, nhận xét.

+ HS làm việc cả lớp: 2 – 3 HS trình bày ý kiến trước lớp. GV khen ngợi các bạn trình bày to, rõ ràng, đặc biệt khen ngợi các bạn có ý kiến riêng, hay.

– Nếu còn thời gian, hoặc với HS khá giỏi, GV có thể nêu câu hỏi mở rộng: Trong ngày đầu tiên gặp lại bạn bè sau kì nghỉ hè, các em có mang theo mùa hè đến lớp giống Chi và Sơn không? Các em mang mùa hè đến lớp bằng cách nào?

4. Luyện đọc lại

– Nghe GV đọc diễn cảm toàn bài.

– HS đọc nối tiếp, cả lớp nhìn vào sách đọc theo.

NÓI VÀ NGHE

Hoạt động này có 2 yêu cầu. Tuỳ theo khả năng của HS, GV có thể hướng dẫn HS nói theo 1 hoặc cả 2 yêu cầu. (Yêu cầu thứ 2 là yêu cầu mở rộng đối với HS khá, giỏi).

1. Kể về điều em nhớ nhất trong kì nghỉ hè vừa qua.

– GV mời 1 HS đọc to chủ đề (Mùa hè của em) và yêu cầu trước lớp (*Kể về điều nhớ nhất trong kì nghỉ hè vừa qua*).

– HS làm việc theo nhóm, từng HS kể về điều HS nhớ nhất trong mùa hè của mình. HS có thể nói nhiều điều HS nhớ. GV khuyến khích HS suy nghĩ tích cực về mùa hè vừa qua (VD: Nếu HS không làm điều gì đặc biệt, đáng nhớ trong hè, thì việc HS giữ một mùa hè an toàn, khoẻ mạnh đã là một điều đáng khích lệ).

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV khen ngợi, động viên HS.

– Tuỳ vào tình hình của HS, GV có thể gợi ý từ buổi trước (buổi tập trung HS trước khi bắt đầu học chính thức) HS mang các vật kỉ niệm trong mùa hè đến lớp để giới thiệu với các bạn trong nhóm (tranh, ảnh, vật kỉ niệm,...).

2. Mùa hè năm nay của em có gì khác với mùa hè năm ngoái?

– HS đọc yêu cầu trước lớp.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp.

+ Mỗi HS đọc thầm các gợi ý trong sách, và suy nghĩ về các hoạt động trong hai mùa hè của mình. (VD: hè trước, HS ở nhà đọc sách, vẽ tranh...; hè này, HS tập bơi, tập đạp xe...).

+ HS chia sẻ với bạn về các hoạt động trong hai mùa hè của mình. HS nói với bạn cảm xúc của mình (thích mùa hè nào hơn). HS còn lại lắng nghe, đặt câu hỏi nếu muốn biết rõ hơn.

+ HS đổi vai nghe – nói.

– 3 – 4 HS trình bày ý kiến trước lớp.

– GV khơi gợi HS suy nghĩ mình đã trưởng thành và làm mọi việc càng ngày càng tốt hơn. GV hỗ trợ những HS gặp khó khăn trong trình bày.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV giới thiệu bài thơ *Em yêu mùa hè*. (VD: Bài thơ tả cảnh vật thiên nhiên khi mùa hè về qua cảm nhận của bạn nhỏ. Qua khung cảnh thiên nhiên hè đặc trưng, chúng ta thấy được tình cảm yêu mến mà bạn nhỏ dành cho mùa hè.)

– GV đọc bài thơ, sau đó 4 HS đọc nối tiếp (mỗi em đọc 1 khổ thơ).

– GV hướng dẫn HS các nội dung sau:

+ Cách trình bày bài thơ 4 chữ: quan sát bài thơ trong SHS (hoặc nhìn trên bảng/ màn hình).

+ Viết hoa tên bài và các chữ đầu mỗi dòng thơ.

+ Chú ý dấu chấm và chấm than cuối câu.

– Nghe GV đọc từng cụm từ hoặc từng dòng thơ, ghi nhớ và viết vào vở.

– Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

2. Tìm và viết tên sự vật bắt đầu bằng *c* hoặc *k* trong các hình.

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.

– HS làm việc nhóm.

+ Cùng nhau quan sát tranh, gọi tên các đồ vật và tìm tên sự vật bắt đầu bằng *c* hoặc *k*.

+ Đối chiếu kết quả với nhóm khác.

– Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài, cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV chốt đáp án trên bảng lớp, kết hợp chỉ vào hình ảnh theo thứ tự: *kính, cây, kìm, kẹo, cân, kéo, cờ, cửa*.

– HS viết vào vở các từ đã tìm được.

3. Tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có tiếng bắt đầu bằng *c* hoặc *k*.

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.

– HS làm việc theo nhóm, từng HS nêu những từ ngữ mà mình tìm được. Các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

– Đại diện 3 – 4 nhóm trình bày trước lớp.

– GV ghi các đáp án lên bảng. GV có thể kẻ bảng theo gợi ý:

	Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ hoạt động
c	cặp, cầu, cột, cốc, cần câu, cần cẩu,...	cười, cầm, cắn, cắt, cúi xuống, cắm hoa, cất giữ,...
k	kem, kèn, kim, thước kẻ, keo dán, kén tằm,...	kí, công kênh, kéo co, kiễng chân, tìm kiếm, kiểm tra,...

– GV có thể tổ chức hoạt động này dưới hình thức thi tìm nhanh tên đồ vật theo yêu cầu. Lựa chọn hình thức nào là tuỳ thuộc GV và điều kiện của lớp.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động vận dụng.

– GV gợi ý HS nghĩ đến các hoạt động mà các em thích trong kì nghỉ hè, đặc biệt là các hoạt động mà trong năm học các em không có thời gian (hoặc ít thời gian) để thực hiện: đi chơi (về quê, du lịch,...), thể thao (bơi lội, tập xe, chơi các môn bóng,...), các hoạt động khác trong gia đình (đọc sách truyện, xem phim,... với thời gian dài hơn những ngày đi học).

– GV khuyến khích HS trao đổi với người thân để cùng lên kế hoạch cho hè năm sau.

– HS suy nghĩ, sắp xếp các ý và chia sẻ với người thân của mình.

– GV lưu ý HS khi nói phải rõ ràng, rành mạch. Nói xong phải biết lắng nghe những trao đổi của người thân.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng nhiều cách, ví dụ (chọn một cách dưới đây):

+ Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học.

+ Đề nghị HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc và bài viết.

+ Chốt lại hôm nay HS đã được:

* Đọc và tìm hiểu văn bản *Ngày gặp lại*

* Nói về mùa hè của em

* Nghe viết bài thơ *Em yêu mùa hè*

* Viết chính tả phân biệt *c/ k*

– GV có thể nhắc lại về chủ điểm, nói rõ thêm đây là bài học đầu tiên của chủ điểm đầu tiên trong sách *Tiếng Việt 3*. Bài đọc *Ngày gặp lại* cho các em thấy mùa hè của các bạn nhỏ có những trải nghiệm rất vui vẻ, ý nghĩa. Những trải nghiệm đó khiến ngày hè của hai bạn nhỏ vô cùng đáng nhớ. Vì thế bạn nhỏ cảm thấy rất vui và mong muốn chia sẻ niềm vui đó với bạn của mình, thậm chí các bạn còn tưởng tượng sẽ mang cả mùa hè đến lớp học qua những câu chuyện mà mình chia sẻ.

– GV dặn dò HS: Về nhà chia sẻ với người thân những mong muốn của em về kì nghỉ hè năm tới.

Bài 2 VỀ THĂM QUÊ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Về thăm quê*, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ và giữa các dòng thơ; bước đầu biết thể hiện cảm xúc qua giọng đọc.

b. Nhận biết được tình cảm, suy nghĩ của bạn nhỏ khi nghỉ hè được về quê thăm bà, nhận biết được những tình cảm bà – cháu thông qua từ ngữ, hình ảnh miêu tả cử chỉ, hành động, lời nói, suy nghĩ của nhân vật.

2. Viết đúng chữ viết hoa A, Ă, Â cỡ nhỏ, viết đúng từ ngữ và câu ứng dụng có chữ viết hoa A, Ă, Â.

3. Dựa vào tranh minh hoạ, tìm được từ ngữ chỉ sự vật (từ ngữ chỉ người, chỉ con vật) và từ ngữ chỉ hoạt động của người, của con vật. Đặt được câu giới thiệu và câu nêu hoạt động.

4. Biết viết tin nhắn trên điện thoại.

5. Hình thành và phát triển tình cảm yêu quê hương, sự quan tâm, yêu quý, biết ơn đối với những người thân trong gia đình, dòng họ.

6. Đọc mở rộng theo yêu cầu (tự tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ viết về các hoạt động yêu thích của trẻ em.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản thơ và một số điểm đặc trưng của thơ (thể hiện cảm xúc, tâm trạng; ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh; nhịp điệu,...).

– Từ loại tiếng Việt.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ, video về những hoạt động của HS khi nghỉ hè ở quê (nếu có).

– Sách, truyện phục vụ yêu cầu đọc mở rộng.

– Tranh ảnh minh hoạ để gợi ý tìm từ ngữ theo nội dung bài luyện tập về từ và câu (hoặc phiếu học tập cá nhân/ nhóm, nếu chuẩn bị được).

– Điện thoại di động để luyện tập viết tin nhắn.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Ngày gặp lại*. Mỗi em trả lời một câu hỏi cuối bài đọc theo yêu cầu của GV hoặc:

– Nêu những hoạt động thú vị trong kì nghỉ hè của bạn nhỏ trong câu chuyện.

– Cho biết tên câu chuyện muốn nói điều gì.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện HĐ: Hỏi – đáp về những việc em đã làm cùng người thân trong kì nghỉ hè. Có thể nói lên suy nghĩ, cảm xúc của mình khi được tham gia làm việc cùng người thân.

– HS thực hiện theo hướng dẫn của GV (có thể hỏi – đáp theo cặp hoặc theo nhóm); có thể 1 – 2 em phát biểu trước lớp.

– Giới thiệu bài mới:

+ GV có thể cho HS xem một số hoạt động của trẻ em khi được nghỉ hè ở thành thị hoặc ở những vùng quê khác nhau (nếu chuẩn bị được). Sau đó, GV giới thiệu bài thơ *Về thăm quê* (VD: Bài thơ là lời của một người cháu bày tỏ tình cảm của mình đối với bà, thể hiện niềm vui khi nghỉ hè được về thăm bà, thăm quê).

+ (Hoặc) GV giới thiệu bức tranh minh hoạ bài đọc (VD: Tranh vẽ cảnh nhà bà có vườn cây ăn quả, nhiều cây ra trái chín đỏ, chín vàng, cháu chạy nhảy trong vườn, bà cầm quạt đi theo cháu để quạt), từ đó giới thiệu bài đọc.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ dễ phát âm sai (VD: *mỗi năm, luôn vất vả, chẳng mấy lúc, nhễ nhại, quạt liền tay,...*).

+ Nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ, VD: *Nghỉ hè/ em thích nhất/ Được theo mẹ về quê/...*

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp: Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp đến hết bài), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

Câu 1. *Bạn nhỏ thích nhất điều gì khi nghỉ hè?*

– GV nêu câu hỏi trước cả lớp, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến (VD: Bạn nhỏ thích về thăm quê/ Bạn nhỏ thích theo mẹ về quê).

Câu 2. *Những câu thơ sau giúp em hiểu điều gì về bạn nhỏ?*

Bà em cũng mừng ghê
Khi thấy em vào ngõ.

Bà mỗi năm mỗi gầy
Chắc bà luôn vất vả.

– GV nêu câu hỏi, hướng dẫn HS đọc kĩ các câu thơ cho thấy bạn nhỏ là người như thế nào.

– HS trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm, góp ý cho nhau, thống nhất ý kiến để phát biểu trước lớp.

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp. Cả lớp nhận xét, GV thống nhất ý kiến.

VD: Cả bài thơ là suy nghĩ, cảm xúc của người cháu. Câu thơ nào cũng có thể thấy tình cảm, sự quan tâm của bạn nhỏ dành cho bà. Nhưng một số câu thơ trực tiếp bộc lộ tình cảm, sự quan tâm của bạn nhỏ đối với bà mình, đó là:

Bà em cũng mừng ghê *Khi thấy em vào ngõ.*	Bạn nhỏ cảm nhận được niềm vui của bà khi được gặp con, gặp cháu.
Bà mỗi năm mỗi gầy *Chắc bà luôn vất vả.*	Bạn nhỏ quan tâm tới sức khoẻ của bà, nhận ra bà yếu hơn, biết bà vất vả nhiều.

– GV có thể nói thêm: Nhiều khi các bạn nhỏ về thăm ông bà nhưng mải chạy nhảy, quan sát, xem xét những điều mới lạ ở nhà ông bà. Còn bạn nhỏ trong bài thơ đã biết quan tâm đến bà.

Câu 3. *Kể những việc làm nói lên tình yêu thương của bà dành cho con cháu.*

GV có thể tổ chức hoạt động dạy và học nội dung này tương tự như câu hỏi 2.

Đáp án: Những việc làm nói lên tình yêu thương của bà dành cho con cháu:

Vườn bà có nhiều quả *Chẳng mấy lúc bà ăn* *Bà bảo thích để dành* *Cho cháu về ra hái.*	Bà luôn nghĩ đến con cháu, luôn muốn dành hết mọi thứ cho con cháu.
Em mồ hôi nhễ nhại *Bà theo quạt liền tay.*	Bà yêu thương cháu, chăm chút cháu từng li từng tí.
Thoáng nghe bà kể chuyện *Gió thơm say chập chờn.*	Bà kể chuyện cho cháu nghe, điều mà các cháu nhỏ đều thích.

Câu 4. *Theo em, vì sao bạn nhỏ thấy vui thích trong kì nghỉ hè ở quê?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời của riêng mình, sau đó phát biểu, trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm.

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp. GV khích lệ HS nêu câu trả lời theo cách hiểu của mình.

(VD: Vườn nhà bà có nhiều cây ăn quả; được bà chăm chút, yêu thương; được nghe bà kể cho nghe nhiều câu chuyện,...)

– GV có thể nêu thêm câu hỏi để HS liên hệ và chia sẻ cùng nhóm/ lớp (VD: Việc làm nào của bà bạn nhỏ trong bài thơ giống bà của em?).

4. Học thuộc lòng

GV hướng dẫn học thuộc lòng 3 khổ thơ yêu thích.

– Làm việc cá nhân:

+ Chọn 3 khổ thơ trong bài để học thuộc.

+ Đọc lại nhiều lần từng khổ thơ rồi gấp sách lại để xem mình đã thuộc chưa.

– Làm việc theo cặp, theo nhóm:

+ Đọc nối tiếp (hoặc đọc đồng thanh) từng câu thơ/ từng khổ thơ.

+ Câu thơ nào/ khổ thơ nào chưa thuộc, có thể mở SHS ra để xem lại.

– Làm việc chung cả lớp:

+ Một số HS xung phong đọc những khổ thơ mình đã thuộc.

+ Cả lớp hỗ trợ (nếu bạn quên) và góp ý, nhận xét.

VIẾT

1. Ôn chữ viết hoa

– GV nêu tên bài học: Ôn chữ viết hoa *A, Ă, Â* (GV nói rõ với HS: cần nhớ lại cách viết chữ viết hoa đã được luyện viết từ lớp 2). Trong khoảng nửa tiết học, các em ôn lại cách viết 3 chữ viết hoa *A, Ă, Â* và viết ứng dụng.

– GV viết mẫu, kết hợp nhắc lại cách viết các chữ viết hoa (hoặc cho HS quan sát clip hướng dẫn viết chữ *A, Ă, Â*).

– HS viết chữ viết hoa *A, Ă, Â* ra nháp trước khi viết vào vở ô li theo hướng dẫn.

– HS viết chữ viết hoa *A, Ă, Â* theo yêu cầu (về số chữ) vào vở.

– GV nhận xét chữ viết của HS.

2. Viết ứng dụng

a. *Viết tên riêng*

– HS đọc tên riêng: *Đông Anh.*

– HS viết tên riêng *Đông Anh* vào vở.

b. *Viết câu*

– HS đọc thầm câu ứng dụng:

Ai về đến huyện Đông Anh

Ghé xem phong cảnh Loa Thành Thục Vương.

– GV giới thiệu câu ứng dụng: Câu ca dao giới thiệu về một miền quê có di tích gắn liền với câu chuyện An Dương Vương xây thành Cổ Loa.

– GV nhắc HS trong câu ứng dụng có các chữ viết hoa *A, Đ, G, L, T, V.* Lưu ý HS viết đúng chính tả các chữ như *huyện, loa, xây,...* và cách viết lùi đầu dòng ở thể thơ lục bát.

– HS viết câu ứng dụng vào vở.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– HS góp ý cho nhau theo cặp hoặc theo nhóm.

– GV lựa chọn một số bài viết của HS chiếu lên màn hình, cả lớp nhận xét, sửa chữa. GV động viên những HS viết đẹp, tiến bộ.

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động.

Bài tập 1. *Dựa vào tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động.*

– GV nhắc HS đọc kĩ yêu cầu và mẫu minh hoạ để làm bài cho đúng. (Về từ ngữ chỉ sự vật, bài tập chỉ yêu cầu tìm từ ngữ chỉ người và con vật.)

– GV hướng dẫn HS: Quan sát kĩ bức tranh, tìm từ ngữ theo yêu cầu nêu trong bảng. Có thể các từ ngữ các em tìm được không trùng nhau nhưng vẫn nêu đúng sự vật hoặc hoạt động trong tranh.

– 1 – 2 em HS làm mẫu trước lớp, sau đó HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả.

VD: GV có thể cho HS hỏi – đáp về từng sự vật trong tranh rồi nêu từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động thể hiện trong tranh.

+ Đây là ai?/ Đây là con gì?

+ Người đó đang làm gì?/ Con vật đó đang làm gì?

– Đại diện nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét.

Đáp án:

Từ ngữ chỉ sự vật		Từ ngữ chỉ hoạt động
Chỉ người	Chỉ con vật	
bác nông dân, cô nông dân		gặt lúa/ ôm bó lúa/ gặt hái
bạn nam		chăn trâu/ ngồi trên lưng trâu
bạn nữ		xách ấm nước/ mang ấm nước
bạn nhỏ/ em nhỏ		thả diều/ chơi diều
	con trâu	gặm cỏ
	con vịt	bơi/ bơi lội/ mò cua ốc/...
	chuồn chuồn	bay/ đậu trên cành cây

2. Đặt câu giới thiệu và câu nêu hoạt động.

Bài tập 2. *Dựa vào từ ngữ tìm được ở bài tập 1, đặt câu giới thiệu và câu nêu hoạt động.*

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập theo 2 câu mẫu trong SHS. (GV có thể nhắc để HS nhớ: Câu giới thiệu có từ "là". Câu nêu hoạt động là câu chứa từ chỉ hoạt động các em vừa tìm ở bài tập 1).

– HS làm việc cá nhân: suy nghĩ, mỗi em tự đặt mỗi loại 1 câu, có thể viết câu mình đặt

vào vở ô li/ vở bài tập hoặc giấy nháp. (GV khích lệ em nào làm xong sớm có thể đặt nhiều câu theo mẫu.)

– HS đặt câu xong thì làm việc theo nhóm, từng bạn đọc các câu của mình để cả nhóm nhận xét, góp ý. (GV đi các nhóm, ghi chép các câu hay hoặc câu chưa đúng để chữa chung trước lớp hoặc chữa bài riêng cho những em đặt câu chưa đúng yêu cầu).

– GV mời một số HS đọc câu của mình trước lớp. GV có thể cho HS thực hiện xong bài tập 2a rồi mới chuyển sang bài tập 2b, hoặc có thể kết hợp cùng lúc. HS có thể đặt các câu như:

+ Đây là đàn vịt. Chúng bơi lội dưới mương nước/ lạch nước. Chúng đang mò cua cá.

+ Vịt là con vật thuộc họ chim. Chúng mò cua, ốc dưới nước./...

– Đại diện một số nhóm nói câu của mình trước lớp. GV nhận xét, góp ý. GV nhắc HS ghi nhớ về câu giới thiệu (có từ *là*) và câu nêu hoạt động.

Bài tập 3. *Ghép từ ngữ để tạo câu.*

– GV yêu cầu HS đọc bài tập 3.

– GV hướng dẫn HS làm bài cá nhân, sau đó trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để đối chiếu kết quả. (HS có thể làm bài vào phiếu, vào vở bài tập hoặc vào vở ô li).

– GV chữa bài trên bảng lớp (sử dụng máy chiếu hoặc GV viết bài tập trên bảng). GV hướng dẫn HS rút kinh nghiệm.

– Thống nhất đáp án:

+ Chim chóc đua nhau hót trong vòm cây.

+ Bầy ong bay đi tìm hoa.

+ Đàn cá bơi dưới hồ nước.

– GV khen ngợi các cá nhân hoặc nhóm làm đúng, làm việc tích cực.

LUYỆN VIẾT TIN NHẮN

1. Nhận biết các cách viết tin nhắn.

Bài tập 1. *So sánh để tìm những điểm khác nhau giữa 2 tin nhắn.*

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV giới thiệu và nêu mục đích của bài tập 1: (1) bài tập 1 đưa ra 2 tin nhắn. Người viết tin nhắn và người nhận tin nhắn ở cách xa nhau, viết tin nhắn để thông báo sự việc, hoạt động hoặc bày tỏ suy nghĩ, tình cảm,... Bài tập này giúp các em biết cách nhắn tin trong những tình huống khác nhau, bằng những phương tiện khác nhau.

+ GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập và đọc 2 tin nhắn trước lớp.

– Làm việc nhóm:

+ Từng em suy nghĩ để tự thực hiện yêu cầu của bài tập.

+ Nhóm trưởng nêu từng yêu cầu và mời các bạn trả lời.

+ Cả nhóm nhận xét.

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV chữa bài trên bảng lớp (sử dụng máy chiếu hoặc GV viết câu trả lời của HS lên bảng).

+ Thống nhất đáp án:

Điểm khác nhau giữa 2 tin nhắn:

	Tin nhắn trên giấy	Tin nhắn trên điện thoại
Người viết tin nhắn và người nhận tin nhắn	Hai người là bạn bè (bạn Tuấn viết tin nhắn cho bạn Hưng).	Hai người là người thân trong gia đình (cháu viết tin nhắn cho bà)
Nội dung tin nhắn	Nhắn bạn ra sân bóng để cùng chơi	Cháu báo tin cho bà biết đã về đến nhà, nhớ bà, hẹn hè sang năm lại về với bà
Phương tiện thực hiện	Bút và giấy	Điện thoại di động

+ GV hỏi em nào đã viết tin nhắn trên giấy hoặc trên điện thoại.

+ GV hỏi em nào chưa biết nhắn tin trên điện thoại.

+ GV hướng dẫn HS cách nhắn tin trên điện thoại bằng cách chiếu bàn phím máy tính trên màn hình hoặc vẽ bàn phím máy tính trên bảng cho HS hình dung. Giới thiệu sơ lược cách nhắn tin trên điện thoại.

2. Thực hành viết tin nhắn.

Bài tập 2. *Viết tin nhắn*

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV nêu mục đích của bài tập 2: Bài tập này giúp các em luyện tập nhắn tin trong những tình huống khác nhau. Tin nhắn phải ngắn gọn, đảm bảo đủ các thông tin cần nhắn.

+ GV nói thêm: Trước mắt, ở lớp các em viết tin nhắn trên giấy. Khi có điều kiện, các em sẽ nhắn tin bằng điện thoại hoặc các phương tiện khác.

+ GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập 2 và đọc 2 tình huống để lựa chọn.

– Làm việc cá nhân:

+ Từng em chọn yêu cầu a hoặc b, suy nghĩ để tự thực hiện yêu cầu của bài tập.

+ Viết tin nhắn vào vở bài tập hoặc vở ô li.

Bài tập 3. *Đọc lại tin nhắn, phát hiện và sửa lỗi*

– Làm việc nhóm:

+ Nhóm trưởng đọc yêu cầu bài tập 3 và mời từng bạn đọc tin nhắn của mình, cả nhóm góp ý.

+ Chọn những tin nhắn viết đủ thông tin, ngắn gọn, diễn đạt rõ ràng, lưu loát để đọc trước lớp.

– Làm việc chung cả lớp:

+ Một số bạn đọc tin nhắn trước lớp.

+ GV và cả lớp nhận xét kết quả làm bài của HS. (Có thể nhấn mạnh thêm về sự cần thiết của tin nhắn.)

VẬN DỤNG

– Hướng dẫn HS cách tìm bài đọc mở rộng theo yêu cầu.

– HS nào tìm được câu chuyện, bài văn, bài thơ,... theo yêu cầu thì đến giờ Đọc mở rộng có thể mang sách, truyện đến lớp để chia sẻ trong nhóm. HS nào chưa tìm được thì đọc VB được giới thiệu trong SHS.

CỦNG CỐ

– GV nhận xét về kết quả học tập bài 2, động viên, khen ngợi các em học tập tích cực, các em học tập tiến bộ, có nhiều cố gắng.

– Dặn dò HS tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... theo yêu cầu đọc mở rộng; xem trước bài số 3.

TUẦN 2

Bài 3 CÁNH RỪNG TRONG NẮNG (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Cánh rừng trong nắng*. Bước đầu biết thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trước sự việc và cảnh vật trong câu chuyện qua giọng đọc, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

b. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu được những cảm nhận của các bạn nhỏ về những cảnh vật đẹp và thú vị trong cánh rừng già hoang vắng. Qua bài đọc, cảm nhận được thiên nhiên quanh ta thật đáng yêu, đáng mến.

2. Nghe hiểu nội dung câu chuyện *Sự tích loài hoa của mùa hạ*, kể lại được từng đoạn của câu chuyện dựa theo tranh và lời gợi ý (không bắt buộc kể đúng nguyên văn).

3. Viết đúng chính tả bài *Cánh rừng trong nắng* (từ *Khi nắng đã nhạt màu* đến hết) theo hình thức nghe – viết; trình bày đúng đoạn văn, biết viết hoa chữ cái đầu câu (chữ viết hoa). Tìm và viết đúng từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *g* hoặc *gh*.

4. Hình thành và phát triển tình cảm yêu quý các loài vật, cảnh vật thiên nhiên. Kể lại được câu chuyện *Sự tích loài hoa của mùa hạ* cho người thân nghe.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Nghệ thuật kể và tả trong văn kể chuyện.

– Phương pháp đọc hiểu văn bản đa phương thức.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc; video về những cảnh vật thiên nhiên (cây cối, con vật,...) trong rừng (nếu có).

– Bản đồ Việt Nam (dùng để giới thiệu dãy Trường Sơn).

– Tranh kể chuyện khổ lớn (nếu có).

– Tranh ảnh minh hoạ để gợi ý tìm từ ngữ theo nội dung bài tập chính tả và phiếu học tập cá nhân/ nhóm (nếu chuẩn bị được).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

– GV mời 2 – 3 HS đọc thuộc 2 – 3 khổ thơ trong bài *Về thăm quê* (có thể đọc nối tiếp từng khổ thơ). Mỗi em trả lời 1 câu hỏi cuối bài đọc theo yêu cầu của GV hoặc trả lời một trong những câu hỏi sau:

– Nêu niềm vui của bạn nhỏ trong kì nghỉ hè ở quê.

– Em thích khổ thơ nào trong bài thơ? Vì sao?

– Đọc những khổ thơ trong bài *Về thăm quê* em đã thuộc.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động (*Quan sát tranh và cho biết em thích hình ảnh nào nhất*) theo cặp hoặc theo nhóm. GV có thể gợi ý:

+ Tranh vẽ cảnh ở đâu? Em thấy cảnh vật giống với cảnh vật nào em đã được quan sát?

+ Em thích hình ảnh nào trong tranh minh hoạ bài đọc (cây cối, con vật, ánh nắng, dòng suối, hình ảnh mấy ông cháu,...).

– HS thực hiện theo hướng dẫn của GV, sau đó 1 – 2 em phát biểu trước lớp.

– GV giới thiệu bài mới: Bài đọc hôm nay có tên *Cánh rừng trong nắng*, các em hãy tập trung nghe đọc để thấy cánh rừng nói đến trong bài có giống cánh rừng các em đã từng được đặt chân tới hay được thấy trên phim ảnh, sách truyện hoặc trong tưởng tượng của các em. Hãy nói một câu nêu cảm nhận của em về cánh rừng được vẽ trong tranh.

– 2 – 3 HS phát biểu ý kiến. GV khen ngợi các ý kiến và nói thêm: xem tranh, mỗi bạn có quyền cảm nhận theo cách của riêng mình.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm).

– GV giới thiệu dãy Trường Sơn trên bản đồ Việt Nam để các em dễ hình dung.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *làng tôi, lưng Trường Sơn, núi non trùng điệp, tàu lá cọ, tiếng suối róc rách,...*). GV mời HS đọc giải nghĩa từ "trùng điệp" trong SGK.

+ Đọc câu dài:

Biết bao cảnh sắc/ như hiện ra trước mắt chúng tôi:/ bầy vượn tinh nghịch/ đánh đu trên cành cao,/ đàn hươu nai xinh đẹp và hiền lành/ rủ nhau ra suối,/ những vạt cỏ đẫm sương/ long lanh trong nắng.

+ Đọc diễn cảm câu thể hiện cảm xúc của nhân vật: *Đứa nào cũng vui.*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

GV hướng dẫn HS dùng bút chì đánh dấu 3 đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *tiếng chim hót líu lo.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *nhìn ngơ ngác.*

+ Đoạn 3: Còn lại.

– HS làm việc nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp đến hết bài), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt. 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

GV có thể bổ sung câu hỏi sau: Các bạn nhỏ được ông cho đi đâu? Ông chuẩn bị cho các bạn thứ gì để mang theo?

– GV nêu câu hỏi trước cả lớp, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời rồi mời một số HS phát biểu trước lớp. (Đây là câu hỏi nhắc lại chi tiết ở ngay những dòng đầu của bài đọc, nên cho HS thực hiện nhanh, gọn.)

– Thống nhất câu trả lời: Ông cho đi thăm rừng. Ông đưa cho mỗi cháu một tàu lá cọ để che nắng.

Câu 1. *Khi đi trong rừng, các bạn nhỏ nghe thấy những âm thanh gì?*

– GV nêu câu hỏi, giải thích câu hỏi: Cả bài đọc kể về chuyến đi thăm rừng. Câu hỏi này chỉ yêu cầu tìm chi tiết tả âm thanh mà các bạn nhỏ nghe được khi bước chân vào rừng.

– GV hướng dẫn cách làm:

+ Làm việc cá nhân: đọc lại đoạn tả lúc mới vào rừng, quan sát tranh gợi ý, chuẩn bị câu trả lời cho câu hỏi 1.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

+ Làm việc theo nhóm: nhóm trưởng mời các bạn phát biểu và thống nhất câu trả lời.

– Cá nhân và nhóm làm việc theo hướng dẫn của GV.

– Cả lớp: một số nhóm trưởng hoặc đại diện nhóm nêu câu trả lời; GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

Đáp án: Đi trong rừng, các bạn nhỏ nghe rất rõ tiếng suối róc rách và tiếng chim hót líu lo.

Câu 2. *Cây cối và con vật trong rừng được tả như thế nào?*

– GV có thể tách thành 2 câu hỏi:

+ Cây cối hiện ra như thế nào?

+ Các con vật trong rừng được tả ra sao?

(GV hướng dẫn HS nhắc lại các chi tiết miêu tả, không cần nêu đúng nguyên văn các câu miêu tả cây cối và con vật)

– HS làm việc cá nhân:

+ Tự đọc bài và tìm chi tiết tả cây cối và con vật.

+ Chuẩn bị câu trả lời để phát biểu trong nhóm.

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm:

+ Từng em phát biểu ý kiến.

+ Các bạn trong nhóm nhận xét, góp ý hoặc bổ sung.

+ Cả nhóm thống nhất câu trả lời.

VD: Trong rừng, cây cối vươn ngọn lên cao tít đón nắng. Nhiều cây thân thẳng tắp, tán lá tròn xoe. Những con sóc nhảy thoăn thoắt qua các cành cây. Khi thấy người, chúng dừng cả lại, nhìn ngơ ngác.

– 1 – 2 HS trả lời câu hỏi 2 trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét.

– GV mở rộng kiến thức cho HS, nói thêm cho HS biết về những loài gỗ quý trong rừng. Những cây cổ thụ cao lớn đã mang đến cho cánh rừng vẻ đẹp hùng vĩ.

Câu 3. *Trên đường về, ông đã kể những gì cho các bạn nhỏ?*

– GV: Khi nắng nhạt màu trên những vòm cây là khi trời về chiều, các bạn nhỏ ra về trong tiếc nuối. Vì thế, ông đã kể chuyện cho các bạn nhỏ nghe. Các em hãy cho biết ông đã kể những chuyện gì? Dựa vào đâu mà em biết ông kể những điều đó?

– HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi theo nhóm.

VD: Trên đường, ông đã kể cho các bạn nhỏ nghe về những cánh rừng thuở xưa. Trong rừng thuở ấy có rất nhiều muông thú, cảnh vật rất đẹp mắt: đó là những bầy vượn tinh nghịch đánh đu trên cành cao, những đàn hươu nai xinh đẹp và hiền lành rủ nhau ra suối, những vạt cỏ đẫm sương long lanh trong nắng,... Em biết được điều đó vì sau khi nghe ông kể, các bạn nhỏ như thấy hiện ra trước mắt những cảnh vật như vậy.

Câu 4. *Theo em, các bạn nhỏ có thấy thú vị với chuyến đi thăm rừng cùng ông không? Vì sao?*

– GV hướng dẫn HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi 4. Khích lệ HS nói lên suy nghĩ riêng, cách lí giải riêng của mình.

– HS làm việc nhóm. Nhóm trưởng nêu câu hỏi, dành thời gian cho các bạn suy nghĩ, trao đổi, chuẩn bị câu trả lời. Mỗi bạn phát biểu ý kiến riêng của mình.

– HS làm việc chung cả lớp: Nhiều em phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV tổng kết bài học: Có thể mời các em phát biểu về điều em nhớ nhất/ yêu thích nhất/ ấn tượng nhất về bài đọc. GV có thể nói thêm: Giờ đây, những cánh rừng như thế này hầu như không còn do con người khai thác gỗ, săn bắt muông thú trái phép. Để có những cánh rừng đẹp như trong câu chuyện các em vừa đọc, rất cần chúng ta bảo vệ rừng, trồng cây gây rừng, tạo môi trường sống bình yên cho muông thú, bảo vệ những loài thú quý hiếm,...

4. Luyện đọc lại

– HS đọc lại toàn bài.

– Cả lớp đọc thầm theo.

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện *Sự tích loài hoa của mùa hạ*

1. Đoán nội dung từng tranh.

– HS đọc yêu cầu 1, làm việc theo cặp để đoán nội dung từng tranh, VD:

+ Tranh 1: Cảnh vườn cây có nhiều cây đã nở hoa rực rỡ: hướng dương, hoa hồng, thạch thảo,... Ở góc vườn có 1 cây xương rồng đầy gai và không có hoa. Chắc nó rất buồn.

+ Tranh 2: Cảnh mùa hè nắng như đổ lửa, các cây hoa trong vườn héo rũ, riêng cây xương rồng thân mập mạp (căng mọng nước), vẫn xanh tốt. Cây xương rồng như đang ái ngại, lo lắng cho các loài hoa.

+ Tranh 3: Cây xương rồng giơ cánh tay nắm lấy tay (lá cây) của các loài hoa đang héo rũ nâng lên. Có lẽ nó đang truyền nước cho các cây hoa khô héo. Các cây hoa như tươi dần lại.

+ Tranh 4: Cây xương rồng nở hoa đẹp rực rỡ. Nó đang cười vui vì sự thay đổi kì diệu.

– Một số em phát biểu ý kiến trước lớp.

(GV khen ngợi các ý kiến thể hiện sự phán đoán có căn cứ dựa vào tranh minh hoạ và câu hỏi dưới tranh.)

2. Nghe kể chuyện.

– GV giới thiệu nhanh gọn vì thời gian không có nhiều: Câu chuyện kể về cây xương rồng tốt bụng, ở hiền gặp lành.

– GV kể câu chuyện (lần 1) kết hợp chỉ các hình ảnh trong 4 bức tranh. GV hướng dẫn HS nêu sự việc thể hiện trong từng tranh, đặc biệt là các sự việc ở đoạn 1 (tranh 1) vì phải nhớ nhiều tên các loài hoa.

– GV kể câu chuyện (lần 2), thỉnh thoảng dừng lại để hỏi về sự việc tiếp theo là gì, khuyến khích HS kể cùng GV, làm động tác, cử chỉ, nét mặt,... giúp các em nhớ nội dung câu chuyện dễ dàng hơn.

3. Kể lại từng đoạn của câu chuyện.

SỰ TÍCH LOÀI HOA CỦA MÙA HẠ

Ngày xưa, các cây hoa như hướng dương, hoa hồng, thạch thảo,... rất tự hào vì mình có lá xanh mướt và hoa rực rỡ, riêng có cây xương rồng chỉ có gai mà không có lá, không có hoa. Các loài cây trêu chọc, chê bai xương rồng xấu xí, không đem lại niềm vui cho cuộc đời. Cây xương rồng tủi thân lắm, nhưng chỉ biết im lặng, buồn bã. Nó thầm ao ước mình cũng có hoa như những cây hoa khác.

Mùa hạ đến, nắng như đổ lửa và nóng kéo dài nhiều ngày, khiến các cây hoa khô héo, chỉ có xương rồng vẫn tươi tỉnh. Thì ra, thân xương rồng mọng nước, trên thân lại chỉ có gai nên không bị mất nước trong nắng nóng.

Thấy các bạn héo lả đi vì thiếu nước, xương rồng liền truyền nước từ thân mình sang cho các bạn, giúp các bạn chống chọi với nắng hạn mùa hạ. Được cứu sống, các loài hoa trong vườn đều biết ơn xương rồng, không ai trêu chọc, chê bai xương rồng nữa.

Bà tiên cây thấy được việc làm tốt của xương rồng, liền hoá phép biến ước mơ của xương rồng thành hiện thực. Từ thân hình đầy gai nhọn của xương rồng mọc ra những bông hoa đẹp tuyệt vời. Xương rồng mừng vui khôn xiết khi nhìn thấy những bông hoa rực rỡ trên thân mình.

(Theo *Truyện cổ tích nước ngoài*)

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc theo cặp để cùng nhau nhắc lại các sự việc thể hiện trong mỗi tranh.

+ Bước 2: HS làm việc cá nhân, tập kể từng đoạn của câu chuyện.

+ Bước 3: HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm (kể nối tiếp các đoạn hoặc mỗi em kể toàn bộ câu chuyện rồi góp ý cho nhau).

Lưu ý: Với HS chưa thể kể được toàn bộ câu chuyện, GV chỉ yêu cầu kể những đoạn em nhớ nhất.

– GV mời 1 HS xung phong kể toàn bộ câu chuyện hoặc mời 2 HS kể nối tiếp 4 đoạn của câu chuyện trước lớp. Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi.

– GV nêu câu hỏi để HS thảo luận nhóm: Vì sao xương rồng nở hoa rực rỡ vào mùa hè?

– GV tổng kết: Cây xương rồng dang tay cứu các loài hoa trong vườn, không hề để bụng chuyện các loài hoa chế giễu, chê bai mình. Hành động đó đã làm cho bà tiên cây cảm động, biến ước mơ của cây xương rồng thành hiện thực. Đó là cách giải thích về sự tích cây xương rồng – loài cây nở hoa vào mùa hạ.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết: *Cánh rừng trong nắng* (từ *Khi nắng đã nhạt màu* đến hết).

– GV đọc một lần đoạn văn sẽ viết chính tả cho HS nghe.

– GV hướng dẫn HS tìm và đọc lại đoạn văn trong SHS; mời 1 HS đọc trước lớp.

– GV hướng dẫn HS:

+ Quan sát đoạn văn sẽ viết (có thể cho HS nhìn trong SHS hoặc GV chiếu đoạn văn trên màn hình), giúp các em biết có những dấu câu nào được sử dụng trong đoạn (dấu chấm, dấu phẩy), các chữ nào cần viết hoa:

+ Viết hoa chữ đầu tên bài, viết hoa chữ đầu mỗi câu.

+ Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

VD: *thuở xưa, tinh nghịch, hươu nai,...*

– GV đọc tên bài, đọc từng câu/ đọc lại từng vế câu/ cụm từ cho HS viết vào vở.

– GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi các em.

2. Làm bài tập

Bài tập 2. *Nhìn tranh, tìm và viết tên sự vật có tiếng bắt đầu bằng g hoặc gh.*

– 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập 2 (đọc cả mẫu).

– HS làm việc cá nhân, tìm và viết vào vở bài tập hoặc vở ô li từ ngữ chỉ sự vật có tiếng bắt đầu bằng *g* hoặc *gh* phù hợp với sự vật được vẽ trong tranh.

– Cả lớp đối chiếu kết quả theo hướng dẫn của GV (VD: báo gấm, gấu, gà gô, gà lôi, cái gậy, gạch lát đường, ghế,...).

GV có thể đưa thêm các từ ngữ nếu HS không nêu được: gậy gỗ, gọng kính, gốc cây,....

Lưu ý: Khi HS nói từ ngữ nào, GV hỏi HS tiếng/ từ các em tìm được bắt đầu bằng *g* hay *gh*.

Bài tập 3. *Tìm thêm các từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng g hoặc gh.*

HS làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu theo cặp hoặc nhóm. (VD: ngồi ghế, ghé thăm, gọi nhau,...; lúa gạo, dầu gội đầu, gáo múc nước,...)

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

– Em nên mở SHS cho người thân xem tranh minh hoạ câu chuyện và đoán nội dung tranh.

– Kể cho người thân nghe câu chuyện (có thể kết hợp chỉ vào sự việc được thể hiện trong từng tranh).

– Trao đổi với người thân về ý nghĩa của câu chuyện.

CỦNG CỐ

– GV nhận xét về kết quả học tập bài 3, động viên, khen ngợi các em học tập tích cực, các em học tập tiến bộ, có nhiều cố gắng.

– Dặn dò HS về nhà thực hiện hoạt động vận dụng.

Bài 4 LẦN ĐẦU RA BIỂN (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn, cả câu chuyện *Lần đầu ra biển*. Bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn bộc lộ cảm xúc, đọc lời của nhân vật trong câu chuyện với ngữ điệu phù hợp.

b. Hiểu nội dung câu chuyện; nhận biết được cảm xúc của nhân vật trước những sự vật mới lạ, người bạn mới gặp. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi chuyến đi chơi, tham quan giúp ta có thêm hiểu biết về thiên nhiên và con người.

c. Đọc mở rộng: Đọc bài về những hoạt động yêu thích của trẻ em và viết vào phiếu đọc sách theo mẫu; chia sẻ về những điều biết được qua bài đọc.

2. Xếp được các từ chỉ đặc điểm đã cho vào các nhóm: từ ngữ chỉ màu sắc, từ ngữ chỉ hình dáng, kích thước, từ ngữ chỉ hương vị. Tìm thêm được từ ngữ chỉ đặc điểm cho mỗi nhóm và tạo lập câu với từ ngữ chỉ đặc điểm; làm đúng bài tập điền từ ngữ chỉ đặc điểm.

3. Biết quan sát tranh và kể lại các hoạt động trong từng tranh; viết được đoạn văn kể lại một hoạt động chung của gia đình.

4. HS có thêm những hiểu biết thú vị về những vùng đất mới và biết cách làm quen với những người bạn mới. Góp phần bồi dưỡng tình yêu thương, sự gắn bó giữa các thành viên trong gia đình.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Đặc điểm văn bản truyện, bối cảnh, sự việc và các nhân vật.

– Từ loại: từ chỉ đặc điểm; phân loại theo ba nhóm: chỉ màu sắc; chỉ hình dáng, kích thước; chỉ hương vị.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh về cảnh đẹp của những vùng biển trên đất nước, cảnh đẹp của biển Quy Nhơn; tranh/ ảnh con còng gió.

– Sách, truyện phục vụ yêu cầu đọc mở rộng.

– Phiếu đọc sách để làm mẫu.

– Tranh ảnh minh hoạ để gợi ý tìm từ ngữ theo nội dung bài tập 2 (hoặc phiếu học tập cá nhân/ nhóm, nếu chuẩn bị được).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

HS nói về một cảnh đẹp, một loài vật em thích nhất trong bài *Cánh rừng trong nắng*.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động: GV nêu tình huống (Nếu lớp em lên kế hoạch đi dã ngoại, em sẽ góp ý kiến nên đi chơi ở biển hay ở núi. Vì sao?) và yêu cầu HS trao đổi trong nhóm, nêu ý kiến cá nhân.

– GV giao nhiệm vụ: trao đổi trong nhóm, từng cá nhân nêu ý kiến về việc nên đi chơi ở biển hay ở núi và nêu lí do.

– HS thực hiện theo hướng dẫn của GV: nhóm trưởng cho các bạn lần lượt nêu ý kiến.

– 2 – 3 đại diện nhóm nêu ý kiến.

– Giới thiệu bài mới: GV có thể cho HS xem tranh ảnh đã chuẩn bị và giới thiệu bài đọc *Lần đầu ra biển* (VD: Bài đọc nói về một bạn nhỏ lần đầu được thấy biển, bạn ấy đã ngạc nhiên, thích thú khám phá được những điều mới lạ, gặp được người bạn mới).

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm, câu thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, thích thú của Thắng khi lần đầu thấy biển).

– Hướng dẫn tìm hiểu từ ngữ: GV dùng tranh ảnh đã chuẩn bị, giới thiệu cảnh đẹp của biển Quy Nhơn: Mũi Én, Ghềnh Ráng,...

GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *thuở bé, rón rén, Ghềnh Ráng,...*).

+ Đọc diễn cảm câu nói thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú của nhân vật: "*A! Biển! Biển đây rồi. Thích quá!*"; "*Ôi! Biển rộng quá, xanh quá, chẳng nhìn thấy bờ bên kia đâu.*".

– 4 HS đọc nối tiếp cả bài: 1 HS đọc đoạn từ đầu đến *chẳng nhìn thấy bờ bên kia đâu*; 3 HS đọc theo vai đoạn đối thoại giữa Thắng và Hải (từ *Thắng đi xuống gần mép nước* đến hết): 1 HS đọc lời dẫn chuyện, 1 HS đọc lời của Thắng, 1 HS đọc lời của Hải.

– HS làm việc nhóm (4 em/ nhóm) đọc nối tiếp như hướng dẫn ở trên.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 1 – 2 nhóm HS đọc trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Tìm những câu thể hiện cảm xúc của Thắng khi lần đầu tiên thấy biển.*

– GV nêu câu hỏi trước cả lớp, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời rồi mời HS phát biểu trước lớp.

– Một số HS đọc các câu thể hiện cảm xúc của Thắng khi lần đầu tiên thấy biển.

– GV và HS chốt đáp án. Cảm xúc của Thắng khi lần đầu tiên thấy biển thể hiện qua các câu:

+ A! Biển! Biển đây rồi. Thích quá!

+ Thắng reo toáng lên, vượt qua bố và anh Thái chạy ào ra bãi cát.

+ Cậu đứng ngây ra nhìn biển.

...

Câu 2. *Biển hiện ra như thế nào trước mắt Thắng?*

– HS đọc thầm câu hỏi và đoạn mở đầu để tìm câu trả lời.

– 2 – 3 HS trả lời.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Biển hiện ra trước mắt Thắng rất rộng, rất xanh, chẳng nhìn thấy bờ bên kia đâu.)

Câu 3. *Thắng đã chú ý đến con vật gì trên bãi biển?*

– GV mời 2 HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS:

+ Làm việc cá nhân: đọc câu hỏi 3, đọc đoạn từ *Thắng đi đến gần mép nước* đến *không biết sao?* để tìm câu trả lời.

+ Làm việc nhóm: từng cá nhân nêu ý kiến, nhóm thống nhất câu trả lời.

+ Cả lớp: đại diện 2 – 3 nhóm trưởng nêu câu trả lời trong nhóm đã thống nhất.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Thắng chú ý đến một con vật bé tẹo, rất lạ, chưa nhìn thấy bao giờ; chỉ cần đi đến gần là nó chạy biến vào hang.)

Câu 4. *Đóng vai Thắng, giới thiệu về Hải.*

– 2 HS đọc câu hỏi 4.

– GV nêu yêu cầu, hướng dẫn HS đọc thầm, đọc lướt đoạn từ lúc Thắng gặp Hải đến hết để tìm ý giới thiệu về Hải.

– HS làm việc theo cặp, lần lượt đóng vai Thắng, giới thiệu về Hải.

– 3 – 4 HS giới thiệu trước lớp. Cả lớp nhận xét, GV khen HS nói đúng, rõ ràng, trôi chảy. GV có thể nêu VD về lời giới thiệu: (chỉ vào Hải trong tranh minh hoạ bài đọc) Đây là người bạn tớ mới làm quen khi đi chơi ở Quy Nhơn vào dịp nghỉ hè. Bạn ấy tên là Hải. Hải là người thân thiện, vui vẻ. Cậu ấy đã chỉ cho tớ thấy cảnh đẹp của vùng biển Quy Nhơn. Chúng tớ hẹn ngày mai sẽ lại gặp nhau.

Câu 5. *Theo em, cuộc gặp gỡ giữa Thắng và Hải hứa hẹn những điều gì thú vị tiếp theo?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời của riêng mình, sau đó phát biểu, trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm..

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp. GV khích lệ HS nêu câu trả lời theo suy nghĩ của mình.

– VD: Dựa vào đoạn cuối bài đọc, có thể thấy những điều thú vị tiếp theo như Hải có thể dẫn Thắng đi tham quan cảnh đẹp ở Quy Nhơn, đi đá bóng, đi tắm biển,... Cũng có thể, Thắng và Hải sẽ trao đổi địa chỉ để viết thư thăm hỏi nhau; có thể Hải sẽ mời Thắng về nhà chơi,...

– GV cũng có thể nêu câu hỏi để khuyến khích HS nói theo suy nghĩ của mình. VD: Thắng và Hải có thể sẽ trở thành đôi bạn thân. Vậy, tiếp theo hai bạn có thể làm những điều thú vị gì?

4. Luyện đọc lại

– Nghe GV đọc diễn cảm toàn bài.

– HS luyện đọc đoạn đối thoại giữa Thắng và Hải theo cách đọc của GV.

ĐỌC MỞ RỘNG

– Thời gian dành cho đọc mở rộng khoảng nửa tiết học.

– GV cho HS quan sát phiếu đọc sách (SHS) và hướng dẫn HS làm và ghi những thông tin về bài đã đọc vào phiếu đọc sách:

+ Ngày đọc

+ Tên bài

+ Tác giả

– Đây là những thông tin chung về VB mà HS đã đọc cần ghi trong Phiếu đọc sách. Ngoài ra còn có những thông tin về nội dung VB, VD:

+ Hoạt động được nói đến trong bài đọc

+ Chi tiết em thích nhất trong bài.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– GV hướng dẫn HS chọn số ngôi sao để đánh giá mức độ yêu thích với VB đã đọc.

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về thông tin đã ghi trong phiếu đọc sách: Chi tiết em thích nhất trong bài.

– Đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp.

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Xếp từ in đậm vào nhóm thích hợp.

– GV yêu cầu HS đọc kĩ yêu cầu để làm bài cho đúng. (bài tập chỉ yêu cầu xếp các từ in đậm trong 2 đoạn văn.)

– GV hướng dẫn HS: Đọc từng đoạn văn, đọc lại các từ in đậm và đặt câu hỏi để HS nhận biết đó là những từ chỉ đặc điểm.

– GV treo bảng ghi 3 nhóm từ chỉ đặc điểm (nếu đã chuẩn bị) hoặc cho HS xem trong SHS; GV nêu câu hỏi:

+ Bài tập yêu cầu xếp từ vào mấy nhóm?

+ Đó là những nhóm nào?

+ GV giải thích từ ngữ chỉ hương vị: là từ ngữ chỉ mùi, vị của sự vật (nhận biết được bằng khứu giác – mũi ngửi; vị giác – lưỡi nếm).

– HS làm việc nhóm: xếp các từ in đậm vào nhóm thích hợp.

– Một số em đại diện nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất đáp án:

Từ ngữ chỉ màu sắc	Từ ngữ chỉ hình dáng, kích thước	Từ ngữ chỉ hương vị
vàng, trắng, nâu nhạt	nhỏ xíu, nhỏ, dài, cao nghều	thơm ngát

2. Tìm thêm từ ngữ chỉ đặc điểm theo ba nhóm ở bài tập 1 và đặt câu với 2 - 3 từ ngữ tìm được.

– GV nêu yêu cầu của bài tập.

– GV hướng dẫn HS thực hiện:

+ Cho HS quan sát tranh ảnh đã chuẩn bị (hoặc quan sát các đồ vật có trong lớp học, sự vật ở xung quanh, như cây cối, hoa, quả, con vật, bầu trời,...), ghi lại các từ ngữ chỉ màu sắc; hình dạng, kích thước; hương vị của các sự vật đó.

– HS làm việc theo nhóm: nhóm trưởng điều khiển, thư kí ghi chép từ ngữ các bạn tìm được. Cách thực hiện: nhóm trưởng gọi từng bạn nêu từ ngữ mình tìm được, cả nhóm nhận xét, thống nhất; thư kí ghi vào bảng kẻ trên giấy hoặc vở. (GV đi các nhóm, hỗ trợ HS; ghi chép từ ngữ đúng hoặc từ ngữ chưa đúng để sửa). *Lưu ý:* chấp nhận từ ngữ HS đưa ra, sau đó yêu cầu HS nhận xét, sửa các từ ngữ chưa đúng.

– Đại diện một số nhóm nêu từ ngữ tìm được theo 3 nhóm; các nhóm khác bổ sung; GV ghi nhanh lên bảng.

– GV cùng cả lớp nhận xét, sửa các từ ngữ chưa đúng. GV khen nhóm/ HS tích cực, tìm được nhiều từ.

VD từ ngữ theo 3 nhóm:

Từ ngữ chỉ màu sắc	Từ ngữ chỉ hình dáng, kích thước	Từ ngữ chỉ hương vị
xanh, đỏ, xanh lá cây, xanh da trời, hồng, trắng, trắng tinh, da cam, vàng, vàng tươi, đen,...	bé nhỏ, rộng mênh mông, hẹp, dày, mỏng, khổng lồ, tí hon,...; vuông, tròn, cong, thẳng,...	thơm, hắc,...; đắng, cay, chua, ngọt, nhạt, mặn,...

3. Dựa vào tranh, chọn từ thích hợp thay cho ô vuông.

– GV gọi 2 HS đọc yêu cầu của bài tập 3; hướng dẫn HS làm bài cá nhân: Đọc thầm bài *Cô chổi rơm*, quan sát tranh, đọc từ ngữ đã cho, sau đó suy nghĩ và chọn từ thích hợp thay cho mỗi ô vuông.

– 2 – 3 HS đọc lại bài đã điền từ ngữ; GV và cả lớp nhận xét, chốt đáp án. Từ ngữ lần lượt điền là: *xinh xắn, vàng óng, bé.*

– HS viết vào vở 3 câu có từ vừa điền (nếu còn thời gian).

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Quan sát tranh, kể lại các hoạt động trong từng tranh.

– GV cho HS đọc kĩ yêu cầu của bài tập.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ Quan sát tổng thể 4 tranh và cho biết: Các tranh thể hiện hoạt động gì? (hoạt động đi du lịch ở biển của một gia đình).

+ Quan sát từng tranh và kể về hoạt động trong từng tranh.

+ Nhóm trưởng điều hành các bạn nói về các hoạt động trong mỗi bức tranh: nói về hoạt động của từng nhân vật trong tranh.

– Làm việc chung cả lớp:

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày

+ GV cùng cả lớp nhận xét, bổ sung. GV và HS thống nhất câu trả lời. VD: (1) Cả nhà lên tàu bắt đầu chuyến du lịch; (2) Vui chơi trên bãi biển: đá bóng, xây lâu đài cát; (3) Tắm biển; (4) Dạo chơi trên bờ biển vào đêm trăng.

2. Kể lại một hoạt động em đã làm cùng những người thân trong gia đình.

– Một HS đọc yêu cầu bài tập trước lớp.

– GV nhắc HS nội dung đã nói ở bài tập 1: Chuyến đi du lịch của một gia đình có 4 người; Việc đầu tiên là đi tàu hoả đến địa điểm du lịch; Việc tiếp theo là vui chơi, tắm biển, đi dạo,...

– GV hướng dẫn thực hiện bài tập 2 theo nhóm:

+ Đọc phần hướng dẫn theo sơ đồ sau đó hỏi – đáp để hiểu rõ gợi ý ở a, b, c (cần kể những gì ở mỗi gợi ý).

+ HS chọn một hoạt động đã làm cùng người thân trong gia đình; trao đổi nhóm, hỏi – đáp theo từng ý nhỏ trong mỗi gợi ý ở SHS.

+ Từng thành viên của nhóm kể lại một hoạt động đã làm cùng người thân theo từng mục ở sơ đồ hướng dẫn.

– 2 – 3 HS kể về một hoạt động chung đã làm cùng người thân.

– GV và cả lớp nhận xét, đánh giá. GV ghi nhận, khen ngợi những HS có lời kể rõ ràng, sinh động.

3. Viết 3 – 4 câu về những điều em đã kể theo gợi ý a, b hoặc c ở bài tập 2.

– HS đọc yêu cầu bài tập 3.

– GV hướng dẫn HS chọn viết đoạn văn (3 – 4 câu) về những điều đã kể theo gợi ý a, b hoặc c ở bài tập 2. GV lưu ý HS: nếu chọn kể theo gợi ý b, có thể chỉ kể về 1 việc.

– HS làm việc cá nhân: Viết đoạn văn 3 – 4 câu kể về những điều theo gợi ý đã chọn.

– HS làm việc theo cặp đôi: trao đổi bài và soát lỗi.

– 2 – 3 HS đọc đoạn văn đã viết; GV và các bạn khác nhận xét.

VẬN DỤNG

GV nhắc HS về nhà thực hiện các việc sau:

– Đọc lại đoạn văn đã viết ở lớp, phát hiện các lỗi và sửa lỗi về dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý,...; lỗi chính tả.

– Sau khi phát hiện và sửa lỗi, viết lại đoạn văn.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài đọc:

+ Nội dung và điều tác giả muốn nói qua bài đọc *Lần đầu ra biển*.

+ Từ ngữ chỉ đặc điểm phân theo 3 nhóm: chỉ màu sắc; chỉ hình dáng, kích thước; hương vị.

– Kể lại một hoạt động chung của gia đình mình.

– GV nhận xét về kết quả học tập bài 4, động viên, khen ngợi các em học tập tích cực, các em học tập tiến bộ, có nhiều cố gắng.

TUẦN 3

Bài 5 NHẬT KÍ TẬP BƠI (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Nhật kí tập bơi*. Bước đầu biết thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện qua giọng đọc, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

   b. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian cụ thể ghi trong nhật kí. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Khi tập luyện để làm bất cứ điều gì, ta không được nản chí và cần cố gắng hết mình, chắc chắn ta sẽ thành công.

2. Nói được các nội dung hoạt động và cảm xúc về một buổi tập luyện.

3. Viết đúng chính tả bài thơ *Mặt trời nhỏ* (theo hình thức nghe – viết) trong khoảng 15 phút. Viết đúng từ ngữ chứa *ng/ ngh*.

4. Hình thành và phát triển cảm xúc lành mạnh, có hứng thú tìm hiểu, học tập và rèn luyện kĩ năng sinh tồn, hoạt động thể chất tốt cho sức khoẻ.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự dưới hình thức nhật kí (thời gian, trình tự các sự việc, suy nghĩ, hành động và lời nói của nhân vật).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Nhật kí tập bơi*, tranh ảnh minh hoạ cho phần Nói và nghe.

– Tranh minh hoạ ở bài tập chính tả.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV có thể chọn một hoạt động để ôn bài cũ, VD: Nêu tên bài đọc trước và tên các nhân vật trong bài đọc; nói về điều em thích nhất trong bài đọc trước.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC

1. Khởi động

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu (Trao đổi với bạn những lợi ích của việc biết bơi).

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp, nêu suy nghĩ cá nhân của mình.

– GV khuyến khích HS nói càng nhiều càng tốt những lợi ích của việc biết bơi (VD: giúp chúng ta an toàn khi ở dưới nước; giúp cơ thể khoẻ mạnh, cao lớn, cân đối,...). GV cũng nhắc nhở HS về các vấn đề an toàn khi bơi (VD: phải có người lớn đi cùng, phải khởi động trước khi bơi, dù đã biết bơi cũng không được gắng sức, không bơi ở những nơi không an toàn,...).

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp. GV khen ngợi HS trình bày tốt.

– GV mời HS nêu sự khác biệt về cách trình bày tranh minh hoạ của bài đọc này với các bài đọc đã học. (VD: Bài đọc có nhiều tranh minh hoạ chứ không chỉ có một tranh minh hoạ như các bài đọc trước. Các tranh thể hiện các sự việc diễn ra theo thời gian của nhật kí: mỗi ngày trong nhật kí sẽ có một tranh. Tranh đầu tiên là cảnh một bạn gái đang ngồi trên ghế cạnh bể bơi, nhìn bạn đang không vui lắm. Một cô đang ở bên cạnh an ủi bạn ấy, có lẽ là mẹ hoặc người thân của bạn ấy. Chắc là bạn ấy đang sợ điều gì đó. Tranh thứ hai là cảnh bạn ấy đang tập bơi dưới nước, có một cô bên cạnh chắc là cô giáo đang hướng dẫn bạn ấy bơi. Tranh thứ ba là bạn nhỏ đang tung tăng bơi lội. Bạn ấy cười rất tươi, chắc là bạn ấy đã học bơi thành công.). Sau đó GV giới thiệu khái quát bài đọc *Nhật kí tập bơi* (VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc bài *Nhật kí tập bơi*. Các em sẽ đọc kĩ để hiểu bạn nhỏ trong bài đọc đã trải qua quá trình tập bơi như thế nào và đạt được kết quả gì.).

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc phần ghi thời gian ở đầu nhật kí: Ngày (nghỉ hơi một quãng) tháng (nghỉ hơi một quãng trước khi đọc câu tiếp theo).

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *mũ bơi, vỗ về, tập luyện,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Mình rất phấn khích/ vì được mẹ chuẩn bị cho một chiếc mũ bơi/ cùng cặp kính bơi màu hồng rất đẹp.; Kể cũng lạ,/ hôm trước mình giống ếch,/ hôm nay/ mình lại giống cá.;...*

– GV cùng HS chia 3 đoạn đọc theo từng ngày trong nhật kí. Đoạn 1: từ đầu đến *mình sẽ tập tốt hơn*, đoạn 2: tiếp theo đến *giống hệt như một con ếch ộp*, đoạn 3: tiếp theo đến hết.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– HS làm việc cá nhân: đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Bạn nhỏ đến bể bơi với ai? Bạn ấy được chuẩn bị những gì?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến, GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– HS và GV thống nhất đáp án. (Bạn nhỏ đến bể bơi với mẹ. Bạn ấy được mẹ chuẩn bị cho kính và mũ bơi.)

Câu 2. *Bạn nhỏ cảm thấy thế nào trong ngày đầu đến bể bơi?*

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại ngày thứ nhất trong nhật kí, và tìm các từ ngữ chỉ cảm xúc của bạn nhỏ trong ngày đầu đến bể bơi. GV khuyến khích HS nói thêm về lí do bạn nhỏ có cảm xúc đó.

– HS làm việc nhóm, từng HS nêu câu trả lời của mình. Các HS khác góp ý, nhận xét.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp.

– HS và GV thống nhất đáp án. (Đầu tiên bạn phấn khích (vì có đồ bơi đẹp), sau đó bạn sợ (bị sặc nước), cuối cùng bạn buồn (khi hết giờ bơi mà vẫn chưa thở được dưới nước.)

Câu 3. *Kể lại việc học bơi của bạn ấy.*

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi.

– GV hướng dẫn cách thực hiện.

Bước 1: Làm việc cá nhân

+ Đọc thầm lại VB.

+ Tìm những chi tiết nói về việc học bơi của bạn nhỏ.

+ Quan sát tranh gợi ý và sắp xếp các chi tiết tương ứng.

Bước 2: Làm việc nhóm

+ Từng bạn phát biểu ý kiến, cả nhóm góp ý và bổ sung nếu chưa đầy đủ.

+ Bầu 1 bạn trình bày ý kiến trước lớp.

Bước 3: Làm việc cả lớp

+ 2 – 3 HS phát biểu.

+ GV và cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung, thống nhất đáp án. (Đầu tiên, bạn ấy tập thở, nhưng bạn ấy toàn bị sặc. Sau khi nghe mẹ động viên, bạn ấy lại cố gắng tập luyện. Buổi sau, bạn ấy đã quen thở dưới nước và tập động tác đạp chân của bơi ếch. Cuối cùng, bạn ấy đã biết bơi tung tăng như một con cá). GV chú ý nhắc HS khi kể lại một

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

sự việc cần sử dụng các từ liên kết như: đầu tiên, sau khi (sau đó), cuối cùng,...

Câu 4. *Bạn nhỏ nhận ra điều gì thú vị khi biết bơi?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS đọc lại đoạn cuối cùng và suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp về câu trả lời của mình.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp. GV khen ngợi các bạn trả lời rõ ràng, lưu loát.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Khi biết bơi, bạn ấy thấy mình giống ếch và cá.). HS có thể có đáp án khác: Bạn ấy nhận ra mặc dù học bơi rất khó, nhưng bạn ấy vẫn học thành công.

GV có thể mở rộng câu hỏi: (1) Vì sao bạn ấy lại thấy mình giống ếch và cá? (Bạn ấy thấy mình đạp chân giống ếch và bơi tung tăng giống cá.); (2) Câu cuối cùng cho biết cảm xúc gì của bạn nhỏ? (cảm xúc vui sướng, tự hào vì đã biết bơi).

– GV có thể nói thêm: Trong ngày đầu học bơi, bạn nhỏ đã sợ hãi và buồn vì chưa quen thở dưới nước và bị sặc. Nhưng bạn đã cố gắng tập luyện và cuối cùng đã thành công. Bạn rất vui và tự hào về điều đó. Qua đó các em thấy, khi bắt tay vào làm việc gì đó, ta phải tin vào bản thân và cố gắng hết sức mình. Khi không nản chí và cố gắng tập luyện, ta nhất định sẽ đạt được kết quả tốt.

Câu 5. *Theo em, việc học bơi dễ hay khó? Vì sao?*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS trao đổi.

– HS làm việc nhóm. Từng HS nêu những suy nghĩ của mình về việc học bơi (HS có thể nêu cảm nhận về việc học bơi của bạn nhỏ trong bài đọc, hoặc về việc học bơi nói chung). Các HS khác nhận xét, góp ý.

– 3 – 4 HS trình bày trước lớp. GV khen ngợi, động viên HS.

– GV có thể đặt câu hỏi liên hệ: Em có biết bơi không? Em cảm thấy thế nào khi biết bơi/ không biết bơi? Nếu HS có điều kiện học bơi, GV có thể khuyến khích HS học bơi để có một kĩ năng sinh tồn rất quan trọng.

4. Luyện đọc lại

GV đọc diễn cảm toàn bài (hoặc 2 – 3 HS đọc nối tiếp).

NÓI VÀ NGHE

Một buổi tập luyện

1. Kể về một buổi tập luyện của em.

– GV mời 1 HS đọc to chủ đề *Một buổi tập luyện* và yêu cầu trước lớp: *Kể về một buổi tập luyện của em* (VD: tập hát, tập thể dục, tập vẽ,...). GV cũng có thể cho HS quan sát tranh minh hoạ để có thêm gợi ý về các hoạt động tập luyện (Các bạn nhỏ trong tranh đang nghĩ đến các hoạt động tập luyện như: tập thả diều, đá bóng, tập múa, tập vẽ,...).

– GV mời 1 HS đọc to phần ghi chú.

– GV giải thích thêm về phần ghi chú: Đây là những lời nhắc nhở để các em biết cách nghe nói một cách hiệu quả nhất. Để nói hay, các em cần tự tin, mạnh dạn chia sẻ ý

kiến của mình. Để là một người nghe lịch sự, biết tôn trọng người nói, các em cần chăm chú lắng nghe bạn nói, không cắt lời hoặc nói tranh lời bạn.

– HS làm việc theo cặp, dựa vào các câu hỏi gợi ý, trình bày suy nghĩ cá nhân của mình.

– GV quan sát các nhóm trình bày, kịp thời khen ngợi những HS trình bày rõ ràng, rành mạch và biết lắng nghe, biết chờ đợi đến lượt được nói.

– 3 – 4 HS trình bày ý kiến trước lớp.

– GV khen ngợi, động viên HS.

2. Em cảm thấy thế nào về buổi tập luyện đó?

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc.

– HS làm việc trong nhóm, lần lượt nêu cảm nghĩ của mình. GV khơi gợi cho HS những cảm xúc tích cực. (VD: Nếu buổi tập luyện của HS tốt đẹp, HS có cảm xúc vui mừng, tự hào, thích thú, phấn chấn,... Nếu buổi tập luyện của HS chưa thành công như mong đợi, HS buồn bã, thậm chí thất vọng, thì GV cần gợi HS nghĩ đến khi HS làm được, HS sẽ vui như thế nào. GV động viên HS, thành công đến với mỗi người không giống nhau. Có người thành công nhanh, có người thành công chậm, nhưng bất cứ ai cố gắng và nỗ lực hết mình thì cũng sẽ đều đạt được kết quả tốt. Vì vậy, HS không nên buồn, nản chí, mà cần quyết tâm, cố gắng để các buổi tập luyện tiếp theo đạt được kết quả tốt hơn)

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV khen ngợi, động viên HS. GV hỗ trợ các HS gặp khó khăn trong trình bày.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV giới thiệu bài thơ *Mặt trời nhỏ*. (VD: Bài thơ viết về một loại quả trong mùa hè. Qua cách tả ngộ nghĩnh về loại quả, chúng ta có thể đoán được đó là loại quả gì dù cả bài thơ không hề gọi tên quả. Bên cạnh đó, bài thơ còn cho chúng ta thấy những đặc điểm đặc trưng của mùa hè như mặt trời thắp lửa, ve chơi đàn, tu hú kêu,...).

– GV đọc bài thơ, sau đó 4 HS đọc nối tiếp (mỗi em đọc 1 khổ thơ). GV cho 1 – 2 HS đoán loại quả được so sánh với "mặt trời nhỏ" trong bài thơ. (Đáp án: quả vải)

– GV hướng dẫn HS các nội dung sau:

+ Cách trình bày bài thơ 4 chữ: quan sát bài thơ trong SHS (hoặc nhìn trên bảng/ màn hình).

+ Viết hoa tên bài và các chữ đầu mỗi dòng thơ.

+ Chú ý dấu chấm và dấu chấm than cuối câu.

Nghe GV đọc từng cụm từ hoặc từng dòng thơ, ghi nhớ và viết vào vở.

Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

2. Chọn *ng* hoặc *ngh* thay cho ô vuông.

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.

– HS làm việc nhóm:

+ Mỗi HS tự đọc thầm đoạn thơ, nhớ lại quy tắc viết *ng/ ngh* và chọn *ng/ ngh* phù hợp với ô trống.

+ Trao đổi trong nhóm và thống nhất đáp án.

+ Đối chiếu kết quả với nhóm khác.

– Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài, cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV chốt đáp án trên bảng lớp.

(Đáp án:

Vui sao đàn **ngh**é con

Miệng chúng cười mủm mỉm

Mắt chúng **ng**ơ **ng**ác tròn

Nhìn tay **ng**ười giơ đếm.)

3. Tìm và viết từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *ng* hoặc *ngh* chỉ hoạt động của các bạn nhỏ trong tranh.

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.

– HS làm việc nhóm:

+ HS cùng quan sát tranh, gọi tên hoạt động trong mỗi tranh và lựa chọn *ng/ ngh* để bắt đầu một tiếng trong tên gọi.

+ Trao đổi trong nhóm và thống nhất đáp án.

+ Đối chiếu kết quả với nhóm khác.

– Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài, cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (có thể có nhiều đáp án cho mỗi tranh).

– GV chốt đáp án trên bảng lớp kết hợp chỉ tranh.

Đáp án: (1) *ngoắc tay* (hoặc *ngoéo tay*), (2) *nghe ngóng* (hoặc *nghe, lắng nghe*), (3) *nghĩ ngợi* (hoặc *nghĩ, ngẫm nghĩ, suy nghĩ*), (4) *ngước nhìn* (hoặc *ngửa cổ*).

– HS đổi bài trong nhóm để kiểm tra lẫn nhau.

– GV chấm nhanh một số bài của HS và nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

VẬN DỤNG

Hoạt động vận dụng này nhằm mục đích giới thiệu với các em cách ghi nhật kí. GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động vận dụng:

– HS nhớ lại những việc đã làm trong ngày hôm nay.

– Chọn một số hoạt động mà em muốn ghi lại.

– Sắp xếp các việc theo trật tự thời gian.

– Viết 2 – 3 câu kể lại việc đã làm.

GV gợi ý HS có thể viết theo hình thức nhật kí, có ghi ngày tháng, thời gian cụ thể trong ngày và các hoạt động theo thời gian.

CỦNG CỐ

GV có thể tổng kết bài học bằng cách nêu câu hỏi xem HS nhớ những nội dung gì đã học trong bài vừa học. Sau đó chốt lại, HS đã được:

+ Tìm hiểu bài đọc *Nhật kí tập bơi*. GV có thể nói thêm, bài đọc *Nhật kí tập bơi* cho các em biết về quá trình tập bơi của một bạn nhỏ. Bạn đã vượt qua được cảm xúc sợ hãi ban đầu để tập luyện tốt và đã biết bơi. Bạn ấy đã có một trải nghiệm rất thú vị và đáng nhớ.

+ Thực hành nghe nói về một buổi tập luyện.

+ Luyện viết bài thơ *Mặt trời nhỏ* dưới hình thức nghe – viết.

+ Luyện làm bài tập chính tả *ng/ ngh*.

GV dặn dò HS: Về nhà viết 2 – 3 câu ghi lại những việc em đã làm hôm nay.

Bài 6 TẬP NẤU ĂN (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài đọc *Tập nấu ăn* (Bài đọc này có sự lồng ghép giữa văn bản tự sự với văn bản thông tin; bước đầu biết thay đổi giọng đọc ở đoạn 1 và những đoạn còn lại).

b. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với nội dung từng đoạn; hiểu được nội dung văn bản: thông qua lời kể của nhân vật "mình", công thức nấu món trứng đúc thịt sẽ được giới thiệu. Đặc biệt, yêu cầu ở phần khởi động và câu hỏi 3 (phần đọc hiểu) giúp phát triển kĩ năng đọc thông tin qua hình ảnh. Những câu hỏi này góp phần nâng cao khả năng đọc hiểu văn bản đa phương thức cho HS.

c. Biết cách tìm đọc thêm các sách dạy nấu ăn. Loại văn bản này không khó tìm. HS có thể đọc những bài giới thiệu về những món ăn cụ thể trên internet hoặc tự đọc bài thơ *Vào bếp thật vui* của Thuỵ Anh (trong SHS).

2. Biết phân chia từ chỉ hoạt động thành 2 tiểu loại đơn giản: từ chỉ hoạt động di chuyển và từ chỉ hoạt động nấu ăn. Biết cách sử dụng những từ này trong câu, phát huy được vốn từ vựng về các từ ngữ chỉ hoạt động nấu nướng.

3. Biết viết chữ B, C hoa và viết câu ứng dụng. Phát triển kĩ năng viết đoạn văn về cách làm một món ăn (qua quan sát thực tế và tranh gợi ý).

4. Phát triển phẩm chất yêu lao động, chăm chỉ, biết giúp đỡ người thân.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự, văn bản thông tin (Bạn nhỏ kể lại việc mình học nấu ăn trong hè và giới thiệu công thức nấu một món ăn – món trứng đúc thịt).

– Từ loại tiếng Việt (từ chỉ hoạt động – động từ).

2. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ bài đọc *Tập nấu ăn* phóng to, tranh ảnh về các dụng cụ nấu nướng hoặc khung cảnh gian bếp truyền thống ngày xưa và phòng bếp hiện đại ngày nay.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV hỏi HS về bài *Nhật kí tập bơi* (Bạn nhỏ trong bài *Nhật kí tập bơi* đã ghi lại quá trình học bơi của mình như thế nào?) để chuẩn bị giới thiệu một văn bản khác: *Tập nấu ăn*.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ cho HS:

+ Thực hiện yêu cầu ở phần Khởi động: *Quan sát tranh: a. Kể tên các dụng cụ nhà bếp; b. Cho biết tên các loại thực phẩm; c. Đoán xem hai mẹ con đang làm gì.*

+ Có thể làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp.

– HS (2 – 3 em) lần lượt phát biểu ý kiến trước lớp.

Ý (a) và (b) trong phần này phát triển kĩ năng "đọc" tranh của HS. Nhìn vào tranh, HS có thể kể tên các dụng cụ nhà bếp và tên các loại thực phẩm theo khả năng nhận biết của mình. Những HS khác có thể bổ sung. HS có thể lên bảng, vừa chỉ vào tranh vừa trả lời. GV lưu ý HS phân biệt các dụng cụ và các thực phẩm. Các dụng cụ nhà bếp là *nồi cơm điện, dao, giá để dao, chảo, nồi, thùng gạo, rổ, khay,...* Các thực phẩm gồm: *trứng, rau, khoai tây, thịt,...* Ý (c) phát triển kĩ năng phán đoán của HS, HS có thể nói theo suy nghĩ cá nhân, VD: Hai mẹ con đang bàn về chuyện nấu cơm, bạn nhỏ muốn giúp mẹ nhặt rau, bạn nhỏ có vẻ rất hào hứng khi được vào bếp cùng mẹ,...

GV có thể cho HS thi tìm nhanh và viết các tên đồ vật, thực phẩm ra bảng hoặc ra những mảnh giấy, sau đó treo giấy vào đúng vị trí của đồ vật trên bức tranh gian bếp phóng to.

Sau đó, GV giới thiệu khái quát nội dung bài đọc *Tập nấu ăn.* (VD: Có một bạn nhỏ rất thích học nấu ăn. Bạn ấy đã vào bếp cùng với mẹ. Hãy đọc bài *Tập nấu ăn* để xem bạn nhỏ đã ghi lại được công thức làm món ăn gì và cách làm món đó như thế nào.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (Đoạn 1 có giọng đọc tâm tình, kể chuyện, pha chút hào hứng, vui vẻ; những đoạn còn lại đọc với giọng đọc trung tính). Có thể mời 1 HS đọc tốt để đọc cả bài. Những HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *thịt nạc vai, xay nhuyễn, hỗn hợp,...*).

+ Đọc phần văn bản thông tin: Đọc bảng ghi nguyên liệu trước, sau đó đọc các đoạn theo thứ tự từ 1 đến 5.

+ Lưu ý cách ngắt giọng ở những câu dài (VD: *Cho hỗn hợp / trứng và thịt vào/ dàn đều khắp chảo/ rán vàng mặt dưới/ (từ 5 – 7 phút)/ với lửa nhỏ.* (GV lưu ý HS đọc kí hiệu dấu gạch ngang trong "từ 5 – 7 phút" là "đến": *từ năm đến bảy phút.*)

+ Đọc diễn cảm theo lời nhân vật: Đoạn 1 đọc với giọng hào hứng, vui vẻ.

+ Phân đoạn văn bản: 7 đoạn. Đoạn 1: từ đầu đến *tham khảo nhé!*: giới thiệu việc làm của bạn nhỏ: học nấu món trứng đúc thịt. Đoạn 2 đọc khung không có đánh số: Nguyên liệu làm món trứng đúc thịt. Sau đó HS đọc lần lượt các đoạn theo thứ tự từ 1 đến 5. GV có thể cùng HS tóm lược nội dung từng đoạn.

– HS làm việc nhóm (có thể 3 em/nhóm): Mỗi HS đọc 2 – 3 đoạn, từ 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: đọc nhẩm toàn bài 1 lượt.

– Một số HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

– GV giải thích từ ngữ khó: *hỗn hợp*: tập hợp của nhiều chất trộn lẫn vào nhau (trong bài là trộn trứng và thịt).

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Kể tên những nguyên liệu làm món trứng đúc thịt.*

– GV nêu câu hỏi, HS trao đổi theo cặp hoặc nhóm để thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến. HS có thể vừa quan sát tranh, vừa dựa vào phần chữ trong tranh để trả lời. GV có thể yêu cầu HS nhận biết các chai dầu ăn, chai nước mắm, lọ muối, củ hành khô qua tranh minh hoạ. Giải thích "thịt nạc vai" nếu thấy cần: phần thịt nạc (có ít mỡ) nằm ở vai của con lợn, có độ dai và giòn.

– GV và HS chốt đáp án: Những nguyên liệu làm món trứng đúc thịt là trứng gà, thịt nạc vai, dầu ăn, mắm, muối và hành khô.

Câu 2. *Khi làm món trứng đúc thịt, bước 1 cần làm những gì?*

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi.

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm với các nhiệm vụ:

+ HS tìm vị trí của bước 1 trong công thức làm món trứng đúc thịt.

+ Đọc lại nội dung của bước 1.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

+ Thảo luận, tìm câu trả lời.

– GV có thể hỏi thêm về tranh minh hoạ: Tranh vẽ thể hiện hoạt động gì? (Hoạt động xay thịt – trên cơ sở đó, giúp HS phân biệt *băm thịt* và *xay thịt*.)

– Đại diện một vài nhóm trả lời câu hỏi.

– GV và HS chốt đáp án (Khi làm món trứng đúc thịt, bước 1 là rửa sạch thịt, sau đó băm nhỏ hoặc xay nhuyễn). GV có thể hỏi HS về từ "nhuyễn" hoặc giải thích cho HS: *xay nhuyễn* là *xay đến nát mềm ra thành những hạt nhỏ, mịn, quyện vào nhau,* lưu ý để HS viết đúng từ này.

Câu 3. *Tranh bên mô tả công việc ở bước mấy? Nói lại công việc đó.*

Đây là dạng câu hỏi đa phương thức, HS nhìn tranh để trả lời.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm. Các nhóm cần làm những việc sau:

+ Đối chiếu tranh trong câu hỏi với tranh trong bài đọc.

+ Sau khi đối chiếu, HS sẽ trả lời được ý thứ nhất trong câu hỏi.

+ Tiếp theo, nhìn tranh, tả lại các công việc. Cố gắng để không cần đọc lại phần chữ trong bài đọc mà nhìn tranh, tự miêu tả lại các bước thực hiện.

– Một số HS phát biểu ý kiến (HS vừa chỉ vào tranh, vừa thuyết trình, tự nói theo lời của mình.)

– GV và HS chốt đáp án. (Tranh này mô tả công việc ở bước 2. Cụ thể là đập trứng vào bát, cho thịt xay, hành khô, muối, mắm, đánh đều.)

Câu 4. *Sắp xếp các nội dung dưới đây theo thứ tự làm món trứng đúc thịt.*

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi và 4 thẻ chữ trước lớp, hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm. Các nhóm làm những nhiệm vụ sau:

+ Đọc lại một lượt các thẻ chữ.

+ Thảo luận, tìm câu trả lời.

Đây là dạng câu hỏi vừa có thể dựa vào trí nhớ, vừa có thể dựa vào suy luận để trả lời. Nếu dựa vào trí nhớ (thông tin đã có trong bài đọc), câu trả lời sẽ nằm ở bước 3, 4 và 5, HS xem lại các bước này. Nếu dựa vào suy luận thì *cho dầu vào chảo* sẽ là bước đầu tiên, *gắp ra đĩa* phải là bước cuối cùng.

– GV có thể cho HS sử dụng những thẻ chữ cái có sẵn, các nhóm thi xếp nhanh, dán kết quả lên bảng; hoặc ghi kết quả ra bảng con, ai xong trước thì giơ lên.

– GV và HS thống nhất đáp án. (b, c, d, a)

4. Luyện đọc lại

– GV đọc diễn cảm toàn bài. (Có thể mời một HS khá, giỏi đọc lại bài.)

– HS đọc nối tiếp, cả lớp nhìn vào sách đọc theo.

VIẾT

1. Ôn chữ viết hoa

– GV nêu tên bài học: Ôn chữ viết hoa *B, C* (GV nói rõ với HS: cần nhớ lại cách viết chữ viết hoa đã được luyện viết từ lớp 2). Trong khoảng nửa tiết học, các em ôn lại cách viết các chữ viết hoa *B, C* và viết ứng dụng.

– GV viết mẫu, kết hợp nhắc lại cách viết các chữ viết hoa (hoặc cho HS quan sát clip hướng dẫn viết chữ *B, C*).

– HS viết chữ viết hoa *B, C* ra nháp trước khi viết vào vở ô li theo hướng dẫn.

– HS viết chữ viết hoa *B, C* theo yêu cầu (về số chữ) vào vở.

– GV nhận xét chữ viết của HS.

2. Viết ứng dụng

a. *Viết tên riêng*

– HS đọc tên riêng: *Cao Bằng*.

– HS viết tên riêng *Cao Bằng* vào vở.

– GV giới thiệu địa danh Cao Bằng. Cao Bằng là một tỉnh thuộc miền Bắc nước ta, là vùng đất có truyền thống cách mạng lâu đời. Tiêu biểu như khu di tích lịch sử cách mạng Pác Bó. Nơi đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng sống và làm việc, lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành độc lập cho dân tộc.

b. *Viết câu*

– HS đọc thầm câu ứng dụng:

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày.

– GV nhắc HS trong câu ứng dụng có các chữ viết hoa *C, B, V*. Lưu ý HS viết đúng chính tả các chữ như *rừng, chim, suốt*; hình thức trình bày: đây là câu thơ (mỗi dòng 7 chữ), xuống dòng khi kết thúc dòng thơ thứ nhất và chấm câu ở cuối dòng thơ thứ 2.

– GV có thể cho HS xem tranh, ảnh về cảnh rừng Việt Bắc. HS nói cảm nhận của mình về địa danh này.

– HS viết câu ứng dụng vào vở.

– HS góp ý cho nhau theo cặp hoặc theo nhóm.

– GV lựa chọn một số bài viết của HS chiếu lên màn hình, cả lớp nhận xét, sửa chữa. GV động viên những HS viết đẹp, tiến bộ.

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ chỉ hoạt động kết hợp được với mỗi từ chỉ sự vật sau: rau, thịt, cá.

Bài tập này giúp HS huy động kiến thức để mở rộng vốn từ (về từ chỉ hoạt động) liên quan đến việc nấu ăn. HS được khuyến khích tìm được càng nhiều từ càng tốt.

– GV gọi HS đọc yêu cầu của bài và các thẻ chữ.

– HS thảo luận theo nhóm/ cặp: đọc phần ví dụ mẫu, tìm câu trả lời.

– GV gọi đại diện một số nhóm trả lời.

GV có thể tổ chức cho các nhóm thi tìm nhanh, viết vào những mảnh giấy đã chuẩn bị sẵn (có trang trí bằng những hình ngộ nghĩnh, thường là vật dụng làm bếp: hình cái bát, cái đĩa hoặc rổ, rá,...) Các nhóm có thể thi xem nhóm nào tìm được nhiều từ nhất (trong một khoảng thời gian nhất định mà GV đặt ra).

– GV và HS nhận xét bài của một số nhóm, chốt các đáp án đúng. VD: *thái rau, xào rau, chẻ rau, thái thịt, băm thịt, xay thịt, rửa thịt, kho thịt, rang thịt, nướng thịt, mổ cá, rửa cá, rán cá, kho cá,...*

2. Xếp các từ chỉ hoạt động cho sẵn vào 2 nhóm.

Bài tập này vừa giúp HS mở rộng vốn từ, vừa nâng cao kiến thức về các tiểu loại từ chỉ hoạt động.

– GV gọi HS đọc các từ, đọc tên 2 nhóm cần xếp, đọc mẫu.

– HS thảo luận theo nhóm/ cặp:

– GV gọi đại diện một số nhóm trả lời.

– GV và HS chốt đáp án. (Từ chỉ hoạt động di chuyển: *xuống, ra, vào, đi, lên*; Từ chỉ hoạt động nấu ăn: *hầm, nướng, luộc, kho, xào.*)

Phần này cũng có thể tổ chức các hoạt động dạy học cho sinh động. Ví dụ: (1) Có thể chọn hình thức thi tìm nhanh, viết vào bảng con hoặc những mảnh giấy GV đã chuẩn bị sẵn, dán vào nhóm phù hợp trên bảng. (2) GV để 2 cái giỏ, một giỏ ghi "Từ chỉ hoạt động di chuyển", giỏ còn lại ghi "Từ chỉ hoạt động nấu ăn". GV phát các mảnh giấy có ghi sẵn 10 từ theo yêu cầu, cho HS lên bỏ vào giỏ.

3. Chọn từ chỉ hoạt động ở bài tập 2 thay cho ô vuông.

Bài tập này giúp HS hiểu sâu hơn về việc sử dụng các từ chỉ hoạt động để tạo câu.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu.

– HS thảo luận theo nhóm.

– GV gọi đại diện một số nhóm trả lời. (GV có thể trình chiếu đoạn văn có đánh số thứ tự các ô trống, tương ứng với các từ cần điền. Có thể cho HS viết kết quả ra giấy hoặc bảng. Có thể viết sẵn 10 từ vào 10 mảnh giấy có hình chiếc lá, cho HS dán lên đoạn văn trên bảng. Thi tìm nhanh các đáp án).

– GV và HS chốt đáp án. (*Ngày Chủ nhật, mẹ* ***đi/ ra*** *chợ mua thức ăn. Nam* ***vào/ xuống*** *bếp giúp mẹ. Nam nhặt rau, còn mẹ rửa cá và thái thịt. Sau đó, mẹ bắt đầu nấu nướng, mẹ* ***nướng/ kho/ luộc*** *cá,* ***luộc/ xào*** *rau,* ***luộc/ kho/ nướng*** *thịt. Chẳng mấy chốc, gian bếp đã thơm lừng mùi thức ăn.*)

Lưu ý: Có thể có vị trí điền được 2, 3 từ khác nhau. Việc điền được nhiều từ như vậy trong cùng một ô trống sẽ cho HS thấy rõ sự phong phú và linh hoạt của các từ ngữ chỉ

hoạt động nấu ăn hoặc hoạt động di chuyển của con người. GV nhắc HS tránh lặp từ trong cả câu hoặc đoạn.

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Đọc đoạn văn và thực hiện theo yêu cầu.

Đây là một đoạn văn minh hoạ, nói chi tiết hơn về các bước làm món trứng đúc thịt, tính từ khâu sơ chế đến lúc bắc chảo lên bếp để nấu nướng. Trong SHS đã có sẵn các bước thực hiện, nhưng các bước đó chỉ được thể hiện bằng các cụm từ. Đọc đoạn văn này, HS sẽ biết cách chuyển hóa, nối các từ, cụm từ với nhau thành câu, đoạn.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc đoạn văn.

– HS làm việc nhóm.

– Đại diện một số nhóm trả lời.

– GV và HS chốt đáp án. (Đoạn văn thuật lại các bước làm món trứng đúc thịt. Đó là (1) rửa sạch thịt, xay nhỏ; (2) đập trứng vào bát, cho thịt xay, hành khô, mắm, muối; (3) đánh đều tất cả.)

2. Dựa vào tranh, trao đổi về các bước làm món thịt rang.

– GV cho HS trao đổi nhóm, quan sát tranh, cùng nhau nói lại các bước thực hiện theo gợi ý trong tranh. Lưu ý dựa vào các cụm từ, nói thành câu hoàn chỉnh.

– Một số nhóm trình bày trước lớp.

– HS và GV cùng nhận xét, góp ý.

– GV lưu ý: Mỗi gia đình có thể có cách nấu món thịt rang khác nhau, không hoàn toàn giống với gợi ý trong 4 bức tranh. Do vậy, nếu có HS nói khác đi về một công đoạn cụ thể nào đó, GV vẫn ghi nhận. Chỉ cần HS diễn đạt một cách lưu loát cách nấu món ăn này.

3. Viết lại các bước làm món thịt rang.

– GV lưu ý HS: Các em vừa được trao đổi với nhau về các bước làm món thịt rang, giờ hãy viết lại vào vở. Cũng có thể nhớ lại xem những người thân trong gia đình mình đã nấu ăn như thế nào.

– HS tự viết 2 – 3 câu về các bước làm một món ăn nào đó. Lưu ý HS sử dụng các từ ngữ chỉ thứ tự trình bày, VD: *đầu tiên là, tiếp theo, thứ hai là, cuối cùng,...*

– GV chấm, chữa bài cho HS vào một thời gian thích hợp.

VẬN DỤNG

– HS tìm đọc những văn bản về việc nấu nướng. Có thể đọc những bài viết dạy nấu ăn trên mạng Internet. Chỉ cần gõ vào công cụ tìm kiếm google, ví dụ: "Cách làm món nem rán", các em sẽ tìm thấy nhiều bài hướng dẫn cách nấu món này.

– HS cũng có thể đọc bài thơ *Vào bếp thật vui* của Thuỵ Anh có trong SHS.

– HS cũng có thể trao đổi với nhau những cuốn sách mà các em mang đến lớp.

– GV nhắc HS khi tìm sách vở để đọc thêm, cần chú ý tên tác giả bài viết, tên sách. Khi đọc, nên ghi lại những điều mình cảm thấy thú vị về bài viết mình đã đọc.

CỦNG CỐ

– GV tổng kết bài học: Sau bài học này, các em đã:

+ Đọc và hiểu được bài *Tập nấu ăn* (Qua lời của một bạn nhỏ, bài đọc chia sẻ công thức làm món trứng đúc thịt. Hi vọng chúng ta cũng có thêm cảm hứng để về nhà tập nấu nướng hoặc giúp đỡ người thân trong việc nấu ăn).

+ Đọc mở rộng về các văn bản nấu ăn khác.

+ Phân biệt được các nhóm nhỏ trong từ chỉ hoạt động, biết cách sử dụng chúng để đặt câu,...

+ Biết cách viết đoạn văn thuật lại các bước thực hiện việc nấu một món ăn cụ thể.

– GV dặn dò HS: Về nhà hỏi mẹ về công thức nấu một vài món ăn và vào bếp cùng mẹ, xem lại bài viết thuật lại các bước làm món thịt rang. GV nhắc HS khi vào bếp phải thật cẩn thận bởi dùng dao có thể bị đứt tay, đun nấu có thể bị bỏng hoặc gây cháy nổ,... do vậy, các em chỉ nên nấu nướng khi có người thân làm cùng.

TUẦN 4

Bài 7 MÙA HÈ LẤP LÁNH (3 tiết)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu và toàn bộ bài thơ *Mùa hè lấp lánh*. Nhận biết được vần trong thơ. Bước đầu biết thể hiện cảm xúc qua giọng đọc: vui vẻ, thiết tha.

   b. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Bài thơ thể hiện vẻ đẹp của mùa hè với ông mặt trời thức dậy sớm hơn, ánh nắng dường như chứa chan hơn, cỏ cây tươi thắm hơn; bài thơ cũng thể hiện sự hồn nhiên, vui sướng của bạn nhỏ khi mùa hè đến.

2. Kể lại được câu chuyện *Chó đốm con và mặt trời*. Hiểu được một quy luật đơn giản về địa lí: Mặt trời mọc ở đằng đông, lặn ở đằng tây.

3. Viết đúng chính tả bài thơ *Mùa hè lấp lánh* (theo hình thức nghe – viết) trong khoảng 15 phút. Biết cách trình bày đúng các khổ thơ, câu thơ. Viết đúng chính tả *ch/ tr; v/ d*.

4. Biết chia sẻ với người thân suy nghĩ của mình về câu chuyện *Chó đốm con và mặt trời*, hỏi thêm được những thông tin về hiện tượng mặt trời mọc và lặn.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Thể thơ 5 chữ, được gieo vần ở các chữ cuối cùng của dòng 2 và 3 trong mỗi khổ thơ. Bài thơ thể hiện cảm xúc đầy ắp của tác giả về mùa hè với một số biện pháp tu từ nổi bật: nhân hóa (*mặt trời ưa dậy sớm, mải rong chơi*), điệp từ (*cho cây chóng lớn, cho hoa lá thêm màu, cho mình chơi thật lâu,...*),... Một số từ ngữ được sử dụng khá "đắt": *mùa hè lấp lánh, ngày dài bất tận*.

2. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ bài thơ *Mùa hè lấp lánh* phóng to, tranh minh hoạ câu chuyện *Chó đốm con và mặt trời*.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV có thể hỏi HS một vài câu hỏi liên quan đến bài 6: *Tập nấu ăn* (VD: Bài *Tập nấu ăn* nói về công thức làm món ăn gì? Sau bài đọc đó, các em có thử vào bếp nấu nướng cùng mẹ không? Em đã làm được món gì?...)

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ để HS làm việc nhóm: *Trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi: Mùa hè có gì thú vị?*

– HS (2 – 3 em) lần lượt phát biểu ý kiến trước lớp.

Với yêu cầu ở phần này, HS được nói theo ý kiến cá nhân. Tuỳ vào thời gian khởi động, GV có thể đặt thêm các câu hỏi phụ để khuyến khích HS phát biểu, VD: *Có điều gì ở mùa hè mà em không thích?*

GV giới thiệu khái quát nội dung bài thơ *Mùa hè lấp lánh* (VD: Có một bài thơ nói về niềm vui sướng của một bạn nhỏ khi hè tới. Trong mắt bạn ấy, mùa hè hiện ra thật đẹp, thật rực rỡ. Hãy cùng nhau cảm nhận mùa hè của bạn nhỏ đó qua bài thơ *Mùa hè lấp lánh* của tác giả Nguyễn Quỳnh Mai).

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (giọng đọc thể hiện niềm thiết tha, vui sướng và háo hức khi mùa hè đến).

Có thể mời 1 HS đọc tốt để đọc cả bài. Những HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *kì lạ, đủng đỉnh,...*).

+ Ngắt nghỉ theo đúng từng dòng thơ.

+ Chia đoạn: 4 khổ thơ tương ứng 4 đoạn. Khổ 1: buổi sáng mùa hè; khổ 2: tác dụng của nắng hè; khổ 3: vẻ đẹp của ông mặt trời trong buổi chiều mùa hè; khổ 4: niềm vui của tuổi thơ trong ngày hè. GV có thể tự tóm tắt nội dung các đoạn, cũng có thể yêu cầu HS tự tìm nội dung từng đoạn.

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– HS làm việc nhóm (4 em/nhóm): Mỗi HS đọc một khổ thơ (đọc nối tiếp 4 khổ), 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài 1 lượt.

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

– GV giải thích từ ngữ khó: *bất tận, đủng đỉnh* (Cho HS đọc phần "Từ ngữ" trong SHS, giải thích thêm nếu thấy cần).

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Mặt trời mùa hè có gì lạ?*

Đây là câu hỏi khó, bởi đáp án không chỉ nằm trong một khổ thơ.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi, yêu cầu HS trao đổi theo cặp hoặc nhóm với nhiệm vụ:

+ Tìm khổ thơ/ câu thơ nói về ông mặt trời trong cả bài. (Khổ thơ 1 và 3).

+ Chọn những chi tiết tả về ông mặt trời (kì lạ, ưa dậy sớm, đủng đỉnh mãi chưa lặn).

+ Tổng hợp để đưa ra đáp án.

– Một số HS phát biểu ý kiến. Có thể gọi nhiều HS để bổ sung câu trả lời cho thật đầy đủ vì đáp án nằm ở nhiều câu thơ khác nhau.

– GV và HS chốt đáp án. (Mặt trời mùa hè có điều lạ là thức dậy sớm và đi ngủ muộn – mọc sớm và lặn muộn).

Câu 2. *Nắng mùa hè mang đến cho cuộc sống những ích lợi gì?*

– *Đối với cây*

– *Đối với hoa lá*

– *Đối với các bạn nhỏ*

Câu này gồm 3 ý nhỏ. Có thể làm chung cả lớp hoặc theo nhóm.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi.

– HS làm việc theo nhóm 3, tìm khổ thơ có chứa câu trả lời, tìm câu trả lời theo 3 gợi ý (đối với cây, đối với hoa lá, đối với các bạn nhỏ).

– 3 HS trả lời câu hỏi theo 3 gợi ý. Những HS khác bổ sung, hoàn thiện.

– GV và HS chốt đáp án. (Nắng mùa hè có những ích lợi sau: a. Làm cho cây chóng lớn; b. Làm cho hoa lá thêm màu; c. Cho mình chơi được lâu hơn.)

(Đối với HS giỏi, GV có thể đặt thêm các câu hỏi để khai thác hiểu biết của HS. Vì sao nắng mùa hè có những lợi ích như vậy? Gợi ý câu trả lời: Nắng hè làm cho cây chóng lớn

vì cây rất cần ánh nắng để phát triển; Nắng hè làm cho hoa lá thêm màu vì có nắng, màu sắc của hoa lá sẽ tươi thắm hơn, lá xanh hơn, hoa thắm hơn; Nắng hè cho mình chơi được lâu hơn vì còn nắng là trời còn sáng, trời còn sáng là chúng mình còn có thể chơi thêm.)

Câu 3. *Ngày của mùa hè có gì đặc biệt?*

Câu hỏi này liên quan đến câu hỏi 1. Vì việc ông mặt trời thức dậy sớm và đi ngủ muộn sẽ tạo nên đặc trưng của mùa hè. GV có thể gợi ý để HS liên hệ với câu hỏi 1. Như vậy, sẽ dễ tìm ra đáp án hơn.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm. Đây là dạng câu hỏi suy luận, cho nên nếu HS chỉ trả lời ngày của mùa hè rất dài (căn cứ vào câu thơ *Ngày hè dài bất tận*), GV cũng nên hỏi thêm: Chi tiết nào cho em thấy điều đó?

– GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trả lời. Khuyến khích HS nói dài hơn, cụ thể hơn bằng các câu hỏi gợi ý.

– GV và HS chốt đáp án. (Ngày mùa hè có điểm đặc biệt là rất dài). GV có thể nói thêm: Những chi tiết cho em thấy điều này là ông mặt trời dậy rất sớm và đi ngủ muộn. Với những lớp HS khá, giỏi, GV có thể cho HS liên hệ với đặc điểm của ngày mùa đông: mùa đông ngày ngắn, đêm dài (trái ngược với mùa hè).

Câu 4. *Vì sao bạn nhỏ thấy "mùa hè thật sung sướng"?*

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm.

– Các nhóm thảo luận, tìm khổ thơ có chứa ý này.

– Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến. Các nhóm khác có thể bổ sung.

– GV và HS chốt đáp án. (Bạn nhỏ thấy mùa hè thật sung sướng vì có nắng, có kem, có gió êm, có ngày dài.)

Câu 5. *Theo em hình ảnh "ngày dài lấp lánh" chỉ điều gì?*

Đây là dạng câu hỏi mở, HS có thể có nhiều phương án trả lời. GV khuyến khích HS phát biểu suy nghĩ riêng của mình và chia sẻ, động viên những HS có phương án trả lời hay, thú vị. HS cũng có thể lựa chọn những phương án trong SGK, theo cảm nhận của mình (không có đáp án đúng/ sai trong câu trả lời này).

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu.

– HS làm việc theo cặp/ nhóm.

– Một số HS phát biểu ý kiến.

– GV và HS nhận xét các câu trả lời, có thể chốt lại một số phương án ngoài những gợi ý trong SHS, VD: Hình ảnh ngày dài lấp lánh thể hiện một mùa hè rực rỡ với nắng vàng chiếu long lanh/ Mặt trời dậy sớm và toả sáng khắp nơi/ Đó là một mùa hè đẹp như trong mơ,...

4. Luyện đọc lại

2 HS đọc nối tiếp, cả lớp nhìn vào sách đọc theo.

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện *Chó đốm con và mặt trời*

1. Nghe kể chuyện *Chó đốm con và mặt trời*.

– GV nói lời dẫn: Bài *Mùa hè lấp lánh* có nói tới hiện tượng mặt trời mọc từ sáng sớm và lặn khi chiều muộn, do vậy mùa hè có ngày dài và đêm ngắn. Câu chuyện sau đây cũng nói tới hiện tượng mặt trời mọc và lặn, hiện tượng này làm cho chú chó đốm vô cùng băn khoăn. Hãy nghe và giải thích cho chó đốm nhé!

– GV yêu cầu HS quan sát tranh và đọc các câu hỏi dưới tranh.

– GV kể chuyện: GV kể 2 lần, lần 1 kể toàn bộ câu chuyện, lần 2 có dừng lại ở những đoạn tương ứng với các câu hỏi trong tranh, có thể dừng lại để hỏi sự việc tiếp theo là gì, khích lệ các em nhớ chi tiết câu chuyện.

CHÓ ĐỐM CON VÀ MẶT TRỜI

Một buổi sáng, chó đốm con nhìn thấy mặt trời mọc từ chân núi phía đông. Cả ngày hôm ấy, nó quan sát mặt trời rất chăm chú, từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn xuống dòng sông phía tây. Chó đốm con nghĩ bụng: "Ơ, sao mặt trời không quay về phía đông nhỉ? Có lẽ mặt trời có hai cái nhà, sáng mai mặt trời sẽ mọc từ dòng sông phía tây, đến chiều sẽ về ngôi nhà ở dưới chân núi. Vậy thì sáng mai mình sẽ đến bờ sông đợi mặt trời.". Nghĩ vậy, chó đốm con vui vẻ chạy về nhà.

Sáng hôm sau, chó đốm đến bờ sông phía tây và nhìn chăm chăm vào chỗ hôm qua mặt trời lặn. Nhưng nó đợi rất lâu mà không thấy mặt trời xuất hiện. Hay là mặt trời ốm rồi? Phải đi mời bác sĩ đến khám cho mặt trời thôi.

Chó đốm con vừa quay đầu lại thì nhìn thấy mặt trời phía đông đang mỉm cười với mình.

Rốt cuộc là đã xảy ra chuyện gì vậy? Các bạn hãy nói cho đốm con biết nhé!

(Ngọc Khánh *biên soạn – 108 Truyện đồng thoại nhỏ sáng tạo lớn*,
NXB Thanh Niên liên kết với Công ty TNHH Thương mại
và Dịch vụ Văn hoá Đinh Tị)

– GV cho HS làm việc nhóm và trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh.

– GV gọi một số HS (đại diện các nhóm) trả lời câu hỏi.

Tranh 1. *Chó đốm con nhìn thấy mặt trời mọc ở đâu?* Mặt trời mọc từ chân núi phía đông.

Tranh 2. *Chó đốm con nhìn thấy mặt trời lặn ở đâu?* Mặt trời lặn xuống dòng sông phía tây.

Tranh 3. *Chó đốm con nghĩ gì*? Chó đốm nghĩ rằng mặt trời có 2 cái nhà, một cái ở

chân núi phía đông và một cái ở dòng sông phía tây. Ngày mai, mặt trời sẽ mọc từ dòng sông phía tây.

Tranh 4. *Điều gì làm chó đốm con ngạc nhiên?* Mặt trời vẫn cứ mọc đằng đông, trong khi chó đốm đang chờ mặt trời ở đằng tây.

2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

– GV gọi HS kể nối tiếp câu chuyện.

– GV gọi HS kể toàn bộ câu chuyện.

Có thể thêm câu hỏi phụ sau khi HS đã kể xong toàn bộ câu chuyện: Em có thể giải thích được cho chó đốm về hiện tượng này không?

(Ta tưởng rằng Trái Đất đứng yên, Mặt Trời di chuyển. Nhưng thực chất là Trái Đất quay quanh Mặt Trời, tạo nên hiện tượng ngày và đêm. Chỗ hướng về Mặt Trời là ban ngày, chỗ bị che khuất là ban đêm. Con người không cảm nhận được Trái Đất đang chuyển động mà tưởng Mặt Trời chuyển động.)

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết: *Mùa hè lấp lánh* (3 khổ thơ đầu).

– GV đọc một lượt toàn bộ 3 khổ thơ cần viết, lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.

+ Viết hoa tất cả các chữ cái ở đầu mỗi dòng thơ.

+ Chữ dễ sai chính tả: *trời, kì lạ, dậy sớm, bất tận, rong chơi, lặn xuống,...*

– GV đọc từng câu cho HS viết. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.

– GV đọc lại một lần cả đoạn và yêu cầu HS tự soát lỗi.

– HS đổi vở cho nhau để soát lỗi giúp bạn.

– GV kiểm tra bài viết của HS, sửa một số bài và nhận xét chung cả lớp.

2. Ghép các tiếng phù hợp với *chung* hoặc *trung* để tạo từ.

– Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– GV chiếu hoặc dán 6 bông hoa chứa các tiếng *thành, thuỷ, bình, thực, tâm, cư* lên bảng. HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ.

– GV gọi HS trình bày kết quả của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét.

– GV thống nhất đáp án, chiếu hoặc viết lên bảng.

+ *chung*: *chung thuỷ, chung cư*

+ *trung*: *trung thành, trung bình, trung thực, trung tâm*

(HS có thể viết lại vào vở bài tập)

(GV có thể tổ chức thành trò chơi: thi tìm nhanh, thả hoa vào đúng giỏ của nó,...)

3. Làm bài tập a hoặc b

a. *Chọn ch hoặc tr thay cho ô vuông.*

Có nhiều hình thức tổ chức kiểu bài này. Cách thức phổ biến là GV chuẩn bị sẵn một tờ giấy to, viết sẵn bài thơ, bỏ trống các ô, sau đó cho HS thảo luận về từng ô trống, gọi một số bạn lên bảng để điền. GV cũng có thể chuẩn bị sẵn các thẻ chữ cái *ch* /*tr*, HS lựa chọn chữ phù hợp, dán lên các ô trống của bài thơ trên bảng.

– HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ: đọc thầm đoạn thơ, tìm chữ cái phù hợp.

– GV gọi HS trình bày kết quả của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét.

– GV thống nhất đáp án, chiếu hoặc viết lên bảng:

Chị mây vừa kéo đến
Trăng sao **tr**ốn cả rồi
Đất nóng lòng **ch**ờ đợi
Xuống đi nào, mưa ơi!

Chớp bỗng loè **ch**ói mắt
Soi sáng khắp ruộng vườn
Ơ! Ông **tr**ời bật lửa
Xem lúa vừa **tr**ổ bông.

(Đỗ Xuân Thanh)

b. *Chọn v hoặc d thay cho ô vuông.*

Phần này GV tổ chức hoạt động dạy học tương tự phần a. Đáp án:

Con tàu **v**ào ga, vừa chạy **v**ừa "tu tu" một hồi **d**ài. Sân ga bỗng chốc nhộn nhịp **v**à náo nhiệt hẳn lên. Phía cửa ga, nhiều cánh tay giơ lên **v**ẫy gọi người thân.

VẬN DỤNG

GV nhắc HS về nhà thực hiện hoạt động vận dụng.

CỦNG CỐ

– GV tổng kết bài học: Sau bài học này, các em đã:

+ Đọc và hiểu được bài thơ *Mùa hè lấp lánh.*

+ Phân biệt được *chung* và *trung*, *ch* và *tr*, *v* và *d*.

+ Nghe và kể lại được câu chuyện *Chó đốm con và mặt trời.*

– GV có thể nói rõ thêm về bài thơ *Mùa hè lấp lánh*: Bài thơ nói về một mùa hè tươi đẹp, rực rỡ của các bạn học sinh: mùa hè với ông mặt trời toả nắng, cây cối xanh tươi đầy sức sống, các bạn nhỏ được vui chơi và ăn kem,... Mong các em sẽ có nhiều mùa hè lấp lánh như vậy trong suốt tuổi học trò.

– GV dặn dò HS: Về nhà đọc lại bài thơ *Mùa hè lấp lánh* và kể lại câu chuyện *Chó đốm con và mặt trời* cho người thân nghe và hỏi thêm người thân về hiện tượng mặt trời mọc và lặn.

Bài 8 TẠM BIỆT MÙA HÈ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài đọc *Tạm biệt mùa hè* (bài đọc này thuộc thể loại tự sự, có giọng đọc tâm tình, nhẹ nhàng).

   b. Nhận biết được nội dung bài đọc: *Tạm biệt mùa hè* là dòng suy nghĩ của cô bé Diệu vào đêm trước ngày khai giảng, Diệu nhớ lại những việc mà mình đã làm trong suốt mùa hè vừa qua – một mùa hè không rực rỡ, sôi động mà thiết tha, lắng đọng, nhiều xúc cảm.

   c. Đọc và nắm được những điểm nổi bật trong văn bản HS tự tìm đọc, biết ghi phiếu đọc sách.

2. Mở rộng vốn từ về mùa hè với các tiểu trường nghĩa: *thời tiết, đồ ăn thức uống, đồ dùng, trang phục, hoạt động*; hiểu và sử dụng được một trong những chức năng của dấu hai chấm: dùng để báo hiệu phần giải thích, liệt kê.

3. Phát triển kĩ năng viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một người bạn.

4. Bồi dưỡng tình cảm yêu thương với người thân trong gia đình và những người xung quanh, biết quan sát và có ý thức giúp đỡ mọi người (thông qua nhân vật Diệu trong *Tạm biệt mùa hè*).

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (bài đọc giúp ta hình dung về cuộc sống của một cô bé ở vùng cao nguyên miền Trung, nơi có hoa trái quanh năm với một cuộc sống bình yên, chan chứa tình cảm con người).

2. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ bài đọc phóng to, hoặc tranh ảnh về các loại quả như bơ, sầu riêng, những hình ảnh về mùa hè,...

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV có thể hỏi HS về bài *Mùa hè lấp lánh* (VD: Em nhớ nhất câu thơ nào trong bài thơ *Mùa hè lấp lánh?* Em thích nhất điều gì ở bài thơ này?).

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ cho HS:

+ Thực hiện yêu cầu ở phần Khởi động: *Nói với bạn cảm nghĩ của em khi mùa hè kết thúc.*

+ Có thể làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp.

– HS (2 – 3 em) lần lượt phát biểu ý kiến trước lớp.

Với yêu cầu ở phần Khởi động, HS được nói theo ý kiến cá nhân, nói về bất cứ điều gì các em cảm nhận được từ mùa hè.

GV có thể hướng dẫn HS quan sát tranh và suy đoán về mùa hè của cô bé trong tranh.

Sau đó, GV giới thiệu khái quát nội dung bài đọc *Tạm biệt mùa hè* (VD: Mỗi chúng ta đều vừa trải qua một mùa hè với rất nhiều hoạt động. Bạn Diệu trong bài đọc sau đây đã có một mùa hè giản dị mà cũng rất đẹp. Bạn ấy sẽ kể lại trải nghiệm mùa hè của mình cho các em nghe).

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (giọng đọc nhẹ nhàng và chứa nhiều cảm xúc như đang tâm tình, kể chuyện).

Có thể mời 1 HS đọc tốt để đọc cả bài. Những HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *Diệu, háo hức, sầu riêng,...*).

+ Lưu ý cách ngắt giọng ở những câu dài (VD: *Diệu yêu những người cô,/ người bác/ tảo tần bán từng giỏ cua,/ mớ tép; yêu cả những người bà/ sáng nào cũng dắt cháu đi mua/ một ít kẹo bột,/ vài cái bánh mì*).

+ Chia đoạn: 5 đoạn. Đoạn 1: từ đầu đến *những gì nhỉ?*. Đoạn 2: tiếp theo đến *thật là thích!*. Đoạn 3: tiếp theo đến *kho chuyện thú vị*. Đoạn 4: tiếp theo đến *vài chiếc bánh mì*. Đoạn 5: phần còn lại. Như vậy, bài này có 5 đoạn trong đó đoạn 1 và 5 là mở bài và kết bài, còn 3 đoạn ở giữa sẽ tương ứng với 3 trải nghiệm trong hè của Diệu. (Tuỳ vào đối tượng HS mà GV có thể tự chia đoạn hoặc yêu cầu HS chia đoạn, HS có thể đánh dấu các đoạn bằng bút chì.)

– 5 HS đọc nối tiếp 5 đoạn trước lớp.

– HS làm việc nhóm (3 – 4 em/ nhóm), luân phiên đọc.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV gọi một số HS đọc trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

– GV giải thích từ ngữ khó: *kì thú, tỉ tê, tảo tần.*

– GV cho HS quan sát bức tranh chủ đạo của bài đọc, giới thiệu nhân vật Diệu, mẹ của Diệu và loài cây mà hai mẹ con đang hái quả (cây chôm chôm). Đối với HS khá, giỏi, GV có thể nêu câu hỏi cho phần tranh, VD: *Theo em, hai nhân vật trong tranh là ai? Họ đang làm gì? Tên của loài cây trong tranh là gì?*

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Vì sao đêm trước ngày khai giảng, Diệu nằm mãi mà không ngủ được?*

– GV nêu câu hỏi, gọi 1 – 2 HS đọc lại câu hỏi, chia cặp hoặc nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Tìm đoạn văn có chứa thông tin về câu trả lời. Đọc lướt lại đoạn đó.

+ Trao đổi và thống nhất câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến.

– GV và HS chốt đáp án. (Đêm trước ngày khai giảng, Diệu nằm mãi mà không ngủ được vì háo hức chờ sớm mai đến lớp). GV lưu ý đối với HS khá, giỏi, có thể thêm câu hỏi liên hệ: Em đã bao giờ hồi hộp chờ đợi điều gì đó đến mức không ngủ được chưa?)

Câu 2. *Mùa hè, Diệu đã làm những gì?*

– GV nêu câu hỏi, gọi 1 – 2 HS đọc lại câu hỏi, chia cặp hoặc nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Đọc kĩ các thẻ chữ.

+ Tìm đoạn văn có chứa thông tin liên quan đến các thẻ chữ. Đọc lướt lại đoạn đó.

+ Trao đổi và thống nhất câu trả lời, loại phương án sai.

GV nhắc thêm HS: Câu trả lời này sẽ nằm ở nhiều đoạn văn khác nhau, cần tìm cho đầy đủ. Khi gọi đại diện một số nhóm trả lời trước lớp, GV có thể cho các nhóm khác bổ sung (nếu HS trả lời chưa đủ), hoặc nhắc lại. Có thể hỏi thêm về các phương án bị loại: đi du lịch, đi ngắm núi non là hoạt động của ai?

– Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến.

– GV và HS chốt đáp án. (Mùa hè, Diệu đã đi thu hái quả, đến chơi nhà bà cụ Khởi và cùng mẹ ra chợ.)

Câu 3. *Nói về những trải nghiệm của Diệu trong mùa hè: a. Khi ở nhà bà cụ Khởi; b. Khi ở góc chợ quê nghèo.*

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, hướng dẫn HS làm việc theo cặp. (Câu hỏi có 2 ý, nằm ở 2 đoạn văn khác nhau. HS cần đọc lướt đoạn văn để xác định câu trả lời.). Từng cặp thực hiện nhiệm vụ như sau:

+ Tìm đoạn văn có chứa câu trả lời (Đoạn văn nói về bà cụ Khởi là đoạn 3. Đoạn văn nói về khu chợ quê nghèo là đoạn 4).

+ Tìm từ ngữ chỉ hoạt động hoặc suy nghĩ của Diệu.

+ Trao đổi và thống nhất trong cặp về câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến.

– GV và HS chốt đáp án. (a. Khi ở nhà bà cụ Khởi: Diệu chơi với bà và nghe bà kể chuyện. Diệu cảm nhận rằng bà làm được rất nhiều việc và kể chuyện rất hay; b. Khi ở góc chợ quê nghèo, Diệu thấy nhiều con người và cuộc sống khác nhau, Diệu thấy yêu thương tất cả.). GV lưu ý: HS không cần trả lời đúng nguyên văn như thế này, chỉ cần có các ý tương tự.

Câu 4. *Em thích nhất trải nghiệm nào của Diệu trong mùa hè vừa qua?Vì sao?*

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm. Đây là dạng câu hỏi liên hệ, câu hỏi mở, HS có thể phát biểu theo ý kiến riêng của mình.

– GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trả lời. Khuyến khích HS nói dài hơn, cụ thể hơn bằng các câu hỏi gợi ý, yêu cầu HS giải thích lí do vì sao em thích trải nghiệm đó. Tóm lại, GV hướng cho HS trình bày suy nghĩ, cảm nhận của mình để chuẩn bị cho phần viết ở tiết sau.

4. Luyện đọc lại

2 HS đọc nối tiếp, cả lớp nhìn vào sách đọc theo.

ĐỌC MỞ RỘNG

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm: chia sẻ những văn bản đã được đọc ở tuần trước về công việc làm bếp (ngày đọc, tên bài, tác giả, món ăn hoặc hoạt động làm bếp được nói đến, thông tin quan trọng hoặc thú vị,...), tập ghi phiếu đọc sách theo gợi ý trong SHS. GV hướng dẫn HS đánh giá mức độ yêu thích của mình bằng cách tô màu vào các ngôi sao.

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm các từ ngữ nói về mùa hè.

Bài tập này mở rộng vốn từ về mùa hè cho HS.

– GV gọi HS đọc yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS đọc bảng: đọc theo cột, gồm từ ngữ hàng trên + từ ngữ hàng dưới. VD: *thời tiết – nóng nực; đồ ăn thức uống – kem,...* GV giải thích đây là những từ ngữ tiêu biểu cho những phương diện khác nhau của mùa hè.

– HS thảo luận theo nhóm/ cặp: tìm các từ ngữ phù hợp để xếp vào mỗi cột. Vì đề bài không yêu cầu cụ thể mỗi cột cần tìm bao nhiêu từ nên GV tuỳ theo đối tượng HS của mình để yêu cầu tìm số lượng từ cho phù hợp.

– GV gọi đại diện một số nhóm trả lời.

– GV có thể cho các nhóm thi tìm nhanh, nhóm nào tìm được nhiều từ đúng và nhanh nhất sẽ được khen. Có thể dùng các hình thức trình bày khác nhau: viết vào phiếu, viết vào thẻ chữ, dán lên bảng,...

2. *Dấu hai chấm* trong câu sau đây được dùng để làm gì?

Các bạn chắc chắn sẽ kể về những chuyến du lịch kì thú của mình: ra biển, lên núi, đến thăm những thành phố lớn,...

Mục tiêu bài này là giúp HS nhận diện được tác dụng của dấu hai chấm. Dấu hai chấm có 3 tác dụng: (1) Dùng để báo hiệu lời nói trực tiếp, (2) Báo hiệu phần liệt kê, (3) Báo hiệu

phần giải thích. Ở bài này, HS chỉ nhận diện 1 tác dụng của dấu hai chấm: dùng để báo hiệu phần liệt kê.

– GV gọi HS đọc yêu cầu của bài và đọc 3 phương án trắc nghiệm.

– HS thảo luận theo nhóm/ cặp để tìm câu trả lời. Có thể dùng phương pháp loại trừ: không phải phương án 1 vì không có lời nhân vật nào xuất hiện, phải cân nhắc giữa phương án 2 và 3. Nếu HS chọn phương án 2, GV có thể hỏi thêm lí do lựa chọn: vì hàng loạt những hoạt động *ra biển, lên núi, thăm những thành phố lớn* là sự liệt kê, làm rõ cho *những chuyến du lịch kì thú.*

– GV gọi đại diện một số nhóm trả lời.

– GV và HS chốt đáp án. (b. Để báo hiệu phần liệt kê.)

3. Chọn *dấu chấm* hoặc *dấu hai chấm* thay cho ô vuông.

Bài tập này luyện cho HS cách sử dụng dấu hai chấm. HS sẽ tự điền dấu hai chấm vào chỗ thích hợp. Như vậy, các em cần nắm được tác dụng của dấu hai chấm (vừa được học ở bài 2).

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu.

– GV nhắc HS (hoặc có thể đặt câu hỏi để HS trả lời) về công dụng của dấu hai chấm: dùng để báo hiệu phần liệt kê; công dụng của dấu chấm: dùng để kết thúc câu kể.

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, tìm câu trả lời (Có thể gợi ý câu a: ô trống thứ nhất cần điền dấu gì để liệt kê tên gọi các loài hoa? Ô trống thứ hai cần điền dấu gì để kết thúc câu?). Triển khai tương tự với câu (b).

– GV gọi HS trả lời. Có thể cho HS điền vào bảng hoặc giấy (đã được chuẩn bị trước).

– GV và HS chốt đáp án. (a. *Mùa hè có rất nhiều loài hoa: hoa hồng, hoa phượng, hoa mười giờ,... Hoa nào cũng đẹp, cũng rực rỡ sắc màu.*; b. *Có nhiều hoạt động thú vị mà bạn có thể làm khi hè đến: đi cắm trại, đi tắm biển, tham gia các câu lạc bộ,....*)

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Đọc lại câu chuyện *Tạm biệt mùa hè*. Trao đổi với bạn về những nội dung theo gợi ý trong bảng.

Bài này là bước chuẩn bị cho HS viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của mình về một nhân vật. HS sẽ phân tích kĩ hơn về nhân vật Diệu; mỗi một hành động, thái độ của Diệu sẽ có những tác động cụ thể tới người đọc. HS trao đổi với nhau về những tác động đó. Đây là một cách để GV khuyến khích HS mạnh dạn đánh giá/ nêu suy nghĩ của mình về những hành động cụ thể của đối tượng mà mình tiếp xúc.

Bảng hoàn thiện sau đây là một gợi ý để GV có thể hướng dẫn cho HS. Phần này chỉ là phần nói, chưa cần HS viết.

Những việc làm của Diệu	Suy nghĩ, cảm xúc của Diệu	Suy nghĩ, cảm xúc của em về việc làm của Diệu
Diệu vào vườn hái quả cùng mẹ	Thích thú và hào hứng	– Diệu là cô bé chăm làm,... – Diệu biết quan tâm giúp đỡ mẹ,... – Diệu thật tình cảm, đáng yêu!
Diệu đến thăm bà cụ Khởi và trò chuyện với bà	Diệu thấy bà kể chuyện rất hay, Diệu thích nghe bà kể chuyện.	– Diệu là cô bé thân thiện, dễ rung động, yêu quý hàng xóm,...
Diệu ra chợ cùng mẹ và được gặp nhiều người	Diệu yêu mọi người.	Diệu rất chịu khó quan sát cuộc sống xung quanh, là cô bé biết yêu thương mọi người (cả những người Diệu chưa từng quen).

2. Nói về tình cảm, cảm xúc của em đối với một người bạn mà em yêu quý.

– Làm việc chung cả lớp:

GV gọi HS đọc các gợi ý ở mục 2 (1 – 2 em đọc trước lớp).

– Làm việc nhóm:

+ HS trao đổi với nhau theo 3 câu hỏi gợi ý: a. Em muốn nói về tình cảm, cảm xúc của em đối với bạn nào?; b. Bạn đó có điểm gì mà em yêu quý?; c. Em có tình cảm, cảm xúc như thế nào đối với bạn đó?

+ GV quan sát HS, hỗ trợ các nhóm khi cần.

+ Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến. GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

3. Viết 2 – 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em đối với bạn theo gợi ý c ở bài tập 2.

– HS tự viết 2 – 3 câu dựa trên những gợi ý ở bài tập 2. Để tránh việc HS phải viết dài, GV nhấn mạnh vào yêu cầu (c): Em có tình cảm, cảm xúc như thế nào đối với bạn đó? (VD: *Em rất yêu quý bạn Lan. Vì Lan học chăm, lại hay giúp đỡ mọi người*).

– GV chữa một số bài cho HS. Lưu ý cho HS lỗi về câu, từ và chính tả.

VẬN DỤNG

– GV nhắc HS về nhà đọc bài viết của em cho người thân nghe và nghe người thân góp ý. Suy nghĩ xem sau khi người thân góp ý, em có muốn thay đổi gì trong bài viết của mình không.

CỦNG CỐ

– GV tổng kết bài học. Sau bài học này, chúng ta đã:

+ Đọc và hiểu được bài *Tạm biệt mùa hè*: bài đọc kể về trải nghiệm mùa hè của cô bé Diệu,

những trải nghiệm rất nhẹ nhàng và cũng nhiều ý nghĩa, thể hiện được tâm hồn đẹp đẽ của một bạn nhỏ biết quan tâm, yêu quý những người xung quanh.

+ Mở rộng vốn từ ngữ về mùa hè. Hiểu được một trong những chức năng của dấu hai chấm (dùng để liệt kê) và biết cách sử dụng nó.

+ Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một người bạn.

– GV dặn dò HS: Về nhà chú ý quan sát người thân của mình, giúp đỡ người thân bằng những việc làm phù hợp.

– GV chốt lại toàn bộ chủ điểm đã học: *Những trải nghiệm thú vị* (Như vậy, các em đã học xong một chủ điểm lớn, trong chủ điểm này, các em đã được cùng các bạn nhỏ trải nghiệm cuộc sống ở nhiều vùng đất, với nhiều công việc khác nhau: về quê, ra biển, lên vùng trung du hoặc cao nguyên, học bơi, tập nấu ăn,... Chắc chắn, các em sẽ rút ra được những bài học bổ ích trong từng trải nghiệm của các bạn nhỏ).

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

CỔNG TRƯỜNG RỘNG MỞ

TUẦN 5

Bài 9 ĐI HỌC VUI SAO (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Đi học vui sao*, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ và giữa các dòng thơ; nhận biết được các đặc điểm của một bài thơ như khổ thơ, vần,...; bước đầu biết thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong bài thơ qua giọng đọc.

   b. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể trong bài thơ; nhận biết được suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật thông qua các từ ngữ, hình ảnh miêu tả hoạt động, cảm xúc của nhân vật; hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Mỗi ngày đi học là một ngày vui của các bạn học sinh.
2. Nói về một ngày đi học và nói cảm nghĩ sau một tháng học tập.
3. Viết đúng chính tả 3 khổ đầu của bài thơ *Đi học vui sao* (theo hình thức nhớ – viết) trong khoảng 15 phút. Viết đúng từ ngữ chứa *s/ x, dấu hỏi/ dấu ngã.*
4. Cảm nhận được niềm vui khi được đi học, có tình cảm yêu quý trường lớp, thầy cô, bạn bè.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản thơ 5 chữ và một số đặc trưng của thơ (vần thơ, khổ thơ, nhịp thơ, từ ngữ gợi tả, gợi cảm, nhạc điệu,...).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh phần Khởi động, tranh minh hoạ bài thơ *Đi học vui sao*.

– Thẻ chữ và tranh minh hoạ ở bài tập chính tả.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

Nhắc lại tên bài học trước (*Tạm biệt mùa hè*) và nói về điều em thích hoặc nhớ nhất trong bài học đó.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Khởi động

– GV nêu yêu cầu (Em thường kể với người thân những chuyện gì về trường lớp của em?) và hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.

– Cá nhân:

+ Quan sát các bức tranh, nhớ lại các hoạt động ở trường học.

+ Nhớ lại những điều em thường hay kể với người thân về trường học.

+ Chuẩn bị nội dung trả lời.

– Nhóm/ cặp:

+ Lần lượt từng HS phát biểu trong nhóm, nói về những điều mình thường hay kể với người thân về trường lớp. Các HS khác lắng nghe, trao đổi, góp ý.

– Cả lớp:

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Các HS lắng nghe, nhận xét, góp ý.

+ GV khen ngợi các bạn nói tốt và động viên các bạn còn gặp khó khăn trong việc trình bày.

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc. (VD: Tranh vẽ cảnh con đường làng uốn lượn, xung quanh là cảnh làng quê rất đẹp. Trên đường có hai bạn nhỏ đeo cặp đang tung tăng chạy nhảy, các bạn đang cười đùa rất vui. Đây có lẽ là đường đi học của các bạn nhỏ, khung cảnh rất yên bình. Hai bạn nhỏ đang đi học hoặc đi học về, nhìn các bạn rất vui. Chúng ta cùng đọc bài xem khi đi học, các bạn có những niềm vui gì.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *nắng, trong lành, làn gió, nương lúa, cổ tích, náo nức, nô đùa, vẽ tranh, chín vàng,...*).

+ Cách ngắt nhịp 2/3 hoặc 3/2:

Sáng nay/ em đi học *Cô dạy múa,/ dạy hát*

Bình minh/ nắng xôn xao *Làm đồ chơi/ khéo tay.*

– 2 HS đọc nối tiếp 5 khổ trước lớp.

– HS làm việc theo cặp: Mỗi HS đọc một khổ, đọc lần lượt nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 HS đọc nối tiếp 5 khổ trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Bạn nhỏ đi học trong khung cảnh như thế nào?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– 2 – 3 HS phát biểu ý kiến.

– Các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).

– GV nhận xét, chốt đáp án (Bạn nhỏ đi học trong khung cảnh bình minh nắng xôn xao, gió trong lành, mát rượi, gió lướt nhẹ trên má của bạn ấy). GV có thể nói rõ thêm: Đó là một khung cảnh đẹp, bình yên, thể hiện cảm xúc rất vui vẻ, hào hứng của bạn nhỏ khi đi học.

– GV có thể đặt câu hỏi liên hệ: Khi em đi học, cảnh vật xung quanh như thế nào?

Câu 2. *Những trang sách bạn nhỏ được học có gì thú vị?*

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi.

– HS làm việc theo cặp, chuẩn bị câu trả lời phát biểu trước lớp.

– 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. (VD: Những trang sách mới rất thơm, có lẽ là mùi của giấy, của mực. Trong trang sách có hình ảnh nương lúa, cánh cò dập dờn, có những câu chuyện cổ tích rất hay.)

– GV nói thêm: Mỗi khi đọc sách, ngoài việc tiếp nhận những điều hay của nội dung sách, các em có thể cảm nhận sách bằng rất nhiều giác quan. Các em dùng tai nghe tiếng lật giấy, dùng mắt xem tranh, đọc chữ, dùng mũi ngửi mùi giấy, mực, dùng tay sờ vào giấy. Vì thế, mỗi quyển sách đều mang lại rất nhiều điều thú vị cho người đọc, giống như bạn nhỏ trong bài thơ đã cảm nhận.

– GV có thể liên hệ: Còn em, em thấy những quyển sách có gì thú vị?

Câu 3. *Tìm những chi tiết thể hiện niềm vui của các bạn trong giờ ra chơi.*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ 1 HS đọc to yêu cầu.

+ Đọc kĩ lại bài thơ để tìm khổ thơ nói về giờ ra chơi.

+ Quan sát tranh gợi ý và tìm chi tiết trong khổ thơ nói về niềm vui của các bạn trong giờ ra chơi.

+ Từng bạn phát biểu ý kiến, cả nhóm góp ý. Mỗi nhóm cử 1 bạn trình bày ý kiến trước lớp.

HS làm việc nhóm theo hướng dẫn của trưởng nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu.

– GV và HS nhận xét, góp ý (chi tiết các bạn náo nức nô đùa và túm tụm, say sưa vẽ tranh).

– GV có thể đặt câu hỏi liên hệ: Khi ra chơi, các em thường làm gì? Các em thích làm gì nhất? Em cảm thấy thế nào sau mỗi giờ ra chơi?

Câu 4. *Nêu cảm xúc của bạn nhỏ khi tan học.*

– GV yêu cầu HS suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp về câu trả lời của mình.

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (VD: Khi tan học, lòng bạn nhỏ vui xốn xang. Các hành động của bạn cũng thể hiện cảm xúc rất vui như ùa chạy, hát theo nhịp chân bước.)

Câu 5. *Em cảm thấy thế nào khi nghe tiếng trống tan trường?*

– GV gợi ý: HS có thể nêu cảm xúc nói chung khi nghe tiếng trống tan trường. (VD: Mỗi khi nghe tiếng trống tan trường, em đều rất vui, giống như bạn nhỏ trong bài thơ), hoặc cảm xúc sau khi kết thúc một buổi học cụ thể (VD: Em không có cảm xúc vui giống bạn nhỏ trong bài thơ. Hôm qua, khi tan trường, em rất buồn. Vì trong giờ ra chơi em và bạn Lan giận nhau),...

– Lần lượt từng HS nêu cảm xúc của mình trong nhóm. GV khuyến khích HS nêu thêm lí do khiến HS có cảm xúc đó. Cả nhóm nhận xét, góp ý.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời trước lớp. GV khen ngợi những HS trình bày tốt, rõ ràng, mạch lạc.

4. Học thuộc lòng

GV hướng dẫn học thuộc lòng

– Làm việc cá nhân:

+ Đọc lại nhiều lần từng khổ thơ trong ba khổ thơ đầu để học thuộc.

– Làm việc theo cặp, theo nhóm:

+ Đọc nối tiếp (hoặc đọc đồng thanh) từng câu thơ/ từng khổ thơ.

+ Câu thơ/ khổ thơ nào chưa thuộc, có thể mở SHS ra để xem lại.

– Làm việc chung cả lớp:

+ Một số HS xung phong đọc những khổ thơ mình đã thuộc.

+ Cả lớp hỗ trợ (nếu bạn quên) và góp ý, nhận xét.

NÓI VÀ NGHE

Tới lớp, tới trường

1. Giới thiệu chủ điểm luyện nói.

– GV hỏi HS: Theo các em, ở chủ điểm *Cổng trường rộng mở*, các em sẽ được đọc, viết, nói và nghe về những điều gì?

– HS (2 – 3 em) phát biểu ý kiến trước lớp (VD: Ở chủ điểm *Cổng trường rộng mở*, chúng em sẽ được đọc câu chuyện, bài thơ về trường lớp, về thầy cô, về bạn bè, về việc học tập và vui chơi ở trường, ở lớp,...).

– GV nêu chủ điểm luyện nói: *Tới lớp, tới trường*. Chủ điểm này giúp các em được chia sẻ ý kiến của mình về hoạt động học tập trong năm học mới, sau một kì nghỉ hè dài.

2. Luyện nói theo chủ điểm

– GV nêu 2 yêu cầu:

+ Kể về một ngày đi học của em.

+ Nêu cảm nghĩ của em sau một tháng học tập.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu 1:

+ Làm việc cá nhân: đọc lại yêu cầu 1 và phần gợi ý; chuẩn bị nội dung để nói trước nhóm, trước lớp. Các em có thể viết ra giấy/ vở ô li các ý chính mình sẽ nói trong nhóm hoặc nói trước lớp theo gợi ý. Tập nói một mình hoặc nói theo cặp.

+ Làm việc nhóm: Từng em trình bày trước nhóm theo 4 gợi ý. Các bạn trong nhóm góp ý, từng bạn có thể nói lại theo góp ý của nhóm.

– GV giải thích thêm: Các em có thể kể lại toàn bộ một ngày học của em theo gợi ý trong SGK, cũng có thể chỉ kể điều khiến mình nhớ nhất của ngày học hôm đó (hoặc kể các hoạt động chung diễn ra ở tất cả các ngày học trong tuần.

VD: Tôi xin kể về một ngày học làm tôi nhớ mãi. Sáng hôm đó, tôi đi đến trường cùng với... Thời tiết... Đường đến trường... Ngày hôm đó, tôi được học các môn....

– GV mời một số HS trình bày trước lớp, cả lớp và GV nhận xét, góp ý, động viên.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu 2:

HS làm việc nhóm: Từng em nêu cảm nghĩ của mình sau một tháng học tập. (GV giảng giải thêm: các em có thể nêu mình đã quen với hoạt động học tập chưa, đã quên những ngày hè chưa, mỗi ngày đến trường em có cảm xúc thế nào,...).

– Một số em nói trước lớp, cả lớp nhận xét, góp ý.

GV lưu ý HS khi nói cần nói rõ ràng, đủ nghe; khi nói cần nhìn vào mắt người nghe.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nhớ – viết

– GV nêu yêu cầu 1: Nhớ – viết 3 khổ thơ đầu trong bài *Đi học vui sao*. (*Lưu ý:* Do bài thơ *Đi học vui sao* mới học ở tiết học trước, có thể có em chưa thuộc. GV có thể cho HS tự nhớ – viết bài thơ các em đã thuộc từ những bài học trước, độ dài khoảng 60 chữ.)

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị:

+ Đọc nhẩm lại đoạn thơ sẽ nhớ – viết, có thể mở SGK để đọc lại bài thơ hoặc đoạn thơ nếu có chỗ chưa nhớ chính xác.

+ Quan sát những dấu câu có trong đoạn thơ và cách trình bày các khổ thơ trong SGK.

+ Chú ý viết hoa chữ đầu tên bài, viết hoa chữ đầu mỗi câu thơ.

+ Nhớ cách viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

– HS nhớ – viết đoạn thơ/ bài thơ vào vở.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi, đánh dấu lỗi và sửa lỗi xuống dưới bài viết.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em viết sạch đẹp, những em nhớ – viết đúng, viết nhanh đoạn/ bài thơ.

2. Tìm từ ngữ

GV hướng dẫn HS chọn bài tập a hoặc b.

a. *Nhìn tranh, tìm và viết từ ngữ chỉ sự vật chứa tiếng bắt đầu bằng s hoặc x.*

– 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc cá nhân: Quan sát các sự vật được vẽ trong tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật theo yêu cầu và viết vào vở bài tập hoặc vở ô li những từ ngữ đó.

– HS làm việc chung (nên tổ chức thi tìm và viết nhanh từ ngữ tìm được).

+ Một số HS trình bày bài làm của mình (hoặc tổ chức các đội thi viết nhanh).

+ Cả lớp đối chiếu kết quả theo hướng dẫn của GV. (VD: dòng suối, hoa sim, bờ suối, nhà sàn, con sóc, xe máy (bình xăng, ống xả,...), xẻng, sỏi đá, sân nhà,...

b. *Nhìn tranh, tìm và viết từ ngữ chỉ sự vật chứa tiếng có dấu hỏi hoặc dấu ngã.* Cách thực hiện có thể tiến hành tương tự như cách làm bài tập a. (VD: mũ vải/ cái mũ, cửa vào nhà, cầu thang gỗ, cột gỗ, cối giã gạo, thuổng, xẻng, khăn vải, khăn thổ cẩm, tảng đá/ sỏi đá,...)

3. Tìm thêm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *s, x* (hoặc chứa tiếng có *dấu hỏi, dấu ngã*).

– HS làm việc chung theo cặp/ nhóm (nên tổ chức thi tìm và viết nhanh từ ngữ tìm được).

– HS có thể chơi trò chơi "truyền điện", lần lượt từng em nói nhanh từ ngữ chứa tiếng theo yêu cầu.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng: Viết 2 – 3 câu về điều em nhớ nhất trong buổi học hôm nay.

– Suy nghĩ để xác định điều nhớ nhất trong buổi học.

– Viết 2 – 3 câu theo yêu cầu. Trao đổi với người thân để xin ý kiến góp ý.

CỦNG CỐ

– GV nhận xét về kết quả học tập bài 9, động viên, khen ngợi các em học tập tích cực, các em học tập tiến bộ, có nhiều cố gắng.

– Dặn dò HS về nhà thực hiện hoạt động vận dụng.

Bài 10 CON ĐƯỜNG ĐẾN TRƯỜNG (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài đọc *Con đường đến trường*; biết đọc theo giọng đọc tâm tình, nhẹ nhàng, tha thiết.

b. Nhận biết được nội dung bài đọc: *Con đường đến trường* là dòng suy nghĩ của một bạn học sinh miền núi về con đường đi học của mình, là những trải nghiệm của chính bạn học sinh đó và bạn bè trong những ngày mưa, ngày nắng; dù vất vả đến đâu, em cũng không bỏ một buổi học nào; bài đọc toát lên sự lạc quan và tình yêu của những bạn nhỏ với trường lớp và thầy cô.

c. Đọc thêm được những văn bản mới về trường lớp hoặc tự đọc được bài *Ngôi trường mới.*

2. Nắm được từ chỉ đặc điểm với 3 nhóm nhỏ: từ chỉ đặc điểm về *màu sắc, âm thanh, hương vị.* Biết sử dụng nhóm từ này để hoàn thiện câu.

3. Phát triển kĩ năng viết đoạn văn biểu cảm: nêu tình cảm, cảm xúc của em đối với một người mà em yêu quý.

4. Có tình cảm yêu thương, cảm thông, chia sẻ với những bạn nhỏ miền núi, thêm yêu trường lớp của mình.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Thể loại văn bản tự sự. (Qua câu chuyện của một bạn nhỏ miền núi, ta hình dung được về con đường đi học vô cùng vất vả, khó khăn của các bạn nhỏ nơi đây, nhất là khi trời mưa nhiều và lũ lụt. Từ đó, người đọc thêm cảm phục tinh thần lạc quan và yêu trường lớp, yêu cô giáo của các bạn nhỏ.)

– Từ loại tiếng Việt (từ chỉ đặc điểm, tính chất – tính từ).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ bài đọc phóng to, hoặc tranh ảnh về những ngôi trường ở miền núi, những con đường đến trường của nhiều vùng quê khác nhau,...

– Sách, truyện phục vụ yêu cầu đọc mở rộng.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV hỏi HS về bài *Đi học vui sao.* (Có thể cho HS đọc một vài câu thơ mà các em thích nhất.)

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ cho HS:

+ Thực hiện yêu cầu ở phần Khởi động: *Trao đổi với bạn: Em thích quan sát những gì trên đường đi học?*.

+ Làm việc theo cặp hoặc nhóm.

– HS (2 – 3 em) lần lượt phát biểu ý kiến trước lớp.

Với yêu cầu ở phần *Khởi động*, HS được nói theo ý kiến cá nhân, nói về bất cứ điều gì các em quan sát được trên con đường đến trường của mình. GV có thể thêm các câu hỏi gợi dẫn: Em đến trường cùng với ai? Bằng phương tiện gì? Từ nhà em đến trường có xa không? Đi qua những nơi nào? Có gì đặc biệt em thấy trên đường?...

Sau đó, GV có thể cho HS quan sát tranh, đoán xem các bạn nhỏ đi học ở vùng nào, các bạn ấy có tâm trạng như thế nào trên đường đến trường? Tiếp theo, GV giới thiệu khái quát nội dung bài đọc *Con đường đến trường* (VD: Có những bạn nhỏ phải rất vất vả mới đến được ngôi trường mà mình học. Hãy xem con đường đi học của các bạn ấy thế nào.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (giọng đọc nhẹ nhàng và chứa nhiều cảm xúc như đang tâm tình, kể chuyện. Đoạn văn thứ 2 đọc với giọng vui vẻ hơn. Có thể mời 1 HS đọc tốt để đọc cả bài. Những HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *vắt vẻo, thỉnh thoảng, rừng vầu,...*).

+ Lưu ý cách ngắt giọng ở những câu dài (VD: *Để khỏi ngã,/ tôi thường tháo phăng đôi dép nhựa/ và bước đi bằng cách/ bấm mười đầu ngón chân xuống mặt đường.*)

+ Chia đoạn: 4 đoạn. Đoạn 1: từ đầu đến *nhấm nháp*. Đoạn 2: tiếp theo đến *bàn chân*. Đoạn 3: tiếp theo đến *ngập trong nước lũ*. Đoạn 4: phần còn lại. Tuỳ theo trình độ của HS mà việc chia đoạn sẽ do HS hoặc GV thực hiện. GV nhắc HS đánh dấu đoạn trong SHS bằng bút chì.

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– HS làm việc nhóm (4 em/nhóm), đọc nối tiếp nhau.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV gọi một số HS đọc trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

– GV giải thích từ ngữ khó: *vắt vẻo, lúp xúp, lạc tiên, vầu*. (Phần giải nghĩa từ có thể được lồng vào phần trả lời câu hỏi).

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Ở đoạn 1, con đường đến trường của bạn nhỏ hiện lên như thế nào?*

– GV nêu câu hỏi hoặc gọi HS đọc câu hỏi trong SHS, giao nhiệm vụ làm việc nhóm cho HS:

+ Đọc kĩ 3 nội dung gợi ý bên dưới câu hỏi (hình dáng con đường, bề mặt đường, hai bên đường).

+ Tìm trong đoạn văn 1 câu trả lời liên quan đến những nội dung đó.

+ Các nhóm trao đổi và thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến.

– GV và HS chốt đáp án. (*Hình dáng*: nằm vắt vẻo lưng chừng đồi; *Mặt đường*: mấp mô; *Hai bên đường*: lúp xúp cây cỏ dại, cây lạc tiên.)

Câu 2. *Con đường được miêu tả như thế nào?*

– *Vào những ngày nắng*

– *Vào mùa mưa*

Hoạt động dạy học được triển khai tương tự câu hỏi 1. Có 2 gợi ý để trả lời: vào những ngày nắng, vào mùa mưa. HS căn cứ vào những từ ngữ gợi ý để tìm câu trả lời. Lưu ý HS chắt lọc những chi tiết quan trọng.

– GV và HS chốt đáp án. (Vào ngày nắng: đất dưới chân xốp nhẹ như bông, mặt đường có những viên đá, sỏi găm vào bàn chân người đi trên đường; Vào mùa mưa: con đường lầy lội và trơn trượt, nhiều khúc đường ngập trong nước lũ.)

Câu 3. *Vì sao bạn nhỏ không nghỉ một buổi học nào kể cả khi trời mưa rét?*

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm. (Có thể gợi ý HS: phần đứng sau cụm từ "ấy là do" sẽ là phần giải thích lí do).

– Một số HS phát biểu ý kiến.

– GV và HS chốt đáp án. (Bạn nhỏ không nghỉ một buổi học nào kể cả khi trời mưa rét vì cô giáo thường đợi, đưa các bạn đến lớp.)

Câu 4. *Theo em, bạn nhỏ có tình cảm như thế nào với cô giáo?*

Đây là dạng câu hỏi mở, HS có thể phát biểu theo ý kiến riêng của mình nhưng cần căn cứ vào những thông tin có trong bài đọc, đặc biệt ở đoạn văn cuối bài.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm. Các bạn trong nhóm trao đổi với nhau ý kiến riêng của mình. GV quan sát các nhóm.

– GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trả lời.

– GV có thể tổng kết lại những ý kiến của HS, VD: Bạn nhỏ không nghỉ buổi học nào vì xúc động trước việc làm của cô: đón và đưa các bạn đến lớp những ngày trời mưa rét. Như vậy, chắc chắn bạn nhỏ rất yêu thương, quý trọng cô giáo của mình,...

Câu 5. *Con đường đi học của các bạn nhỏ trong bài gợi cho em những suy nghĩ gì?*

Đây là dạng câu hỏi liên hệ, HS có thể phát biểu ý kiến riêng của mình, so sánh với con đường đi học của chính mình.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm. GV có thể đưa thêm các câu hỏi gợi ý: Con đường đi học của các bạn có vất vả không? Các bạn có hay nghỉ học không? Trên đường đi học, các bạn tỏ ra thế nào?

– GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trả lời.

– GV có thể tổng kết lại những ý kiến của HS, VD: Em thấy đường đến trường của các bạn rất vất vả, khó khăn, nhưng các bạn vẫn chịu khó đi học. Trên đường đi học, các bạn vẫn rất vui vẻ nói chuyện cùng nhau, ăn quả lạc tiên với nhau, thi xem ai chạy nhanh hơn. Em rất cảm phục các bạn,...

4. Luyện đọc lại

2 – 3 HS đọc nối tiếp (cả lớp đọc thầm theo).

VIẾT

1. Ôn chữ viết hoa

– GV nêu tên bài học: Ôn chữ viết hoa *D, Đ* (GV nói rõ với HS: cần nhớ lại cách viết chữ viết hoa đã được luyện viết từ lớp 2). Trong khoảng nửa tiết học, các em ôn lại cách viết 2 chữ viết hoa *D, Đ* và viết ứng dụng.

– GV viết mẫu, kết hợp nhắc lại cách viết các chữ viết hoa (hoặc cho HS quan sát clip hướng dẫn viết chữ *D, Đ*).

– HS viết chữ viết hoa *D, Đ* ra nháp trước khi viết vào vở ô li theo hướng dẫn.

– HS viết chữ viết hoa *D, Đ* theo yêu cầu (về số chữ) vào vở.

– GV nhận xét chữ viết của HS.

2. Viết ứng dụng

a. *Viết tên riêng*

– HS đọc tên riêng: *Bình Dương*.

– HS viết tên riêng *Bình Dương* vào vở.

– GV giới thiệu với HS: Bình Dương là một phường thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

b. *Viết câu*

– HS đọc thầm câu ứng dụng: *Dưới trăng quyên đã gọi hè*
Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông.

– GV giới thiệu câu ứng dụng: Đây là hai câu thơ nổi tiếng của đại thi hào Nguyễn Du. Câu thơ miêu tả những dấu hiệu đầu tiên của mùa hè: tiếng chim quyên, hoa lựu trổ bông đỏ rực rỡ, đầy sức sống.

– GV nhắc HS trong câu ứng dụng có các chữ viết hoa *D, Đ*. Lưu ý HS viết đúng chính tả các chữ như *quyên, lửa, lựu, lập loè,...* và cách trình bày câu ứng dụng theo đúng thể thơ lục bát.

– HS viết câu ứng dụng vào vở.

– HS góp ý cho nhau theo cặp hoặc theo nhóm.

– GV lựa chọn một số bài viết của HS chiếu lên màn hình, cả lớp nhận xét, sửa chữa. GV động viên những HS viết đẹp, tiến bộ.

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm những từ ngữ chỉ đặc điểm của con đường.

– GV gọi HS đọc yêu cầu của đề bài, đọc ví dụ mẫu.

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm:

+ Xem lại bài đọc, tìm từ ngữ trong bài theo yêu cầu.

+ Tìm thêm những từ ngữ ngoài bài đọc (Lưu ý những từ ngữ chỉ đặc điểm của con đường thì sẽ kết hợp trực tiếp được với từ "con đường": ví dụ *bằng phẳng, nhỏ, đông đúc, tấp nập,...*).

– GV gọi đại diện một số nhóm trả lời. (GV có thể cho các nhóm thi tìm nhanh, nhóm nào tìm được nhiều từ đúng và nhanh nhất sẽ được khen. GV có thể chuẩn bị sẵn những thẻ giấy để HS ghi các từ mình tìm được.)

– GV và HS thống nhất đáp án. (Những từ ngữ nói về đặc điểm con đường có trong bài: *mấp mô, lầy lội, trơn trượt*; ngoài bài có thể có các từ như: *bằng phẳng, rộng rãi, thoáng đãng, thênh thang, gồ ghề, khúc khuỷu, hẹp, nhỏ, gập ghềnh,...*)

2. Tìm thêm các từ ngữ chỉ đặc điểm cho mỗi nhóm: màu sắc, âm thanh, hương vị và mỗi nhóm đặt một câu với từ ngữ tìm được.

Bài tập này vừa giúp HS mở rộng vốn từ, vừa giúp HS hiểu sâu hơn về các tiểu loại từ chỉ đặc điểm. Trong bài đã có những ví dụ gợi ý cho mỗi tiểu loại để định hướng cho HS (mỗi nhóm có 2 từ gợi ý).

– GV gọi HS đọc yêu cầu của bài và đọc chữ viết trên những lá cây.

– HS thảo luận theo nhóm (3 người): tìm câu trả lời.

– GV gọi đại diện một số nhóm trả lời.

– GV và HS chốt đáp án. (VD: Từ ngữ chỉ màu sắc: *tím, vàng, vàng óng, đen sì, đỏ au, trắng tinh, trắng bóng,...* Từ ngữ chỉ âm thanh: *róc rách, ì ầm, ầm ầm, khanh khách, vi vu, xào xạc, lao xao,...* Từ ngữ chỉ hương vị: *thơm, thơm ngát, cay, cay nồng, đắng, đắng ngắt, mặn, mặn chát, ngọt ngào, chua, chua loét,...*)

GV có thể cho các nhóm thi tìm nhanh, ghi những từ ngữ tìm được vào những mảnh giấy đã được chuẩn bị sẵn, nhóm nào tìm được nhiều từ đúng và nhanh nhất sẽ được khen.

– HS đặt câu với một từ ngữ chỉ đặc điểm vừa tìm được ở mỗi nhóm. HS và GV nhận xét.

GV nhắc lại một số câu tiêu biểu nhất, HS có thể bình chọn câu mình thích nhất. (VD: *Vào rừng, tôi nghe thấy tiếng suối chảy róc rách, tiếng lá rừng xào xạc.*)

3. Chọn từ chỉ đặc điểm thay cho ô vuông: *xanh um, nhộn nhịp, đỏ rực, râm ran, sớm.*

Bài tập này luyện cách sử dụng từ chỉ đặc điểm để miêu tả một sự vật cụ thể trong những ngữ cảnh nhất định. GV nên cho HS làm theo nhóm. Có nhiều cách thức tiến hành hoạt động này. VD: GV in sẵn đoạn văn vào những mảnh giấy nhỏ, phát cho mỗi nhóm, để HS có thể điền từ trực tiếp vào chỗ trống trong đoạn. GV cũng có thể chiếu đoạn văn trên màn chiếu, đánh số thứ tự các ô trống. HS sẽ viết các từ cần điền ra bảng con hoặc ra giấy. Các nhóm thi với nhau xem nhóm nào làm nhanh và đúng nhất. GV gợi ý các em: số lượng từ và số lượng ô trống là bằng nhau (đều là 5); ô trống nào dễ, có thể điền trước; sau đó suy luận dần.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài.

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm: tự đọc đoạn văn, đoán thử các phương án. Chú ý các từ chỉ đặc điểm phải đi cùng các từ chỉ sự vật/ hoạt động có liên quan. (VD: hoa phải "đỏ rực" chứ không thể "xanh um". Khi HS trả lời, GV có thể hỏi thêm để HS giải thích vì sao mình lựa chọn phương án như vậy).

– GV gọi đại diện vài nhóm trả lời.

– GV và HS chốt đáp án. (*Buổi sáng, Nam đạp xe tới trường trên con đường quen thuộc. Hè đã sang, mấy cành phượng vĩ nở hoa **đỏ rực**. Tiếng ve kêu **râm ran** giữa những tán lá sấu **xanh um**. Gần đến trường, khung cảnh **nhộn nhịp** hẳn lên. Mấy em bé lớp 1 chia tay mẹ vào lớp, vừa đi vừa ngoái lại: "Mẹ ơi, chiều mẹ đón con **sớm** nhé!".*)

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với một người mà em yêu quý.

Tuần này, HS phải tự viết một bài văn dài, do vậy, thời lượng chủ yếu của tiết học sẽ dành cho việc HS làm việc cá nhân. GV tổ chức tiết học như sau:

– Làm việc chung cả lớp:

+ 1 – 2 HS đọc yêu cầu và 3 gợi ý.

+ HS nêu thắc mắc hoặc điều chưa hiểu để GV giải đáp.

– Làm việc cá nhân: HS tự viết đoạn văn. (GV có thể nhắc HS chú ý về dấu câu, chữ viết hoa, những từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc,...)

2. Trao đổi bài viết của em với bạn.

– Làm việc chung cả lớp: GV gọi 1 – 2 HS đọc phần hướng dẫn:

+ Đọc bài viết của bạn và góp ý cho bạn.

+ Nghe bạn góp ý về bài viết của mình.

+ Sửa lại bài cho hay hơn.

Đây cũng chính là những nhiệm vụ HS cần thực hiện theo cặp.

– GV cho HS làm việc theo cặp, thực hiện các công việc như hướng dẫn. Riêng phần chữa bài, nếu không còn thời gian, GV nhắc HS viết lại bài vào lúc thích hợp.

– GV quan sát, hỗ trợ HS.

VẬN DỤNG

HS tự đọc thêm các câu chuyện, bài văn hoặc bài thơ liên quan đến trường lớp. HS cũng có thể đọc bài *Ngôi trường mới* của Ngô Quân Miện trong SHS. Khi đọc, các em lưu ý việc ghi lại các thông tin về bài đọc vào phiếu đọc sách.

CỦNG CỐ

– GV tổng kết bài học. Sau bài học này, chúng ta đã:

+ Đọc hiểu bài đọc *Con đường đến trường*, cảm thông và chia sẻ với các bạn nhỏ miền núi – nơi mà con đường đi học thực sự khó khăn.

+ Mở rộng vốn từ chỉ đặc điểm, hiểu được các nhóm nhỏ trong hệ thống từ chỉ đặc điểm; sử dụng đúng các từ chỉ đặc điểm trong câu.

+ Viết được 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ về một người mà em yêu quý.

– GV động viên, khen ngợi các em học tập tích cực, tiến bộ.

– GV dặn dò HS tìm đọc câu chuyện, bài văn hoặc bài thơ theo yêu cầu đọc mở rộng; xem trước bài 11.

TUẦN 6

Bài 11 LỜI GIẢI TOÁN ĐẶC BIỆT (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu và toàn bộ văn bản *Lời giải toán đặc biệt*. Bước đầu biết thể hiện cảm xúc qua giọng đọc: giọng kể, có nhấn nhá, tạo sự hấp dẫn cho câu chuyện.

   b. Nắm được nội dung văn bản: Câu chuyện kể về một buổi thi toán của Vích-to Huy-gô: Huy-gô đã làm bài rất chậm, khiến thầy giáo vô cùng lo lắng. Nhưng cuối cùng, thầy phát hiện ra Huy-gô đã giải toán bằng thơ. Câu chuyện cho thấy tài năng văn chương của Vích-to Huy-gô từ khi còn rất nhỏ.
2. Nghe và kể lại được câu chuyện *Đội viên tương lai*.
3. Viết đúng chính tả một đoạn trong câu chuyện *Lời giải toán đặc biệt* (theo hình thức nghe – viết) trong khoảng 15 phút. Viết chính tả các tiếng chứa *r/ d/ gi* hoặc *an/ ang*.
4. Có thêm hiểu biết về đại văn hào nước Pháp Vích-to Huy-gô.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Hiểu biết chung về Vích-to Huy-gô: một nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch nổi tiếng của Pháp. Ông cũng đồng thời là một nhà chính trị, một trí thức dấn thân tiêu biểu của thế kỉ XIX. Tác phẩm tiêu biểu: *Nhà thờ Đức Bà Pa-ri, Những người khốn khổ,...*

2. Phương tiện dạy học

Ảnh/ tranh minh hoạ phóng to về Vích-to Huy-gô, hoặc tranh minh hoạ câu chuyện *Đội viên tương lai.*

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV có thể hỏi HS một vài câu hỏi liên quan đến bài 10: *Con đường đến trường.* (VD: Em ấn tượng nhất điều gì sau khi được học bài *Con đường đến trường*?)

ĐỌC

1. Khởi động

– Làm việc chung cả lớp: Đọc yêu cầu ở phần Khởi động: *Em thấy bài toán dưới đây có gì đặc biệt?*

– Làm việc theo cặp/ nhóm: thảo luận tìm câu trả lời.

– Làm việc chung cả lớp: HS (2 – 3 em) lần lượt phát biểu ý kiến trước lớp.

Với yêu cầu ở phần này, GV hướng dẫn HS tìm ra ý quan trọng nhất: Đề bài của bài toán được viết dưới dạng thơ. Về đáp án của bài toán, HS có thể giải hoặc không. Đáp án: 3 con gà và 1 con chó.

GV giới thiệu khái quát nội dung bài đọc *Lời giải toán đặc biệt.* (VD: Chúng ta vừa mới được biết một để toán đặc biệt được viết bằng thơ. Có người còn có khả năng giải toán bằng thơ. Hãy cùng nhau đọc văn bản *Lời giải toán đặc biệt* để biết ai là người có tài năng như vậy).

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (giọng đọc nhấn nhá theo nội dung câu chuyện). Có thể mời 1 HS đọc tốt để đọc cả bài. Những HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ dễ phát âm sai (VD: Vích-to Huy-gô, mười lăm phút nữa, mải miết,...).

+ Đọc đúng ngữ điệu ngạc nhiên của lời thầy giáo: *À, ra thế!*

+ Chia đoạn: 4 đoạn. Đoạn 1: từ đầu đến *giỏi đều các môn.* Đoạn 2: tiếp theo đến *lo lắng thay cho Huy-gô.* Đoạn 3: tiếp theo đến *À, ra thế!.* Đoạn 4: phần còn lại.

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp để làm mẫu.

– HS làm việc nhóm (4 HS/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 4 đoạn), rồi đổi cho nhau.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV gọi một số nhóm đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

– GV giải thích từ ngữ khó. (Có thể giới thiệu thêm về Vích-to Huy-gô qua ảnh chân dung; giải thích thêm về cụm từ "ngồi cắn bút": hành động thể hiện sự băn khoăn vì chưa nghĩ ra cách làm bài.)

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Vích-to Huy-gô đã bộc lộ năng khiếu gì từ rất sớm?*

Đây là câu hỏi đơn giản nên cả lớp có thể làm chung.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi.

– Một số HS phát biểu ý kiến.

– GV và HS chốt đáp án. (Từ rất sớm, Vích-to Huy-gô đã bộc lộ tài năng thơ ca của mình; Hoặc: Vích-to Huy-gô là người giỏi làm thơ.)

Câu 2. *Trong giờ kiểm tra Toán, vì sao thầy giáo lại rất lo lắng cho Vích-to Huy-gô?*

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi. Hướng dẫn HS làm việc theo cặp với nhiệm vụ:

+ Tìm đoạn văn có chứa câu trả lời.

+ Trao đổi về câu trả lời. (Cần phải tóm tắt ý của nhiều câu trong đoạn văn 2). (GV có thể thêm 1 câu hỏi phụ trước khi HS làm việc nhóm: Chi tiết nào cho thấy thầy giáo rất lo lắng cho Vích-to Huy-gô? *Thầy giáo sốt ruột thay cho học trò của mình; thầy giơ đồng hồ ra xem,...*)

– Một số HS trả lời trước lớp.

– GV và HS chốt đáp án. (Trong giờ kiểm tra toán, thầy giáo lo lắng cho Vích-to Huy-gô vì Huy-gô cứ ngồi cắn bút, dù chỉ còn 15 phút nữa là hết giờ.)

Câu 3. *Vì sao thầy giáo lại reo lên khi xem bài của Vích-to Huy-gô?*

Đây là dạng câu hỏi trắc nghiệm, GV nhắc HS đọc kĩ 3 phương án, suy luận và loại trừ để tìm đáp án.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi và các phương án trắc nghiệm; giao nhiệm vụ làm việc nhóm:

+ Đọc kĩ các phương án trắc nghiệm, suy luận, loại trừ, tìm phương án đúng.

+ Thống nhất phương án lựa chọn.

– Đại diện một vài nhóm trả lời. GV có thể chọn hình thức cho HS viết phương án lựa chọn (các chữ cái a/ b hoặc c vào bảng con); khi GV gõ thước, tất cả các nhóm cùng giơ bảng.

– GV và HS chốt đáp án (Phương án c). GV có thể hỏi thêm: Lời giải bình thường của một bài toán sẽ được viết như thế nào? Như vậy, việc Huy-gô ngồi cắn bút thể hiện điều gì? Có phải vì bài toán quá khó đối với Huy-gô không?

Câu 4. *Qua giờ kiểm tra Toán, em thấy Huy-gô là người thế nào?*

Đây là dạng câu hỏi mở, không khó. GV có thể cho HS làm việc chung cả lớp.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– Một số HS phát biểu ý kiến.

– GV và HS chốt đáp án. (VD: Em thấy Huy-gô là người thông minh/ vừa giỏi toán lại vừa giỏi văn/ Em thấy Huy-gô là người thích thử thách bản thân, tự đặt cho mình những yêu cầu khó và làm bằng được,...)

4. Luyện đọc lại.

GV có thể đọc lại toàn bộ văn bản một lượt, hoặc mời 2 HS đọc nối tiếp, cả lớp đọc thầm.

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện *Đội viên tương lai*

1. Nghe kể chuyện.

– GV yêu cầu HS quan sát các bức tranh, dựa vào nhan đề (tên truyện) và câu hỏi gợi ý dưới mỗi tranh để trả lời các câu hỏi: Tranh vẽ cảnh ở đâu? Trong tranh có những ai? Họ đang làm gì?

– Một số em trình bày ý kiến trước lớp.

– GV giới thiệu câu chuyện: Câu chuyện kể về một bạn học sinh sắp được kết nạp vào Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Bạn đã rất háo hức viết một tờ đơn thật đẹp để nộp cho cô giáo. Các em cùng nghe câu chuyện để biết chuyện gì đã xảy ra với tờ đơn của bạn.

ĐỘI VIÊN TƯƠNG LAI

Hôm nay Linh sẽ nộp đơn xin vào Đội. Linh vui lắm! Thế là Linh sắp trở thành đội viên rồi. Từ hôm qua, Linh đã nắn nót viết một tờ đơn rất đẹp và cất ngay ngắn trong cặp. Thế mà trước khi đi học, Linh phát hiện ra bé Bi mở cặp của chị lấy tờ đơn ra nghịch lúc nào. Tờ đơn bị làm bẩn một vết. Cô bé cuống quýt viết lại. Dù vội, Linh vẫn cố gắng viết thật đẹp. Đơn xin vào Đội cơ mà.

Nhưng vì thế mà Linh bị muộn giờ học. Khi Linh đến cửa lớp thì các bạn đang đứng chào cô giáo. Nghe tiếng mở cửa, cô và các bạn cùng nhìn ra. Linh luống cuống, cảm thấy mặt nóng ran vì xấu hổ.

– Em... xin lỗi cô ạ. Em...

Cả lớp đã ngồi xuống, còn cô giáo đang dịu dàng nhìn Linh.

– Em gặp chuyện gì phải không?

– Em... tờ đơn của em bị bẩn, em cố viết lại nên...

Vừa nói, Linh vừa đưa hai tờ đơn cho cô. Cô giáo cầm lấy hai tờ đơn, nhìn chăm chú. Linh lo quá: "Liệu đi học muộn thì có được kết nạp Đội nữa không?". Cô cười, như hiểu được suy nghĩ của Linh:

– Cô thấy em viết tờ đơn mới còn đẹp hơn cả tờ trước đấy. Nhưng sắp thành đội viên rồi, em nhớ cần gương mẫu hơn và đi học đúng giờ nhé. Bây giờ thì vào lớp đi em.

Nghe cô nói, Linh bất ngờ quá. Nhìn cô tươi cười, Linh vui vẻ đáp lời cô:

– Em cảm ơn cô ạ.

(Tuệ Nhi)

– GV kể chuyện (lần 2), thỉnh thoảng dừng lại hỏi sự việc tiếp theo là gì để HS tập kể theo, khích lệ các em nhớ chi tiết câu chuyện.

– GV nêu câu hỏi dưới mỗi tranh và mời một số em trả lời câu hỏi.

2. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, kể lại câu chuyện *Đội viên tương lai.*

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh, đọc câu hỏi dưới tranh, nhớ lại nội dung và kể lại câu chuyện, không phải kể đúng từng câu, từng chữ mà GV đã kể.

+ Bước 2: HS tập kể theo cặp/ nhóm (một em kể, một em lắng nghe để góp ý, sau đó đổi vai người kể, người nghe).

– GV mời một HS kể toàn bộ câu chuyện (hoặc 2 HS kể nối tiếp đến hết câu chuyện). Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi HS đã kể đúng, kể diễn cảm câu chuyện.

3. Nếu là Linh, khi phát hiện ra tờ đơn bị bẩn, em sẽ làm thế nào?

– GV hướng dẫn HS nêu suy nghĩ về cách làm của bạn Linh trong câu chuyện (Bạn Linh đã viết lại một tờ đơn khác ngay trước giờ đi học, dẫn đến việc đi học muộn). Sau đó, HS đưa ra cách giải quyết của mình nếu gặp tình huống đó. (VD: Đến lớp nói với cô giáo, và xin cô giáo cho thời gian để viết lại một tờ đơn khác.)

– HS trao đổi trong nhóm suy nghĩ của mình.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV khen ngợi, động viên HS.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV đọc lại một đoạn trong câu chuyện *Lời giải toán đặc biệt*, từ *Huy-gô mải miết viết* đến *À, ra thế!*.

– 1 HS đọc lại cả đoạn.

– GV hướng dẫn HS các nội dung sau:

+ Cách đặt dấu gạch ngang đầu dòng trước câu nói của nhân vật.

+ Viết hoa tên bài và các chữ đầu mỗi câu (sau dấu chấm câu).

+ Đặt dấu chấm câu và dấu chấm than.

– GV đọc từng cụm từ hoặc từng câu, HS ghi nhớ và viết vào vở.

– GV nhận xét bài viết của một số bạn.

2. Tìm từ ngữ được tạo bởi mỗi tiếng *giao, dao, rao*.

– HS làm việc nhóm:

+ Cùng nhau đọc các tiếng. Tìm các tiếng ghép được với mỗi tiếng cho trước.

+ Đối chiếu kết quả với nhóm khác.

– Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài, cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV ghi các từ ngữ ghép được trên bảng lớp.

VD: + giao bóng, giao hẹn, giao hàng, giao nhận, giao lưu, giao thừa,...

+ ca dao, đồng dao, con dao, dao kéo, dao động,...

+ tiếng rao, rao bán, rao vặt, rao giảng,...

3. Làm bài tập a hoặc b.

a. *Tìm từ ngữ chỉ hoạt động hoặc đặc điểm có tiếng bắt đầu bằng r, d hoặc gi.*

– HS làm việc nhóm. Từng HS nêu các từ ngữ chỉ hoạt động hoặc đặc điểm có tiếng bắt đầu bằng *r, d* hoặc *gi* (hoặc cả nhóm lần lượt nêu hết các từ ngữ chứa tiếng *r* xong thì chuyển sang nêu các từ ngữ chứa tiếng *d, gi*,... Chọn cách nào là tuỳ nhóm). Các HS khác bổ sung. Cả nhóm thống nhất đáp án.

– Đại diện 3 – 4 nhóm trình bày trước lớp. HS nhận xét, góp ý.

– HS và GV thống nhất đáp án.

VD: (GV có thể hướng dẫn HS kẻ bảng)

	r	*d*	*gi*
Từ ngữ chỉ hoạt động	ra, rọc giấy, rình rập, rước đèn,...	dạy học, ngủ dậy, để dành, đi dạo, dặn dò, dìu dắt,...	giảng bài, giành giật, giục giã, giặt giũ, giằng co, gieo hạt, giấu giếm,...
Từ ngữ chỉ đặc điểm	rét, rộng, rậm rạp, rực rỡ, rộn ràng, rắn chắc, rụt rè, rườm rà, rôm rả,...	dai, dài, dẻo, dính, dễ, dày, dịu dàng, mạnh dạn, dũng cảm, duyên dáng, dễ thương,...	già, giòn, giỏi, giá buốt, giàu có, giản dị,...

b. *Giúp thỏ vượt chướng ngại vật để về nhà bằng cách trả lời các câu đố, biết rằng đáp án của mỗi câu đố đều có tiếng chứa an hoặc ang.*

– Có nhiều cách để hướng dẫn HS chơi trò chơi "Thỏ về nhà". Chọn cách nào là tuỳ thuộc GV và điều kiện của từng lớp cụ thể. Dưới đây là 2 VD:

(1) GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ 1 HS đọc to từng câu đố trong nhóm.

+ Cả nhóm cùng suy nghĩ, dựa vào các chi tiết trong câu đố để đoán đáp án.

+ Trao đổi đáp án trong nhóm, thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét.

(2) GV tổ chức cuộc thi *Đưa thỏ về nhà sớm nhất*.

– GV hướng dẫn cách chơi:

+ HS làm việc nhóm, trao đổi để tìm đáp án.

+ Từng nhóm phải tìm đáp án càng nhanh càng tốt rồi viết ra một tờ giấy và nhanh chóng chạy lên dán trên bảng.

+ Nhóm nào dán được giấy lên bảng là nhóm đó hoàn thành nhiệm vụ. GV sẽ ghi lại thứ tự các nhóm đã hoàn thành (GV chú ý, có thể yêu cầu HS dán ngược mặt giấy để che đáp án, sau khi các nhóm xong hết mới quay mặt giấy lại). Nếu trong lớp có quá nhiều nhóm thì GV dừng trò chơi sau khi 3 nhóm đầu tiên hoàn thành.

+ GV cùng HS kiểm tra đáp án. Nhóm nào viết đúng đáp án, đúng chính tả và nhanh nhất sẽ thắng cuộc.

– Cả lớp chơi trò chơi. (Nếu HS gặp khó khăn trong việc giải các câu đố, GV có thể đưa thêm gợi ý để hỗ trợ.)

– GV chốt đáp án trên bảng lớp (1. màu vàng; 2. buổi sáng; 3. quả nhãn; 4. cái đàn).

– GV khen ngợi HS tích cực tham gia học bài và chơi trò chơi.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng.

– Để tìm hiểu thông tin về Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, HS có thể tìm đọc trong sách, báo, hoặc tra cứu trên mạng internet. HS có thể nhờ sự trợ giúp của bố mẹ, người thân, hoặc thầy cô giáo để có tài liệu đọc.

– HS tìm các thông tin về Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh như ngày thành lập, Đội ca, huy hiệu Đội, cờ Đội, khăn quàng đỏ, 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng,...

– HS có thể trao đổi với người thân những thông tin mình tìm được hoặc cần tìm.

Bài 12 BÀI TẬP LÀM VĂN (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Bài tập làm văn*. Bước đầu biết thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện qua giọng đọc, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

b. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm của các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, việc làm của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Nói phải đi đôi với làm.

c. Biết tìm đọc và trao đổi về cách tìm được câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về nhà trường, viết được phiếu đọc sách trong phần Đọc mở rộng.

2. Nhận biết các từ ngữ về nhà trường; nhận biết được câu hỏi trong văn bản cho trước; biết sử dụng dấu chấm hỏi.

3. Biết điền thông tin vào đơn xin vào Đội.

4. Hình thành và phát triển phẩm chất thật thà, ngay thẳng trong học tập và trong cuộc sống; có trách nhiệm đối với lời nói của mình; có ý thức lao động và có trách nhiệm với công việc gia đình.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (địa điểm, thời gian, trình tự các sự việc, lời nói và hành động của nhân vật).

– Từ ngữ về nhà trường, câu hỏi.

– Mẫu giấy tờ in sẵn.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Bài tập làm văn* (có thể chiếu trên màn hình, nếu có).

– Mẫu đơn xin vào Đội in sẵn, có chỗ trống để điền thông tin theo yêu cầu của bài viết.

– Một số mẫu tờ khai thông dụng khác.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

Nêu tên bài học trước (*Lời giải toán đặc biệt*) và nói cảm nghĩ của em về nhân vật chính trong câu chuyện.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm:

+ 1 HS đọc to yêu cầu (*Em thích đề văn nào dưới đây? Vì sao?* (1) *Kể về một việc em đã từng làm ở nhà.* (2) *Kể một việc theo tưởng tượng của em*). GV có thể giải thích để HS hiểu rõ hơn về hai đề văn:

* Đề số 1 yêu cầu kể về một việc có thật mà em đã làm ở nhà. Em chỉ cần nhớ lại và kể theo trí nhớ.

* Đề số 2 kể về một việc không có thật, em chưa từng làm. Em cần tưởng tượng và viết ra.

+ HS lần lượt nói ý kiến của mình trong nhóm. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. GV động viên, khen ngợi.

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc. (VD: Tranh vẽ một bạn học sinh nước ngoài, có lẽ bạn đang làm bài kiểm tra vì bạn đang cầm bút và trước mặt bạn là một tờ giấy. Bạn đang nghĩ về các hoạt động như bạn rửa bát, quét nhà, giặt quần áo,... Có lẽ bạn đang viết về những điều đó.)

– GV giới thiệu khái quát câu chuyện *Bài tập làm văn.* (VD: Hôm nay, các em sẽ luyện đọc câu chuyện *Bài tập làm văn.* Đây là câu chuyện về quá trình làm bài tập làm văn của một bạn nhỏ. Các em hãy cùng đọc câu chuyện để xem bạn ấy đã gặp khó khăn gì với bài tập đó, bạn ấy đã giải quyết khó khăn ra sao, và chuyện gì đã xảy ra sau đó.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu ở lời trích dẫn bài làm văn và lời nói trực tiếp của các nhân vật).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *lia lịa, nộp, lạ thật, nhận lời..., giúp đỡ, rửa bát đĩa, quả thật, chẳng lẽ, ngắn ngủn,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Thỉnh thoảng,/ mẹ bận,/ định bảo tôi giúp việc này việc kia,/ nhưng thấy tôi đang học,/ mẹ lại thôi; Nhưng rồi tôi vui vẻ nhận lời,/ vì đó là việc làm/ mà tôi đã nói trong bài tập làm văn.*

– GV hướng dẫn chia đoạn để đọc nối tiếp: đoạn 1: Từ đầu đến *khăn mùi soa*; đoạn 2: Tiếp theo đến *giặt bít tất*; đoạn 3: Tiếp theo đến *để mẹ đỡ vất vả*; đoạn 4: Còn lại.

– GV cho 4 HS đọc nối tiếp, mỗi HS đọc 1 đoạn.

– HS làm việc nhóm (4 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 4 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Nhắc lại đề văn mà cô giáo đã giao cho lớp.*

– GV nêu câu hỏi.

– HS tự đọc lại đoạn 1, chuẩn bị câu trả lời và xung phong trình bày.

– GV mời HS trả lời.

– 1 – 2 HS phát biểu ý kiến.

– GV nhận xét, thống nhất đáp án. (Đề văn mà cô giáo đã giao cho lớp là: Em đã làm gì để giúp đỡ mẹ?)

Câu 2. *Vì sao Cô-li-a gặp khó khăn với đề văn này?*

– Trước khi hướng dẫn HS tìm hiểu câu hỏi 2, GV có thể nêu một câu hỏi mở rộng: Những từ ngữ nào cho em biết bạn ấy gặp khó khăn với đề văn này? GV mời 1 – 2 HS xung phong trả lời và chốt đáp án (loay hoay, bí).

– GV nêu câu hỏi 2, hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoặc trao đổi trong nhóm:

+ Mỗi HS tự đọc thầm đoạn 2 trong bài đọc, đọc thầm 3 đáp án trả lời của câu hỏi, loại trừ đáp án có nội dung không xuất hiện trong bài đọc hoặc không đúng với nội dung bài đọc.

+ HS phát biểu và thống nhất đáp án đúng trong nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp. Các HS nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất đáp án: phương án c (Vì bạn ấy ít khi giúp mẹ.).

Câu 3. *Để bài văn dài hơn, Cô-li-a đã làm gì?*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ Mỗi HS tự đọc thầm lại đoạn 3 và chuẩn bị trả lời.

+ Trao đổi và thống nhất đáp án trong nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Bạn ấy cố viết thêm cả những việc bạn không làm như giặt cả áo lót, áo sơ mi và quần.)

– *Lưu ý:* Nếu HS chỉ trả lời "Bạn ấy cố viết thêm những việc như giặt cả áo lót, áo sơ mi và quần", GV có thể tiếp tục hỏi để gợi ý: "Ở đoạn trên, bạn ấy đã viết hết những việc mà bạn ấy từng làm rồi, vì bạn ấy rất ít khi giúp đỡ mẹ. Vậy với những việc mà bạn ấy cố nghĩ ra này, theo em, bạn ấy đã từng làm chưa?".

Câu 4. *Em hãy giải thích vì sao Cô-li-a vui vẻ nhận lời mẹ làm việc nhà.*

– Cả lớp:

+ GV nêu câu hỏi.

+ GV có thể đặt câu hỏi mở rộng để gợi ý cho HS trả lời: "Em thấy những việc mà mẹ bảo Cô-li-a làm có gì đặc biệt?" (Đáp án: Những việc mẹ bảo bạn ấy làm giống với những gì bạn ấy viết trong bài tập làm văn.)

– Nhóm/ cặp:

+ HS dựa vào đáp án câu hỏi phụ, đọc thầm lại đoạn 3 và đoạn 4, tìm phương án trả lời.

+ HS trao đổi và thống nhất trong nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Vì Cô-li-a thấy mình cần phải thực hiện đúng những gì đã viết, "nói phải đi đôi với làm")

Câu 5. *Em có nhận xét gì về Cô-li-a?*

– Cá nhân:

+ HS đọc thầm lại VB và dựa vào đáp án câu hỏi 2, 3, 4, suy nghĩ để nêu nhận xét về Cô-li-a.

– Nhóm/ cặp:

+ HS trao đổi trong nhóm, nêu những nhận xét về Cô-li-a. (GV khuyến khích HS đưa ra nhiều nhận xét về Cô-li-a, VD: Cô-li-a là một học sinh có ý thức học tập, vì đã rất cố gắng để hoàn thành bài tập làm văn của mình. Trước khi làm bài tập làm văn, Cô-li-a là một bạn nhỏ chưa tự giác làm việc nhà giúp mẹ. Sau khi làm bài tập làm văn, có lẽ Cô-li-a đã nhận ra và thay đổi, vì bạn ấy đã giúp mẹ làm việc nhà. Cô-li-a là người biết giữ lời, "nói đi đôi với làm", nên đã vui vẻ thực hiện các việc đã viết trong bài tập làm văn,...)

+ Các HS trong nhóm lắng nghe, nhận xét, góp ý.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nói trước lớp.

– GV động viên, khen ngợi những bạn có những nhận xét hay và tích cực tham gia phát biểu. GV nhắc nhở HS: Từ câu chuyện của Cô-li-a, HS cần rút ra bài học cho mình. HS cần tự giác giúp đỡ bố mẹ và người thân làm các việc nhà. Việc nhà không phải là việc của riêng người lớn, mà là trách nhiệm của tất cả những người sống trong gia đình đó. HS cần tuỳ theo khả năng và sức lực của mình để làm các công việc phù hợp, chia sẻ công việc với bố mẹ. Bên cạnh đó, câu chuyện cũng nhắc nhở HS, cần phải "nói đi đôi với làm", đã nói là phải làm, trung thực và có trách nhiệm trong mọi việc.

4. Luyện đọc lại

2 HS luyện đọc lại toàn bài theo nhóm.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về nhà trường và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– Trong giờ học trước, HS đã được GV hướng dẫn tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về nhà trường. HS chọn một câu chuyện, bài thơ, bài văn để viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– GV hướng dẫn HS viết phiếu đọc sách. GV lưu ý HS:

+ Nếu HS đọc nhiều bài, có thể viết nhiều phiếu đọc sách.

+ Cách em tìm được bài đọc: HS có thể dựa vào gợi ý trong tranh minh hoạ để hiểu yêu cầu và viết mục này. (VD: tìm bài đọc bằng cách đọc sách báo trong nhà, trên thư viện, tra trên mạng, hỏi người thân,...)

+ Chi tiết, câu văn, câu thơ em thích nhất: Tuỳ theo khả năng, HS có thể viết nhiều hoặc ít trong mục này. Nhìn chung, HS chỉ cần viết 1 câu là đạt yêu cầu. Đối với HS khá, giỏi, có thể viết nhiều hơn (đoạn văn, khổ thơ,..).

+ Mục *Mức độ yêu thích:* HS có thể tô màu hoặc đánh dấu số sao tương ứng với mức độ yêu thích của HS đối với bài đọc.

+ HS khá, giỏi có thể bổ sung thêm thông tin vào phiếu đọc sách, như mục *Tên bài:* Nếu HS tìm được bài đọc trong một cuốn sách hoặc tờ báo/ tạp chí, HS có thể bổ sung tên cuốn sách hoặc tờ báo/ tạp chí, tên nhà xuất bản. VD: *Tên bài:* Chuyện ở lớp (*trong cuốn sách:* Thơ cho thiếu nhi, NXB Văn học).

2. Trao đổi với bạn về bài em đã đọc và chia sẻ cách em đã làm để tìm được câu chuyện, bài thơ, bài văn đó.

– Trao đổi với các bạn về bài em đã đọc:

+ HS trao đổi trong nhóm về nội dung bài văn/ thơ mà mình đã đọc. (Gợi ý: HS có thể trao đổi những điều đã ghi trong phiếu đọc sách.)

+ GV khuyến khích HS mang quyển sách/ tờ báo,... có câu chuyện/ bài thơ đó và phiếu đọc sách/ nhật kí đọc sách đến lớp để chia sẻ với bạn bè.

– Chia sẻ với bạn cách em đã làm để tìm được bài đọc:

+ HS trao đổi trong nhóm về cách HS đã làm để tìm thấy câu chuyện/ bài thơ. (VD: như gợi ý trong tranh.)

+ GV khuyến khích HS trình bày chi tiết cách HS đã làm và những thuận lợi hoặc khó khăn khi thực hiện cách làm đó.

– GV khen ngợi, động viên HS đã rất tích cực đọc sách và chia sẻ với bạn bè.

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm tiếp các từ ngữ về nhà trường trong từng nhóm.

– Cá nhân:

+ Mỗi HS tự đọc thầm tên nhóm và từ ngữ đã cho trước trong từng nhóm.

+ GV khuyến khích HS tìm thêm càng nhiều từ ngữ thích hợp càng tốt.

+ Mỗi HS tự suy nghĩ thêm các từ ngữ thích hợp với chủ đề của từng nhóm.

– Nhóm/ cặp:

+ Đối với mỗi nhóm từ ngữ, lần lượt từng HS nêu các từ ngữ có thể thêm vào trong nhóm đó.

+ Các HS khác nhận xét, góp ý. Nhóm thống nhất đáp án.

– Cả lớp:

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

– GV chốt đáp án trên bảng (hoặc trình chiếu lên màn hình). VD đáp án:

+ **Người:** thầy giáo, cô giáo, học sinh, bác bảo vệ, cô lao công, thầy giám thị, cô tổng phụ trách,...

+ **Địa điểm**: cổng trường, sân trường, hành lang, lớp học, căng tin (nhà ăn), nhà xe, hội trường, thư viện,...

+ **Đồ vật**: bàn, ghế, phấn, bảng, khăn lau, bút, thước, tẩy,...

+ **Hoạt động**: viết, đọc, nghe, nói, vẽ, hát, tập thể dục,... (có thể mở rộng ra tất cả các hoạt động mà HS thực hiện ở trường: giơ tay, khoanh tay, vỗ tay, cầm sách, đeo cặp,...)

2. Câu nào dưới đây là câu hỏi? Dựa vào đâu em biết điều đó?

– GV giới thiệu trước khi hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: "Hôm nay chúng ta sẽ học về câu hỏi. Đây là một kiểu câu rất quen thuộc và các em đã gặp rất nhiều trong các bài đọc. Câu hỏi có mục đích để hỏi. Dấu hiệu quen thuộc để nhận ra câu hỏi là dấu chấm hỏi ở cuối câu." (hoặc GV có thể đặt câu hỏi: Làm thế nào để nhận ra câu hỏi trong một bài đọc?; Câu hỏi có dấu hiệu gì?).

– GV nêu câu hỏi (Câu nào dưới đây là câu hỏi? Dựa vào đâu em biết điều đó? a/ Em đã làm gì để giúp đỡ mẹ? b/ Em đã nhiều lần giúp đỡ mẹ. c/ Hôm nay con giặt áo sơ mi và quần áo lót đi nhé!).

– GV mời HS xung phong trả lời.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp. GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV chốt đáp án. (Câu a là câu hỏi vì kết thúc câu là dấu chấm hỏi. HS có thể thêm lí do: vì có từ để hỏi "làm gì", vì mục đích của câu là để hỏi.)

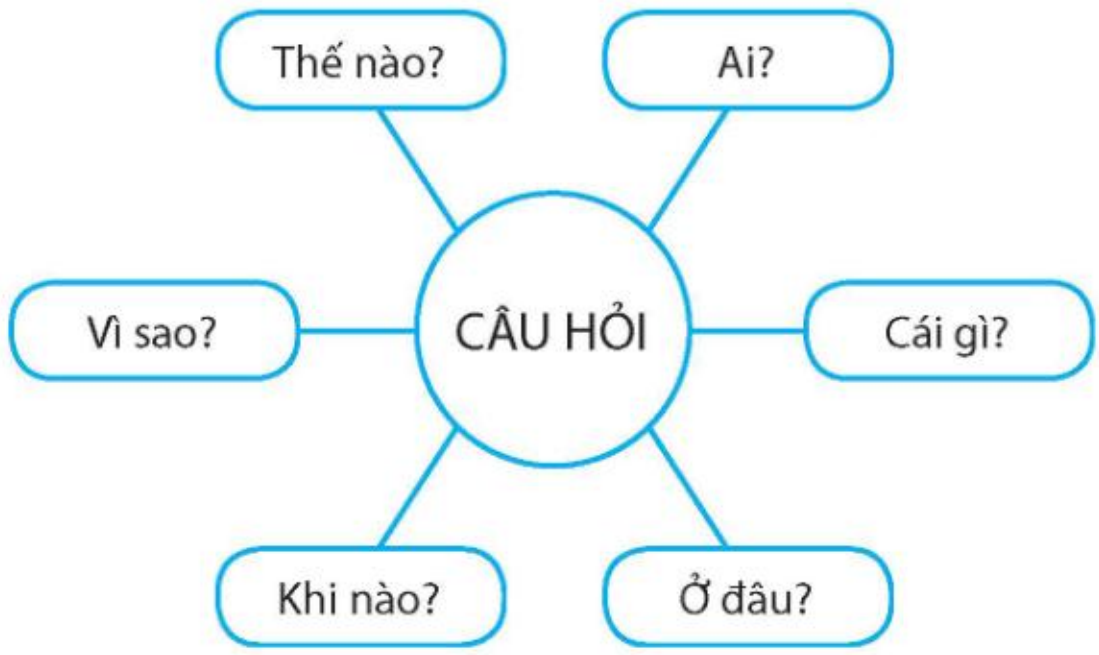
3. Đọc câu chuyện *Hộp bút của Na* và thực hiện yêu cầu.

a. *Hỏi – đáp về các nhân vật trong câu chuyện.*

– Đây là bài tập luyện tập về câu hỏi. Vì thế, GV cần hướng dẫn HS về cách đặt câu hỏi.

– GV giới thiệu về câu chuyện *Hộp bút của Na.* (Đây là câu chuyện về một cuộc nói chuyện của các bạn dụng cụ học tập, bạn nào cũng nghĩ mình quan trọng nhất và đưa ra lí do vì sao mình quan trọng.)

– GV hướng dẫn chung về cách đặt câu hỏi: đối với mỗi câu chuyện, chúng ta đều có thể đặt các câu hỏi với các từ: ai (người nào, nhân vật nào,...), cái gì, ở đâu, khi nào (bao giờ, lúc nào,...), vì sao, thế nào,...



– GV hướng dẫn HS đọc nhẩm câu hỏi – đáp mẫu và tập hỏi – đáp theo mẫu.

– Trong câu chuyện này, HS có thể đặt ra các câu hỏi như sau:

+ Ai: Trong câu chuyện có những ai (nhân vật nào)? (VD lời đáp: Trong câu chuyện có các nhân vật: Na, bút chì, tẩy, thước kẻ.)

+ Làm gì: Các nhân vật đã làm gì? (Các nhân vật đã nói gì?)

+ Ở đâu: Cuộc nói chuyện của các đồ dùng học tập diễn ra ở đâu? (VD: Cuộc nói chuyện đó diễn ra trong hộp bút của Na.)

+ Vì sao: Vì sao bút chì nghĩ mình quan trọng nhất? (VD: Vì bút chì nghĩ mình được dùng nhiều nhất, nên bút chỉ còn một mẩu.)

Vì sao tẩy nghĩ mình quan trọng nhất?

Vì sao thước kẻ nghĩ mình quan trọng nhất?

Vì sao bạn nào cũng quan trọng đối với Na?

+ Thế nào: Na cảm thấy thế nào khi nghe cuộc nói chuyện đó?

– HS cũng có thể chỉ lựa chọn một loại câu hỏi để hỏi về các nhân vật (VD: chọn câu hỏi chứa từ để hỏi *ai, cái gì)*:

+ Ai (Cái gì) chỉ còn một mẩu? (Bút chì chỉ còn một mẩu.)

+ Ai (Cái gì) toàn vụn tẩy? (Tẩy toàn vụn tẩy.)

+ Ai (Cái gì) mờ hết cả số? (Thước kẻ mờ hết cả số.)

+ Ai mở hộp bút? (Na mở hộp bút.)

– *Lưu ý:* HS có thể đặt câu hỏi theo hướng dẫn chung của GV hoặc theo cách riêng của mình, GV khuyến khích HS sáng tạo theo ý riêng.

– HS làm việc nhóm:

+ HS luân phiên đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi.

+ Các HS lắng nghe, góp ý.

– GV mời 1 – 2 cặp HS thực hành hỏi – đáp trước lớp.

– GV khen ngợi các HS đã tích cực hỏi – đáp và có những câu hỏi – đáp hay.

b. *Ghi lại 1 – 2 câu hỏi của em và bạn.*

GV hướng dẫn HS nhớ lại và ghi chép vào vở 1 – 2 câu hỏi các em đã thực hiện. Lưu ý HS các lỗi chính tả, viết hoa đầu câu và dùng dấu chấm hỏi cuối câu.

LUYỆN VIẾT ĐƠN

1. Đọc *Đơn xin vào Đội* và trả lời câu hỏi.

– GV nêu yêu cầu.

– HS làm việc cá nhân. HS đọc thầm tờ đơn và tự tìm các thông tin để trả lời từng câu hỏi.

– HS trao đổi theo cặp, từng HS nêu câu trả lời. HS khác nhận xét, góp ý.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– HS và GV thống nhất câu trả lời: (1/ Bạn Nguyễn Ngọc Bích viết đơn để xin được vào Đội; 2/ Đơn được gửi cho Ban phụ trách Đội Trường Tiểu học Nguyễn Thái Học và Ban chỉ huy Liên đội; 3/ Người viết đơn đã hứa thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy, tuân theo Điều lệ Đội, giữ gìn danh dự Đội).

2. Điền thông tin vào mẫu đơn xin vào Đội và đối chiếu với bài của bạn.

– GV giao mẫu đơn cho từng HS.

– HS đọc thầm tờ đơn và điền các thông tin của mình vào các chỗ trống.

– HS điền thông tin vào mẫu đơn.

– Trao đổi với bạn bên cạnh tờ đơn đã điền của mình, lắng nghe nhận xét, góp ý và sửa chữa bài làm.

– GV chấm nhanh một số bài và đọc cho cả lớp nghe 1 – 2 bài tiêu biểu.

– GV khen ngợi, động viên HS.

Mẫu đơn cần điền:

ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH

..... ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN XIN VÀO ĐỘI

Kính gửi: – Ban phụ trách Đội Trường Tiểu học .....

– Ban chỉ huy Liên đội

Em tên là: .....

Sinh ngày: .....

Học sinh lớp: ..... Trường Tiểu học.....

Sau khi được học Điều lệ và lịch sử Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, em thấy Đội là tổ chức tốt nhất để rèn luyện thiếu niên trở thành những người có ích cho đất nước.

Em làm đơn này xin được vào Đội và xin hứa:

– .....

– .....

Người làm đơn

.....

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng cách nêu câu hỏi xem HS nhớ được những gì về các nội dung đã học trong 4 tiết.

– GV có thể nói rõ thêm, VD: Bài đọc *Bài tập làm văn* cho các em thấy: các em nên giúp bố mẹ những việc trong gia đình tuỳ theo khả năng của mình, và lời nói phải đi đôi với việc làm.

GV có thể đặt câu hỏi để HS nhắc lại những nội dung chủ yếu đã học trong tuần 6. GV chốt lại: trong tuần 6, các em đã được:

+ Đọc hai câu chuyện: *Lời giải toán đặc biệt* và *Bài tập làm văn*, hai bài đọc kể về những hoạt động học tập rất quen thuộc của HS.

+ Nghe viết một đoạn trong câu chuyện *Lời giải toán đặc biệt*, làm bài tập chính tả *r/ d/ gi* và *an/ang*.

+ Mở rộng vốn từ về nhà trường, luyện tập về câu hỏi.

GV dặn dò HS: Về nhà chia sẻ với người thân những thông tin về Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh mà em đã tìm hiểu được.

TUẦN 7

Bài 13 BÀN TAY CÔ GIÁO (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu thơ, khổ thơ và toàn bộ bài thơ *Bàn tay cô giáo*. Biết cách ngắt nhịp trong mỗi câu thơ, biết cách ngắt nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ. Bước đầu biết đọc diễn cảm bài thơ.

   b. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với các hoạt động của cô giáo trong bài thơ. Nhận biết được các hình ảnh được gợi ra từ các từ ngữ gợi tả của bài thơ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Bài thơ ca ngợi sự khéo léo của cô giáo khi dạy học sinh làm thủ công và thể hiện tình cảm yêu thương, quý trọng cô giáo của các bạn học sinh.

2. Nói được ý kiến cá nhân và lắng nghe người khác nói về một giờ học thú vị.
3. Viết đúng chính tả bài thơ *Nghe thầy đọc thơ* (theo hình thức nghe – viết) trong khoảng 15 phút. Viết đúng từ ngữ chứa *l/ n* và *ăn/ ăng*.
4. Bồi dưỡng tình yêu đối với mái trường, thầy cô, bè bạn; có niềm vui và hứng thú trong học tập.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Thơ 4 chữ (nhịp thơ, khổ thơ, vần thơ).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ *Bàn tay cô giáo* được phóng to hoặc chiếu trên màn hình, tranh minh hoạ cho phần Nghe nói.

– Phiếu bài tập chính tả (nếu có).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

Nêu tên bài học trước (*Bài tập làm văn*) và nói những điều HS thấy thú vị về bài đọc.

ĐỌC

1. Khởi động

– Cả lớp:

GV nêu yêu cầu: HS làm việc theo nhóm, thực hiện yêu cầu: *Nói với bạn những điều em nhớ nhất về thầy cô giáo cũ của mình.* GV gợi ý HS: GV cũ có thể là GV mầm non, GV lớp 1, 2, hoặc GV dạy các môn học ngoài giờ như GV dạy cờ vua, dạy bơi, dạy múa,...

– Nhóm/ cặp:

+ Từng HS nói trong nhóm. Các HS khác lắng nghe và có thể đặt câu hỏi thêm nếu muốn biết rõ thông tin.

+ GV khuyến khích HS nói càng nhiều càng tốt về thầy cô giáo cũ của mình. VD: Thầy/ cô tên là gì? Thầy/ cô trông như thế nào? Thầy/ cô dạy môn gì? Em nhớ nhất điều gì về thầy/ cô?,...

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp. Các HS nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và khen ngợi HS đã tích cực phát biểu ý kiến.

– GV hướng dẫn cả lớp xem tranh minh hoạ bài đọc và phân tích tranh (VD: trong tranh có hình ảnh cô giáo đang giơ một chiếc thuyền giấy ra trước lớp. Có lẽ cô vừa làm xong chiếc thuyền giấy đó, vì trên bàn có các đồ làm thủ công như kéo, giấy màu, hồ dán,... Bên cạnh cô giáo có một bức tranh có cảnh biển xanh với những con thuyền trắng. Chắc là cô đang hướng dẫn các bạn làm thủ công... Các bạn học sinh đang nhìn theo chiếc thuyền giấy cô cầm, bạn thì cười vui vẻ, bạn thì ngạc nhiên. Chiếc thuyền giấy mà cô làm có lẽ là rất đẹp. Có thể đây là một giờ học môn Mĩ thuật,...).

– GV giới thiệu khái quát bài thơ *Bàn tay cô giáo*. (VD: Hôm nay các em sẽ đọc bài thơ *Bàn tay cô giáo*. Các em sẽ đọc kĩ và diễn cảm để hiểu bài thơ nói về cô giáo rất khéo léo để hướng dẫn học sinh học tập và nhận ra các bạn học sinh có tình cảm như thế nào với cô giáo của mình.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, đọc với nhịp 2/2 hoặc 1/3, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *nắng toả, sóng lượn, sóng vỗ,...*).

+ Cách ngắt nhịp 2/2 (Mặt nước/ dập dềnh, Quanh thuyền/ sóng lượn,...) hoặc nhịp 1/3 (Một/ tờ giấy trắng, Một/ tờ giấy đỏ,...).

+ Đọc diễn cảm câu cảm "*Chiếc thuyền xinh quá!*". Đọc cả bài với giọng ngạc nhiên, thích thú, khâm phục.

– GV mời 4 HS đọc nối tiếp 5 khổ trước lớp (hai khổ cuối đọc nối vào nhau).

– HS làm việc nhóm (2 hoặc 4 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một khổ (đọc nối tiếp các khổ), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 4 HS đọc nối tiếp các khổ trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Chọn lời giải thích phù hợp với mỗi từ.*

– GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS làm việc nhóm.

– GV chiếu câu hỏi lên màn hình chiếu (nếu có).

– Nhóm/ cặp:

+ Đọc lại từng thẻ từ và các giải thích nghĩa.

+ Chọn thẻ từ tương ứng với cách giải nghĩa.

+ Trao đổi để tìm đáp án đúng.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày đáp án trước lớp.

– GV tổng kết đáp án và khen ngợi HS đã rất tích cực tham gia xây dựng bài. (Đáp án: *dập dềnh* – mặt nước chuyển động lên xuống nhịp nhàng; *rì rào* – tiếng sóng vỗ nhỏ, êm nhẹ, phát ra đều đều liên tiếp; *phô* – để lộ ra, bày ra.)

Câu 2. *Từ các tờ giấy, cô giáo đã làm ra những gì? (ghép từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B)*

– Cả lớp: GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– Nhóm/ cặp:

+ HS đọc kĩ lại các khổ 1, 2 và 3 để tìm đáp án.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày.

– GV tổng kết đáp án đúng. (Tờ giấy trắng – chiếc thuyền; Tờ giấy đỏ – mặt trời toả nắng; Tờ giấy xanh – mặt nước dập dềnh.)

Câu 3. *Theo em, 2 dòng thơ "Biết bao điều lạ/ Từ bàn tay cô" muốn nói điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.*

a. *Cô có phép màu.*

b. *Cô rất khéo tay.*

c. *Cô được học sinh rất yêu quý.*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời theo ý mình, sau đó trao đổi theo cặp về câu trả lời của mình.

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp. GV khích lệ HS nêu câu trả lời theo cách hiểu, cách nói của mình. (VD: HS chọn đáp án b, hoặc tự nói theo cách của mình, như: Cô giáo sáng tạo ra rất nhiều thứ lạ, cô giáo biết cách biến những vật bình thường thành đặc biệt,...)

– GV có thể nói thêm: Bài thơ không chỉ cho thấy hình ảnh một cô giáo rất khéo léo, tạo ra bao nhiêu điều kì diệu từ đôi tay mình, mà còn cho thấy tình cảm của các bạn HS rất quý trọng, khâm phục, ngưỡng mộ cô giáo của mình.

Câu 4. *Tìm những câu thơ nói về sự khéo léo của cô giáo khi hướng dẫn học sinh làm thủ công.*

– GV đọc câu hỏi và hướng dẫn HS thực hiện theo nhóm.

– GV gợi ý HS tìm các câu thơ nói về hoạt động của cô giáo.

– Nhóm/ cặp:

+ Đọc thầm lại cả bài thơ.

+ Tìm các câu thơ nói về hoạt động của cô giáo.

+ Chọn các câu thơ nói về sự khéo léo của cô giáo.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày.

– GV và HS góp ý, bổ sung (nếu cần thiết) và thống nhất đáp án. (Những câu thơ nói về sự khéo léo của cô giáo là: *Cô gấp cong cong, Thoắt cái đã xong, Mềm mại tay cô, Cô cắt rất nhanh, Biết bao điều lạ, Từ bàn tay cô.*)

Câu 5. *Dựa vào bài thơ, em hãy giới thiệu bức tranh mà cô giáo đã tạo ra.*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS thảo luận nhóm.

– Nhóm/ cặp:

+ Đọc thầm lại bài thơ.

+ Đọc thầm lại đáp án của câu hỏi 2.

+ Tìm các chi tiết tả bức tranh mà cô giáo đã tạo ra.

+ HS tưởng tượng bức tranh cô giáo tạo ra và tả lại bức tranh bằng lời của mình. (HS có thể xem lại tranh minh hoạ bài đọc để dễ hình dung bức tranh cô giáo tạo ra.)

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết) và thống nhất đáp án. (Bức tranh được tạo ra sau khi cô giáo cắt, gấp giấy là bức tranh về cảnh biển trong buổi bình minh, mặt trời đỏ toả nắng rực rỡ. Trên mặt biển xanh biếc, dập dềnh sóng vỗ, có một con thuyền trắng.)

4. Luyện đọc lại

HS làm việc theo cặp: đọc nối tiếp các khổ thơ.

NÓI VÀ NGHE

Một giờ học thú vị

1. Kể về một giờ học em thấy thú vị.

GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS nói trong nhóm.

– HS làm việc nhóm/ cặp:

+ Mỗi HS tự suy nghĩ và chọn một giờ học.

+ Lần lượt từng HS nói trong nhóm theo các gợi ý:

* Đó là giờ học môn nào? (HS chọn giờ học của một môn học và nêu rõ, giờ học đó diễn ra vào thời gian nào: tuần trước, hôm qua,...)

* Trong giờ học, em được tham gia vào hoạt động nào? (VD: đối với giờ học môn Tiếng Việt, HS có thể có các hoạt động đọc bài, trả lời câu hỏi, đóng vai để nói, xung phong làm bài tập, kể chuyện,...). GV có thể mở rộng câu hỏi: Em thích hoạt động nào trong giờ học đó? Vì sao? (VD: HS thích việc được nói lên ý kiến của mình trong giờ học đó, thích được hát/ kể chuyện, thích vì được cô giáo khen ngợi, thích vì các bạn đóng vai diễn kịch rất hay,...).

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhận xét, khen ngợi HS trình bày tốt.

2. Em cảm nhận thế nào về giờ học đó?

– HS trao đổi trong nhóm. Từng HS nêu cảm nhận chung về giờ học như: giờ học đó vui vẻ, sôi nổi, dễ hiểu, thú vị,... (*Lưu ý:* Hoạt động 2 có thể thực hiện đồng thời với hoạt động 1. Khi HS kể xong về một giờ học, HS có thể nêu luôn cảm nhận của mình).

– 3 – 4 HS nói trước lớp.

– GV khen ngợi chung cả lớp đã tham gia tích cực, và khen ngợi các bạn có cách nói thú vị.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV giới thiệu bài thơ *Nghe thầy đọc thơ*. (VD: Bài thơ nói về cảm xúc của bạn nhỏ khi nghe thầy đọc thơ. Qua lời đọc của thầy, bạn nhỏ thấy mọi thứ xung quanh đều như đẹp hơn, đáng yêu hơn. Bài thơ vừa ca ngợi thầy giáo đọc thơ hay, vừa thể hiện tình cảm tôn trọng, yêu thương mà bạn nhỏ dành cho thầy giáo của mình).

– GV đọc bài thơ, sau đó 2 HS đọc nối tiếp (mỗi em đọc 4 câu thơ).

– GV hướng dẫn HS các nội dung sau:

+ Cách trình bày bài thơ lục bát: quan sát bài thơ trong SHS (hoặc nhìn trên bảng/ màn hình), cách lùi đầu dòng ở câu 6 chữ và không lùi đầu dòng ở câu 8 chữ.

+ Viết hoa tên bài và các chữ đầu mỗi dòng thơ.

+ Chú ý dấu chấm cuối câu.

– Nghe GV đọc từng cụm từ hoặc từng dòng thơ, ghi nhớ và viết vào vở.

– Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

2. Làm bài tập a hoặc b.

– GV cho HS lựa chọn bài tập a hoặc b.

– HS làm việc nhóm:

+ 1 HS đọc to yêu cầu.

+ HS cùng đọc thầm đoạn thơ/ văn, điền *l*/ *n* (với câu a) hoặc tiếng chứa *ăn*/ *ăng* (với câu b).

+ Đối chiếu kết quả với nhóm khác.

– Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài, cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV chốt đáp án trên bảng lớp.

a.

Tớ là chiếc xe lu
Người tớ to **l**ù **l**ù.

Con đường **n**ào mới đắp
Tớ san bằng tăm tắp.

Con đường **n**ào rải nhựa
Tớ là phẳng như lụa.

Trời **n**óng như **l**ửa thiêu
Tớ vẫn **l**ăn đều đều.

Trời **l**ạnh như ướp đá
Tớ càng **l**ăn vội vã.

b. Đêm đã về khuya, cảnh vật **vắng** vẻ, yên tĩnh. Mặt **trăng** đã lên cao, tròn vành vạnh. Ánh **trăng** sáng **vằng** vặc, chiếu xuống mặt hồ. Những gợn sóng lăn **tăn** phản chiếu ánh sáng lóng lánh như ánh bạc.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

– HS nhớ lại những trao đổi ở phần Nói và nghe đã thực hiện ở lớp.

– HS sắp xếp lại các ý để trao đổi với người thân về một giờ học vui vẻ, thú vị. HS chú ý kể cho người thân nghe những sự việc trong giờ học mà mình thấy vui nhất.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng cách nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học, hoặc đề nghị HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc và bài viết. GV chốt lại, HS đã được học:

+ Đọc hiểu bài thơ *Bàn tay cô giáo.*

+ Nói và nghe về một giờ học thú vị.

+ Nghe viết bài thơ *Nghe thầy đọc thơ*, viết đúng chính tả *l/ n* hoặc *ăn/ ăng*.

– GV nói rõ thêm bài thơ *Bàn tay cô giáo* là một bài thơ rất nhẹ nhàng, giản dị, mang đến cho các em hình ảnh rất đẹp về một cô giáo khéo tay, yêu nghề, và tình cảm yêu thương các bạn học sinh dành cho cô giáo.

GV dặn dò HS: Về nhà kể với người thân về một giờ học vui vẻ, thú vị.

Bài 14 CUỘC HỌP CỦA CHỮ VIẾT (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Cuộc họp của chữ viết*. Biết đọc lời thoại của các nhân vật với ngữ điệu phù hợp. Biết cách thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện qua giọng đọc. Biết ngắt hơi, nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

b. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, việc làm của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Khi viết, việc sử dụng đúng dấu câu nói riêng và đúng chính tả, từ ngữ, ngữ pháp nói chung là rất quan trọng, vì người viết viết đúng thì người đọc mới hiểu đúng.

c. Tìm đọc được các câu đố về đồ dùng học tập hoặc về đồ vật ở trường lớp.

2. Nhận biết câu kể, thực hành về dấu câu.

3. Biết viết một đoạn giới thiệu bản thân.

4. Có ý thức nâng cao tính cẩn thận; quý trọng kiến thức; quý trọng những lời khuyên để giúp bản thân tiến bộ hơn.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (địa điểm, thời gian, trình tự các sự việc, lời nói và hành động của nhân vật).

– Câu kể, dấu câu (dấu chấm, dấu chấm than, dấu chấm hỏi).

– VB tự giới thiệu.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Cuộc họp của chữ viết* (có thể chiếu trên màn hình, nếu có).

– Mẫu chữ hoa E, Ê phóng to, hoặc phần mềm dạy viết chữ hoa E, Ê.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

Nêu tên bài học trước (*Bàn tay cô giáo*) và nói 1 – 2 câu về điều thú vị trong bài học đó.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm.

+ 1 HS đọc to yêu cầu (Trao đổi với bạn: Điều gì sẽ xảy ra nếu không có dấu câu khi viết?).

+ GV có thể chuẩn bị sẵn một đoạn văn không có dấu câu và phóng to để HS xem. (VD: Khi vầng trán đỏ au của mặt trời vừa ló lên ở cuối cánh đồng xa những giọt sương bừng tỉnh cựa mình tia nắng làm sương lấp lánh như những con mắt sao gió đu đưa lá cỏ sương nhún nhẩy theo như ngồi xích đu và cầu thăng bằng). GV đặt câu hỏi gợi ý: Khi không có dấu câu, em sẽ đọc đoạn văn này như thế nào? Em có biết mỗi câu kết thúc ở đâu không? Các em có hiểu rõ ý của từng câu không?,...

+ HS trao đổi theo cặp. Từng HS nêu ý kiến của mình. HS nhận xét, góp ý, bổ sung cho nhau. (VD: Nếu không có dấu câu, sẽ rất khó hiểu được đúng nội dung của câu/ đoạn. Nếu không có dấu phẩy, sẽ không biết ngắt nghỉ ở đâu. Nếu không có dấu chấm, sẽ không biết câu kết thúc ở đâu,...).

+ 3 – 4 HS trình bày trước lớp. Các HS khác góp ý, bổ sung.

+ GV tổng kết và khen ngợi các HS nhiệt tình phát biểu.

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc. (VD: Tranh vẽ một cậu bé đang viết bài, xung quanh là các dụng cụ học tập. Điều đặc biệt các dấu câu đang đứng nấp sau các dụng cụ học tập: dấu phẩy và dấu chấm nấp sau hộp bút, dấu chấm than nấp sau đèn học, dấu chấm hỏi nấp sau ống đựng bút. Có lẽ các dấu câu đang trốn cậu bé viết bài.)

– GV giới thiệu khái quát câu chuyện *Cuộc họp của chữ viết.* (VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc câu chuyện *Cuộc họp của chữ viết.* Đây là câu chuyện về một cuộc họp đặc biệt. Tham gia họp không phải là người, mà là những chữ cái và dấu câu. Các chữ cái và dấu câu họp bàn về việc gì? Các em hãy cùng đọc câu chuyện để biết được nội dung của cuộc họp.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu ở chỗ lời nói trực tiếp của các nhân vật).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *dõng dạc, mở đầu, mũ sắt, lấm tấm, lắc đầu,...*).

+ Cách ngắt giọng ở câu dài, VD: *Từ nay,/ mỗi khi em Hoàng định chấm câu,/ anh dấu chấm/ cần yêu cầu Hoàng/ đọc lại nội dung câu văn/ một lần nữa đã.*

– GV hướng dẫn chia đoạn để đọc nối tiếp.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *Đi đôi giày da trên trán lấm tấm mồ hôi.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *Trên trán lấm tấm mồ hôi.*

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến *Ẩu thế nhỉ!*

+ Đoạn 4: Tiếp theo đến hết.

– 4 HS đọc nối tiếp theo 4 đoạn đã chia.

– HS làm việc nhóm (4 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 4 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Câu chuyện kể về cuộc họp của những ai?*

– GV nêu câu hỏi.

– GV yêu cầu HS đọc kĩ lại đoạn 1 trong bài đọc.

– GV mời HS xung phong trả lời.

– 2 – 3 HS phát biểu ý kiến.

– GV và HS nhận xét, thống nhất đáp án. (Câu chuyện kể về cuộc họp của các chữ cái và dấu câu.)

Câu 2. *Cuộc họp đó bàn về chuyện gì?*

– GV nêu câu hỏi, hướng dẫn HS trao đổi trong nhóm.

+ Mỗi HS tự đọc thầm đoạn 1 và tìm câu trả lời.

+ HS phát biểu và thống nhất trong nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp. Các HS nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Cuộc họp đó bàn về việc tìm cách giúp đỡ Hoàng, vì bạn ấy không biết cách chấm câu.)

Câu 3. *Vì sao không ai hiểu những điều bạn Hoàng đã viết?*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm.

+ Mỗi HS tự đọc thầm lại câu Hoàng viết và chuẩn bị câu trả lời.

+ Trao đổi và thống nhất đáp án trong nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu.

– Các HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.

– HS và GV thống nhất đáp án. (Không ai hiểu những điều Hoàng viết vì bạn ấy chấm câu không đúng chỗ.)

– GV có thể hỏi thêm: (1) Theo dấu chấm, vì sao Hoàng chấm câu chưa đúng?

(Vì Hoàng không để ý đến dấu câu, mỏi tay chỗ nào bạn ấy chấm chỗ đó). (2) Em nghĩ thế nào về Hoàng? (Bạn ấy chưa cẩn thận/ rất ẩu/ học chưa nghiêm túc,...).

Câu 4. *Dựa vào lời đề nghị của bác chữ A, sắp xếp các bước mà Hoàng cần thực hiện.*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ HS đọc kĩ lại đoạn 4, tìm câu trả lời theo yêu cầu.

+ HS trao đổi và thống nhất trong nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Dấu chấm được giao nhiệm vụ giúp đỡ Hoàng sửa lỗi. Các bước giúp Hoàng sửa lỗi trước khi chấm câu là: viết câu – đọc lại câu – chấm câu.)

Câu 5. *Em hãy góp thêm ý kiến để giúp bạn Hoàng viết đúng.*

– GV nêu yêu cầu, HS suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời. GV khuyến khích HS liên hệ bản thân, nghĩ đến những cách mà mình đã vận dụng để viết đúng. (VD: suy nghĩ kĩ trước khi viết, không nên viết câu quá dài, khi đã đủ ý mới dùng dấu câu, sau khi viết phải đọc lại cẩn thận,...).

– GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV khen ngợi những HS nói được nhiều ý, có ý tưởng hay.

– GV gợi ý thêm cho HS: Muốn viết đúng, viết hay, các em nên đọc thật nhiều. Đọc nhiều giúp các em quen với các hiện tượng chính tả, ngữ pháp, và từ đó tránh được việc viết sai chính tả, ngữ pháp. Đọc nhiều cũng giúp các em có vốn từ ngữ phong phú, nâng cao hiểu biết về cuộc sống xung quanh, các em sẽ biết cách diễn đạt hay hơn, nhiều ý tưởng mới hơn. Việc đọc và viết gắn bó rất chặt chẽ. Vì thế, các em nhớ, muốn viết tốt, các em phải đọc tốt, đọc nhiều.

– Nếu HS thực hiện tốt và nhanh các yêu cầu, còn thời gian, GV có thể cho HS đóng vai để diễn kịch theo nội dung bài đọc.

4. Luyện đọc lại

HS đọc nối tiếp theo nhóm.

VIẾT

1. Ôn chữ viết hoa

– GV nêu tên bài học: Ôn chữ viết hoa *E, Ê* (GV nói rõ với HS: cần nhớ lại cách viết chữ viết hoa đã được luyện viết từ lớp 2). Trong khoảng nửa tiết học, các em ôn lại cách viết 2 chữ viết hoa *E, Ê* và viết ứng dụng.

– GV viết mẫu, kết hợp nhắc lại cách viết các chữ viết hoa (hoặc cho HS quan sát clip hướng dẫn viết chữ *E, Ê*).

– HS viết chữ viết hoa *E, Ê* ra nháp trước khi viết vào vở ô li theo hướng dẫn.

– HS viết chữ viết hoa *E, Ê* theo yêu cầu (về số chữ) vào vở.

– GV nhận xét chữ viết của HS.

2. Viết ứng dụng

a. *Viết tên riêng*

– HS đọc tên riêng: *Ê-đê.*

– HS viết tên riêng *Ê-đê* vào vở.

– GV giới thiệu với HS: Việt Nam có 54 dân tộc anh em. Ê-đê là tên của một trong 54 dân tộc ở nước ta. GV có thể chiếu thêm các hình ảnh về dân tộc Ê-đê cho HS xem (ví dụ nhà của người Ê-đê, trang phục của người Ê-đê,...).

b. *Viết câu*

– HS đọc thầm câu ứng dụng:

Ước gì em hoá thành mây

Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm.

– Đây là hai câu thơ trong bài thơ *Bóng mây* của tác giả Thanh Hào. Hai câu thơ thể hiện tình cảm yêu thương của một bạn nhỏ với mẹ của mình, qua mong ước hoá thành mây để che cho mẹ khỏi nắng khi mẹ đi cấy lúa ngoài ruộng.

– GV nhắc HS trong câu ứng dụng có các chữ viết hoa *Ư, E*. Lưu ý HS viết đúng chính tả các chữ như *hoá, suốt, râm* và cách viết lùi đầu dòng ở thể thơ lục bát.

– HS viết câu ứng dụng vào vở.

– HS góp ý cho nhau theo cặp hoặc theo nhóm.

– GV lựa chọn một số bài viết của HS chiếu lên màn hình, cả lớp nhận xét, sửa chữa. GV động viên những HS viết đẹp, tiến bộ.

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Xếp các câu kể đã cho vào nhóm thích hợp: *câu giới thiệu, câu nêu đặc điểm, câu nêu hoạt động.*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm.

+ HS tự đọc thầm đoạn văn.

+ HS làm việc cá nhân, nhớ lại đặc điểm về câu giới thiệu, câu nêu đặc điểm, câu nêu hoạt động. HS tìm câu theo yêu cầu của bài.

+ HS trao đổi đáp án trong nhóm. Thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Câu giới thiệu: 1, 3; Câu nêu đặc điểm: 2, 4; Câu nêu hoạt động: 5.)

2. Chọn thông tin đúng về câu kể.

– GV mời một HS đọc to yêu cầu và các thông tin cho trước.

– HS làm việc nhóm. HS trao đổi để tìm thông tin đúng về câu kể.

– GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp. GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV và HS chốt đáp án. (Thông tin đúng về câu kể: dùng để kể, tả, giới thiệu,... kết thúc bằng dấu chấm.)

3. Xếp các câu thành nhóm thích hợp và giải thích vì sao em xếp như vậy.

– GV mời một HS đọc to yêu cầu.

– HS làm việc cá nhân, nhớ lại các đặc điểm của câu kể và câu hỏi (về nội dung, về dấu câu), đọc kĩ các câu cho trước, chuẩn bị đáp án để trình bày.

– GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV chốt đáp án trên bảng lớp (có thể chiếu trên màn hình phiếu bài tập, nếu có).

Đáp án:

Kiểu câu	Câu kể	Câu hỏi
	b. Bút nâu là một người bạn tốt. c. Bút nâu nhảy với bút vàng, lắng nghe ước mơ của bút tím.	a. Bút nâu trông như thế nào? d. Bút nâu gắn bút đỏ vào bên cạnh mình để làm gì?
Lí do	– Nội dung câu: giới thiệu (câu b), nêu hoạt động (câu c). – Dấu câu: dấu chấm.	– Nội dung câu: hỏi (câu có chứa các từ để hỏi: như thế nào, để làm gì). – Dấu câu: dấu chấm hỏi.

4. Tìm dấu câu (*dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than*) thay cho ô vuông.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm.

+ HS tự đọc thầm từng câu cần điền dấu.

+ HS làm việc cá nhân, xác định kiểu câu của từng câu. Đối với câu kể, HS điền dấu chấm; Đối với câu hỏi, HS điền dấu chấm hỏi; Đối với câu cảm, HS điền dấu chấm than.

+ HS trao đổi đáp án trong nhóm. Thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất đáp án. (*Minh là thành viên mới của lớp 3A. Minh vừa chuyển từ trường khác đến. Bạn ấy vui vẻ giới thiệu*:

– Tớ tên là Tuệ Minh. Tớ thích chơi cờ vua và múa ba lê.

Các bạn xôn xao:

– Tên của cậu đẹp quá!

– Tớ cũng thích chơi cờ vua lắm!

– Cậu có muốn tham gia câu lạc bộ cờ vua cùng chúng tớ không?)

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Quan sát tranh và đóng vai bạn nhỏ để giới thiệu về bạn ấy.

– GV hướng dẫn HS quan sát tranh và tìm các thông tin cần thiết về bạn nhỏ. (VD: Tranh vẽ cảnh sinh nhật của bạn gái áo vàng. Bánh có nến số 8, nghĩa là bạn 8 tuổi. Trên bàn, có chiếc cặp để tên Bùi Tuệ Minh, đây là tên của bạn ấy. Tờ lịch cho biết hôm

nay là ngày 29/7, nghĩa là sinh nhật của bạn ấy vào ngày 29/7. Các bạn của bạn ấy chúc bạn ấy trở thành diễn viên múa và khen bạn ấy múa rất đẹp, nghĩa là sở thích của bạn ấy là múa ba lê.)

– HS làm việc cá nhân, quan sát tranh, tìm thông tin và tự suy nghĩ để chuẩn bị lời giới thiệu.

– GV mời 1 – 2 HS xung phong trình bày trước lớp. (VD: Tớ tên là Bùi Tuệ Minh. Tớ sinh ngày 29/7, năm nay tớ 8 tuổi. Sở thích của tớ là múa ba lê).

– GV và các HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.

– GV khen ngợi các HS mạnh dạn, tự tin nói trước lớp.

– GV đặt câu hỏi mở rộng để chuẩn bị cho bài tập 2: Trong lời tự giới thiệu của bạn nhỏ, em thấy bạn ấy đã nói những thông tin gì về mình? (Họ và tên; ngày sinh; tuổi; sở thích).

2. Viết một đoạn văn giới thiệu bản thân vào một tấm thẻ rồi trang trí thật đẹp.

– GV nêu yêu cầu. GV hướng dẫn HS dựa vào lời giới thiệu của bạn nhỏ ở bài 1, suy nghĩ để tự giới thiệu về bản thân mình. GV gợi ý HS các thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Tuổi; Sở thích; Các thông tin khác (mở rộng với HS khá, giỏi, VD: đặc điểm hình thức, đặc điểm tính cách, ước mơ,...).

– HS làm việc cá nhân. HS tham khảo phần nói ở bài tập 1 và dựa vào gợi ý của cô giáo để nghĩ các thông tin về bản thân. HS tự suy nghĩ và viết một đoạn văn hoàn chỉnh.

3. Đọc lại đoạn em viết, phát hiện lỗi và sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý,...).

– GV hướng dẫn HS tự đọc lại bài viết của mình 1 – 2 lần. HS cần chú ý kiểm tra cẩn thận để phát hiện các lỗi: chính tả; dùng từ; đặt câu; dùng dấu câu, sắp xếp các ý trong bài viết.

– HS tự sửa những lỗi đã được phát hiện.

– Nếu HS kiểm tra bài không có lỗi, HS vẫn cần đọc lại để xem cách dùng từ, đặt câu đã hay chưa, có cách khác hay hơn không.

– Trao đổi với bạn bên cạnh bài viết của mình, lắng nghe nhận xét, góp ý và sửa chữa bài làm.

– GV chấm nhanh một số bài và đọc cho cả lớp nghe 1 – 2 bài.

– *Lưu ý:* HS có thể viết vào một tấm thẻ bằng giấy có kích thước như vở của HS, hoặc viết vào vở và trang trí bài viết thật đẹp.

– GV khen ngợi, động viên HS. GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm của mình với bạn bè và người thân. (VD một đoạn văn: Em tên là Bùi Tuệ Nhi. Em sinh ngày 15/5, năm nay em 8 tuổi. Em cao, gầy. Em rất nhanh nhẹn và thân thiện với mọi người. Sở thích của em là vẽ, múa và đọc sách. Ước mơ của em là trở thành cô giáo giống như mẹ của em.).

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động vận dụng.

+ HS đọc kĩ yêu cầu (Tìm đọc một số câu đố về đồ dùng học tập hoặc những đồ vật khác ở trường) và ví dụ trong sách.

+ HS tìm các câu đố theo yêu cầu, có thể đọc cho người thân nghe và có thể chia sẻ với các bạn trong buổi học sau.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng cách nêu câu hỏi xem HS nhớ được những gì về các bài đọc và viết đã học trong 4 tiết. GV chốt lại, HS đã được:

+ Đọc hiểu câu chuyện *Cuộc họp của chữ viết.*

+ Ôn tập chữ viết hoa E, Ê và viết tên riêng, viết câu ứng dụng.

+ Luyện tập về câu kể và các dấu kết thúc câu.

+ Viết đoạn tự giới thiệu bản thân.

– GV có thể nói rõ thêm, VD: Bài đọc *Cuộc họp của chữ viết* cho các em thấy: Sau khi viết, các em phải đọc đi đọc lại bài viết của mình thật cẩn thận, kiểm tra kĩ càng để đảm bảo mình viết đúng, dùng dấu câu đúng. Không nên cẩu thả, nhanh nhảu nhưng lại ẩu, dễ dẫn đến mắc những lỗi sai không đáng có.

– GV có thể đặt câu hỏi để HS nhắc lại những nội dung chủ yếu đã học trong tuần 7: Trong tuần này, các em đã học được những gì qua bài 13 (*Bàn tay cô giáo*) và bài 14 (*Cuộc họp của chữ viết)*? Các em thích nhất điều gì trong mỗi bài học? GV chốt lại: Trong tuần 7, các em đã được đọc những bài thơ, câu chuyện về thầy cô và việc học tập. Qua đó, các em sẽ thêm yêu mến trường lớp và những người xung quanh em, có thêm niềm vui mỗi ngày tới lớp.

– GV dặn dò HS: Về nhà nói với người thân cảm nghĩ của em sau khi học xong tuần 7 và chia sẻ những niềm vui của em khi đến trường học.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TUẦN 8

Bài 15 THƯ VIỆN (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Thư viện*. Bước đầu biết thể hiện ngữ điệu khi đọc lời nói của nhân vật trong câu chuyện, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

b. Nhận biết được các nhân vật, hành động, việc làm, cảm xúc của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn truyền tải qua câu chuyện: Thư viện với những chiếc giá đầy ắp sách luôn là một nơi đến tuyệt vời đối với các bạn học sinh.

2. Kể được câu chuyện *Mặt trời mọc ở đằng...tây!*

3. Viết được một đoạn trong câu chuyện *Thư viện* (dưới hình thức nghe – viết). Viết đúng chính tả *ch/ tr* hoặc *ân/ âng*.
4. Hình thành và phát triển tình yêu với trường lớp, với các hoạt động trong trường; có hứng thú học tập, đọc sách; biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc của mình.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản kể chuyện (địa điểm, thời gian, trình tự các sự việc, lời nói và hành động của nhân vật).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh phần Khởi động, tranh minh hoạ câu chuyện *Thư viện* (có thể chiếu trên màn hình, nếu có).

– Tranh minh hoạ bài tập chính tả.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

Nêu tên bài học trước (*Cuộc họp của chữ viết*) và nói 1 – 2 câu về điều thú vị trong bài học đó.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm:

+ Đọc yêu cầu (Giới thiệu với bạn về nơi đọc sách mà em yêu thích).

+ Cả nhóm cùng quan sát 3 tranh gợi ý. Mỗi HS sẽ tự nghĩ về nơi đọc sách mình yêu thích và nêu ý kiến riêng trong nhóm. Các HS khác lắng nghe, hỏi thêm thông tin hoặc nhận xét, góp ý. GV khuyến khích HS nói về bất cứ nơi nào mà HS cảm thấy thoải mái khi đọc sách. Có thể là ở góc học tập, trên giường ngủ, trên ghế sô pha, trong phòng làm việc của bố mẹ, ở hiên nhà, ở ngoài vườn,... Khuyến khích HS nêu lí do yêu thích (VD: HS thích đọc sách ở góc học tập vì xung quanh có rất nhiều sách vở, lấy sách rất tiện; HS thích đọc sách ở trên giường ngủ vì được nằm thoải mái; HS thích đọc sách ở ngoài vườn vì có ánh sáng tự nhiên, gió mát mẻ;...).

+ Nếu HS chọn nơi yêu thích là thư viện trường, thì GV có thể nêu câu hỏi gợi ý: Thư viện nằm ở đâu? Bên ngoài trông như thế nào? Bên trong trông như thế nào? Thời gian mở cửa, đóng cửa là mấy giờ? Em có thường xuyên đến thư viện hay không?...).

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc. (VD: Tranh vẽ một thư viện đầy ắp sách đủ màu sắc. Trong thư viện có rất nhiều bạn học sinh, có bạn đứng, có bạn

ngồi đọc sách. Các bạn đều đang rất chăm chú và vui vẻ. Hãy cùng đọc câu chuyện *Thư viện* để biết có điều gì thú vị về thư viện của các bạn.)

– GV giới thiệu khái quát câu chuyện *Thư viện.* (VD: Hôm nay các em sẽ đọc câu chuyện *Thư viện*. Câu chuyện cho các em biết về sự hào hứng của các bạn học sinh khi trường có một thư viện mới. Các em hãy cùng đọc để hình dung ra thư viện của các bạn và hiểu niềm vui của các bạn ấy.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu ở chỗ lời nói trực tiếp của các nhân vật).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *thoải mái, lớp học, sôi nổi, một nửa, quang cảnh,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài. VD: *Nếu ở nhà có sách gì/ các em muốn bạn khác cùng đọc,/ hãy mang đến đây.; Quang cảnh thư viện lúc này/ hệt như một toa tàu điện đông đúc/ với những hành khách đứng ngồi để đọc sách,/ trông đến là ngộ.;...*

+ Đọc diễn cảm lời của thầy hiệu trưởng.

– GV hướng dẫn chia đoạn để đọc nối tiếp:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *ngay tại đó nữa.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *thật nhiều sách vào.*

+ Đoạn 3: Còn lại.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn đã chia.

– HS làm việc nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

GV có thể nêu câu hỏi trước lớp và mời HS xung phong trả lời.

Câu 1. *Đến trường sau kì nghỉ, các bạn học sinh đã phát hiện ra điều gì tuyệt vời?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS chuẩn bị câu trả lời và mời HS xung phong trả lời.

– 2 – 3 HS phát biểu ý kiến.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Các bạn học sinh phát hiện ra một căn phòng mới đã biến thành thư viện).

– GV có thể đặt thêm câu hỏi: Tìm thêm những từ ngữ chỉ cảm xúc có thể thay thế cho từ "vui sướng" trong câu đầu tiên của bài đọc (mừng rỡ, sung sướng, phấn khởi,...).

Câu 2. *Thầy hiệu trưởng đã dặn các bạn học sinh làm những việc gì?*

– GV nêu câu hỏi, hướng dẫn HS trao đổi trong nhóm.

+ Mỗi HS tự đọc thầm lại lời nói của thầy hiệu trưởng.

+ HS tìm các chi tiết dặn dò HS trong lời nói của thầy hiệu trưởng và đối chiếu với các phương án cho sẵn trong sách. HS loại trừ các đáp án không chính xác.

+ HS phát biểu và thống nhất trong nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp. Các HS nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Thầy hiệu trưởng đã dặn các bạn học sinh: thoải mái vào thư viện, mượn sách về đọc và trả lại, mang sách của mình đến thư viện, có thể đọc bất kì quyển sách nào.)

Câu 3. *Vì sao bạn nhỏ thấy quang cảnh thư viện trông giống như một toa tàu điện đông đúc?*

– GV có thể nêu thêm câu hỏi phụ để tìm hiểu trước khi trả lời câu hỏi chính: Các em có biết tàu điện không? GV giải thích thêm về tàu điện, hoặc chuẩn bị hình ảnh để giới thiệu với HS. (Ở một số nước, tàu điện là phương tiện giao thông công cộng phổ biến. Tàu điện trông giống như tàu hoả, gồm nhiều toa, chạy rất nhanh trên đường ray riêng trong thành phố để chở khách. Tàu điện có thể chạy trên cao hoặc trong lòng đất).

– GV nêu câu hỏi và mời HS xung phong phát biểu.

– 2 – 3 HS phát biểu. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.

– GV thống nhất câu trả lời (vì có người đứng, người ngồi để đọc sách, giống như những hành khách đứng ngồi trên tàu điện).

Câu 4. *Các bạn học sinh cảm thấy thế nào khi có thư viện mới?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời,

– GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Các bạn cảm thấy rất háo hức, vui vẻ.)

– GV có thể hỏi thêm: Những chi tiết nào thể hiện điều đó? (Các bạn hò reo vui sướng vì phát hiện ra một điều tuyệt vời; Các bạn sôi nổi chọn sách; bạn nào đến trường cũng háo hức ghé vào thư viện; Ai cũng vui lắm.)

Câu 5. *Nói về thư viện mà em mơ ước.*

– GV hướng dẫn HS suy nghĩ về thư viện mình mơ ước và chuẩn bị trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm.

– HS trao đổi nhóm. Lần lượt từng HS trình bày về thư viện mơ ước. Các HS khác hỏi – đáp để tìm hiểu thêm thông tin, nhận xét, góp ý.

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp. GV khích lệ HS nói càng nhiều điều về thư viện mơ ước của mình càng tốt, HS cũng có thể vẽ tranh về thư viện mơ ước và tưởng tượng ra những điều độc đáo về thư viện. (Câu hỏi gợi ý: Thư viện nằm ở đâu? Thư viện trông như thế nào (to hay nhỏ? màu sắc gì? có mấy tầng?,...)? Thư viện có những loại sách gì? Thư viện có điều gì đặc biệt?,...)

– GV khen ngợi các HS nói rõ ràng, có ý tưởng hay, độc đáo.

4. Luyện đọc lại

HS làm việc cá nhân: đọc lại toàn bộ bài.

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện *Mặt trời mọc ở đằng... tây!*

1. Nghe kể chuyện.

– GV nói lời dẫn: Chúng ta đã từng làm quen với một nhà thơ, nhà văn nổi tiếng người Pháp là Vích-to Huy-gô qua bài đọc *Lời giải toán đặc biệt*. Bây giờ, chúng ta sẽ làm quen với một người cũng tài năng như vậy, đó là đại thi hào người Nga – Pu-skin. Từ nhỏ, ông đã rất giỏi làm thơ. Hãy cùng nghe câu chuyện *Mặt trời mọc ở đằng... tây!* để xem Pu-skin tài năng như thế nào.

– GV yêu cầu HS quan sát tranh và đọc các câu hỏi dưới tranh.

– GV kể chuyện: GV kể 2 lần, lần 1 kể toàn bộ câu chuyện, lần 2 có dừng lại ở những đoạn tương ứng với các câu hỏi trong tranh, có thể dừng lại để hỏi sự việc tiếp theo là gì, khích lệ các em nhớ chi tiết câu chuyện.

MẶT TRỜI MỌC Ở ĐẰNG... TÂY!

Thi hào người Nga Pu-skin giỏi ứng tác thơ từ thuở nhỏ. Có lần, trong giờ văn ở trường, thầy giáo bảo một học sinh làm thơ tả cảnh mặt trời mọc. Anh bạn này nghĩ mãi mới ra một câu:

Mặt trời mới mọc ở đằng tây...

Cả lớp cười ồ lên vì câu thơ vô lí quá. Ai chẳng biết đằng tây là phía mặt trời lặn. Thầy giáo bảo Pu-skin tìm cách chữa cho bạn. Pu-skin liền đứng dậy đọc tiếp:

...Thiên hạ ngạc nhiên chuyện lạ này
Ngơ ngác nhìn nhau và tự hỏi:
"Thức dậy hay là ngủ nữa đây?"

Thế là tránh được điều vô lí, mà bốn câu lại hợp thành một bài thơ ngộ nghĩnh. Sau đó ít lâu, bài thơ được đăng trên báo *Người đưa tin châu Âu* với đề *Gửi bạn làm thơ*. Bạn bè trong lớp vô cùng hãnh diện về nhà thơ của lớp mình.

(Theo *Chuyện làng văn*)

– Sau khi kể xong câu chuyện lần 1, GV giải thích một số từ ngữ khó.

+ Pu-skin (1799 – 1837): nhà thơ lớn của nước Nga.

+ Thi hào: nhà thơ lớn, rất nổi tiếng.

+ Ứng tác: sáng tác và đọc ngay tại chỗ.

+ Thiên hạ: mọi người.

– GV cho HS làm việc nhóm và trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh.

– GV gọi một số HS (đại diện các nhóm) trả lời câu hỏi.

Tranh 1. Thầy giáo yêu cầu học sinh điều gì? (Thầy giáo yêu cầu học sinh làm thơ về mặt trời.)

Tranh 2. Cậu học trò này đã đọc câu thơ như thế nào?

(Cậu học trò đó đã đọc câu thơ: "Mặt trời mới mọc ở đằng tây".)

Tranh 3. Thầy giáo yêu cầu Pu-skin điều gì?

(Thầy giáo yêu cầu Pu-skin đọc tiếp các câu thơ nhưng không được thay đổi câu mở đầu.)

Tranh 4. Đọc tiếp 3 câu thơ của Pu-skin: *Thiên hạ ngạc nhiên chuyện lạ này/ Ngơ ngác nhìn nhau và tự hỏi/ Thức dậy hay là ngủ nữa đây?*

2. Kể lại câu chuyện.

– GV gọi HS kể nối tiếp câu chuyện.

– GV gọi HS kể toàn bộ câu chuyện.

Khi HS kể chuyện, GV yêu cầu các HS khác lắng nghe và bổ sung nếu thấy cần hoặc nhận xét về phần kể chuyện của bạn.

Có thể thêm câu hỏi phụ sau khi HS đã kể xong toàn bộ câu chuyện: *Em thấy Pu-skin là người thế nào?*

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết: *Thư viện* (từ *Đây là thư viện của các em* đến *hãy mang đến đây*).

– GV đọc một lượt toàn bộ đoạn văn cần viết, lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong bài.

+ Viết hoa tất cả các chữ cái ở đầu mỗi câu.

+ Chữ dễ sai chính tả: *quyển sách, thoải mái, trả lại,...*

– GV đọc từng câu cho HS viết. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.

– GV đọc lại một lần cả đoạn và yêu cầu HS tự soát lỗi.

– HS đổi vở cho nhau để soát lỗi giúp bạn.

– GV kiểm tra bài viết của HS, sửa một số bài và nhận xét chung cả lớp.

2. Ghép các tiếng phù hợp với *chân* hoặc *trân* để tạo từ.

– Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– GV chiếu hoặc dán các thẻ chữ lên bảng. HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ.

– GV gọi HS trình bày kết quả của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét.

– GV thống nhất đáp án, chiếu hoặc viết lên bảng:

+ Chân: chân thành, chân tình, chân dung, chân lí.

+ Trân: trân trọng.

(Với bài này, GV cũng có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi.)

3. Làm bài tập a hoặc b.

a. *Chọn ch hoặc tr thay cho ô vuông.*

Có nhiều hình thức tổ chức kiểu bài này. Cách thức phổ biến là GV chuẩn bị sẵn một tờ giấy to, viết sẵn bài thơ, bỏ trống các ô, sau đó cho HS thảo luận về từng ô trống, gọi một số bạn lên bảng để điền. GV cũng có thể chuẩn bị sẵn các thẻ chữ cái *ch/ tr,* HS lựa chọn chữ phù hợp, dán lên các ô trống của bài thơ trên bảng.

– HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ: đọc thầm đoạn thơ, tìm chữ cái phù hợp.

– GV gọi HS trình bày kết quả của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét.

– GV thống nhất đáp án, chiếu hoặc viết lên bảng:

Bài hát tới trường

Bố mẹ đi làm
Ta đi học nhé
Áo quần sạch sẽ
Bầu trời trong xanh.

Giữ gìn bàn chân
Đừng quên đôi dép
Giữ gương mặt đẹp
Nhớ đừng giận nhau.

Con đường thì dài
Đôi chân thì ngắn
Thời giờ nghiêm lắm
Chẳng thích rong chơi.

Nhưng mà bạn ơi
Xin đừng chạy vội
Có đoàn có đội
Tới trường cùng nhau.

(*Theo* Nguyễn Trọng Tạo)

b. *Ghép các tiếng phù hợp với dân hoặc dâng để tạo từ.*

– GV tổ chức hoạt động giống với bài tập 2.

– GV và HS thống nhất đáp án, chiếu hoặc viết lên bảng:

+ Dân: dân số, dân làng, dân tộc, dân cư,...

+ Dâng: dâng trào, dâng hiến/ hiến dâng,...

(HS viết lại vào vở bài tập nếu cần)

(GV có thể tổ chức thành trò chơi: thi tìm nhanh đáp án,...)

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động kể cho người thân nghe câu chuyện *Mặt trời mọc ở đằng... tây!*: Các em có thể giở trang sách giáo khoa, dựa vào tranh để kể chuyện. Cố gắng học thuộc bài thơ về mặt trời của Pu-skin để kể cho trôi chảy.

– Với hoạt động Thử làm thơ về mặt trời

Nội dung này không bắt buộc. GV khuyến khích HS thử làm thơ, hướng dẫn sơ qua cho các em cách gieo vần trong thơ, số lượng chữ trong một câu thơ. (Làm thơ 4 chữ

hoặc 5 chữ sẽ dễ cho các em hơn). VD: *Mặt trời đỏ ối/ Ở tít trên cao/ Đưa tay vẫy chào/ Chúng em đến lớp,...*

CỦNG CỐ

– GV tổng kết bài học: Sau bài học này, các em đã:

+ Đọc và hiểu được câu chuyện *Thư viện.*

+ Ghép tiếng để tạo từ từ các tiếng cho trước: *chân* và *trân*, *dân* và *dâng*.

+ Nghe và kể lại được câu chuyện *Mặt trời mọc ở đằng... tây!*. Biết thêm về một đại thi hào của nước Nga – Pu-skin.

– GV dặn dò HS: Về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện *Mặt trời mọc ở đằng... tây!*. Thử làm vài câu thơ về mặt trời và đọc cho người thân nghe.

Bài 16 NGÀY EM VÀO ĐỘI (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Ngày em vào Đội;* biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ và giữa các dòng thơ; bước đầu biết thể hiện cảm xúc của học sinh trong ngày vào Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh qua giọng đọc.

b. Dựa vào từ ngữ, hình ảnh thơ và tranh ảnh minh hoạ, nhận biết được niềm vui, nỗi xúc động, sự đồng cảm của người chị trước tin em của mình được vào Đội. Bằng lời trò chuyện với người em, bài thơ nói lên cảm xúc của các bạn nhỏ trước sự kiện quan trọng ở lứa tuổi thiếu niên nhi đồng.

c. Đọc mở rộng (các câu đố về đồ dùng học tập hoặc đồ vật ở trường), ghi phiếu đọc sách, chia sẻ với các bạn về các câu đố em tìm đọc được.

2. Mở rộng vốn từ về thư viện, nhận biết được câu cảm.

3. Biết viết thông báo đơn giản theo hướng dẫn.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản thơ và một số điểm đặc trưng của thơ (thể hiện cảm xúc, tâm trạng; ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh; nhịp điệu, nội dung hàm ẩn,...).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ; băng đĩa về lễ kết nạp Đội (nếu có).

– Phiếu bài tập luyện tập về từ và câu (bài tập 1) để tổ chức hoạt động học (nếu có).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

– GV có thể cho HS ôn bài cũ bằng một trong những cách sau đây:

+ HS làm việc theo cặp, đọc nối tiếp bài *Thư viện*, sau đó mỗi em sẽ nêu một chi tiết yêu thích trong bài.

+ 2 – 3 em đọc nối tiếp câu chuyện *Thư viện* trước lớp, rồi lần lượt từng em trả lời câu hỏi cuối bài đọc theo yêu cầu của GV.

– GV nói với HS: Các em đã trải qua gần 4 tuần học về chủ điểm Cổng trường rộng mở. Các em được học tập, được cảm nhận và chia sẻ những hiểu biết về việc học tập ở nhà trường. Các em đã được nghe kể chuyện Đội viên tương lai và biết rằng được vào Đội là niềm vinh dự của lứa tuổi thiếu niên nhi đồng. Hôm nay, các em học bài *Ngày em vào Đội* – bài học cuối cùng của chủ điểm. Bài đọc giúp em cảm nhận được cảm xúc của những người đội viên trong ngày đặc biệt – ngày được kết nạp vào Đội.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ Nói về bức tranh minh hoạ bài đọc (VD: Tranh vẽ cảnh gì, ở đâu? Mọi người trong tranh là những ai? Nét mặt mọi người như thế nào?,...).

+ Cùng bạn trao đổi để trả lời câu hỏi: *Theo em, các bạn học sinh cần phấn đấu như thế nào để được kết nạp vào Đội?*

+ 1 – 2 em đại diện nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– Giới thiệu bài mới: Bài thơ *Ngày em vào Đội* thể hiện niềm vui sướng, tự hào của người chị đối với sự kiện người em của mình được vào Đội. Chị gái như sống lại tuổi thơ của mình, sung sướng vì cảm thấy đứa em đã khôn lớn, đang bước đi trên con đường mình đã qua.

– GV hướng dẫn HS đọc phần giải thích từ Đoàn, Đội.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc).

– GV hướng dẫn HS đọc đúng các câu thơ chứa tiếng dễ phát âm sai. VD:

Nắng vườn trưa mênh mông
Bướm bay như lời hát
Con tàu là đất nước
Đưa ta tới bến xa...

– 2 HS đọc nối tiếp các khổ thơ trước lớp.

– HS làm việc theo cặp: đọc nối tiếp các khổ thơ 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Người chị muốn nói gì với em mình qua 2 dòng thơ "Màu khăn đỏ dắt em/ Bước qua thời thơ dại."?*

– HS làm việc cá nhân: đọc câu hỏi 1, đọc 3 phương án trả lời, đặc biệt là có thể trả lời theo cách khác/ theo suy nghĩ riêng của mình.

– HS trao đổi theo nhóm, đưa ra ý kiến của mình, có thể thống nhất cách chọn câu trả lời hoặc đưa ra ý kiến riêng.

– GV nêu câu hỏi trước cả lớp hoặc chiếu câu hỏi và các phương án trả lời lên màn hình (nếu có), mời một số HS phát biểu ý kiến. (Đáp án: câu b). HS có thể có phát biểu ý kiến riêng của mình hoặc có cách diễn đạt khác cho câu trả lời của mình. GV nhận xét dựa trên câu trả lời của HS.

Câu 2. *Chi tiết nào cho thấy chiếc khăn quàng đỏ gắn bó thân thương với người đội viên?*

– HS đọc câu hỏi 2.

– GV hướng dẫn cách làm:

+ Làm việc cá nhân: đọc lại câu hỏi 2 và tìm những câu thơ cho thấy chiếc khăn quàng đỏ gắn bó thân thương với người đội viên.

+ Làm việc theo cặp: từng em nêu ý kiến rồi thống nhất chọn các chi tiết.

– Cả lớp: một số nhóm trưởng nêu các chi tiết nhóm đã chọn; GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

+ Những câu thơ nói về sự gắn bó của chiếc khăn quàng đỏ với người đội viên:

Màu khăn tuổi thiếu niên
Suốt đời tươi thắm mãi
Như lời ru vời vợi
Chẳng bao giờ cách xa.

+ Chiếc khăn quàng đỏ gắn bó thân thương với người đội viên vì nó như lời ru vời vợi của bà, của mẹ, luôn thấm thía trong lòng mỗi người, chẳng bao giờ cách xa.

Câu 3. *Người chị đã chia sẻ với em niềm vui, mơ ước của người đội viên qua những hình ảnh nào?*

– GV nêu câu hỏi, HS làm việc cá nhân: đọc bài thơ, chọn những hình ảnh thơ diễn tả niềm vui, mơ ước của người đội viên.

Này em, mở cửa ra
Một trời xanh vẫn đợi
Cánh buồm là tiếng gọi
Mặt biển và dòng sông.

Nắng vườn trưa mênh mông
Bướm bay như lời hát
Con tàu là đất nước
Đưa ta tới bến xa...

– GV nói thêm: Người chị động viên em hãy mở lòng để cảm nhận và đón nhận những điều mới mẻ khi được kết nạp vào Đội, khi trở thành đội viên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Trước mắt em, một chân trời mới đang mở ra, đang đón đợi, tựa như không gian rộng mênh mông, tươi đẹp của "trời xanh", "mặt biển", "dòng sông",... Tất cả "vẫn đợi" em, đang cất "tiếng gọi" em lên đường đi tới bến bờ xa.

Câu 4. *Theo em, bạn nhỏ cảm nhận được điều gì qua lời nhắn nhủ của chị ở khổ thơ cuối?*

– GV (hoặc 1 HS) nêu câu hỏi và đọc 2 câu thơ.

– GV hướng dẫn HS đọc cả khổ thơ cuối, đọc giải nghĩa từ *khao khát* và suy nghĩ để trả lời câu hỏi 4.

– HS làm việc theo nhóm, trao đổi để thống nhất cách trả lời.

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp. GV khích lệ HS nêu câu trả lời theo cách hiểu của mình.

VD: Người em cảm nhận được niềm vui, niềm xúc động của chị khi em mình được kết nạp vào Đội./ Chị muốn nói với em rằng: Em rất giống chị ở những năm trước khi trở thành đội viên. /Em đang bước đi trên con đường chị đã đi qua, trong lòng em đang có những khao khát của người đội viên như chị trước đây./,...

– GV nói thêm với HS: Khổ thơ cuối nói lên tâm tư của người chị. Em vào Đội mà chị sung sướng, bồi hồi như được sống lại tuổi thơ đẹp của mình. Hãy sống với bao "khao khát". Chị muốn được đồng hành cùng em, hăm hở vươn tới ngày mai.

4. Học thuộc lòng

GV hướng dẫn học thuộc lòng khổ thơ 2, 3, 4.

– Làm việc cá nhân: Đọc lại nhiều lần 3 khổ thơ để học thuộc.

– Làm việc theo cặp, theo nhóm:

+ Đọc nối tiếp (hoặc đọc đồng thanh) từng câu thơ/ từng khổ thơ.

+ Câu thơ/ khổ thơ nào chưa thuộc, có thể mở SHS ra để xem lại.

– Làm việc chung cả lớp:

+ Một số HS xung phong đọc những khổ thơ mình đã thuộc.

+ Cả lớp hỗ trợ (nếu bạn quên) và góp ý, nhận xét.

ĐỌC MỞ RỘNG

– HS làm việc cá nhân: đọc mở rộng và viết phiếu đọc sách theo hướng dẫn (đọc và ghi chép các câu đố về đồ dùng học tập hoặc những đồ vật khác ở trường vào phiếu đọc sách). GV hướng dẫn HS có thể chia sẻ sách cùng bạn bè, đọc sách chéo (đọc lại, đọc tiếp) rồi ghi chép vào phiếu đọc sách.

– Làm việc nhóm: Chia sẻ với bạn các câu đố em tìm được và cùng nhau giải đố hoặc đố nhau.

– GV đi các nhóm để góp ý, nhận xét, khích lệ.

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Xếp các từ ngữ vào nhóm thích hợp.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ Từng HS đọc nhẩm các từ ngữ đã cho và tên các nhóm, sau đó tự chuẩn bị đáp án.

+ Lần lượt HS nêu đáp án của mình trong nhóm. Các HS khác góp ý, nhận xét.

+ Cả nhóm thống nhất đáp án.

+ Nhóm cử HS trình bày.

– 3 – 4 HS trình bày trước lớp.

– GV và HS thống nhất đáp án:

+ Người: người mượn, người đọc, thủ thư.

+ Đồ vật: sách, báo, phiếu mượn sách, thẻ thư viện, giá sách.

+ Hoạt động: tìm sách, đọc, trả, mượn.

2. Câu nói của mỗi bạn ở tranh A và tranh B có gì khác nhau?

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm

+ Quan sát 2 tranh, so sánh câu nói được viết trong 2 tranh.

+ Tìm những điểm khác biệt

+ GV gợi ý: Những sự khác biệt có thể là từ ngữ, dấu câu, mục đích nói.

– HS làm việc nhóm theo hướng dẫn, thống nhất đáp án trong nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời, các HS khác góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).

– GV và HS chốt đáp án:

	Các câu được viết ở tranh A	Các câu được viết ở tranh B
Từ ngữ	Không có *thế, quá, lắm*	Có *thế, quá, lắm*
Dấu câu	Dấu chấm	Dấu chấm than
Mục đích nói	Kể	Cảm thán/ Nêu cảm xúc

3. Những từ in đậm ở bài tập 2 bổ sung điều gì cho câu?

– HS làm việc cá nhân, đọc thầm yêu cầu và đọc kĩ 3 phương án cho trước.

– HS đọc lại các từ in đậm trong câu ở tranh B và đối chiếu với từng phương án, loại trừ phương án không đúng.

– GV mời 2 – 3 HS phát biểu.

– GV chốt đáp án. (Các từ in đậm trong tranh B bổ sung cảm xúc của người nói cho câu nói.)

4. Chuyển các câu thành câu cảm (theo mẫu).

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ Một HS đọc to yêu cầu và các câu cần chuyển và câu mẫu.

+ HS phân tích câu mẫu, rút ra cách chuyển.

+ Lần lượt mỗi HS nghĩ cách chuyển và trao đổi trong nhóm. Nhóm góp ý lẫn nhau. (HS có thể nghĩ ra nhiều cách chuyển đối với 1 câu. VD: Thư viện trường mình rộng –> Thư viện trường mình rộng quá! Thư viện trường mình rộng thế! Thư viện trường mình thật là rộng!,...

– GV mời 2 – 3 HS nói trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý. GV hỏi HS sau khi chuyển các câu kể thành câu cảm thì cần phải đặt dấu gì.

– GV hướng dẫn HS ghi các câu đã chuyển vào vở bài tập. GV lưu ý HS khi viết phải chú ý về dấu câu, kết thúc câu cảm là dấu chấm than.

LUYỆN VIẾT THÔNG BÁO

1. Đọc thông báo và thực hiện các yêu cầu.

– HS làm việc cá nhân. HS đọc thầm thông báo. (GV gợi ý HS quan sát các mảng màu trong thông báo để tìm câu trả lời).

– HS làm việc theo cặp, trao đổi kết quả với bạn bên cạnh. HS thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 cặp trình bày trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất đáp án:

a. *Các phần theo thứ tự của bản thông báo:* Tiêu đề – Nội dung – Người viết

b. *Những thông tin được thể hiện trong nội dung của thông báo:*

+ Thời gian thành lập câu lạc bộ: ngày 15/10/2022

+ Nơi tìm hiểu thông tin: trên trang mạng của trường

+ Nơi đăng kí tham gia: văn phòng nhà trường

+ Thời hạn đăng kí: từ 1/10/2022 đến 10/10/2022.

2. Viết một thông báo của lớp về việc đăng kí tham gia một cuộc thi cấp trường (thi cờ vua, thi bơi lội,...)

– HS làm việc cá nhân, đọc thầm yêu cầu và các nội dung gợi ý.

– HS viết một thông báo đầy đủ các phần như đã phân tích trong bài tập 1.

– Trao đổi với bạn bên cạnh bài viết của mình, lắng nghe nhận xét, góp ý và sửa chữa bài làm.

– GV chấm nhanh một số bài và đọc cho cả lớp nghe 1 – 2 bài tiêu biểu.

– GV khen ngợi, động viên HS. Một đáp án VD:

THÔNG BÁO ĐĂNG KÍ THI CỜ VUA CẤP TRƯỜNG

Để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, nhà trường sẽ tổ chức cuộc thi cờ vua cấp trường cho học sinh.

Thời gian: 8 giờ 00, thứ Bảy, 19/11/2022.

Địa điểm: Câu lạc bộ cờ vua của trường.

Hình thức thi đấu: mỗi khối một bảng thi, nam nữ thi đấu chung.

Đối tượng tham gia: học sinh trong trường

Đề nghị các bạn trong lớp, ai có nhu cầu dự thi, liên hệ với lớp trưởng để đăng kí danh sách theo lớp. Thời hạn đăng kí: trước 15/11/2022.

Lớp trưởng

Vũ Nam Hải

3. Đọc lại thông báo em viết, phát hiện lỗi và sửa lỗi.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng cách nêu câu hỏi xem HS nhớ được những gì về các bài đọc và viết đã học trong 4 tiết.

– GV có thể nói rõ thêm, VD: Bài đọc *Thư viện* cho các em thấy niềm vui, sự háo hức của các bạn học sinh khi trường có một thư viện mới. Các bạn đã rất may mắn vì có một thư viện trong trường, các bạn có thể đến thư viện dễ dàng và được đọc sách thoải mái. Các bạn còn rất may mắn vì có thầy hiệu trưởng hiểu và yêu thương các bạn. Chắc chắn khi đi học, các bạn sẽ rất vui. Đây cũng chính là chủ đề chung của tuần 8, khi đi học các em sẽ học được nhiều điều bổ ích và có nhiều niềm vui.

– GV tổng kết tuần 8: trong tuần này HS đã được:

+ Luyện đọc câu chuyện *Thư viện* và bài thơ *Ngày em vào Đội*.

+ Nghe viết đoạn văn trong câu chuyện *Thư viện*, viết đúng chính tả *ch/ tr* và *ân/ âng*.

+ Viết phiếu đọc sách và trao đổi về các câu đố.

+ Luyện tập về câu cảm, câu kể, dấu chấm than, dấu chấm.

+ Viết thông báo.

– GV dặn dò HS: Về nhà nói với người thân cảm nghĩ của em sau khi học tuần 8 và chia sẻ những niềm vui của em khi đến trường học.

TUẦN 9

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1 (7 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và bước đầu biết đọc diễn cảm những câu chuyện, bài thơ đã học từ đầu học kì; tốc độ đọc khoảng 70 – 80 tiếng trong 1 phút. Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hay chỗ ngắt nhịp thơ. Đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong những đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật.

b. Nhận biết được chi tiết và nội dung chính trong các bài đọc. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản.

2. Viết đúng bài chính tả theo hình thức nghe – viết (đoạn trích trong bài thơ *Vẽ quê hương*), trong khoảng 15 phút. Viết được đoạn văn kể về một ngày ở trường của em hoặc nêu cảm nghĩ của em về một người bạn.

3. Nói được một cách ngắn gọn về những điểm thú vị của một bài thơ, câu chuyện đã đọc; biết trình bày suy nghĩ riêng của mình về ngôi trường của mình hoặc một ngôi trường mơ ước.

4. Tìm được các từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất (theo trường nghĩa *Nhà trường*); phân biệt được câu kể, câu cảm và câu hỏi; biết cách dùng đúng các dấu câu: dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

II CHUẨN BỊ

– Các thẻ chữ hoặc thẻ giấy trắng, các phiếu học tập cần thiết tuỳ theo nội dung của từng bài ôn. (VD: ô chữ tiết 3 – 4,…)

– Phiếu bài đọc hiểu và bài viết đoạn ở tiết 6 – 7 để các em làm quen với một bài kiểm tra.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

1. Đoán tên bài đọc

Bài này ôn lại các văn bản đã học, mục đích để các em nhớ được nội dung cơ bản của từng bài. GV có thể tổ chức hoạt động dạy học theo hình thức chơi trò chơi, thi tìm nhanh,… Có thể chiếu từng tranh lên bảng, cho HS đoán tên bài. Nói chung, bài ôn tập nên được tổ chức thành những hoạt động vui vẻ, nhẹ nhàng.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc các dòng bên dưới mỗi tranh. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV cho HS thảo luận nhóm, thực hiện các nhiệm vụ:

+ Quan sát tranh, đọc lại những chỉ dẫn dưới tranh.

+ Tìm tên bài đọc tương ứng với mỗi tranh.

GV gọi đại diện các nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét. GV và HS chốt đáp án:

Tranh a. Mùa hè lấp lánh

Tranh b. Tập nấu ăn

Tranh c. Thư viện

Tranh d. Lời giải toán đặc biệt

Tranh e. Bàn tay cô giáo

Tranh g. Cuộc họp của chữ viết

2. Chọn đọc một trong những bài trên và chia sẻ điều em thích nhất ở bài học đó.

– GV cho HS làm việc cặp đôi, thực hiện các nhiệm vụ:

+ Đọc lại 1 – 2 bài đọc cùng nhau

+ Nói điều em thích nhất về bài đọc đó.

– GV quan sát các nhóm, lắng nghe ý kiến một số nhóm.

– GV gọi đại diện các nhóm trình bày. Nên để mỗi bài đọc đều được đọc ít nhất 1 lần. (GV nêu yêu cầu, VD: Nhóm nào có thể đọc giúp cô bài *Mùa hè lấp lánh*?, Sau khi HS đọc xong, GV hỏi: Em thích nhất điều gì ở bài thơ này?...)

3. Đường từ nhà đến trường của Nam phải vượt qua 3 cây cầu. Hãy giúp Nam đến trường bằng cách tìm từ ngữ theo yêu cầu.

Đây là kiểu bài mở rộng vốn từ theo trường nghĩa *Nhà trường*, đồng thời bài này giúp HS ôn lại kiến thức về từ loại: từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động và đặc điểm.

GV tổ chức cho các nhóm chơi trò chơi, xem nhóm nào về đích trước tiên. GV có thể phát cho mỗi nhóm 3 mảnh giấy, trên mỗi mảnh giấy ghi: *Chướng ngại vật 1, Chướng ngại vật 2, Chướng ngại vật 3.*

– HS làm việc nhóm, thực hiện các nhiệm vụ:

+ Đọc các yêu cầu ở trong các khung "chướng ngại vật" số 1, 2 và 3.

+ Tìm các từ ngữ theo yêu cầu. Viết ra giấy các từ ngữ đó.

Các nhóm nộp giấy cho GV. GV ghi lại thứ tự nộp của các nhóm. GV cho đại diện các nhóm đọc to nội dung mình viết trong giấy.

GV và HS cùng nhận xét, ghi nhận những đáp án đúng. Nhóm nào đúng nhiều nhất và nhanh nhất sẽ được khen.

(Có thể chọn cách thức tổ chức hoạt động khác, nếu GV thấy phù hợp).

4. Đặt câu với 2 – 3 từ em tìm được ở bài tập 3.

Bài tập này, GV có thể cho HS làm cùng với bài tập 3. Ngay khi tìm các từ thì các nhóm có thể đặt câu luôn. Nếu tách riêng, GV vẫn cho HS làm theo nhóm, mỗi nhóm đặt 2 – 3 câu với bất kì từ ngữ ở 1 trong 3 nhóm (chỉ sự vật, hoạt động hoặc đặc điểm). Câu mẫu trong bài (*Các bạn học sinh lớp 3A đang thảo luận sôi nổi*) có chứa 3 từ ở cả 3 nhóm, tuy nhiên, GV không yêu cầu HS làm như vậy vì đó là yêu cầu cao, khó đối với HS.

Một số VD: *Cô giáo giảng bài rất hay./ Chúng em nghe giảng say sưa.*,... GV gọi đại diện các nhóm trả lời. GV và HS cùng nhận xét.

5. Chọn dấu câu phù hợp thay cho ô vuông.

– GV gọi 1 HS đọc văn bản, các HS khác đọc thầm theo.

– HS làm việc nhóm, thảo luận về các dấu câu có thể điền.

– Đại diện các nhóm phát biểu (có thể điền trực tiếp trên bảng hoặc trên giấy có chuẩn bị sẵn nội dung bài).

– GV và HS cùng nhận xét, ghi nhận những đáp án đúng.

GV cũng có thể trình chiếu bài trên bảng, viết sẵn các dấu câu (dấu hai chấm, dấu chấm than, dấu chấm, dấu chấm hỏi) vào những thẻ giấy, HS chọn dấu câu thích hợp đính lên bảng.

– Đáp án:

Sửa chuông gọi cửa

Một thanh niên gọi cho thợ điện phàn nàn:

– Sáng hôm qua, tôi đã gọi anh đến sửa chuông nhà tôi. Sao giờ vẫn chưa thấy đến? Các anh thật chậm quá!

Người thợ điện phân trần:

– Hôm qua, tôi có tới nhà anh, bấm chuông nhưng không thấy ai mở cửa. Tôi đoán là mọi người đi vắng hết rồi nên tôi đi về.

TIẾT 3 – 4

1. Trò chơi: Tìm điểm đến của các bạn nhỏ trong các bài học.

Bài này kiểm tra trí nhớ của HS về những bài đã học trong trong 8 tuần đầu tiên. GV có thể tổ chức thi theo cặp hoặc chọn một hình thức khác. VD về việc tổ chức thi theo cặp:

– GV giải thích luật chơi: Các em có thể thay nhau đố và trả lời. VD:

HS1. Tớ đố cậu: Bạn Sơn trong bài *Ngày gặp lại* đã đi đâu trong mùa hè?

HS2. Bạn Sơn trong bài *Ngày gặp lại* đã về quê với ông bà.

Sau đó đến lượt B đố, A trả lời.

– GV mời một số cặp lên bảng trình bày.

Cũng có thể cho HS thực hiện thao tác nối trực tiếp trên bảng hoặc trên giấy (GV in bài phóng to lên bảng), hoặc làm vào vở bài tập.

– GV và HS thống nhất đáp án:

(1) Bạn Sơn trong bài *Ngày gặp lại* – (c) Về quê với ông bà

(2) Bạn nhỏ trong bài *Cánh rừng trong nắng* – (a) Thăm rừng Trường Sơn

(3) Bạn nhỏ trong bài *Tập nấu ăn* – (d) Vào bếp cùng mẹ

(4) Bạn nhỏ trong bài *Nhật kí tập bơi* – (g) Đến bể bơi học bơi

(5) Bạn Thắng trong bài *Lần đầu ra biển* – (b) Ra biển Quy Nhơn

(6) Bạn Diệu trong bài *Tạm biệt mùa hè* – (e) Ra vườn hái quả và đi chợ cùng mẹ

2. Trong các bài đọc trên, em thích trải nghiệm của bạn nhỏ nào nhất? Vì sao?

Phần này có mục tiêu phát triển kĩ năng nói cho HS. GV cho HS thảo luận theo cặp hoặc nhóm. Sau đó mời đại diện một số nhóm phát biểu. Các nhóm khác nhận xét. Đây là dạng câu hỏi mở, không có đáp án (đúng hay sai), GV chỉ cần khuyến khích cho HS thể hiện được khả năng nói của mình trước lớp, động viên những ý tưởng mới mẻ. Có thể cho các nhóm bình chọn, tìm ra nhóm xuất sắc nhất.

3. Giải ô chữ.

Phần này kiểm tra kiến thức về từ và câu. GV chọn 2 hình thức tổ chức: làm chung cả lớp hoặc làm theo nhóm. Dưới đây là phương án làm theo nhóm.

– GV giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm:

+ Đọc 10 câu hỏi ứng với 10 ô trống. Có thể làm lần lượt theo thứ tự từ câu 1 đến câu 10, cũng có thể bỏ qua khi gặp câu khó, rồi sau đó quay lại. (Ở đây đã có 2 câu làm mẫu).

+ Điền từ dự kiến vào ô trống.

+ Đoán từ hàng dọc.

+ Cùng thi xem nhóm nào giải nhanh nhất.

– GV cho các nhóm xung phong lên bảng. Có thể điền trên bảng hoặc vào giấy GV đã phát sẵn. GV cũng có thể hỏi lần lượt từng ô chữ, đại diện các nhóm trả lời.

– Đáp án:

(1)				N	G	H	E			
(2)					C	Ả	M			
(3)				P	H	Ẩ	Y			
(4)					C	H	Ê			
(5)					D	Ấ	U	C	Â	U
(6)				C	H	Ấ	M			
(7)						C	Ù	N		
(8)	C	H	Ấ	M	T	H	A	N		
(9)			C	H	Ấ	M	H	Ỏ	I	
(10)						Đ	È	N		

Câu xuất hiện ở hàng dọc màu cam là EM YÊU MÙA HÈ.

4. Mỗi câu trong mẩu chuyện dưới đây thuộc kiểu câu nào?

Phần này kiểm tra kiến thức về câu phân loại theo mục đích nói. Tuy nhiên, những tuần đầu, HS mới học 3 loại câu: câu kể, câu hỏi và câu khiến. GV chọn 2 hình thức tổ chức: làm chung cả lớp hoặc làm theo nhóm. Dưới đây là phương án làm theo nhóm.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc toàn bộ câu chuyện.

– GV giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm:

+ Đọc lại từng câu.

+ Thảo luận để tìm đáp án cho mỗi câu.

– GV gọi đại diện nhóm trình bày. GV có thể hỏi thêm HS: *Vì sao em cho đây là câu kể? Vì sao em cho đây là câu hỏi?,…*

– GV và HS cùng góp ý, nhận xét, thống nhất đáp án.

Câu	Kiểu câu
(1) Hai cậu bé nói chuyện với nhau.	Câu kể
(2) Đố cậu, bệnh sốt xuất huyết lây qua đường nào?	Câu hỏi
(3) Theo tớ, qua đường hàng không, cậu ạ.	Câu kể
(4) Ôi trời!	Câu cảm
(5) Sao lại qua đường đó?	Câu hỏi
(6) Vì muỗi vằn sau khi hút máu xong sẽ bay đi truyền bệnh từ người này sang người khác mà.	Câu kể

TIẾT 5

1. Nói về ngôi trường của em hoặc ngôi trường mà em mơ ước.

Trong SHS Tiếng Việt 1 và phần đầu học kì 1 của sách Tiếng Việt 2, đã có 2 lần HS được nói về ngôi trường của mình. HS có thể chọn 2 phương án để nói: (1) Nói về ngôi trường mà em đang theo học và (2) Nói về ngôi trường mà em mơ ước. Phần gợi ý có thể được dùng chung cho cả hai chủ đề nói. Chủ đề 2 khó hơn. GV nhấn mạnh vào câu hỏi: *Em muốn ngôi trường của em sẽ như thế nào?* Chủ đề 2 không chỉ phát triển kĩ năng nói cho HS mà còn phát triển kĩ năng tưởng tượng và sáng tạo.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập.

– GV cho HS làm việc nhóm với các nhiệm vụ:

+ Đọc lại từng câu hỏi gợi ý.

+ Từng cá nhân chia sẻ ý kiến của mình.

– GV đi một số nhóm, lắng nghe thảo luận của HS.

– GV gọi đại diện nhóm trình bày trước lớp.

– GV và HS cùng góp ý, nhận xét và cuối cùng, cả lớp có thể cùng "xây" một ngôi trường mơ ước chung (VD: tường của các lớp học toàn là màu hồng, vườn trường trồng thật nhiều hoa, thầy cô trong trường thân thiện, hay cười, bác bảo vệ dễ tính và gần gũi,…).

2. Viết đoạn văn về một người trong trường mà em yêu quý.

Phần luyện nói trong bài 1 có một gợi ý (gợi ý số 5: *Những người trong trường*) có thể dùng cho bài viết này. GV đưa thêm các gợi ý, nếu cần:

– Em viết về ai?

– Người đó như thế nào?

– Vì sao em yêu quý người đó?

Phần này HS tự làm vào vở. GV có thể sắp xếp thời gian để chấm, chữa và trả bài cho HS.

TIẾT 6 – 7

Phần này có 1 đề tham khảo để HS tập làm quen với cách làm bài kiểm tra. GV có thể giới thiệu với HS cấu trúc của đề kiểm tra:

– Bài kiểm tra đọc có phần đọc thành tiếng, sau đó trả lời câu hỏi miệng và phần đọc – hiểu.

– Bài kiểm tra viết có phần nghe – viết và viết đoạn văn ngắn. HS tự làm bài kiểm tra hoặc GV hướng dẫn thực hiện, tuỳ theo năng lực HS trong lớp.

– Có 2 phương án để dạy bài này: (1) GV tổ chức các hoạt động trên lớp, tương tự như những bài dạy khác; (2) GV soạn lại đề kiểm tra ra giấy để HS tự làm trên lớp.

A. ĐỌC

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

Đọc thành tiếng

– GV nhắc HS các bước chuẩn bị đọc thành tiếng:

+ Chú ý đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *nghen, bắt chước, trâm bầu, dòm, ngọng líu, núng nính,…*). Có thể giải thích thêm từ "dòm". "Dòm" có nghĩa là *nhìn, trông.*

+ Đọc diễn cảm cả bài.

GV mời 1 – 2 HS xung phong đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

GV nhắc HS các bước chuẩn bị trả lời các câu hỏi

+ Tìm đoạn văn/ câu văn có chứa nội dung/ chi tiết/ từ ngữ trả lời cho câu hỏi.

+ Đọc thầm lại đoạn văn/ câu văn, trả lời câu hỏi.

Với mỗi câu hỏi, GV mời 1 – 2 HS trả lời và thống nhất đáp án với HS.

a. *Mấy chị em chơi trò gì?*

Mấy chị em chơi trò dạy học/ đi học.

b. *Trong câu chuyện trên, em thích bạn nào nhất?*

HS trả lời theo suy nghĩ riêng của mình. GV có thể hỏi thêm: Vì sao em thích bạn đó nhất?

2. Đọc – hiểu

– GV nhắc HS các bước chuẩn bị thực hiện yêu cầu đọc hiểu:

+ Đọc thầm bài thơ *Vẽ quê hương.*

+ Đọc thầm từng câu hỏi.

+ Đối với 3 câu hỏi đầu tiên, xem lại bài thơ để tìm những câu thơ/ đoạn thơ chứa nội dung trả lời. Đọc thầm câu thơ/ đoạn thơ đó, trả lời câu hỏi bằng lời hoặc loại trừ các phương án sai (đối với câu hỏi lựa chọn đáp án).

– GV mời 1 – 2 HS trả lời mỗi câu hỏi và chốt đáp án với HS.

Dưới đây là đáp án cho bài 2: kiểm tra đọc – hiểu (bài thơ *Vẽ quê hương*).

a. *Chiếc bút chì của bạn nhỏ được tả như thế nào?*

Chiếc bút chì có 2 đầu, 2 màu khác nhau: xanh và đỏ.

b. *Kể tiếp các từ chỉ màu sắc được nói đến trong bài.*

– xanh, xanh tươi, xanh mát, xanh ngắt

– đỏ, đỏ thắm, đỏ tươi, đỏ chót

c. *Theo em, vì sao bạn nhỏ thấy bức tranh quê mình rất đẹp?*

(HS có thể tự chọn 1 phương án hoặc nêu ý kiến khác theo suy nghĩ riêng của mình)

d. *Xếp các từ ngữ vào nhóm thích hợp.*

– Từ ngữ chỉ sự vật: bút chì, cây gạo, làng xóm, bức tranh

– Từ ngữ chỉ hoạt động: tô, vẽ, gọt

e. *Điền dấu câu thích hợp.*

Bức tranh của bạn nhỏ có nhiều cảnh vật: làng xóm, sông máng, trường học, trời mây,…

B. VIẾT

GV có thể tổ chức cho HS nghe – viết trên lớp, quy trình thực hiện bài 1 giống với các bài nghe viết thông thường (GV đọc, HS viết); bài 2 giống với hoạt động viết đoạn theo các gợi ý. GV có thể cho HS thảo luận nhanh về 2 đề văn, HS chọn 1 đề để viết.

CỦNG CỐ

GV nhắc lại một số nội dung cơ bản HS đã được học từ đầu kì 1. Chúng ta đã:

+ Đọc hiểu được 16 văn bản đọc hiểu thuộc hai chủ điểm: *Những trải nghiệm thú vị* và *Cổng trường rộng mở*. Đọc mở rộng thêm một số văn bản cùng chủ đề.

+ Ôn tập về từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm. Học sâu hơn về các nhóm từ trong từng loại.

+ Các dấu câu: dấu chấm, hai chấm, chấm hỏi, chấm than; các kiểu câu: câu kể, câu cảm và câu hỏi.

+ Nghe và kể được một số câu chuyện liên quan đến 2 chủ điểm đã học.

+ Thuật lại các bước thực hiện một hoạt động, biết viết thông báo, tin nhắn, viết về một nhân vật trong một câu chuyện đã nghe, đã đọc.

GV giới thiệu những chủ điểm mới sẽ học trong nửa sau của học kì: *Mái nhà yêu thương* và *Cộng đồng gắn bó.*

MÁI NHÀ YÊU THƯƠNG

TUẦN 10

Bài 17 NGƯỠNG CỬA (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Ngưỡng cửa* (Vũ Quần Phương); biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ và giữa các dòng thơ; bước đầu biết thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ (nhân vật xưng "tôi" trong bài thơ) qua giọng đọc.

b. Dựa vào từ ngữ, hình ảnh thơ và tranh ảnh minh hoạ, nhận biết những kỉ niệm của bạn nhỏ gắn bó với ngưỡng cửa, với những người thân yêu từ thuở ấu thơ đến lúc khôn lớn.

2. Nghe hiểu nội dung câu chuyện *Sự tích nhà sàn*, kể lại được từng đoạn câu chuyện dựa theo tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện trong bài đọc).

3. Viết đúng chính tả đoạn thơ trong bài *Đồ đạc trong nhà* theo hình thức nghe – viết; biết viết hoa chữ cái mở đầu tên bài thơ và chữ cái đầu mỗi câu thơ (viết đúng mẫu chữ viết hoa đã học ở lớp 2). Viết đúng từ ngữ có tiếng chứa *iêu/ ươu, en/ eng*.

4. Hình thành và phát triển tình cảm yêu quý ngôi nhà của mình, những đồ vật thân quen trong ngôi nhà và những người thân trong gia đình. Biết chia sẻ với người thân về nội dung câu chuyện hoặc đọc cho người thân nghe bài thơ nói về mái ấm gia đình.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản thơ và một số điểm đặc trưng của thơ (ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh; nhịp điệu, ý nghĩa hàm ẩn,...).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ cái ngưỡng cửa của những căn nhà ngày xưa (hoặc tranh ảnh điện tử về những ngôi nhà có ngưỡng cửa ở các vùng miền khác nhau); tranh minh hoạ câu chuyện *Sự tích nhà sàn* hoặc tranh ảnh về nhà sàn khổ lớn (nếu có).

– Những thẻ từ hoặc phiếu học tập nhóm/ cá nhân để HS làm bài tập chính tả.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

GIỚI THIỆU CHỦ ĐIỂM

– GV nói với HS: Các em đã được học qua 2 chủ điểm: *Những trải nghiệm thú vị*, *Cổng trường rộng mở*. Các bài học ở 2 chủ điểm đã giúp các em nhớ lại những trải nghiệm của bản thân trong những ngày hè đã qua và niềm vui bước vào năm học mới. Ở chủ điểm 3: *Mái nhà yêu thương*, các em sẽ được đọc, viết, nói và nghe về người thân trong gia đình, giúp các em cảm nhận về tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, sẻ chia của các thành viên trong gia đình với nhau, tình yêu đối với những vật nuôi trong nhà.

– HS nói nội dung tranh chủ điểm và ý nghĩa của tranh chủ điểm (HS được phát biểu theo cảm nhận riêng).

– GV giới thiệu bài học.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động (Trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi: *Em cảm thấy thế nào nếu phải xa ngôi nhà của mình nhiều ngày?*).

– HS làm việc nhóm.

– GV nói: Các em đã được chia sẻ với nhau cảm nghĩ khi xa ngôi nhà của mình nhiều ngày. Chắc là nhiều em sẽ thấy nhớ nhà, có thể khi xa nhà các em mới nhận ra ngôi nhà thân thuộc với mình thế nào và ở nhà mình là thoải mái nhất. Bài học hôm nay, các em sẽ biết một nơi trong ngôi nhà đã ghi dấu rất nhiều kỉ niệm của một bạn nhỏ.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm), đặc biệt là 2 khổ thơ cuối.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *nơi, đến, lớp, đèn, khuya,...*).

+ Nghỉ hơi ở cuối mỗi dòng thơ hoặc có thể ngắt nhịp thơ như sau:

Nơi ấy/ đã đưa tôi
Buổi đầu tiên /đến lớp
Nay/ con đường xa tắp
Vẫn đang chờ tôi đi.
Nơi ấy/ ngôi sao khuya
Soi vào trong giấc ngủ
Ngọn đèn khuya/ bóng mẹ
Sáng một vầng trên sân.

+ Đọc diễn cảm các câu thơ (thể hiện được cảm xúc đang nhắc nhớ các kỉ niệm đã qua).

– 4 HS đọc nối tiếp 4 khổ trước lớp.

– HS làm việc nhóm (2 hoặc 4 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một khổ (đọc nối tiếp đến hết bài), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 HS đọc nối tiếp 4 khổ thơ trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *"Nơi ấy" trong bài thơ chỉ cái gì?*

– GV nêu câu hỏi và mời HS trả lời.

– 1 – 2 HS trả lời (VD: "Nơi ấy" nói trong bài thơ chỉ cái ngưỡng cửa – nơi gợi lên bao kỉ niệm của bạn nhỏ).

– GV chiếu hình ảnh ngưỡng cửa trong tranh minh hoạ (hoặc tranh ảnh sưu tầm được) và mời HS đọc chú thích từ ngữ trong SHS.

Câu 2. *"Nơi ấy" đã chứng kiến những điều gì trong cuộc sống của bạn nhỏ?*

– GV hướng dẫn HS cách tìm câu trả lời:

+ Làm việc cá nhân: Đọc lại câu hỏi 2 và tìm các đoạn thơ kể những sự việc trong cuộc sống của bạn nhỏ (qua 3 mốc thời gian thể hiện qua 3 bức tranh: thời tấm bé, khi lớn hơn, biết chơi cùng bạn bè và buổi đầu tiên đến lớp), kết hợp tranh minh hoạ để chuẩn bị nội dung trả lời câu hỏi.

+ Làm việc theo cặp/ nhóm: Từng em nêu ý kiến rồi thống nhất chọn các sự việc.

– Cả lớp: Một số nhóm trưởng nêu các chi tiết nhóm đã chọn; GV và cả lớp nhận xét, góp ý. (VD:

+ *"Nơi ấy"* (ngưỡng cửa) đã chứng kiến tuổi thơ ấu của bạn nhỏ được bà, được mẹ dắt tay để tập đi men. (Kết hợp đọc giải nghĩa từ ngữ *đi men.*)

+ Ngưỡng cửa đã chứng kiến bạn nhỏ cùng bạn bè tới cùng chơi thật là vui.

+ Ngưỡng cửa đã chứng kiến buổi đầu tiên bạn nhỏ tới lớp.)

Câu 3. *Theo em, hình ảnh "con đường xa tắp" muốn nói đến điều gì?*

– HS làm việc cá nhân, chọn ý kiến mình cho là đúng nhất (hoặc nêu ý kiến khác của mình).

– HS làm việc nhóm, trao đổi, tranh luận để thống nhất ý kiến hoặc có thể đưa ra các cách lựa chọn khác nhau hoặc đưa ra ý kiến riêng.

– HS làm việc chung cả lớp: GV nhắc lại câu hỏi 3, lấy ý kiến xung phong phát biểu của HS.

– GV diễn giải thêm cho HS hiểu ý của khổ thơ thứ 3:

Nơi này đã đưa tôi
Buổi đầu tiên đến lớp,
Nay con đường xa tắp,
Vẫn đang chờ tôi đi.

Ngưỡng cửa như là điểm kết nối từ trong nhà (mái ấm gia đình) bước ra cuộc sống bên ngoài, hoà mình vào cuộc sống chung của cả cộng đồng. Ngưỡng cửa không chỉ chứng kiến những dấu mốc trong cuộc sống của bạn nhỏ, chứng kiến sự trưởng thành của bạn nhỏ theo năm tháng, mà ngưỡng cửa còn dõi theo những hành trình phía trước bạn nhỏ sẽ đi. Từ ngưỡng cửa, từ mái ấm gia đình, bạn nhỏ sẽ bước ra cuộc sống, học tập, khôn lớn và trưởng thành.

Câu 4. *Ngưỡng cửa đã nhắc bạn nhỏ nhớ tới những ai, giúp bạn nhỏ cảm nhận điều gì về những người đó?*

– GV nêu câu hỏi 4. Ngưỡng cửa không chỉ chứng kiến nhiều điều trong cuộc sống của bạn nhỏ, mà còn nhắc bạn nhỏ nhớ tới những người thân yêu của mình. Đó là những ai?

– HS suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời, sau đó phát biểu, trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm.

– Một số HS phát biểu trước lớp. GV khích lệ HS nêu câu trả lời theo cách của mình.

VD: Ngưỡng cửa nhắc bạn nhỏ nhớ đến sự chăm chút của bà, của mẹ từ thuở tập cho mình đi men, nhắc nhớ đến nỗi vất vả, tất bật của bố, của mẹ mỗi ngày đi làm, nhắc nhớ sự làm lụng cặm cụi của mẹ tới tận canh khuya,...

– GV có thể nêu thêm câu hỏi (nếu còn thời gian): Nêu cảm nghĩ của em khi đọc bài thơ. GV khích lệ HS nêu câu trả lời thể hiện suy nghĩ, cảm xúc chân thực của bản thân.

VD:

+ Bài thơ khiến em cảm thấy yêu ngôi nhà của mình hơn.

+ Bài thơ khiến em cảm thấy ngôi nhà như người thân.

+ Bài thơ cho em hiểu ngôi nhà thân thuộc với mỗi người vì nó in dấu bao kỉ niệm,...

– GV khen ngợi tất cả các ý kiến phát biểu.

4. Học thuộc lòng

GV hướng dẫn học thuộc lòng 3 khổ thơ đầu.

– Làm việc cá nhân: Đọc lại nhiều lần từng khổ thơ rồi gấp sách lại để xem mình đã thuộc chưa.

– Làm việc theo cặp, theo nhóm:

+ Đọc nối tiếp (hoặc đọc đồng thanh) từng câu thơ/ từng khổ thơ.

+ Câu thơ nào/ khổ thơ nào chưa thuộc, có thể mở SHS ra để xem lại.

– Làm việc chung cả lớp:

+ Một số HS xung phong đọc những khổ thơ mình đã thuộc.

+ Cả lớp hỗ trợ (nếu bạn quên) và góp ý, nhận xét.

GV khích lệ HS thuộc được cả 3 khổ thơ.

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện *Sự tích nhà sàn*

1. Dựa vào tranh, đoán nội dung câu chuyện.

– HS đọc yêu cầu 1, làm việc theo cặp để đoán nội dung từng tranh. VD: Tranh 1: Cảnh người Mường sống trong hang đá, hốc cây,...; Tranh 2: Cảnh một người đàn ông đang trò chuyện với chú rùa đá; Tranh 3: Cảnh vợ chồng người Mường đang làm ngôi nhà sàn, mọi người xúm vào làm giúp; Tranh 4: Cảnh bản làng có nhiều ngôi nhà sàn quây quần, đầm ấm.

– Một số em phát biểu ý kiến trước lớp.

GV khen ngợi các ý kiến thể hiện sự phán đoán có căn cứ dựa vào tranh minh hoạ và câu hỏi dưới tranh.

2. Nghe kể chuyện.

– GV kể câu chuyện (lần 1) kết hợp chỉ các hình ảnh trong 4 bức tranh. GV hướng dẫn HS nêu sự việc thể hiện trong từng tranh, đặc biệt là các sự việc ở đoạn 2 (tranh 2) vì phải nhớ nhiều sự việc và lời thoại.

SỰ TÍCH NHÀ SÀN

Ngày xưa, người Mường chưa biết làm nhà, phải sống trong hang đá, hốc cây. Cuộc sống của họ rất khổ cực vì gió rét, mưa lũ, thú dữ,...

Ở bản nọ có hai vợ chồng ông lão tên là Cài. Một ngày nọ, trong lúc làm rẫy, ông Cài bắt được một con rùa nằm phơi nắng trên một tảng đá. Lạ thay, con rùa biết nói. Nó xin ông tha chết. Ông Cài thương tình thả rùa. Rùa từ từ đứng dậy và nói:

– Cảm ơn ông. Tôi xin mách cho ông cách làm nhà ở. Ông hãy nhìn xem: toàn thân tôi là một ngôi nhà đấy!

Ông Cài hiểu ý, cảm ơn rùa. Trở về, ông cùng vợ chặt cây, chọn gỗ, tìm nơi đất cao dựng nên một ngôi nhà sàn giống hình một chú rùa. Ngôi nhà che mưa, chắn gió, phòng tránh được thú dữ,... Mọi người khen ông Cài sáng dạ và có đôi tay khéo léo.

Theo gương ông, mọi người đã dựng nhà sàn để ở. Từ đó, dân bản có cuộc sống an toàn, ấm no, hạnh phúc hơn xưa.

(Theo *Truyện cổ dân tộc Mường*)

– GV kể câu chuyện (lần 2), thỉnh thoảng dừng lại để hỏi về sự việc tiếp theo là gì, khuyến khích HS kể cùng GV, làm động tác/ cử chỉ/ nét mặt,... giúp các em nhớ nội dung câu chuyện dễ dàng hơn.

3. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc theo cặp để cùng nhau nhắc lại các sự việc thể hiện trong mỗi tranh.

+ Bước 2: HS làm việc cá nhân, tập kể từng đoạn câu chuyện.

+ Bước 3: HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm (kể nối tiếp các đoạn hoặc mỗi em kể toàn bộ câu chuyện rồi góp ý cho nhau).

Lưu ý: Với HS chưa thể kể được toàn bộ câu chuyện, GV chỉ yêu cầu kể những đoạn em nhớ nhất.

– GV mời 1 HS xung phong kể toàn bộ câu chuyện hoặc mời 2 – 4 HS kể nối tiếp 4 đoạn của câu chuyện trước lớp. Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi.

– GV tổng kết: Thoát khỏi cảnh sống trong hang đá, hốc cây, người Mường đã có ngôi nhà an toàn, ấm áp của mình. Cuộc sống của họ từ đây sẽ ngày càng tốt đẹp hơn. Không chỉ người Mường (một trong các dân tộc thiểu số của đất nước Việt Nam), mỗi gia đình, mỗi con người đều cần có ngôi nhà của riêng mình. Chúng ta phải biết yêu ngôi nhà của mình, biết chăm chút để ngôi nhà luôn sạch đẹp, ấm áp.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu 1: Nghe – viết đoạn thơ trong bài *Đồ đạc trong nhà* (Phan Thị Thanh Nhàn).

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị:

+ Nghe GV đọc đoạn thơ, GV hướng dẫn cách trình bày thể thơ lục bát.

+ HS đọc thầm đoạn thơ.

+ Quan sát những dấu câu có trong đoạn thơ và cách trình bày các dòng thơ trong SHS.

+ Chú ý viết hoa chữ đầu tên bài, viết hoa chữ đầu mỗi câu thơ.

+ Nhớ cách viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

– HS nghe – viết đoạn thơ vào vở.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi, đánh dấu lỗi và sửa lỗi xuống dưới bài viết.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em viết đẹp, có nhiều tiến bộ.

2. Làm bài tập a hoặc b.

– GV hướng dẫn HS làm bài tập a hoặc bài tập b.

a. *Tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có tiếng chứa iêu hoặc ươu.*

– 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập 2a.

– GV nhắc HS: Ngoài 4 tranh minh hoạ để gợi ý tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có tiếng chứa *iêu* hoặc *ươu*, các em còn có thể tìm thêm nhiều từ ngữ khác ở ô cửa có dấu chấm hỏi.

– HS làm việc cá nhân: Viết vào vở bài tập hoặc vở ô li theo yêu cầu.

– HS làm việc nhóm/ lớp:

+ Một số HS trình bày bài làm của mình.

+ Nhóm/ lớp đối chiếu kết quả theo hướng dẫn của GV.

– HS có thể tìm được các từ ngữ như:

+ hươu cao cổ, chim khướu, thả diều, đà điểu (dựa vào tranh)

+ hươu sao, ốc bươu, bướu lạc đà, li rượu/ chai rượu, bướu cổ, bươu đầu,...

+ diều hâu, cây liễu, buổi chiều, thuỷ triều, vải thiều, thiếu nhi, năng khiếu, biểu diễn, biểu dương, phát biểu, chiếu phim, diễu hành, điều khiển,...

b. *Chọn en hoặc eng thay cho ô vuông.*

(Cách tổ chức có thể tương tự như trên.)

Đáp án: hoa loa kèn – bác thợ rèn – giấy khen – tiếng kẻng – kêu reng reng – hứa hẹn – nguyên vẹn – dế mèn – chen chúc – ven sông)

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng: Về nhà, các em có thể kể câu chuyện *Sự tích nhà sàn* hoặc đọc bài thơ *Ngưỡng cửa* cho người thân nghe. Sau đó, trao đổi với người thân về những nhân vật em yêu thích trong câu chuyện hoặc đoạn thơ, câu thơ em thấy hay.

CỦNG CỐ

– GV nhận xét về kết quả học tập Bài 17, động viên, khen ngợi các em học tập tích cực, các em học tập tiến bộ, có nhiều cố gắng.

– Dặn dò HS về nhà thực hiện hoạt động vận dụng.

Bài 18 MÓN QUÀ ĐẶC BIỆT (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng, rõ ràng VB truyện *Món quà đặc biệt*. Bước đầu làm quen với văn bản đa phương thức; biết đọc phân biệt nội dung của câu chuyện và nội dung trong tấm thiệp; đọc diễn cảm đoạn văn bộc lộ cảm xúc, biết nhấn vào từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật như *băn khoăn, đăm chiêu, hồi hộp, ngạc nhiên,...*; đọc lời của nhân vật trong câu chuyện với ngữ điệu phù hợp.

b. Hiểu nội dung câu chuyện; nhận biết được tình cảm của con cái dành cho cha mẹ và ngược lại. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Tình cảm yêu thương của những người thân trong gia đình là rất quý giá.

c. Biết cách tìm đọc các câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về người thân. Có thể đọc bài thơ *Bà em* (Ninh Đức Hậu) trong SHS. Hiểu nội dung chính của bài đọc.

2. Tìm được từ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ. Nhận biết được câu khiến (nêu được dấu hiệu nhận biết); đặt được câu khiến trong các tình huống khác nhau.

3. Biết cách quan sát đồ vật và viết đoạn văn khoảng 3 – 4 câu tả đồ vật theo gợi ý.

4. Cảm nhận được tình yêu thương, sự quan tâm của các thành viên trong gia đình; biết thể hiện tình cảm của mình với người thân bằng những việc làm phù hợp.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản đa phương thức (văn bản kết hợp chữ viết và hình ảnh).

– Câu khiến: đặc điểm thể hiện qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của câu.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Món quà đặc biệt*.

– Video hướng dẫn viết tên riêng: *Hà Giang*. Bảng phụ ghi câu viết ứng dụng.

– Một số đồ dùng quen thuộc để quan sát, viết đoạn văn tả đồ vật.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 - 2

ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài thơ đã học ở Bài 17, 2 HS đọc nối tiếp bài thơ; nêu cảm nghĩ khi học xong bài thơ.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu: *Cùng bạn nêu những việc làm thể hiện tình cảm yêu thương đối với người thân.*

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động nhóm.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp.

Với yêu cầu này, HS được nói theo ý kiến cá nhân. Tuỳ vào từng tình huống, GV có thể đặt thêm các câu hỏi phụ để khuyến khích HS kể, hướng dẫn để cả lớp cùng chia sẻ cảm xúc với những việc các bạn đã làm cho người thân.

– Giới thiệu bài mới: GV nêu câu hỏi về tranh minh hoạ để gợi mở về bài đọc (Theo em, hai chị em nói chuyện gì với bố? Bố đang làm gì? Món quà đặc biệt là gì?); HS đoán

và trả lời câu hỏi. GV giới thiệu bài đọc *Món quà đặc biệt* (VD: Hãy cùng đọc bài *Món quà đặc biệt* để biết hai chị em nói chuyện gì với bố, bố đang làm gì và món quà đặc biệt là gì nhé).

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (chú ý phân biệt nội dung trong văn bản và nội dung trong tấm thiệp; đọc diễn cảm những câu văn bộc lộ cảm xúc; nhấn giọng ở từ ngữ thể hiện cảm xúc; đọc lời thoại của các nhân vật với ngữ điệu phù hợp).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *hì hụi, nắn nót, băn khoăn,...*).

+ Đọc tấm thiệp (đọc chậm, rõ; ngắt nghỉ sau mỗi ý viết về bố).

+ Đọc diễn cảm đoạn hội thoại của hai chị em.

– 2 HS đọc nối tiếp cả bài: 1 HS đọc đoạn từ đầu đến *Quà "bí mật" tặng bố đã xong*; 1 HS đọc đoạn còn lại.

– HS làm việc nhóm đôi: Đọc nối tiếp như hướng dẫn ở trên.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 1 – 2 cặp đọc trước lớp.

– 2 – 3 HS đọc cả bài.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS đọc mục Từ ngữ; GV giải thích thêm nếu cần.

Câu 1. *Hai chị em đã viết gì trong tấm thiệp tặng bố?*

– GV nêu câu hỏi trước cả lớp, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời (đọc nội dung tấm thiệp), trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu trước lớp.

– GV và HS nhận xét và chốt đáp án. (Trong tấm thiệp, hai chị em đã viết những điều về bố *(Tính rất hiền; Nói rất to; Ngủ rất nhanh; Ghét nói dối; Nấu ăn không ngon; Yêu mẹ)*.

– GV có thể nêu thêm câu hỏi: Hai chị em còn muốn viết thêm điều gì về bố vào tấm thiệp? – HS đọc đoạn hội thoại của hai chị em (dưới tấm thiệp) tìm câu trả lời; 2 HS phát biểu trước lớp; GV và cả lớp chốt đáp án. (Hai chị em muốn viết thêm: (Bố) Rất đẹp trai.)

Câu 2. *Từ nào dưới đây thể hiện cảm xúc của bố khi nhận quà của hai chị em?*

a. *băn khoăn* b. *đăm chiêu*

c. *hồi hộp* d. *ngạc nhiên*

– 2 HS đọc câu hỏi và các từ (đáp án).

– HS đọc lướt cả bài để tìm câu trả lời.

– HS trao đổi trong nhóm hoặc theo cặp, chọn và thống nhất đáp án.

– GV mời 2 – 3 HS nêu phương án trả lời.

– GV và HS chốt đáp án: phương án d (ngạc nhiên).

Câu 3. *Vì sao bố rất vui khi nhận quà mà người chị lại rơm rớm nước mắt?*

– GV mời 2 HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn:

+ Làm việc cá nhân: đọc câu hỏi 3, đọc lướt đoạn từ *Ngắm nghía tấm thiệp...* đến *Mắt chị rơm rớm.*

+ Làm việc nhóm: Từng cá nhân nêu ý kiến, nhóm thống nhất câu trả lời.

– Cả lớp: Đại diện 2 – 3 nhóm nêu câu trả lời trong nhóm đã thống nhất.

– GV và HS nhận xét, chốt đáp án. (Hai chị em muốn xoá dòng "Bố nấu ăn không ngon" trong tấm thiệp nhưng lại quên không xoá,...). GV có thể nói thêm: Có lẽ hai chị em sợ bố buồn khi đọc được dòng này.

Câu 4. *Bố đã làm gì để hai chị em cảm thấy rất vui?*

– GV nêu câu hỏi, hướng dẫn HS đọc thầm đoạn cuối để tìm câu trả lời.

– HS đọc thầm và tìm câu trả lời.

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp. GV có thể nêu thêm câu hỏi gợi ý để HS trả lời đầy đủ các ý.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Bố đã cảm ơn hai chị em vì món quà. Với bố, đây là món quà đặc biệt nhất. Bố nói với hai chị em là bố rất yêu hai chị em,...)

Câu 5. *Em thích nhất chi tiết nào trong câu chuyện trên? Vì sao?*

– GV nêu yêu cầu. HS suy nghĩ để trả lời.

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp. GV khích lệ HS nói lên suy nghĩ của mình. GV và các bạn nhận xét. Đây là câu hỏi mở, GV có thể đưa một số phương án trả lời, VD:

+ Em thích nhất chi tiết hai chị em tự làm một tấm thiệp để làm quà sinh nhật bố. Việc làm này là một cách thể hiện tình cảm yêu thương, gần gũi, kính trọng,... đối với bố của hai chị em. Sắp tới, vào sinh nhật mẹ em, em cũng sẽ tự làm một tấm thiệp để tặng mẹ em.

+ Em thích nhất chi tiết bố nói với hai chị em là bố rất yêu các con vì em cũng muốn được như vậy.

4. Luyện đọc lại

– GV đọc diễn cảm toàn bài.

– HS luyện đọc diễn cảm theo GV.

VIẾT

1. Ôn chữ viết hoa

– GV nêu tên bài học: Ôn chữ viết hoa *G, H* (HS cần nhớ lại cách viết chữ viết hoa đã được luyện viết từ lớp 2). Trong khoảng nửa tiết học, các em ôn lại cách viết 2 chữ viết hoa *G, H* và viết ứng dụng.

– GV viết mẫu, kết hợp nhắc lại cách viết các chữ viết hoa (hoặc cho HS quan sát clip hướng dẫn viết chữ viết hoa *G, H*).

– HS viết chữ viết hoa *G, H* ra nháp trước khi viết vào vở ô li theo hướng dẫn.

– HS viết chữ viết hoa *G, H* theo yêu cầu (về số chữ) vào vở.

– GV nhận xét chữ viết của HS.

2. Viết ứng dụng

a. *Viết tên riêng*

– HS đọc tên riêng: *Hà Giang*.

– HS viết tên riêng *Hà Giang* vào vở.

b. *Viết câu*

– HS đọc thầm câu ứng dụng:

Kìa Hà Giang đó sương giăng trắng

Hoa gạo bừng lên, sông hiện ra.

– GV giới thiệu về hai câu thơ: Đây là hai câu thơ nói về vẻ đẹp của Hà Giang, với màn sương giăng trắng, sông chảy quanh co, hoa gạo nở đỏ bên bờ sông,...

– GV nhắc HS trong câu ứng dụng có các chữ viết hoa *K, H, G*. Lưu ý HS viết đúng chính tả các chữ *sương, giăng, trắng* và viết thẳng hàng hai câu thơ.

– HS viết câu ứng dụng vào vở.

– HS góp ý cho nhau theo cặp hoặc theo nhóm.

– GV lựa chọn một số bài viết của HS chiếu lên màn hình, cả lớp nhận xét, sửa chữa. GV động viên những HS viết đẹp, tiến bộ.

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ.

– GV yêu cầu HS đọc kĩ yêu cầu của bài tập.

– HS đọc thầm đoạn thơ; 2 HS đọc trước lớp.

– HS làm việc nhóm, trao đổi tìm từ chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu đáp án trước lớp. GV và HS nhận xét, chốt đáp án. (*im phắc, miệt mài, say mê, dịu dàng, đảm đang, tần tảo, vụng về*)

GV có thể giải thích nghĩa của các từ khó với HS: (*đảm đang, tần tảo*: các từ miêu tả

những người phụ nữ làm lụng cần mẫn, chăm chỉ, vất vả, hết lòng chăm lo cho gia đình; *vụng về*: vụng (nghĩa trong bài): không thạo, không quen làm công việc nào đó,...).

– GV có thể cho HS tìm thêm từ chỉ đặc điểm khác (nói về người). VD: tốt bụng, hiền lành, thông minh,...

2. Ghép mỗi câu với kiểu câu thích hợp.

– GV cho HS đọc kĩ yêu cầu để làm bài cho đúng.

– GV cho HS đọc từng câu và đối chiếu với 3 kiểu câu (*câu kể, câu cảm, câu khiến*) để chọn câu phù hợp với kiểu câu. GV có thể cho HS nhắc lại công dụng của câu kể, câu cảm (đã học); công dụng của câu khiến (nêu yêu cầu, đề nghị).

– GV mời HS thực hiện từng câu, sau mỗi câu, GV và HS nhận xét, chốt đáp án.

Câu	Kiểu câu
Chị xoá dòng "Nấu ăn không ngon" đi chị!	Câu khiến
A, bố rất đẹp trai nữa ạ!	Câu cảm
Chị cắm cúi viết thêm vào tấm thiệp.	Câu kể

3. Nêu dấu hiệu nhận biết câu khiến.

– GV mời một HS đọc yêu cầu của bài tập 3.

– GV cho HS đọc, phân tích câu khiến ở bài tập 2: *Chị xoá dòng "Nấu ăn không ngon" đi chị!*

– HS trao đổi theo nhóm: Tìm dấu hiệu nhận biết câu khiến trong câu trên.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp.

– GV và HS nhận xét, chốt đáp án. (Trong câu có từ *đi*, cuối câu có dấu chấm than (!), câu dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn.)

4. Sử dụng các từ *hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào, nhé* để đặt câu khiến trong mỗi tình huống.

– HS đọc yêu cầu bài tập 4.

– GV cùng HS phân tích mẫu:

+ 1 HS đọc tình huống a (nhờ người thân hướng dẫn làm bưu thiếp).

+ 2 HS đọc câu mẫu cho tình huống a (*Chị hướng dẫn em làm bưu thiếp đi!*).

+ GV nêu câu hỏi – HS trả lời mẫu: Tác dụng của câu khiến này là gì? – Em nhờ/ muốn chị hướng dẫn làm bưu thiếp; Nêu dấu hiệu nhận biết câu khiến – Trong câu có từ *đi* và *dấu chấm than* cuối câu.

– GV hướng dẫn HS làm bài cá nhân: Đọc lại yêu cầu của bài tập, mẫu và các tình huống đã cho; đặt câu với mỗi tình huống (lưu ý sử dụng các từ đã nêu, sử dụng dấu câu phù hợp) sau đó trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để đối chiếu kết quả. (HS làm vào vở ô li).

– GV chữa bài trên bảng lớp (sử dụng máy chiếu hoặc GV viết bài tập trên bảng). GV hướng dẫn HS sửa lỗi ở những câu chưa đúng; nêu đáp án. VD:

b. *Muốn các em nhỏ trật tự khi xem phim trong rạp.* → Phim đang chiếu, các em hãy trật tự nào! Hoặc: Các em hãy trật tự đi!

c. *Muốn bố mẹ cho về thăm quê.* → Mẹ ơi, mẹ cho con về thăm quê đi! Hoặc: Bố ơi, bố cho con về thăm quê cùng bố nhé!

d. *Muốn bố mua cho cuốn truyện mình thích.* → Bố ơi, bố mua cho con cuốn *Truyện cổ tích Việt Nam* đi! Hoặc: Bố mua cho con cuốn *Truyện cổ tích Việt Nam*, bố nhé!

– GV khen ngợi các cá nhân hoặc nhóm làm đúng, làm việc tích cực.

– GV chốt lại nội dung cần nhớ trong bài học (câu khiến dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn; trong câu khiến thường có các từ *hãy, đừng, đi, nào*,... Khi viết, cuối câu khiến thường có dấu chấm than).

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Quan sát một đồ vật trong tranh, ghi lại những điều quan sát được về đặc điểm của đồ vật.

– GV cho HS đọc kĩ yêu cầu của bài tập.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ Cả nhóm chọn một đồ vật và cùng nhau quan sát: quan sát tổng thể đồ vật, quan sát từng bộ phận, chi tiết của đồ vật.

+ Từng cá nhân quan sát, ghi chép. Có thể ghi theo từng mục hoặc theo sơ đồ.

+ Nhóm trưởng tổ chức cho các bạn nêu từng đặc điểm của đồ vật theo gợi ý. Cả nhóm nhận xét.

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV gọi 3 – 4 HS nêu kết quả quan sát.

+ GV cùng cả lớp nhận xét, bổ sung. VD: Ghi chép về kết quả quan sát chiếc đèn bàn:

* Đặc điểm về màu sắc: chụp đèn màu đỏ, đế đèn cũng có màu đỏ, hình trang trí con mèo màu hồng, công tắc màu đen,...

* Đặc điểm về hình dáng, kích thước: chụp đèn hình tròn; đế đèn hình tròn; hai mắt chú mèo trang trí tròn xoe; thân đèn hơi cong; công tắc bé tí;...

* Đặc điểm về hoạt động, công dụng: chụp đèn giúp tập trung ánh sáng; công tắc dùng để bật hoặc tắt đèn;...

Lưu ý: Những đặc điểm về màu sắc, hình dáng, kính thước, hoạt động, công dụng của đồ vật phải gắn với từng bộ phận, chi tiết của đồ vật.

2. Quan sát một đồ vật có trong nhà hoặc ở lớp. Viết 3 – 4 câu tả đồ vật đó.

– GV hướng dẫn HS thực hiện dựa vào kết quả ở bài tập 1, quan sát một đồ vật có trong nhà hoặc ở lớp học, viết đoạn văn tả đồ vật theo gợi ý (các câu mẫu).

– HS làm việc cá nhân: Quan sát đồ vật; viết từng câu tả đồ vật theo mẫu. GV nhắc HS viết câu có đủ hai bộ phận chủ ngữ và vị ngữ.

Lưu ý: HS có thể viết hơn 4 câu. Chọn tả những bộ phận, chi tiết có đặc điểm nổi bật. Có thể sử dụng kết quả bài tập 1 để viết đoạn văn tả chiếc đèn bàn.

– Một số HS đọc bài trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, sửa lỗi.

– Làm việc theo cặp đôi: HS trao đổi bài và soát lỗi.

– HS sửa lỗi và viết lại đoạn văn.

– VD đoạn văn tả cái đèn bàn: Chiếc đèn bàn của em có chụp đèn màu đỏ tươi. Đế đèn hình tròn, màu đỏ. Đèn được trang trí một chú mèo với hai cái tai xinh xắn, dựng đứng. Thân đèn hơi cong, có lò xo để điều chỉnh độ cao. Công tắc đèn là một nút màu đen, bé tí và dùng để bật, tắt đèn.

3. Chia sẻ đoạn văn với bạn, chỉnh sửa và bổ sung ý hay.

– 1 HS đọc yêu cầu bài tập.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp: cho bạn đọc đoạn văn của mình sau đó cùng nhau phát hiện lỗi, tìm cách sửa lỗi; tìm và bổ sung những ý hay cho nhau.

– GV gọi 2 – 3 cặp nêu kết quả làm việc: trình bày những lỗi đã phát hiện và cách sửa, những ý hay đã bổ sung.

– GV khen các cặp đã trình bày trước lớp, nhắc HS về nhà viết lại đoạn văn sau khi đã sửa lỗi và bổ sung ý hay.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS cách tìm văn bản đọc về hoạt động của người thân trong gia đình.

– HS nào tìm được VB theo yêu cầu thì tự đọc. HS nào chưa tìm được thì đọc VB được giới thiệu trong SHS.

– HS ghi chép các thông tin về tên bài, tác giả; chi tiết, nhân vật mình thích nhất trong bài đọc.

CỦNG CỐ

– GV nêu câu hỏi giúp HS nhớ và nhắc lại những nội dung về các bài đọc, luyện tập về từ và câu, bài viết đã học trong 4 tiết.

– GV nhận xét về kết quả học tập Bài 18, động viên, khen ngợi HS học tập tích cực, HS tiến bộ, có nhiều cố gắng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TUẦN 11

Bài 19 KHI CẢ NHÀ BÉ TÍ (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Khi cả nhà bé tí*, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ và giữa các dòng thơ; bước đầu biết thể hiện cảm xúc qua giọng đọc.

   b. Nhận biết được tình cảm, suy nghĩ ngộ nghĩnh của bạn nhỏ về ông bà, bố mẹ khi còn bé. Hiểu được tình cảm của bạn nhỏ với người thân trong gia đình thông qua từ ngữ, hình ảnh miêu tả cử chỉ, hành động, lời nói, suy nghĩ của nhân vật.
2. Kể về những việc em thích làm cùng với người thân.
3. Viết đúng chính tả 3 khổ thơ trong bài *Khi cả nhà bé tí* (theo hình thức nghe – viết) trong khoảng 15 phút. Viết đúng từ ngữ chứa *iu/ ưu* hoặc *iên/ iêng*.
4. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ để kể về một việc làm gắn với trải nghiệm của bản thân; Bồi dưỡng tình cảm yêu thương gia đình.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản thơ và một số điểm đặc trưng của thơ (thể hiện cảm xúc, tâm trạng; ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh; nhịp điệu,...).

– Chính tả: phân biệt *iu/ ưu*, *iên/ iêng*.

2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh minh hoạ bài thơ; tranh ảnh về trẻ em và những hoạt động của trẻ em cùng người thân và gia đình.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

3 HS đọc nối tiếp bài *Món quà đặc biệt* và nêu chi tiết mình thích nhất trong câu chuyện.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động: HS chia sẻ trong nhóm một câu chuyện về mình khi còn bé (qua lời kể của người thân).

– HS thực hiện theo gợi ý:

+ Đó là chuyện gì? Ai kể lại cho em biết chuyện đó?

+ Kể lại câu chuyện đó.

– HS kể trong nhóm; kể trước lớp.

– Giới thiệu bài mới: GV giới thiệu bức tranh minh hoạ bài đọc. (VD: Tranh vẽ bạn nhỏ đang nghĩ. Không biết bạn nghĩ về điều gì và về ai. Từ đó giới thiệu bài đọc: Nào, chúng ta cùng xem bạn nhỏ nghĩ về ai nhé.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *dọn dẹp, uống trà buổi sáng,...*).

+ Ngắt nhịp giữa các câu thơ, nghỉ hơi ở giữa các khổ thơ.

– GV mời 5 HS đọc nối tiếp 5 khổ thơ trước lớp.

– HS làm việc nhóm (2 – 3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp đến hết bài), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV mời 2 – 3 HS đọc cả bài thơ trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Bạn nhỏ đã hỏi về những ai?*

– GV nêu câu hỏi, dành thời gian cho HS quan sát tranh minh hoạ, đọc lướt toàn bài để tìm câu trả lời rồi mời HS phát biểu trước lớp.

– Một số HS phát biểu ý kiến. GV và HS chốt đáp án. (Bạn nhỏ hỏi về bà, ông, bố, mẹ.)

Câu 2. *Bạn nhỏ thắc mắc điều gì?*

a. *Bạn ấy thế nào khi còn bé?*

b. *Mọi người như thế nào khi còn bé?*

c. *Mọi người khi còn bé có giống bạn ấy không?*

– GV mời 5 HS đọc câu hỏi và đọc nối tiếp 4 khổ thơ đầu.

– GV hướng dẫn cách làm:

+ Làm việc nhóm: Đọc câu hỏi và thảo luận 3 phương án trả lời (điều bạn nhỏ thắc mắc); thảo luận chọn phương án đúng.

+ Cả lớp: Đại diện nhóm nêu phương án chọn.

+ GV và các nhóm khác nêu phương án đã chọn. GV và HS chốt đáp án: phương án b.

Câu 3. *Hình ảnh của mỗi người trong gia đình hiện ra như thế nào trong suy nghĩ của bạn nhỏ?*

– GV nêu câu hỏi, hướng dẫn HS quan sát tranh, đọc thầm 4 khổ đầu của bài thơ để trả lời câu hỏi.

– Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: thực hiện lần lượt với từng khổ thơ nói về mỗi người; VD:

Bà	+ Đọc những câu thơ bạn nhỏ hỏi về bà: *Có nghịch lắm không* *Dáng đi có hơi còng* *Chăm quét nhà dọn dẹp?* + Từ dáng đi hơi còng và việc chăm quét nhà, dọn dẹp của bà hiện tại, bằng trải nghiệm của mình, trong suy nghĩ của bạn nhỏ, bạn không biết ngày xưa bà có nghịch không, dáng có còng, có quét nhà, dọn dẹp không?
Ông	+ Đọc những câu thơ bạn nhỏ hỏi về ông: *Có nghiêm như bây giờ* *Có chau mặt chơi cờ* *Có uống trà buổi sáng?* + Từ dáng vẻ nghiêm nghị, chau mặt chơi cờ, uống trà buổi sáng của ông hiện tại, bạn nhỏ suy nghĩ và thắc mắc, khi còn bé tí ông có như vậy không?
Bố	+ Đọc những câu thơ bạn nhỏ hỏi về bố: *Có thích lái ô tô* *Có say mê sửa đồ* *Có hay xem bóng đá?* + Từ những sở thích của bố bây giờ, như lái ô tô, sửa đồ, xem bóng đá, bạn nhỏ liên tưởng và thắc mắc, không biết khi còn bé tí bố có thích làm những việc như vậy không?
Mẹ	+ Đọc những câu thơ bạn nhỏ hỏi về mẹ: *Có mải ngồi cắm hoa* *Thích ra chợ gần nhà* *Tối khuya ôm cuốn sách?* + Cũng từ những việc làm yêu thích của mẹ hiện nay (cắm hoa, đi chợ, đọc sách), trong suy nghĩ của mình, bạn nhỏ thắc mắc không biết khi còn bé, mẹ có thích làm những việc như vậy không?

– 4 HS phát biểu trước lớp (mỗi HS nói suy nghĩ của bạn nhỏ về một người trong gia đình); nếu HS gặp khó khăn, GV viên gợi ý để HS trả lời.

– GV có thể giải thích thêm: Bạn nhỏ rất yêu quý mọi người trong nhà, có lẽ bạn muốn tìm hiểu xem ông bà, bố mẹ ngày xưa có giống với hiện tại không.

Câu 4. *Em thích hình ảnh của ai nhất?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời của riêng mình, sau đó phát biểu, trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm.

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp. GV khích lệ HS nêu ý kiến riêng của mình. (VD: Em thích nhất hình ảnh của bà. Bà của bạn nhỏ trong bài thơ rất giống bà em: dáng cũng hơi còng, bà có tuổi nhưng vẫn hay làm, luôn dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ,...).

4. Học thuộc lòng

– GV mời 2 HS đọc toàn bài thơ.

– GV hướng dẫn HS học thuộc lòng khổ thơ các em yêu thích.

+ HS chọn những khổ thơ mình thích.

+ Học thuộc lòng từng khổ.

– HS xung phong đọc thuộc lòng khổ thơ mình thích trước lớp.

NÓI VÀ NGHE

Những người yêu thương

1. Đóng vai, hỏi – đáp về công việc yêu thích của những người thân trong gia đình.

– GV cho HS quan sát tranh và đóng vai hỏi – đáp theo mẫu.

– Thực hiện mẫu (tranh 1): 2 HS đóng vai cháu và người bạn, thực hiện hỏi – đáp.

+ HS1: Hằng ngày, bà của bạn thích làm gì?

+ HS2: Bà tớ rất thích đọc báo. Bà thường đọc báo *Sức khoẻ và Đời sống*. Có thể đổi vai hỏi – đáp:

+ HS2: Thế bà của bạn thích làm gì?

+ HS 1: Bà tớ thích... (VD: trồng rau, đi chợ,...).

Thực hiện tương tự với các tranh còn lại.

– Tranh 2:

+ Ông của bạn thích làm gì?

+ Ông tớ thích trồng hoa phong lan. Ông tớ trồng rất nhiều loại phong lan.

– Tranh 3:

+ Mẹ của bạn thích làm gì?

+ Mẹ tớ thích xem phim. Mẹ tớ thường xem phim Việt Nam.

– Tranh 4:

+ Bố của bạn thích làm gì?

+ Bố tớ thích nấu ăn. Tớ rất thích những món bố tớ nấu.

Có thể mở rộng câu hỏi để phát triển lời thoại, VD:

+ Khi nói mẹ thích xem phim Việt Nam, có thể hỏi: Mẹ cậu thích xem phim gì?

+ Khi nói bố thích nấu ăn, có thể hỏi: Bố cậu thường nấu những món nào ngon?

– Một số cặp hỏi – đáp trước lớp.

– GV khen ngợi các em nói tốt, nói có tiến bộ.

2. Kể về những việc em thích làm cùng người thân.

– GV hướng dẫn: Dựa vào bài tập 1, HS kể theo gợi ý:

+ Việc em thích làm cùng người thân là việc gì?

+ Em làm việc đó với ai? Thường làm lúc nào/ khi nào?

+ Việc đó diễn ra như thế nào?

+ Nêu suy nghĩ của em khi được làm việc cùng người thân.

– HS tập kể trong nhóm.

– 2 – 3 HS kể trước lớp. GV và HS nhận xét.

– GV khuyến khích HS về viết lại thành đoạn văn.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết: *Khi cả nhà bé tí* (3 khổ thơ cuối).

– GV hoặc HS đọc một lần 3 khổ thơ sẽ viết chính tả trước lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc lại 3 khổ thơ trong SHS; mời một HS đọc trước lớp.

– GV hướng dẫn HS:

+ Quan sát 3 khổ sẽ viết (có thể cho HS nhìn trong SHS hoặc GV chiếu đoạn thơ lên màn hình), giúp các em biết cách viết thẳng hàng các dòng thơ; cách dòng giữa 2 khổ thơ.

+ Viết hoa chữ đầu tên bài, viết hoa chữ đầu mỗi dòng.

+ Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

– GV đọc tên bài, đọc từng dòng thơ/ đọc lại cho HS viết vào vở.

– GV đọc lại đoạn thơ cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

2. Làm bài tập a hoặc b.

HS làm bài tập theo yêu cầu của GV (bài tập a hoặc b).

a. *Chọn tiếng trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.*

– HS làm việc nhóm:

+ Cùng nhau đọc câu và các tiếng trong ngoặc đơn, chọn tiếng thích hợp thay cho ô vuông.

+ Đối chiếu kết quả với nhóm khác.

– Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài, cả lớp nhận xét, góp ý, sửa lỗi (nếu có).

+ GV chốt đáp án:

+ Trong vườn, cây ***lựu*** sai ***trĩu*** quả.

+ Mẹ ***địu*** bé lên nương.

+ Đàn chim sà xuống cây bằng lăng, hót ***líu*** lo.

b. *Chọn tiếng trong bông hoa thay cho mỗi ô vuông.*

Cách thực hiện có thể tiến hành tương tự như bài tập a. GV và HS chốt đáp án:

biến / biếng

– Bàn tay khéo léo của bố đã ***biến*** những mảnh gỗ vụn thành máy bay, ô tô, con vịt,...

– Mẹ bảo Duy không nên lười ***biếng***, phải chăm tập thể dục hằng ngày.

tiến / tiếng

– Anh Dũng giả làm ***tiếng*** kêu của các con vật rất giỏi.

– Ở lớp, Mai và Hà là đôi bạn cùng ***tiến***.

3. Viết vào vở 1 – 2 câu đã hoàn thành ở bài tập 2.

– HS chọn và viết vào vở 1 – 2 câu đã hoàn thành ở bài tập 2.

– GV nhận xét một số bài của HS. Tuyên dương HS học tập tích cực.

VẬN DỤNG

– GV nhắc HS về nhà đọc bài thơ *Khi cả nhà bé tí* cho người thân nghe.

– HS hỏi về những công việc yêu thích của người thân khi còn bé.

CỦNG CỐ

– GV nhận xét kết quả học tập Bài 19, động viên, khen ngợi các em học tập tích cực, các em học tập tiến bộ, có nhiều cố gắng.

– Dặn dò HS xem lại những điều đã ghi chép về câu chuyện, bài thơ đã đọc ở Bài 18 (Đọc mở rộng).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 20 TRÒ CHUYỆN CÙNG MẸ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài đọc *Trò chuyện cùng mẹ*. Đọc diễn cảm đoạn văn bộc lộ cảm xúc, đọc lời kể của các nhân vật với ngữ điệu phù hợp.

b. Hiểu nội dung văn bản đọc. Câu chuyện kể về việc làm yêu thích là đọc sách và trò chuyện của ba mẹ con bạn Thư trước giờ đi ngủ. Qua đó, cảm nhận được tình cảm yêu thương, những buổi tối vui vẻ, đầm ấm của gia đình Thư.

c. Đọc được bài về tình cảm của người thân trong gia đình và viết những thông tin về bài đọc vào phiếu đọc sách theo mẫu; chia sẻ về nhân vật yêu thích nhất trong bài đã đọc.

2. Mở rộng vốn từ về người thân. Nhận biết dấu hai chấm và tác dụng của dấu hai chấm (báo hiệu phần liệt kê; báo hiệu phần giải thích).
3. Viết được đoạn văn tả ngôi nhà của gia đình.
4. Cảm nhận được tình cảm gắn bó và sự sẻ chia giữa các thành viên trong gia đình trong cuộc sống hằng ngày.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Đặc điểm văn bản truyện, bối cảnh, sự việc và nhân vật.

– Dấu hai chấm, tác dụng của dấu hai chấm.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc.

– Sách, truyện phục vụ yêu cầu đọc mở rộng.

– Tranh ảnh về nhà ở của các vùng miền khác nhau để phục vụ cho viết đoạn.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

HS đọc hoặc đọc thuộc lòng khổ thơ mình thích trong bài học trước (*Khi cả nhà bé tí*).

ĐỌC

1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm:

+ 1 HS đọc to yêu cầu: *Kể về một hoạt động chung của gia đình em vào buổi tối.*

+ HS lần lượt kể về một hoạt động chung của gia đình mình vào buổi tối. (VD: cùng nhau xem phim, xem kịch,...; cùng nhau đi ăn tối để kỉ niệm một sự kiện nào đó; cùng nhau làm bánh, nấu ăn,...)

– 2 – 3 HS kể trước lớp. GV động viên, khen ngợi.

– Giới thiệu bài mới: GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc (VD: Tranh vẽ cảnh buổi tối, ba mẹ con bạn nhỏ đang nói về một chuyện gì đó, nét mặt ai cũng vui). GV giới thiệu: Hôm nay chúng ta học bài *Trò chuyện cùng mẹ*, cùng đọc bài để biết ba mẹ con bạn nhỏ làm gì, nói chuyện gì nhé.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *rành rọt, nắc nẻ, rúc rích,...*).

+ Đọc rõ, nhấn vào từng chữ trong các câu: *Năm phút nữa thôi nhé; Chỉ là đến giờ ngủ thì phải ngủ thôi.*

+ Tập đọc câu nói về những chuyện hai chị em kể cho mẹ nghe.

– GV cùng HS chia VB thành 3 đoạn.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *cứ được cộng thêm mãi.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *hai chị em cười như nắc nẻ.*

+ Đoạn 3: Còn lại.

– GV mời 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Chi tiết nào cho thấy ba mẹ con Thư rất thích trò chuyện với nhau trước khi đi ngủ?*

– GV mời HS đọc câu hỏi. GV hướng dẫn HS đọc lướt toàn bài để tìm chi tiết cho thấy ba mẹ con Thư rất thích trò chuyện với nhau trước khi đi ngủ.

– HS đọc lướt toàn bài để tìm chi tiết.

– Một số HS trả lời câu hỏi. GV và các bạn khác nhận xét, bổ sung các chi tiết còn thiếu.

– GV chốt đáp án. (Thời gian vui nhất trong buổi tối; những câu chuyện của ba mẹ con thường nối vào nhau không dứt; Ba mẹ con rúc rích mãi không chán,...)

Câu 2. *Vì sao thời gian trò chuyện của ba mẹ con cứ được cộng thêm mãi?*

– 1 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc thầm đoạn từ đầu đến *cứ được cộng thêm mãi* để tìm câu trả lời.

– HS làm việc cá nhân: Đọc thầm đoạn văn, suy nghĩ tìm ý trả lời cho câu hỏi.

– 3 HS trả lời trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét. GV và HS thống nhất đáp án. (Thời gian trò chuyện của ba mẹ con cứ được cộng thêm mãi vì ba mẹ con có nhiều điều để nói với nhau, để kể cho nhau nghe, để nghe kể,.... VD: cùng bàn luận, mẹ kể, con kể, cười đùa,...)

Câu 3. *Mẹ đã kể cho chị em Thư những chuyện gì?*

– GV mời 2 HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn cách làm:

+ Làm việc cá nhân: Đọc thầm câu hỏi 3, đoạn 2 và suy nghĩ tìm câu trả lời.

+ Làm việc nhóm: Từng cá nhân nêu ý kiến, nhóm thống nhất câu trả lời.

– Cả lớp: Đại diện 2 – 3 nhóm nêu câu trả lời đã thống nhất trong nhóm.

– GV và các bạn khác nhận xét, thống nhất câu trả lời. (VD: Mẹ đã kể cho chị em Thư về công việc của mẹ; kể chuyện ngày mẹ còn bé vì mẹ muốn chị em Thư biết về công việc của mẹ, biết những chuyện ngày mẹ còn bé.)

Câu 4. *Đóng vai Thư hoặc Hân nhắc lại những chuyện mình đã kể cho mẹ nghe.*

– GV mời HS đọc câu hỏi trước lớp; hướng dẫn HS đóng vai nhắc lại những chuyện Thư và Hân kể cho mẹ nghe.

– HS đóng vai kể theo cặp: đọc thầm đoạn 3, ghi nhớ những chuyện Thư và Hân đã kể cho mẹ; đóng vai kể lại những chuyện đó (khi kể, thêm các từ ngữ xưng hô, từ ngữ liên kết, tên trò chơi, tên món quà chiều, tên các bạn,... để lời kể sinh động. VD: Hân – Mẹ ơi, hôm nay ở lớp cô cho chúng con chơi trò mèo đuổi chuột đấy mẹ ạ. Vui lắm. Buổi chiều con được ăn bánh bông lan rất ngon; Thư – Hôm nay con được cô giáo mời đọc bài văn trước cả lớp đấy mẹ ạ. Cô khen bài văn của con hay, tình cảm,... Giờ ra chơi, bạn Nga đố bọn con bài toán vui nữa,...).

– 2 – 3 cặp HS đóng vai kể trước lớp. GV động viên, khen các bạn kể hay, sinh động, sáng tạo.

Câu 5. *Nêu cảm nghĩ của em sau khi đọc câu chuyện.*

Đây là dạng câu hỏi mở, HS có thể có nhiều phương án trả lời. GV khuyến khích HS nêu cảm nghĩ riêng của mình và chia sẻ với các bạn; động viên những ý kiến phát biểu chân thực.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu.

– GV mời một số HS phát biểu nêu cảm nghĩ. GV khích lệ HS nêu câu trả lời thể hiện cảm nghĩ chân thực của mình. VD:

+ Câu chuyện làm em thấy thật thích những cuộc trò chuyện đầm ấm của ba mẹ con Thư trước giờ đi ngủ.

+ Câu chuyện khiến em mong muốn được trò chuyện, chia sẻ nhiều hơn với người thân về việc học tập của mình.

+ Câu chuyện cho em hiểu thêm về tình cảm yêu thương, ấm áp của mẹ và con cũng như giữa những người thân trong gia đình.

+ ,...

– GV khen tất cả các HS phát biểu.

4. Luyện đọc lại

– GV đọc diễn cảm toàn bài.

– HS luyện đọc theo GV.

ĐỌC MỞ RỘNG

– Thời gian dành cho đọc mở rộng khoảng nửa tiết học.

– GV hướng dẫn HS làm phiếu đọc sách (có thể theo mẫu trong SHS và ghi vào phiếu thông tin chung về VB đã đọc (ngày đọc, tên bài, tác giả).

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về nhân vật mình yêu thích nhất trong văn bản đã đọc (tên nhân vật; nhân vật đó làm gì; nhân vật đó có gì thú vị; những điều học hỏi được ở nhân vật đó); chọn số ngôi sao để đánh giá mức độ yêu thích của em với VB đã đọc.

– Đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp.

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm các từ chỉ người thân trong đoạn văn.

– GV mời 2 HS đọc yêu cầu của bài tập 1.

– GV hướng dẫn HS đọc đoạn văn và tìm từ chỉ người thân có trong đoạn văn.

– HS làm việc theo nhóm: Đọc thầm đoạn văn, tìm từ chỉ người thân; ghi lại những từ đã thống nhất.

– Đại diện 2 – 3 nhóm đọc từ đã thống nhất trong nhóm. GV và HS nhận xét, chốt đáp án. (bà nội, bà ngoại, bà, em, chị)

2. Tìm thêm từ ngữ chỉ những người thân bên nội và bên ngoại.

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập 2. Thực hiện lần lượt:

– Xếp các từ tìm được ở bài tập 1 thành 2 nhóm: từ chỉ người thân bên nội và từ chỉ người thân bên ngoại (có một số từ thuộc cả 2 nhóm).

– HS làm việc theo nhóm: Dựa vào cách xếp ở trên, tìm thêm các từ chỉ người thân bên nội và bên ngoại.

– Đại diện 1 – 2 nhóm đọc các từ tìm được, các nhóm khác bổ sung. GV nêu đáp án. VD:

Người thân bên nội	Người thân bên ngoại
chú, thím, cô, bác, chị, em, anh,...	bác, dì, cậu, mợ, chị, em, anh,...

Lưu ý: Tuỳ cách gọi ở địa phương, GV nêu từ chỉ người thân bên nội, bên ngoại cho phù hợp.

3. Nêu tác dụng của *dấu hai chấm* trong câu.

– GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập 3.

– GV giúp HS nhớ lại công dụng của dấu hai chấm đã học ở Bài 8 (báo hiệu phần liệt kê).

– HS làm việc theo nhóm: Đọc câu và xác định công dụng của dấu hai chấm trong câu.

– Đại diện 2 nhóm nêu ý kiến. GV và các nhóm khác nhận xét, chốt đáp án. (Dấu hai chấm trong câu có công dụng báo hiệu phần giải thích.)

4. Xác định công dụng của *dấu hai chấm* trong mỗi câu văn.

– GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập 4.

– HS làm việc nhóm: Đọc 3 câu trong bài tập; trao đổi trong nhóm, xác định công dụng của dấu hai chấm trong mỗi câu.

– Đại diện 2 nhóm nêu công dụng của dấu hai chấm trong mỗi câu. GV và các nhóm khác nhận xét, chốt đáp án:

+ Dấu hai chấm trong câu a có công dụng báo hiệu phần liệt kê.

+ Dấu hai chấm trong câu b có công dụng báo hiệu phần giải thích.

+ Dấu hai chấm trong câu c có công dụng báo hiệu phần giải thích.

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Quan sát tranh, nêu đặc điểm của sự vật trong mỗi tranh.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 1: Quan sát tranh, nêu đặc điểm của sự vật trong mỗi tranh.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm:

+ Chọn một tranh để quan sát kĩ (tránh tất cả các nhóm cùng chọn một tranh).

+ HS nói về đặc điểm của sự vật trong tranh (ngôi nhà và cảnh vật xung quanh) theo gợi ý trong SHS.

– Đại diện 3 nhóm nói về tranh/ ngôi nhà đã chọn.

– GV và cả lớp nhận xét. GV khen nhóm có phần trình bày tốt.

2. Viết đoạn văn tả ngôi nhà của em.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 2: *Viết đoạn văn tả ngôi nhà của em.*

– GV hướng dẫn HS: dựa vào kết quả của bài tập 1 và gợi ý, viết đoạn văn tả ngôi nhà của mình.

– HS làm việc cá nhân: Viết đoạn văn tả ngôi nhà của gia đình.

– HS đổi bài theo cặp để soát lỗi.

– Một số HS đọc bài của mình trước lớp. GV động viên, khen bài làm tốt.

GV có thể nêu một số ý minh hoạ cho bài viết. VD:

+ Nhà em ở đâu? (Nhà em ở sát chân núi, cạnh một dòng suối nhỏ.)

+ Gia đình em ở đó từ khi nào? (Từ khi còn bé tí, em đã thấy mình ở ngôi nhà này rồi.)

+ Đặc điểm nổi bật của ngôi nhà (Nhà em là ngôi nhà sàn nhỏ bé, đơn sơ. Ngôi nhà được dựng trên những cái cột trông chênh vênh nhưng rất chắc chắn. Xung quanh nhà toàn là màu xanh của núi. Nhà em có nhiều cửa sổ nên luôn thoáng mát,...).

+ ,...

+ Nêu tình cảm của em đối với ngôi nhà (Em gắn bó với ngôi nhà từ khi còn nhỏ nên đi đâu em cũng rất nhớ nhà).

3. Trao đổi đoạn văn của em với bạn, chỉnh sửa và bổ sung ý hay.

– 1 HS đọc yêu cầu bài tập.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp: Cho bạn đọc đoạn văn của mình sau đó cùng nhau phát hiện lỗi, tìm cách sửa lỗi; Tìm và bổ sung những ý hay cho nhau.

– GV gọi 2 – 3 cặp nêu kết quả làm việc: trình bày những lỗi đã phát hiện và cách sửa, những ý hay đã bổ sung.

– GV khen các cặp đã trình bày trước lớp, nhắc HS về nhà viết lại đoạn văn sau khi đã sửa lỗi và bổ sung ý hay.

VẬN DỤNG

– GV nhắc HS về nhà vẽ ngôi nhà mình yêu thích (có thể là ngôi nhà các em đã biết hoặc ngôi nhà trong trí tưởng tượng/ ngôi nhà em mơ ước), viết 2 – 3 câu giới thiệu bức tranh.

– HS vẽ ngôi nhà mình yêu thích/ mơ ước, viết 2 – 3 câu giới thiệu bức tranh.

CỦNG CỐ

– GV nêu câu hỏi giúp HS nhớ lại những nội dung về các bài đọc, luyện tập về từ và câu, viết đoạn đã học trong 4 tiết.

– GV nhận xét về kết quả học tập Bài 20, động viên, khen ngợi HS học tập tích cực, HS học tập tiến bộ, có nhiều cố gắng.

TUẦN 12

Bài 21 TIA NẮNG BÉ NHỎ (3 tiết)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Tia nắng bé nhỏ*. Bước đầu nhận biết được tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện qua giọng đọc, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

b. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Khi chúng ta biết yêu thương và quan tâm đến những người thân trong gia đình, thì người thân của chúng ta sẽ rất vui và hạnh phúc.

2. Dựa vào tranh minh hoạ, kể lại được câu chuyện *Tia nắng bé nhỏ*.

3. Viết đúng chính tả đoạn văn *Kho sách của ông bà* (theo hình thức nghe – viết) trong khoảng 15 phút. Viết đúng từ ngữ chứa *s/ x* hoặc *uôn/ uông*.

4. Bồi dưỡng tình cảm với người thân trong gia đình, có ý thức quan tâm tới người khác, nhận ra và biết bày tỏ cảm xúc của bản thân.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (thời gian, trình tự các sự việc, suy nghĩ, hành động và lời nói của nhân vật).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Tia nắng bé nhỏ*, tranh ảnh minh hoạ cho phần Nghe nói.

– Tranh minh hoạ ở bài tập chính tả.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV yêu cầu HS nêu tên bài học trước (*Trò chuyện cùng mẹ*) và những điều mình yêu thích hoặc cảm thấy thú vị khi học bài đó.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV nêu câu hỏi chung cho cả lớp: *Quan sát tranh, đoán xem bạn nhỏ đang làm gì.*

– GV mời 1 – 2 HS nêu nội dung tranh và đoán hành động của bạn nhỏ. (VD: Tranh vẽ cảnh đồng cỏ rộng mênh mông, trên trời ông mặt trời đang cười tươi, toả nắng rực rỡ. Một bạn gái đang đứng chìa vạt áo ra, trên vạt áo có ánh sáng bừng lên. Có lẽ bạn ấy đang hứng nắng vào vạt áo.)

– GV giới thiệu bài học: Hôm nay các em sẽ học bài *Tia nắng bé nhỏ*. Các em sẽ đọc kĩ để tìm hiểu tình cảm yêu thương giữa bạn nhỏ và bà của bạn ấy được thể hiện như thế nào trong bài đọc.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *nắng, tán lá, phòng ngủ, lóng lánh, sưởi ấm, nhảy nhót, reo lên, long lanh,...*).

+ Cách ngắt nhịp ở những câu dài, VD: *Hằng ngày,/ nắng xuyên qua những tán lá trong khu vườn trước nhà/ tạo thành những vệt sáng lóng lánh/ rất đẹp.; Một buổi sáng,/ khi đang dạo chơi trên đồng cỏ,/ Na cảm thấy/ nắng sưởi ấm mái tóc mình/ và nhảy nhót trên vạt áo.*

+ Tập đọc theo giọng của bạn nhỏ và bà.

– GV cùng HS chia 3 đoạn đọc

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *đem nắng cho bà.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *chẳng có tia nắng nào ở đó cả.*

+ Đoạn 3: Còn lại.

– GV mời 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Vì sao bà nội của Na khó thấy được nắng?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến, GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Bà khó thấy được nắng vì nắng không lọt vào phòng bà, bà lại già yếu, khó đi lại nên không đi ra chỗ có nắng được.)

Câu 2. *Na nghĩ ra cách nào để mang nắng cho bà?*

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS đọc thầm lại đoạn 2, tìm câu trả lời và chuẩn bị trình bày.

– GV mời 2 – 3 HS xung phong trả lời trước lớp.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Na nghĩ ra cách bắt nắng trên vạt áo mang về cho bà.)

Câu 3. *Na có mang được nắng cho bà không? Vì sao?*

– HS đọc thầm lại đoạn 2, tìm chi tiết trả lời câu hỏi.

– GV mời 2 – 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, góp ý.

– GV và HS chốt đáp án. (Na không mang được nắng cho bà vì nắng là thứ không thể bắt được. Nắng chỉ chiếu vào vạt áo Na chứ không ở đó mãi.)

Câu 4. *Câu nói của bà cho em biết điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.*

– Trước khi tìm hiểu câu hỏi 4, GV có thể nêu thêm một yêu cầu: Nhắc lại lời của bà nói với Na.

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS đọc 3 phương án gợi ý và suy nghĩ để tìm câu trả lời.

– GV hướng dẫn HS chọn 1 trong 3 phương án hoặc nghĩ một phương án khác theo cách của mình. (VD: Câu nói của bà cho biết: 1/ Bà nhìn thấy nắng qua sự cảm nhận của Na (qua ánh mắt và trên mái tóc). 2/ Bà cảm nhận được tình yêu của Na dành cho bà, nên bà cũng cảm thấy mình đã nhìn thấy nắng,...)

– HS trao đổi theo cặp về câu trả lời của mình.

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp. GV chấp nhận các ý kiến khác nhau của HS. GV khen ngợi các bạn trả lời rõ ràng, lưu loát.

– GV có thể nói thêm: Khi chúng ta cố gắng làm một điều gì đó vì người thân, cho dù

việc làm của ta có thành công hay không, thì tình cảm của ta mới là điều đáng trân trọng nhất, và người thân chắc chắn sẽ cảm nhận được tình cảm ấy.

Câu 5. *Nếu là Na, em sẽ làm gì để giúp bà nhìn thấy nắng?*

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp, nêu suy nghĩ cá nhân của mình.

– GV khuyến khích HS nghĩ ra càng nhiều cách hợp lí càng tốt (VD: vẽ nắng, chụp ảnh nắng, nhờ bố/ người thân cùng đưa bà ra ngoài ngắm nắng,...).

– GV khen ngợi những HS nói tốt, rõ ràng, rành mạch, và có những ý tưởng hay, độc đáo.

4. Luyện đọc lại

– GV đọc diễn cảm toàn bài.

– HS luyện đọc theo GV.

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện *Tia nắng bé nhỏ*

1. Nêu nội dung từng tranh.

– HS làm việc cá nhân.

+ GV yêu cầu HS quan sát các bức tranh, nêu hoạt động của từng người trong tranh.

+ Dựa vào gợi ý dưới tranh, nêu nội dung từng tranh, không cần đúng từng câu từng chữ như trong câu chuyện.

– GV mời 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

2. Kể lại câu chuyện.

– Nhóm/ cặp: Luân phiên từng em kể lại câu chuyện dựa vào gợi ý dưới tranh. Các HS khác lắng nghe, góp ý.

– GV mời 1 HS kể toàn bộ câu chuyện (hoặc 2 HS kể nối tiếp đến hết câu chuyện). Cả lớp nhận xét, GV động viên khen ngợi HS kể đúng, kể diễn cảm câu chuyện.

3. Em nghĩ gì về cô bé Na?

– Nhóm/ cặp:

+ Từng HS nói suy nghĩ của mình về cô bé Na. GV khuyến khích HS thoải mái nói hết những suy nghĩ của mình. (VD: cô bé Na rất ngây thơ, trong sáng, tình cảm, hiếu thảo,...)

+ Các HS khác trong nhóm lắng nghe, góp ý.

– GV mời 3 – 4 HS trình bày trước lớp.

– GV khen ngợi các HS có những suy nghĩ hay, tích cực.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV giới thiệu đoạn văn *Kho sách của ông bà.* (VD: Đoạn văn viết về cảm nhận của bạn nhỏ khi được đọc sách cùng ông và nghe truyện của bà. Bạn nhỏ cảm thấy cả một thế giới kì diệu được mở ra nhờ những kho sách đó.)

– GV đọc bài thơ, sau đó 1 HS đọc lại.

– GV hướng dẫn HS các nội dung sau:

+ Viết hoa tên bài và các chữ đầu mỗi câu.

+ Lùi đầu dòng khi viết câu đầu tiên của đoạn.

– Nghe GV đọc từng cụm từ hoặc từng câu, ghi nhớ và viết vào vở.

– Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

2. Làm bài tập a hoặc b.

a. *Tìm từ ngữ được tạo bởi mỗi tiếng dưới đây. Đặt câu với 2 từ ngữ tìm được.*

– GV dán/ chiếu hình các bông hoa chứa tiếng cho trước lên bảng.

– HS làm việc nhóm.

+ Mỗi HS tự tìm tiếng ghép được với tiếng cho trước để tạo từ ngữ.

+ HS nêu kết quả trong nhóm. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu các từ ngữ đã tạo được. GV ghi một số ví dụ lên bảng lớp:

(VD: * xiêu vẹo, liêu xiêu, siêu phàm, siêu nhân, siêu thị

* sôi nổi, sôi động, sôi sục, xôi gấc, xôi ngô, xôi vò

* sinh động, sinh nhật, sinh sôi, sinh sống, xinh đẹp, xinh xắn, xinh tươi

* lịch sử, sử dụng, sử sách, xử lí, xử phạt, xử sự)

– GV nêu yêu cầu đặt câu với 2 từ ngữ đã ghép được.

– Từng HS tự đặt câu, sau đó trao đổi câu đã viết trong nhóm. Các HS nhận xét, góp ý cho nhau.

– GV mời 2 – 3 HS đọc câu đặt được. GV nhận xét, khen ngợi.

– GV có thể chấm nhanh một số bài của HS.

b. *Tìm tiếng chứa uôn hoặc uông thay cho ô vuông. Viết vào vở các từ ngữ có tiếng đó trong đoạn văn.*

– HS làm việc nhóm.

+ Mỗi HS tự đọc thầm đoạn văn. HS dựa vào các tiếng trước và sau ô trống để tìm tiếng còn thiếu.

+ HS nêu kết quả trong nhóm. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– Đại diện 2 – 3 nhóm đọc kết quả. Cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV chốt đáp án trên bảng. GV có thể mời 1 – 2 HS đọc to đáp án.

(Đáp án: Cơn dông nổi lên. Trời sập tối, gió giật mạnh, **cuốn** phăng những đám lá rụng và thổi tung chúng lên không trung. Bụi bay cuồn **cuộn**. Mẹ bỏ đám rau **muống** đang hái dở, **cuống** quýt chạy đi lùa gà vịt vào **chuồng**.)

– HS ghi các tiếng đã tìm được vào vở.

– GV kiểm tra nhanh một số bài.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng.

+ GV gợi ý: Em muốn viết cho ai? Người thân đó đã chăm sóc, yêu thương em thế nào? Em cảm thấy thế nào về người thân đó?

+ HS làm một tấm thiệp nhỏ. Trang trí bằng cách vẽ, cắt, dán,...

+ Viết lời thể hiện tình cảm yêu thương và lòng biết ơn đối với người thân.

+ Chia sẻ với người thân tấm thiệp đã làm.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng cách nêu câu hỏi xem HS nhớ nhất điều gì trong bài vừa học, hoặc đề nghị HS nói lại những điều HS thích về bài đọc và bài viết.

– GV có thể nói thêm, bài đọc *Tia nắng bé nhỏ* cho các em thấy tình cảm gia đình là tình cảm thiêng liêng, quý giá nhất. Các em cần biết quan tâm, yêu thương mọi người trong gia đình và học cách thể hiện tình yêu thương, quan tâm đó.

– Trong bài học này, HS đã được đọc và tập kể lại câu chuyện *Tia nắng bé nhỏ*, đã nghe viết được đoạn văn *Kho sách của ông bà*, và thực hành làm bài tập chính tả với *s/ x* và *uôn/ uông*.

– GV dặn dò HS: Về nhà làm tấm thiệp và chia sẻ với người thân tấm thiệp đó.

Bài 22 ĐỂ CHÁU NẮM TAY ÔNG (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài đọc *Để cháu nắm tay ông*. Bước đầu biết thay đổi giọng đọc cho phù hợp với nhân vật, từ lời người dẫn chuyện đến giọng của người ông và người cháu.

   b. Nhận biết được nội dung và những chi tiết quan trọng trong câu chuyện: Trong một lần đi du lịch cùng ông ngoại, cô bé Dương bỗng nhận ra người ông thân yêu của mình đã già yếu, và trong lòng Dương, một tình cảm yêu thương vô bờ bến cũng trào dâng. Từ tình yêu ấy, Dương muốn mình sẽ là người chăm sóc và bảo vệ ông.

c. Đọc thêm được một số văn bản về tình cảm giữa những người thân trong gia đình. Cũng có thể đọc bài *Ông ngoại* (Nguyễn Việt Bắc) có trong SHS. Hiểu được tinh thần chung của các bài đọc đó.

2. Phân biệt từ chỉ hoạt động và từ chỉ đặc điểm, nhận biết câu kể và nắm được các loại câu kể (câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm).

3. Phát triển kĩ năng viết đoạn văn thể hiện tình cảm với người thân.

4. Bồi dưỡng tình yêu và ý thức trách nhiệm, sự quan tâm đối với người thân trong gia đình.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– *Để cháu nắm tay ông* là một văn bản tự sự. Đây là một câu chuyện rất xúc động về tình cảm yêu thương, gắn bó của những người thân trong gia đình. Cuộc sống quen thuộc đôi khi khiến ta chưa có được sự quan tâm cần thiết với người thân, chưa biết lắng nghe và chia sẻ. GV cần truyền được những cảm xúc tích cực cho học trò, vừa để HS nắm được bài đọc, vừa để chuẩn bị cho HS viết được một đoạn văn kể về một lần em thấy xúc động trước cử chỉ, việc làm của người thân.

– Những hiểu biết chung về từ loại tính từ, tác dụng và cách dùng.

2. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ bài đọc *Để cháu nắm tay ông* hoặc những tranh ảnh thể hiện tình cảm của ông bà và các cháu dành cho nhau.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV có thể hỏi HS về bài *Tia nắng bé nhỏ* (VD: Bé Na trong bài đọc đã cố gắng làm gì cho bà vui?,...) để chuẩn bị giới thiệu về bài mới: tình cảm của bạn nhỏ với ông ngoại.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu: *Kể về một lần em cảm thấy xúc động trước cử chỉ hoặc việc làm của người thân.*

– GV cho HS làm việc nhóm.

– HS (2 – 3 em) lần lượt phát biểu ý kiến trước lớp.

Với yêu cầu này, HS được nói theo ý kiến cá nhân. Tuỳ thuộc vào từng tình huống, GV có thể đặt thêm các câu hỏi phụ để khuyến khích HS phát biểu, hướng dẫn để cả lớp cùng chia sẻ cảm xúc với câu chuyện mà HS đã kể.

– GV giới thiệu khái quát nội dung bài đọc *Để cháu nắm tay ông.* (VD: Hãy cùng nhau

đọc bài *Để cháu nắm tay ông* để xem bạn nhỏ phát hiện ra điều gì và đã có những thay đổi như thế nào sau khi cùng ông đi du lịch.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (Giọng đọc thể hiện rõ sự xúc động theo từng diễn biến của câu chuyện. Phân biệt lời dẫn chuyện và lời nhân vật). Có thể mời một HS đọc tốt để đọc cả bài. Những HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *Tháp Bà Pô-na-ga, chạm trổ, tinh xảo,...*).

+ Đọc diễn cảm lời nhân vật. Lời bạn nhỏ: "*Ông ngoại ơi, cháu yêu ông nhiều lắm!*": giọng thanh của một cô bé, âm điệu nhẹ nhàng, thiết tha.

+ Chia đoạn: 4 đoạn. Đoạn 1: từ đầu đến *cùng bố mẹ và ông ngoại*. Đoạn 2: tiếp theo đến *yêu thương khó tả*. Đoạn 3: tiếp theo đến *yêu ông nhiều lắm*. Đoạn 4: phần còn lại. (Tuỳ vào đối tượng HS mà GV có thể tự phân đoạn hoặc yêu cầu HS phân đoạn.)

– GV cho 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp làm mẫu.

– HS làm việc nhóm (4 em/ nhóm) đọc nối tiếp từng đoạn, từ 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– Một số nhóm đọc trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Điểm tham quan cuối cùng của gia đình Dương là ở đâu?*

Đây là dạng câu hỏi đơn giản, hỏi về một chi tiết trong bài, có thể coi chi tiết này là thông tin nền để HS nhớ được sự kiện cơ bản của câu chuyện.

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp hoặc nhóm để thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến.

– GV và HS chốt đáp án. (Điểm tham quan cuối cùng của gia đình Dương là ở Tháp Bà Pô-na-ga – Khánh Hoà.)

Câu 2. *Tìm những chi tiết cho thấy ông ngoại ngắm ngôi đền rất kĩ và đầy xúc động.*

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi.

– GV giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Đọc lướt bài đọc, tìm xem thông tin trả lời có thể nằm ở đoạn văn nào.

+ Câu hỏi "tìm **những** chi tiết" cho thấy sẽ không chỉ có 1 chi tiết trong câu trả lời.

+ HS trao đổi trong nhóm, thống nhất đáp án.

– GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi.

– GV và HS chốt đáp án. (Những chi tiết cho thấy ông ngoại của Dương ngắm ngôi

đến rất kĩ và đầy xúc động là: ông đứng trầm ngâm trước những bức vẽ; bàn tay run run chạm vào cột đá, chần chừ chưa muốn đi). GV nhấn mạnh những từ quan trọng: *trầm ngâm, run run, chần chừ.*

GV có thể giải thích từ *chần chừ*: đắn đo, do dự, chưa quyết tâm ngay để làm việc gì.

Câu 3. *Dương đã thay đổi những suy nghĩ về ông như thế nào?*

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, đọc cả phần gợi ý bên dưới câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm. Cách thức tiến hành tương tự câu hỏi 2.

– GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trả lời.

– GV và HS chốt đáp án. (Trước khi đi du lịch, Dương nghĩ ông rất nhanh nhẹn. Trong khi đi du lịch, Dương nhận ra ông không còn khoẻ như trước). GV lưu ý ở ý thứ nhất, HS có thể nói cụ thể hơn về những chi tiết cho thấy trong suy nghĩ của Dương, ông rất nhanh nhẹn.

Câu 4. *Theo em, vì sao Dương nghĩ từ bây giờ mình mới là người đưa tay cho ông nắm?*

Đây là dạng câu hỏi mở, HS có thể phát biểu những suy nghĩ cá nhân. GV khuyến khích để HS sẵn sàng chia sẻ những suy nghĩ của mình. Có thể thêm những câu hỏi phụ: "Người đưa tay cho ông nắm" là thế nào? – Là người khoẻ hơn, mạnh hơn, người có thể che chở, bảo vệ người khác.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu.

– HS làm việc theo cặp/ nhóm.

– Một số HS phát biểu ý kiến.

– GV và HS chốt một số đáp án. (VD: Dương nghĩ từ bây giờ Dương mới là người đưa tay cho ông nắm vì Dương tự cảm thấy mình đã lớn, trong khi ông đã già và yếu, do vậy mình phải là người bảo vệ ông, chăm sóc ông. Qua đó, ta có thể thấy Dương rất yêu ông.)

4. Luyện đọc lại

HS làm việc cá nhân: Đọc lại toàn bài.

VIẾT

1. Ôn chữ viết hoa

– GV nêu tên bài học: Ôn chữ viết hoa *I, K* (GV nói rõ với HS: cần nhớ lại cách viết chữ viết hoa đã được luyện viết từ lớp 2). Trong khoảng nửa tiết học, các em ôn lại cách viết 2 chữ viết hoa *I, K* và viết ứng dụng.

– GV viết mẫu, kết hợp nhắc lại cách viết các chữ viết hoa (hoặc cho HS quan sát clip hướng dẫn viết chữ viết hoa *I, K*).

– HS viết chữ viết hoa *I, K* ra nháp trước khi viết vào vở ô li theo hướng dẫn.

– HS viết chữ viết hoa *I, K* theo yêu cầu (về số chữ) vào vở.

– GV nhận xét chữ viết của HS.

2. Viết ứng dụng

a. *Viết tên riêng*

– HS đọc tên riêng: *Khánh Hoà.*

– HS viết tên riêng *Khánh Hoà* vào vở.

– GV giới thiệu với HS về địa danh Khánh Hoà (một tỉnh ở miền Nam Trung Bộ, nổi tiếng với biển Nha Trang, Tháp Bà Pô-na-ga,...).

b. *Viết câu*

– HS đọc thầm câu ứng dụng:

Khánh Hoà là xứ trầm hương
Non xanh nước biếc người thương đi về.

– GV giải thích từ ngữ khó. (*Trầm hương*: là phần gỗ chứa nhựa thơm đặc biệt sinh ra từ thân cây dó mọc trong những cánh rừng già của Việt Nam. Trầm hương Khánh Hoà nhiều và tốt nhất ở Việt Nam.)

– GV có thể cho HS cảm nhận về địa danh Khánh Hoà qua câu thơ: Khánh Hoà là nơi có trầm hương nổi tiếng, có cảnh non nước thơ mộng, hữu tình, cuốn hút du khách.

– GV nhắc HS khi viết câu ứng dụng (thơ lục bát), cần xuống dòng và thụt đầu dòng theo quy định.

– HS viết câu ứng dụng vào vở.

– HS góp ý cho nhau theo cặp hoặc theo nhóm.

– GV lựa chọn một số bài viết của HS chiếu lên màn hình, cả lớp nhận xét, sửa chữa. GV động viên những HS viết đẹp, tiến bộ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Xếp các từ in đậm trong đoạn thơ vào nhóm thích hợp.

a. Từ chỉ hoạt động b. Từ chỉ đặc điểm

Bài này yêu cầu HS nhận diện và phân biệt các từ chỉ hoạt động và từ chỉ đặc điểm.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu, đọc đoạn thơ (GV có thể chiếu các câu thơ lên bảng).

– 1 – 2 HS đọc các từ in đậm.

– HS làm việc theo cặp/ nhóm với 2 cách tiến hành:

+ Đọc từng câu thơ, đến từ nào in đậm thì xác định từ đó xem thuộc nhóm nào.

+ Chọn các từ chỉ hoạt động trước, sau đó là các từ chỉ đặc điểm.

– Đại diện các nhóm đọc đáp án của nhóm mình.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Các từ chỉ hoạt động là *vác, đẩy, quay, đi về, làm*; các từ chỉ đặc điểm là *dài, thẳng, rộng, khoẻ.*)

Với bài tập này, GV có thể tổ chức thành trò chơi: Để hai cái giỏ, một giỏ ghi "Từ chỉ

hoạt động", một giỏ ghi "Từ chỉ đặc điểm". HS các nhóm cầm các phiếu có ghi sẵn các từ, bỏ vào giỏ, trong phiếu ghi tên nhóm của mình. Một số HS được cử làm ban giám khảo, kiểm tra kết quả. Sau đó, ban giám khảo cùng cô giáo công bố kết quả.

2. Tìm câu kể trong những câu cho sẵn.

Bài này giúp HS nhận ra câu kể trong 5 câu có cả câu hỏi và câu cảm.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu, đọc 5 câu bên dưới.

– GV vẫn tiếp tục chia nhóm, giao nhiệm vụ tìm câu kể.

– GV lưu ý HS có thể làm bài theo phương pháp loại trừ, vì câu hỏi và câu cảm có dấu hiệu nhận diện rất rõ ràng.

– GV nhấn mạnh đặc điểm của câu kể: Dấu kết thúc câu là dấu chấm; trong câu không chứa những từ để hỏi hoặc những từ bộc lộ cảm xúc. (Có thể đặt câu hỏi để HS tự tìm ra điều này)

– Sau khi thảo luận nhóm, HS trình bày kết quả.

– GV và HS thống nhất đáp án. (câu kể: b, c, d). GV có thể hỏi thêm HS nếu còn thời gian: Câu a là câu gì? (câu hỏi); Câu e là câu gì? (câu cảm).

3. Xếp các câu kể ở bài tập 2 vào nhóm thích hợp.

a. *Câu giới thiệu sự vật*

b. *Câu nêu hoạt động.*

c. *Câu nêu đặc điểm.*

Đây cũng là dạng bài tập quen thuộc mà HS đã được làm ở lớp 2. Điểm mới là thông qua bài tập này, HS sẽ nhận ra ba kiểu câu mình đã học (câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm) đều nằm trong một loại câu lớn hơn: câu kể.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu.

– HS làm việc theo nhóm với các nhiệm vụ:

+ Đọc lại kết quả của bài tập 2.

+ Xét lần lượt từng câu, tìm đáp án.

– GV gọi đại diện một số nhóm trả lời.

– GV và HS nhận xét, chốt đáp án. (Câu giới thiệu sự vật là câu b; Câu nêu hoạt động là câu c; Câu nêu đặc điểm là câu d.). GV có thể hỏi thêm lí do vì sao HS chọn đáp án như vậy. Vì câu b theo mẫu câu có chứa từ "là"; câu c có từ chỉ hoạt động "đưa đón"; câu d có chứa từ chỉ đặc điểm "già" và "mạnh mẽ".

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

Để cháu nắm tay ông là một câu chuyện xúc động. GV cố gắng truyền tải cảm xúc đó cho HS. Trên cơ sở khai thác kĩ câu chuyện này, HS sẽ viết đoạn văn thể hiện cảm xúc của chính mình với người thân.

1. Tìm những câu văn thể hiện cảm xúc với người thân.

Bài này giúp HS nhận biết những câu thể hiện cảm xúc để trên cơ sở đó, các em biết viết những câu tương tự.

GV có thể cho HS làm việc nhóm hoặc cá nhân, với các yêu cầu:

+ Đọc kĩ từng câu.

+ Tìm câu thể hiện cảm xúc. (Câu chỉ cảm xúc thường sẽ chứa những từ ngữ bộc lộ cảm xúc như *yêu, thương, nhớ, mong, chờ,...* và những từ ngữ nhấn mạnh giúp bộc lộ cảm xúc: *lắm, quá, vô cùng, cực kì,...*)

– GV gọi đại diện một số nhóm trả lời.

– GV và HS nhận xét, chốt đáp án. (Có 2 câu thể hiện cảm xúc là a. *Dương nhìn ông, lòng trào lên cảm xúc yêu thương khó tả* và d. *Ông ngoại ơi, cháu yêu ông nhiều lắm!*.)

2. Nói 2 – 3 câu thể hiện cảm xúc của em khi nghĩ về một cử chỉ, việc làm của người thân.

– GV cho HS làm việc theo cặp, nội dung nói theo 2 gợi ý trong SHS.

– Có thể thêm các câu gợi ý cụ thể, để HS có thể nói những câu như: Em thấy mẹ nấu cơm cho em ăn. Trời nóng, em nhìn thấy giọt mồ hôi trên gương mặt của mẹ. Em yêu mẹ./ Mẹ của em lúc nào cũng tất bật với công việc, hết lau nhà lại giặt quần áo. Em rất thương mẹ,...

– GV đi từng nhóm, quan sát HS.

– Đại diện một số nhóm trả lời. GV chốt lại những câu đặc biệt nhất.

3. Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của em đối với người thân.

– HS viết đoạn văn dựa vào những phần đã chuẩn bị từ các bài 1 và 2.

– GV quan sát HS làm bài, giúp đỡ các em (nếu cần).

4. Đọc lại đoạn văn em viết, phát hiện lỗi và sửa lỗi.

Phần này GV cho từng cá nhân HS tự làm hoặc cũng có thể cho các em làm theo cặp, đổi bài và góp ý cho nhau.

VẬN DỤNG

HS tìm đọc những câu chuyện, bài thơ về tình cảm giữa những người thân trong gia đình. Cũng có thể tự đọc văn bản *Ông ngoại* (Nguyễn Việt Bắc) trong SHS.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng cách nêu câu hỏi xem HS nhớ được những gì về các bài đọc và viết đã học trong 4 tiết (lưu ý kiến thức về từ và câu: từ chỉ hoạt động và từ chỉ đặc điểm; câu kể).

– GV có thể nói rõ thêm về bài đọc *Để cháu nắm tay ông*: Bài đọc nói về sự xúc động của cô bé Dương khi phát hiện ra người ông mà mình vô cùng yêu quý đã trở nên già yếu; cô bé có một suy nghĩ rất "người lớn" đó là muốn trở thành người che chở và bảo vệ ông.

– GV dặn dò HS: Hãy quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ những người thân yêu của mình, bởi không ai có thể khoẻ mạnh để chăm sóc chúng ta hay ở bên chúng ta mãi mãi. Cha mẹ, ông bà của chúng ta chắc chắn sẽ rất xúc động khi thấy chúng ta biết quan tâm như vậy.

TUẦN 13

Bài 23 TÔI YÊU EM TÔI (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Tôi yêu em tôi*; biết nghỉ hơi giữa các dòng thơ; giọng đọc thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ (nhân vật xưng "tôi" trong bài thơ) đối với em gái của mình.

b. Dựa vào từ ngữ, hình ảnh thơ và tranh ảnh minh hoạ, cảm nhận được vẻ đáng yêu của cô em gái qua cảm nhận của nhân vật "tôi" và tình cảm yêu quý nhau của hai anh em.

2. Biết trao đổi về nội dung, ý nghĩa của các câu tục ngữ nói về mối quan hệ anh chị em trong nhà; biết kể những việc đã làm cùng anh, chị, em và nêu cảm nghĩ khi làm việc cùng anh, chị, em. Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và đề tài được nói tới; có thái độ tự tin và có thói quen nhìn vào người nghe.

3. Viết đúng chính tả 4 khổ thơ trong bài *Tôi yêu em tôi* theo hình thức nghe – viết; trình bày đúng các đoạn thơ, biết viết hoa chữ cái mở đầu tên bài thơ và chữ cái đầu mỗi dòng thơ (viết đúng mẫu chữ viết hoa đã học ở lớp 2). Viết đúng từ ngữ chứa tiếng mở đầu bằng *r/ d/ gi* hoặc *ươn/ ương*.

4. Hình thành và phát triển tình cảm yêu quý, quan tâm đối với người thân trong gia đình, biết bày tỏ tình cảm với người thân qua lời nói, cử chỉ, hành động.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản thơ và một số điểm đặc trưng của thơ (thể hiện cảm xúc, tâm trạng; ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh; nhịp điệu, nội dung hàm ẩn;...).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ; băng đĩa về những việc anh – chị – em trong nhà thường làm cùng nhau.

– Phiếu bài tập chính tả (nếu có).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV có thể cho HS ôn bài cũ bằng một trong những cách sau đây:

– HS làm việc theo cặp, đọc nối tiếp câu chuyện *Để cháu nắm tay ông*, sau đó mỗi em nêu chi tiết khiến em cảm động.

– 2 – 3 HS đọc nối tiếp câu chuyện *Để cháu nắm tay ông* trước lớp, rồi lần lượt từng em trả lời câu hỏi cuối bài đọc theo yêu cầu của GV.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động (Chia sẻ với các bạn: *Em yêu nhất điều gì ở anh, chị hoặc em của mình*?). Bạn nào không có anh, chị hoặc chưa có em thì có thể nói về anh, chị, em họ.

– HS làm việc nhóm theo hướng dẫn của GV.

– GV nói: Các em đã được kể cho nhau nghe về anh, chị, em của mình. Bài học hôm nay, các em sẽ biết một bạn nhỏ cũng rất yêu em mình. Đó là bạn nhỏ trong bài thơ *Tôi yêu em tôi*.

– GV chiếu tranh minh hoạ bài thơ hoặc cho HS quan sát tranh minh hoạ trong SHS, nêu nội dung tranh.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các câu thơ có tiếng dễ phát âm sai (VD: *Nó vui nó thích*; *Hoa lan hoa lí*; *Nó thích vẽ lắm*;...).

+ Nghỉ hơi ở cuối mỗi dòng thơ.

+ Đọc diễn cảm các câu thơ (thể hiện được cảm xúc đang nhắc nhớ các kỉ niệm đã qua).

– 3 HS đọc nối tiếp 6 khổ thơ trước lớp (mỗi em đọc 2 khổ).

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt hoặc đọc nối tiếp theo cặp.

– 2 – 3 HS đọc nối tiếp 6 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Khổ thơ đầu cho biết bạn nhỏ yêu em gái về điều gì?*

– GV nêu câu hỏi và yêu cầu HS trao đổi theo cặp để chuẩn bị câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến, cả lớp và GV nhận xét.

Lưu ý: Câu này các em có thể có cách trả lời khác nhau. GV khích lệ HS mạnh dạn trả lời theo cách hiểu của mình.VD:

+ Bạn nhỏ yêu em gái vì em cười rúc rích mỗi khi bạn nhỏ nói đùa.

+ Bạn nhỏ yêu em gái vì em biết hưởng ứng một cách thích thú những câu đùa vui của mình.

+ Bạn nhỏ yêu em gái vì tiếng cười khúc khích của em rất đáng yêu mỗi khi nghe chuyện vui.

+ ,...

Câu 2. *Trong khổ thơ 2 và 3, bạn nhỏ tả em gái mình đáng yêu như thế nào?*

– GV hướng dẫn HS cách tìm câu trả lời.

– HS làm việc cá nhân: Đọc lại câu hỏi, đọc lại đoạn thơ 2, 3 để tìm chi tiết nói về vẻ đáng yêu của em gái bạn nhỏ (câu thơ tả mắt, tả miệng, tả cách làm điệu của em).

– HS làm việc theo cặp/ nhóm: Từng em nêu ý kiến rồi thống nhất câu trả lời.

– HS làm việc chung cả lớp: Một số em phát biểu ý kiến, GV và HS nhận xét, góp ý.

(Đáp án: Bạn nhỏ kể, tả về cô em gái của mình rất xinh đẹp, rất đáng yêu.

+ Mắt em: đen ngời, trong veo như nước

+ Miệng em: tươi hồng, nói như khướu hót

+ Cách làm điệu của em: hoa lan, hoa lí em nhặt cài đầu, hương thơm bay theo em từ sân trước tới vườn sau,...).

Câu 3. *Khổ thơ nào cho thấy bạn nhỏ được em gái rất yêu quý?*

– GV nêu câu hỏi 3, lấy ý kiến xung phong phát biểu của HS.

– GV và HS chốt câu trả lời. (Khổ thơ thứ tư, bạn nhỏ kể cô em gái rất mong, rất nhớ mỗi khi mình đi đâu lâu và khi trở về, em nấp sau cây chạy oà ra ôm chặt.)

– GV có thể mời 2 – 3 em đọc đồng thanh khổ thơ thứ tư.

Câu 4. *Chi tiết nào cho thấy bạn nhỏ rất hiểu sở thích, tính tình của em mình?*

– GV nêu câu hỏi 4, hướng dẫn HS tìm khổ thơ kể về sở thích của em gái và phát biểu ý kiến trước lớp.

– Một số HS phát biểu trước lớp. VD:

+ Bạn nhỏ biết em mình thích vẽ. Em vẽ thỏ phải có đôi, vì em sợ nếu chỉ vẽ một con, thỏ sẽ buồn vì không có bạn chơi cùng. Điều này cho thấy bạn rất hiểu tính nết của em.

+ Bạn nhỏ hiểu sở thích và tính nết của em gái. Em thích vẽ tranh. Em không muốn ai buồn, kể cả những con vật trong tranh em vẽ.

+ Bạn nhỏ biết em gái thích vẽ tranh. Bạn nhỏ hiểu tính nết của em gái: em yêu quý mọi người, mọi vật. Điều này thể hiện trong tranh em vẽ,...

Câu 5. *Bài thơ giúp em hiểu điều gì về tình cảm anh chị em trong gia đình?*

– GV nêu yêu cầu, HS suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời.

– GV mời một số HS phát biểu trước lớp. GV khích lệ HS nêu câu trả lời thể hiện suy nghĩ thực, cảm xúc thực của bản thân. VD:

+ Bài thơ thể hiện tình cảm anh chị em trong nhà rất cảm động.

+ Tình cảm anh em ruột thịt làm cho cuộc sống thêm đẹp, thêm vui.

+ ,...

– GV khen ngợi tất cả các ý kiến phát biểu.

4. Học thuộc lòng

GV hướng dẫn học thuộc lòng những khổ thơ yêu thích.

– Làm việc cá nhân: Đọc lại nhiều lần những khổ thơ em thích để học thuộc.

– Làm việc theo cặp, theo nhóm:

+ Đọc nối tiếp (hoặc đọc đồng thanh) từng câu thơ/ từng khổ thơ.

+ Câu thơ/ khổ thơ nào chưa thuộc, có thể mở SHS ra để xem lại.

– Làm việc chung cả lớp:

+ Một số HS xung phong đọc những khổ thơ mình đã thuộc.

+ Cả lớp hỗ trợ (nếu bạn quên) và góp ý, nhận xét.

NÓI VÀ NGHE

Tình cảm anh chị em

1. Cùng bạn trao đổi để hiểu nghĩa của các câu tục ngữ, ca dao.

– *Chị ngã, em nâng.*

– *Anh em như thể chân tay*

Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung để nói trước nhóm, trước lớp. Các em có thể viết ra giấy/ vở ô li các ý chính mình muốn trao đổi với các bạn.

– HS làm việc cá nhân: Từng em đọc các câu tục ngữ, ca dao, nêu cách hiểu của mình. Tập nói một mình trước khi trao đổi theo cặp hoặc trong nhóm.

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm (hoặc làm việc chung cả lớp): Một số em nói trước lớp, cả lớp nhận xét, góp ý. GV khích lệ, động viên HS mạnh dạn nói trước lớp. VD:

+ Các câu tục ngữ, ca dao cho ta biết: Anh chị em trong nhà phải che chở, giúp đỡ nhau lúc khó khăn, hoạn nạn.

+ Các câu tục ngữ, ca dao khuyên chúng ta: Anh chị em trong nhà cần giúp đỡ nhau lúc khó khăn, hoạn nạn; luôn bên nhau dù giàu hay nghèo, dù hay hay dở.

+ ,...

2. Kể về những việc em thường làm cùng với anh, chị hoặc em của mình. Nêu cảm nghĩ của em khi có anh, chị hoặc em làm việc cùng.

– HS quan sát và suy nghĩ về nội dung tranh minh hoạ (GV có thể nêu câu hỏi trước lớp: Mỗi bức tranh vẽ gì? Mỗi bức tranh muốn nói điều gì về mối quan hệ giữa anh chị em trong nhà?).

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm với 2 lựa chọn:

+ Kể về những việc em thường làm cùng với anh, chị hoặc em của em. Nêu cảm nghĩ của em khi có anh, chị hoặc em làm việc cùng.

+ Với các em hiện chưa có anh, chị hoặc em, có thể nói mình muốn có người anh, người chị hoặc người em như thế nào.

– Đại diện các nhóm trình bày trước lớp. GV nhắc HS điều cần nhớ được nêu trong SHS (Nói rõ ràng ý kiến của em; Lắng nghe bạn nói; Hỏi bạn những điều mình chưa hiểu,...).

– GV dựa trên các ý kiến của HS, giúp HS hiểu rằng: Khi làm việc cùng người thân cần biết nhường nhịn, hỗ trợ nhau. Qua công việc và trò chuyện trong lúc làm cùng, sẽ hiểu tính tình của người thân, tình cảm càng thêm gắn bó,...

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu 1: Nghe – viết 4 khổ thơ đầu của bài thơ *Tôi yêu em tôi.*

– GV (hoặc 1 HS) đọc một lần 4 khổ thơ sẽ viết chính tả.

– GV hướng dẫn HS đọc thầm lại 4 khổ thơ trong SHS.

– GV hướng dẫn HS:

+ Quan sát những dấu câu có trong mỗi khổ thơ và cách trình bày 4 khổ thơ (có thể cho HS quan sát trong SHS hoặc GV chiếu 4 khổ thơ lên màn hình).

+ Viết hoa chữ đầu tên bài, viết hoa chữ đầu mỗi câu thơ.

+ Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

– GV đọc tên bài, đọc từng câu thơ cho HS viết vào vở.

– GV đọc lại 4 khổ thơ cho HS soát lại bài viết. HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em viết đẹp, có nhiều tiến bộ.

2. Làm bài tập a hoặc b.

a. *Quan sát tranh, tìm và viết tên sự vật chứa tiếng bắt đầu bằng r, d hoặc gi.*

– 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập a (đọc cả mẫu).

– HS làm việc cá nhân: Quan sát các sự vật được vẽ trong tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật theo yêu cầu rồi viết vào vở bài tập hoặc vở ô li.

– HS làm việc chung:

+ Một số HS trình bày bài làm của mình.

+ Cả lớp đối chiếu kết quả theo hướng dẫn của GV. (VD: hàng rào, cây dừa, quả dừa, lá dừa, cây dứa, quả dứa, dưa hấu, giàn mướp, rau cải, hoa hướng dương, cà rốt, quả dâu tây, rổ, rá, dép,...)

b. *Nhìn tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật chứa tiếng có ươn hoặc ương.*

Cách thực hiện có thể tiến hành tương tự như cách làm bài tập a. (VD: mướp hương, đường đi, hoa hướng dương, lá hướng dương, vườn, vườn rau, khu vườn, cổng vườn,...)

3. Tìm thêm các từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *r, d, gi* (hoặc có vần *ươn, ương*).

HS làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu kết quả theo cặp hoặc nhóm. VD:

a. ra, ra rả, rì rà, rì rào, rộn ràng, reo vui,...; dỗi dào, dẻo dai, dùng dằng, dẫn đường,...; giặt giũ, giúp đỡ, tranh giành,...

b. bay lượn, vươn lên, bò trườn,....; vướng víu, nương rẫy, thương nhớ,...

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng: *Viết 2 – 3 câu về một việc em đã làm khiến người thân vui.*

– Suy nghĩ xem em đã làm điều gì khiến người thân vui? Người thân của em đã vui thế nào khi em làm việc đó? Khi người thân vui, em cảm thấy thế nào?

– Viết 2 – 3 câu theo yêu cầu.

CỦNG CỐ

– GV nhận xét về kết quả học tập Bài 23, động viên, khen ngợi HS học tập tích cực, HS học tập tiến bộ, có nhiều cố gắng.

– Dặn dò HS về nhà thực hiện hoạt động vận dụng.

Bài 24 BẠN NHỎ TRONG NHÀ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng, rõ ràng VB *Bạn nhỏ trong nhà*. Đọc diễn cảm câu, đoạn văn bộc lộ cảm xúc; đọc nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả (tả chú chó).

b. Hiểu nội dung chính của bài. Hiểu được ý nghĩa thể hiện qua bài đọc: Vật nuôi trong nhà là những người bạn của chúng ta. Tình cảm thân thiết, gắn bó giữa bạn nhỏ

và chú chó Cúp đã thể hiện rõ điều này. Qua đó khuyên các em biết yêu quý vật nuôi trong nhà.

c. Đọc mở rộng về những người bạn trong nhà (đồ đạc, vật nuôi,...) và viết được những thông tin về bài đọc vào phiếu đọc sách theo mẫu; chia sẻ về nội dung và chi tiết thú vị và cảm động.

2. Mở rộng vốn từ về bạn trong nhà (đồ đạc, vật nuôi); nhận biết câu văn, câu thơ có sử dụng biện pháp so sánh, tác dụng của biện pháp so sánh.

3. Viết được đoạn văn tả đồ vật theo gợi ý.

4. Bồi dưỡng cho HS tình yêu thương, quý trọng vật nuôi như những người bạn trong nhà. Có ý thức bảo vệ và chăm sóc vật nuôi.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Biện pháp so sánh: nhận diện câu văn, câu thơ có sử dụng biện pháp so sánh; tác dụng của biện pháp so sánh.

– Miêu tả đồ vật: tả các bộ phận của đồ vật; sử dụng biện pháp so sánh khi tả.

2. Phương tiện dạy học

– Phiếu học tập để ghi từ ngữ theo 2 nhóm (bài tập 1 phần Luyện tập).

– Sách, truyện phục vụ yêu cầu đọc mở rộng.

– Một số đồ vật quen thuộc để quan sát viết đoạn văn tả đồ vật.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc những khổ thơ mình thích trong bài *Tôi yêu em tôi*. Trả lời câu hỏi: Bài thơ cho em hiểu điều gì về tình cảm anh chị em trong gia đình?

ĐỌC

1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện HĐ: GV hỏi HS về những loài vật thường được nuôi ở gia đình các em.

– HS thực hiện theo cặp: Hỏi – đáp về những vật nuôi trong nhà (tên vật nuôi, đặc điểm của vật nuôi, cách chăm sóc,...).

– Giới thiệu bài mới: GV có thể cho HS xem tranh minh hoạ bài đọc. GV nói nội dung tranh, giới thiệu bài *Bạn nhỏ trong nhà*. (VD: Các em có thấy bạn nhỏ đang đọc sách không?; chú chó nhỏ ngồi trong lòng bạn ấy trông xinh quá. Chú chó tên là gì nhỉ? Chú đang nghe bạn nhỏ đọc sách phải không? Chúng ta cùng đọc bài *Bạn nhỏ trong nhà* để biết nhé.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm câu thể hiện tình cảm của bạn nhỏ và chú chó; nhấn giọng một số từ ngữ gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *tuyệt xinh, loáng ướt, ngoáy tít, khoanh tròn, quấn quýt,...*).

+ Đọc diễn cảm các câu bộc lộ cảm xúc: *Nó rúc vào chân tôi, nức lên những tiếng khe khẽ trong cổ, cái đuôi bé xíu ngoáy tít, hệt như một đứa trẻ làm nũng mẹ.; Mỗi khi tôi đi học về, Cúp chạy vọt ra, chồm hai chân trước lên mừng rỡ. Tôi cúi xuống vỗ về Cúp. Nó âu yếm dụi cái mõm ươn ướt, mềm mềm vào chân tôi.;...*

– 2 HS đọc nối tiếp cả bài: 1 HS đọc đoạn từ đầu đến *hệt như một đứa trẻ làm nũng mẹ*; 1 HS đọc đoạn còn lại.

– HS làm việc nhóm: Đọc nối tiếp như hướng dẫn ở trên.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 1 – 2 nhóm HS đọc trước lớp.

– 2 – 3 HS đọc cả bài.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– Hướng dẫn tìm hiểu từ ngữ: HS đọc từ ngữ theo cặp: một HS đọc từ ngữ – một HS đọc lời giải nghĩa.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cặp đôi, cá nhân để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.

– GV đọc từng câu hỏi, cho HS thảo luận nhóm hoặc mời một số HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần).

– GV và HS thống nhất câu trả lời. Cụ thể:

Câu 1. *Chú chó trông như thế nào trong ngày đầu tiên về nhà bạn nhỏ?*

Đáp án: Chú chó trông tuyệt xinh: lông trắng, khoang đen, đôi mắt tròn xoe và loáng ướt.

Câu 2. *Chú chó được đặt tên là gì và biết làm những gì?*

Đáp án: Chú chó được đặt tên là Cúp. Cúp biết chui vào gầm giường lấy trái banh; biết đem cho bạn nhỏ chiếc khăn lau nhà; biết giơ hai chân trước lên bắt tay.

Câu 3. *Em hãy nói về sở thích của chú chó.*

Đáp án: Chú chó thích nghe bạn nhỏ đọc truyện.

Câu 4. *Tìm những chi tiết thể hiện tình cảm giữa bạn nhỏ và chú chó. Em nghĩ gì về tình cảm đó?*

Đáp án: Chi tiết thể hiện tình cảm giữa bạn nhỏ và chú chó (tình cảm từ hai phía, bạn

nhỏ và Cúp). Bạn nhỏ đọc truyện cho chú chó nghe; mỗi khi chú chó chạy ra mừng, bạn nhỏ vỗ về chú; Chú chó rúc vào chân bạn nhỏ, đuôi ngoáy tít,... như làm nũng mẹ; Cúp chạy vọt ra mừng rỡ khi bạn nhỏ đi học về; chú âu yếm dụi mõm vào chân bạn nhỏ. Bạn nhỏ và Cúp ngày ngày quấn quýt bên nhau.

Với ý thứ hai của câu 4 (Em nghĩ gì về tình cảm đó?), đây là dạng câu hỏi mở, HS có thể có nhiều phương án trả lời. GV khuyến khích HS phát biểu suy nghĩ riêng của mình và chia sẻ, GV khen ngợi những phương án trả lời hay, thú vị.

– HS làm việc theo cặp/ nhóm.

– Một số HS phát biểu ý kiến.

– GV và HS nhận xét các câu trả lời, có thể nêu một số phương án, VD:

+ Đó là tình cảm đáng quý giữa bạn nhỏ và chú chó Cúp.

+ Tình cảm đó cho biết bạn nhỏ rất yêu quý chú chó và chúng ta nên học tập bạn ấy.

+ Tình cảm đó cho biết bạn ấy biết cách chăm sóc và chơi đùa với chú chó.

4. Luyện đọc lại

– Nghe GV đọc diễn cảm toàn bài.

– HS luyện đọc diễn cảm theo GV.

ĐỌC MỞ RỘNG

– Thời gian dành cho đọc mở rộng khoảng nửa tiết học.

– GV hướng dẫn HS làm phiếu đọc sách (có thể theo mẫu trong SHS) và ghi vào phiếu thông tin chung về VB đã đọc (ngày đọc, tên bài, tác giả), về nhân vật, sự việc được nói đến; Chi tiết em thấy thú vị hoặc cảm động; Chọn số ngôi sao để đánh giá mức độ yêu thích của em với VB đã đọc.

– HS làm việc cá nhân, ghi thông tin vào phiếu đọc sách.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ về nội dung và chi tiết làm em thấy thú vị và cảm động.

– Đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp.

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ ngữ về bạn trong nhà theo từng nhóm.

– GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập 1.

– GV hướng dẫn HS: Bạn trong nhà theo 2 nhóm là đồ đạc và vật nuôi (GV có thể giải thích vì sao lại gọi là bạn trong nhà: Vì đồ đạc và vật nuôi đều rất thân quen đối với bạn nhỏ trong nhà. Chúng, kể cả đồ đạc, dường như có tình cảm với chúng ta như những người bạn).

– HS làm việc nhóm: Đọc mẫu, tìm từ ngữ theo 2 nhóm, ghi vào vở hoặc phiếu học tập (nếu đã chuẩn bị).

– Đại diện một số nhóm đọc từ ngữ đã tìm được; các nhóm khác bổ sung.

– GV nhận xét, khen ngợi nhóm tìm được nhiều từ ngữ đúng. VD một số từ ngữ theo 2 nhóm:

Vật nuôi	Đồ đạc
M: mèo chó (chó Phú Quốc, chó Phốc, chó Chi-hua-hua,...); thỏ; chuột Ham-xtơ, chuột lang; các loại cá vàng; trâu, bò, lợn, gà,...	M: quạt điện bàn, ghế; tủ lạnh; nồi cơm điện; đèn bàn; ti vi; giá sách,...

2. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 2: Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS thực hiện:

+ HS đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi theo cặp: HS đọc thầm đoạn văn, trả lời câu hỏi, mỗi bạn trả lời một câu.

– Một số cặp HS trả lời trước lớp, mỗi HS trả lời một câu.

– GV cùng HS nhận xét, GV và HS chốt đáp án:

+ Cánh buồm trên sông được so sánh với con bướm nhỏ.

+ Nước sông nhấp nháy lúc nắng ửng hồng được ví với sao bay.

3. Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh so sánh trong các đoạn thơ.

– GV gọi 2 HS đọc yêu cầu của bài tập 3; hướng dẫn HS làm bài cá nhân: Đọc thầm từng đoạn thơ, tìm hình ảnh so sánh có trong mỗi đoạn thơ.

– HS làm việc theo nhóm: HS đọc đoạn thơ thứ nhất, nhóm trưởng mời một bạn nêu hình ảnh so sánh; nhóm nhận xét, thống nhất. Thực hiện tương tự với ba đoạn thơ còn lại.

– Đại diện 4 nhóm nêu hình ảnh so sánh: mỗi nhóm nêu hình ảnh so sánh trong một đoạn thơ. GV và HS nhận xét, thống nhất đáp án:

+ Hình ảnh so sánh trong đoạn thơ thứ nhất: Tàu cau như tay xoè rộng hứng mưa.

+ Hình ảnh so sánh trong đoạn thơ thứ hai: Trăng tròn như cái đĩa.

+ Hình ảnh so sánh trong đoạn thơ thứ ba: Sương trắng viền quanh núi như một chiếc khăn bông.

+ Hình ảnh so sánh trong đoạn thơ thứ tư: Lá cây mềm như mây.

– GV mời HS đọc lại các câu thơ có hình ảnh so sánh, nêu tác dụng của hình ảnh so sánh.

– HS làm việc nhóm. Nhóm trưởng mời các bạn đọc và nêu tác dụng của hình ảnh so sánh.

– Đại diện 2 nhóm nêu tác dụng của hình ảnh so sánh. GV và các bạn khác nhận xét. GV có thể nêu đáp án: Hình ảnh so sánh làm cho câu văn, câu thơ nêu đặc điểm, miêu tả người, sự vật,... cụ thể hơn, sinh động hơn, rõ hơn, dễ cảm nhận hơn. (VD: Trăng tròn như cái đĩa; Lá cây mềm như mây;...). Hình ảnh so sánh cũng giúp cho câu văn hay hơn, dễ hiểu hơn.

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Đọc bài *Cái đồng hồ* và thực hiện yêu cầu.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 1.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm.

– Cả nhóm đọc thầm bài *Cái đồng hồ*. Nhóm trưởng nêu yêu cầu, từng bạn phát biểu ý kiến:

a. *Tìm từ ngữ hoặc câu văn*

– Tả các bộ phận của đồng hồ (vỏ đồng hồ, kim đồng hồ,...).

– Tả âm thanh của đồng hồ (tiếng kim của đồng hồ, tiếng chuông của đồng hồ,...) HS nêu từ ngữ hoặc câu theo yêu cầu. Nhóm nhận xét, thống nhất.

– Đại diện một nhóm nêu từ ngữ hoặc câu văn tả các bộ phận của đồng hồ. Một nhóm nêu từ ngữ hoặc câu văn tả âm thanh của đồng hồ. GV và HS nhận xét, thống nhất đáp án:

Từ ngữ hoặc câu văn

– Tả các bộ phận của đồng hồ (vỏ đồng hồ: bằng nhựa màu trắng; kim đồng hồ: đặc biệt là tối không có đèn, hai cái kim của nó cứ sáng loé lên như đom đóm, chạy rất đều rất đúng).

– Tả âm thanh của đồng hồ (tiếng kim đồng hồ: tí ta tí tách; tiếng chuông đồng hồ: reo vang nhà, tiếng chuông reo "ác" thật, vang và trong như dế cộ gáy sau đêm mưa).

b. *Tìm câu văn có hình ảnh so sánh*

– 1 HS đọc yêu cầu: Tìm câu văn có hình ảnh so sánh trong bài *Cái đồng hồ*.

– GV hướng dẫn làm việc nhóm: Từng thành viên đọc thầm bài, nêu câu có hình ảnh so sánh, nhóm thống nhất.

– HS làm việc theo nhóm: Tìm và thống nhất câu có hình ảnh so sánh, viết vào giấy nháp hoặc vở.

– Đại diện một nhóm đọc câu nhóm đã thống nhất. GV và các nhóm khác nhận xét. GV nêu đáp án (các câu có hình ảnh so sánh):

+ Đồng hồ nhà tôi có tiếng chuông reo "ác" thật, vang và trong như dế cộ gáy sau đêm mưa.

+ Đặc biệt là tối không có đèn, hai cái kim của nó cứ sáng loé lên như đom đóm.

2. Viết đoạn văn tả đồ vật.

– GV hướng dẫn HS quan sát đồ vật định tả, dựa vào nội dung đã thực hiện ở bài tập 1 và gợi ý trong SHS, dựa vào cách quan sát và ghi chép đã thực hiện ở bài tập 1, viết đoạn văn tả đồ vật.

– HS làm việc cá nhân: Quan sát đồ vật, viết từng câu tả đồ vật theo từng mục trong sơ đồ gợi ý. GV nhắc HS viết câu có đủ hai bộ phận, câu có hình ảnh so sánh. (VD tả cặp

sách: Hằng ngày, chiếc cặp sách như người bạn thân cùng em tới trường; Bên trong cặp còn có một ngăn nhỏ như quyển vở để đựng dụng cụ học tập,...)

Lưu ý: Có thể chọn tả những bộ phận, chi tiết có đặc điểm nổi bật.

– Một số HS đọc bài trước lớp. GV và HS nhận xét, sửa lỗi.

– Làm việc theo cặp đôi: Trao đổi bài và soát lỗi.

– HS sửa lỗi và viết lại đoạn văn.

– VD đoạn văn tả chú lật đật: Hôm qua là sinh nhật của em, mẹ tặng em một chú lật đật. Trông chú thật ngộ nghĩnh và đáng yêu. Thân chú mập ú, cứ như một cậu bé bụ sữa. Chú mặc một cái áo màu đỏ tươi. Đầu chú lật đật tròn tròn, đội một cái mũ với đường viền như mũ len của em bé. Mấy lọn tóc vàng lộ ra dưới viền mũ thật dễ thương. Khuôn mặt chú lật đật tròn, đôi mắt cũng tròn xoe, luôn mở to, xanh như hai viên bi ve. Chú đang liếc mắt về bên phải, có vẻ nhìn thấy điều gì đó lạ lắm. Cái mũi hếch, cái miệng nhỏ nhắn lúc nào cũng nhoẻn nụ cười tươi.

VẬN DỤNG

– HS về nhà đọc đoạn văn tả đồ vật cho người thân nghe và xin ý kiến nhận xét góp ý: từ ngữ sử dụng chưa chính xác, chưa hay và nêu từ ngữ thay thế; góp ý để viết câu văn có hình ảnh so sánh.

– Viết lại đoạn văn tả đồ vật theo góp ý của người thân.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài đọc:

+ Nội dung và ý nghĩa của bài đọc *Bạn nhỏ trong nhà.*

+ Mở rộng vốn từ về bạn trong nhà (đồ đạc, vật nuôi); biện pháp so sánh và tác dụng của biện pháp so sánh.

+ Viết đoạn văn tả đồ vật theo gợi ý.

– GV nhận xét về kết quả học tập Bài 24, động viên, khen ngợi HS học tập tích cực, HS học tập tiến bộ, có nhiều cố gắng.

CỘNG ĐỒNG GẮN BÓ

TUẦN 14

Bài 25 NHỮNG BẬC ĐÁ CHẠM MÂY (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Những bậc đá chạm mây*, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu, biết nhấn giọng ở những từ ngữ nói về những khó khăn gian khổ, những từ ngữ thể hiện cảm xúc, quyết tâm của nhân vật trong câu chuyện.

b. Nhận biết được các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm của nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, việc làm của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Trong cuộc sống, có những người rất đáng trân trọng vì họ biết sống vì cộng đồng.

2. Kể lại được từng đoạn câu chuyện *Những bậc đá chạm mây* dựa theo tranh và lời gợi ý (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện trong bài đọc).

3. Viết đúng chính tả một đoạn trong câu chuyện *Những bậc đá chạm mây* (theo hình thức nghe – viết) trong khoảng 15 phút. Viết đúng từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng *ch/ tr* hoặc tiếng có *ăn/ ăng*).

4. Bồi dưỡng tình cảm yêu quý, trân trọng đối với những người biết sống vì mọi người. Biết kể lại những chi tiết yêu thích trong câu chuyện *Những bậc đá chạm mây* cho người thân nghe.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (địa điểm, thời gian, trình tự các sự việc, suy nghĩ và hành động của nhân vật). Nghệ thuật kể và tả trong văn kể chuyện.

– Phương pháp đọc hiểu văn bản đa phương thức.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Những bậc đá chạm mây,* đặc biệt là tranh phục vụ cho hoạt động kể chuyện.

– Tranh minh hoạ cho bài tập chính tả.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV có thể cho HS ôn bài cũ bằng một trong những cách sau đây:

– HS làm việc theo nhóm, đọc nối tiếp câu chuyện *Bạn nhỏ trong nhà*, sau đó mỗi em sẽ nêu một đặc điểm của chú chó.

– 2 – 3 em đọc nối tiếp câu chuyện *Bạn nhỏ trong nhà* trước lớp rồi lần lượt từng em trả lời câu hỏi cuối bài đọc theo yêu cầu của GV.

GIỚI THIỆU CHỦ ĐIỂM

GV giới thiệu chủ điểm *Cộng đồng gắn bó*. (VD: Ở chủ điểm *Cộng đồng gắn bó*, các em sẽ được đọc những câu chuyện, bài thơ, bài văn,... viết về lối sống, công việc, cách ứng xử của mọi người trong cộng đồng đối với nhau và đối với công việc chung. Qua việc tìm hiểu các bài học, các em sẽ tích luỹ được cho mình những bài học bổ ích.)

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm: Từng em kể về một người mà mình cảm phục.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp (nêu rõ cảm nghĩ của mình về người được nói tới).

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– HS (2 – 3 em) lần lượt phát biểu ý kiến trước lớp (nhấn mạnh chi tiết về công việc, hành động và ý nghĩa việc làm của nhân vật).

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc (VD: Tranh vẽ một người đàn ông cao tuổi đang khuân tảng đá nặng trên dốc núi đá, một số thanh niên trai tráng đang làm cùng ông). Sau đó GV giới thiệu khái quát câu chuyện *Những bậc đá chạm mây*. (VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc một câu chuyện cổ tích Việt Nam của tác giả Nguyễn Đổng Chi – câu chuyện *Những bậc đá chạm mây*. Các em sẽ đọc kĩ để hiểu câu chuyện kể về ai, họ đã làm gì, vì sao họ được mọi người yêu quý,...)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *dưới chân núi Hồng Lĩnh, cuốn phăng đi tất cả thuyền bè; vì hễ gặp việc gì khó, ông đều đảm đương gánh vác...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Người ta gọi ông là cố Đương/ vì /hễ gặp việc gì khó,/ ông đều đảm đương gánh vác.// Thấy lên núi phải đi đường vòng,/ ông bàn với*

mọi người/ ghép đá thành bậc thang vượt dốc/ để có được con đường ngắn như mong muốn,...

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp. (GV kết hợp giải nghĩa từ *cố, truông* khi HS đọc từng đoạn: HS đọc mục Từ ngữ trong SHS. GV giải nghĩa "không sờn lòng": không lung lay/ không nản lòng trước khó khăn, thử thách.)

– HS làm việc nhóm (4 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc thầm toàn bài một lượt.

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Vì sao ngày xưa người dân dưới chân núi Hồng Lĩnh phải bỏ nghề đánh cá, lên núi kiếm củi?*

a. *Vì lên núi kiếm củi đỡ vất vả hơn đánh cá.*

b. *Vì vùng biển gần đó thường xuyên có bão lớn.*

c. *Vì tất cả thuyền bè của họ bị bão cuốn mất.*

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi, 1 HS đọc 3 phương án a, b, c.

– HS làm việc cá nhân, suy nghĩ lựa chọn câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất lựa chọn phương án a, b hoặc c.

– Một số HS phát biểu ý kiến. GV và HS thống nhất đáp án: phương án c.

– GV nói rõ hơn: Câu chuyện kể về cuộc sống của người dân thuở xưa còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Khi bão cuốn đi mất nhà cửa, thuyền bè, chài lưới, không còn gì để sinh sống, họ chỉ còn biết lên núi kiếm củi bán lấy tiền sinh sống.

Câu 2. *Vì sao cố Đương có ý định ghép đá thành bậc thang lên núi?*

– GV cho HS đọc đoạn 2 và đoạn 3 để chuẩn bị câu trả lời.

– HS làm việc theo cặp, chuẩn bị câu trả lời phát biểu trước lớp.

– 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. (VD: Cố Đương là một người luôn sẵn lòng đương đầu với khó khăn, bất kể là việc của ai. Thương dân làng phải đi đường vòng rất xa để lên núi kiếm củi, ông đã một mình tìm cách làm đường. Ông đã có sáng kiến ghép đá thành bậc thang vượt dốc để có được con đường lên núi như mong muốn.)

– GV khích lệ HS có những cách diễn đạt khác nhau, khen ngợi những HS trả lời đúng.

Câu 3. *Công việc làm đường của cố Đương diễn ra như thế nào?*

GV hướng dẫn HS cách thực hiện:

Bước 1: Làm việc cá nhân.

+ Đọc yêu cầu của câu 3.

+ Đọc kĩ đoạn 3 và quan sát tranh.

+ Ghi tóm tắt quá trình làm con đường lên núi ghép bằng đá tảng của cố Đương

(Từ lúc ông làm một mình, tới lúc có nhiều người trong xóm tình nguyện đến làm cùng).

Bước 2: Làm việc nhóm.

+ Từng bạn phát biểu ý kiến, cả nhóm góm ý.

+ Cử một bạn trình bày ý kiến của nhóm trước lớp.

Bước 3: Làm việc cả lớp.

+ 2 – 3 HS phát biểu.

VD: Mặc dù ý định ghép đá thành bậc thang vượt dốc, lên núi không ai tin có thể thành công, nhưng cố Đương không sờn lòng, vẫn quyết tâm làm. Thấy ông đói, những con vượn mang hoa quả đến cho ông. Chim chóc thay nhau ca hát để ông quên mệt. Về sau, nhiều người trong xóm tình nguyện đến làm cùng ông. Con đường lên núi đã hoàn thành sau năm năm trời.

+ GV và HS nhận xét, góp ý.

Câu 4. *Hình ảnh "những bậc đá chạm mây" nói lên điều gì về việc làm của cố Đương?*

– HS làm việc cá nhân, có thể viết ra suy nghĩ của mình.

– Làm việc nhóm: từng cá nhân nêu ý kiến, cả nhóm bầu 1 bạn thay mặt nhóm trình bày ý kiến trước lớp.

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV khích lệ HS mạnh dạn nêu lên suy nghĩ của mình, các ý kiến có thể khác nhau vì mỗi người có cách cảm nhận riêng. (VD: *Hình ảnh "những bậc đá chạm mây"* khiến người đọc hình dung con đường lên núi rất cao. Con đường càng cao, càng cho thấy công sức lớn lao của cố Đương và của những người tham gia làm đường./ Hình ảnh "những bậc đá chạm mây" cho thấy con đường lên núi rất cao, như thể chạm đến cả trời. Hình ảnh đó nói lên công lao của cố Đương vô cùng to lớn./ Hình ảnh đó thể hiện sức mạnh kì diệu của bàn tay và ý chí của con người/,...)

– GV khen ngợi các em mạnh dạn nêu ý kiến trước lớp và có cách hiểu đúng. GV có thể tổng kết các ý kiến của HS và nói thêm: Tên của bài đọc tạo nên ấn tượng đẹp cho người đọc về một con đường được tạo nên từ bàn tay, ý chí và tấm lòng cao đẹp của một ông lão bình dị nơi xóm nhỏ xa vắng. Câu chuyện khiến ai đọc cũng thấy cảm động trước những con người như cố Đương.

Câu 5. *Đóng vai một người dân trong xóm, giới thiệu về cố Đương.*

– GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS làm việc trong nhóm, từng em đóng vai người dân giới thiệu về cố Đương, các em khác đóng vai người khách đi qua Truông Ghép.

– Một số nhóm "trình diễn" trước lớp. GV khích lệ HS đã có cách giới thiệu tự nhiên, đúng với nhân vật.

4. Luyện đọc lại

– Nghe GV đọc diễn cảm toàn bài.

– HS luyện đọc diễn cảm theo GV.

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện *Những bậc đá chạm mây*

1. Quan sát tranh minh hoạ, nói về sự việc trong từng tranh.

– HS đọc yêu cầu 1, làm việc theo cặp để nói về sự việc trong từng tranh.

VD:

+ Tranh 1: Cảnh bão cuốn mất nhà cửa, thuyền bè của người dân ở một làng chài.

+ Tranh 2: Cảnh người dân đi kiếm củi trên núi phải đi đường vòng rất xa.

+ Tranh 3: Cảnh cố Đương một mình khuân đá làm đường lên núi.

+ Tranh 4: Cảnh người dân làm đường lên núi cùng cố Đương, con đường đã chạm mây.

– Một số em phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV khen ngợi các em nhớ các sự việc, tình tiết trong câu chuyện.

2. Kể lại từng đoạn câu chuyện theo tranh.

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc theo cặp để cùng nhau nhắc lại các sự việc thể hiện trong mỗi tranh và tập kể thành đoạn; lần lượt kể theo 4 tranh.

+ Bước 2: HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm (kể nối tiếp các đoạn hoặc mỗi em kể toàn bộ câu chuyện rồi góp ý cho nhau).

– GV mời một HS xung phong kể toàn bộ câu chuyện hoặc mời 2 – 4 HS kể nối tiếp 4 đoạn của câu chuyện trước lớp. Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết: *Những bậc đá chạm mây* (từ *Sau năm lần sim ra quả* đến hết). GV (hoặc HS) đọc một lần đoạn văn sẽ viết chính tả.

– GV hướng dẫn HS đọc thầm lại đoạn văn trong SHS và mời một HS đọc trước lớp.

– GV hướng dẫn HS:

+ Quan sát đoạn văn sẽ viết một lần nữa (có thể cho HS nhìn trong SHS hoặc GV chiếu đoạn văn lên màn hình), giúp các em:

+ Biết các dấu câu được sử dụng trong đoạn.

+ Chú ý viết hoa chữ đầu tên bài, viết hoa chữ đầu mỗi câu.

+ Chú ý viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

– GV đọc tên bài, đọc từng câu/ đọc lại từng vế câu/ cụm từ cho HS viết vào vở.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

2. Làm bài tập a hoặc b.

GV hướng dẫn chọn yêu cầu a hoặc b.

a. *Chọn ch hoặc tr thay cho ô vuông.*

– HS làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu kết quả theo nhóm.

– GV tổ chức cho HS chữa bài theo cách tạo ấn tượng cho HS (ví dụ viết sẵn đoạn thơ trên bảng, mời HS lần lượt lên điền *ch/ tr* vào từng chỗ trống.

– Thống nhất kết quả.

(Gà **trống**.../ Mặt **trời**.../ ... câu **chào**/ Buổi **trưa trên** cao / Mặt **trời**.../ ... mây **trắng**/ Buổi **chiều**... / Mặt **trời**.../ **Chẳng** về...)

b. *Quan sát tranh, tìm từ ngữ có tiếng chứa ăn hoặc ăng.* **M**: rặng tre

– HS làm việc nhóm:

+ Cùng nhau quan sát tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật hoặc hoạt động trong tranh có từ ngữ theo yêu cầu.

+ Đối chiếu kết quả với nhóm khác.

– Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài, cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung thêm từ ngữ.

– GV chốt đáp án trên bảng lớp kết hợp chỉ vào hình ảnh trong tranh. (VD: rặng tre, măng tre, tia nắng, con thằn lằn, con rắn, con trăn, ăn cỏ,...)

3. Tìm thêm các từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *ch, tr* (hoặc chứa *ăn, ăng*).

– HS làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu kết quả theo nhóm.

– GV quan sát để có hỗ trợ phù hợp. GV có thể đưa thêm một số từ ngữ mà bức tranh gợi ra như: rừng vắng, vắng vẻ, lặng lẽ, yên ắng,...

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

– Em nên mở SHS cho người thân xem tranh minh hoạ câu chuyện và đoán nội dung tranh.

– Kể cho người thân nghe một vài đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện (có thể kết hợp chỉ vào sự việc được thể hiện trong từng tranh). Em cũng có thể nói về nhân vật em yêu thích trong câu chuyện.

– Trao đổi với người thân về ý nghĩa của câu chuyện.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng cách nêu câu hỏi xem HS nhớ được những gì về bài đọc và viết đã học trong 3 tiết.

– GV có thể nói rõ thêm: Bài đọc *Những bậc đá chạm mây* giúp các em hiểu rằng mỗi người sống trong cuộc đời, ngoài các việc riêng cần làm, còn cần tích cực tham gia vào công việc chung của cộng đồng. Làm được như vậy, cuộc sống sẽ tốt đẹp, chúng ta sẽ cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc hơn.

Bài 26 ĐI TÌM MẶT TRỜI (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Đi tìm mặt trời*. Bước đầu biết thể tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện qua giọng đọc, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

b. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm của các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, việc làm của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Trong cuộc sống, có những người rất đáng trân trọng vì họ biết sống vì cộng đồng.

2. Viết đúng chữ viết hoa L cỡ nhỏ, viết đúng từ ngữ và câu ứng dụng có chữ viết hoa L.

3. Nhận biết từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau và tìm được những từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau dựa vào gợi ý. Đặt được câu khiến phù hợp tình huống.

4. Viết được đoạn văn nêu lí do em thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

5. Hình thành và phát triển tình cảm yêu quý, trân trọng đối với những người biết sống vì mọi người như các nhân vật trong câu chuyện *Đi tìm mặt trời*.

6. Đọc mở rộng theo yêu cầu (tự tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về một nghề nghiệp hoặc công việc nào đó).

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (địa điểm, thời gian, trình tự các sự việc, suy nghĩ và hành động của nhân vật). Nghệ thuật kể và tả trong văn kể chuyện.

– Phương pháp đọc hiểu văn bản đa phương thức.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Đi tìm mặt trời*, đặc biệt là tranh thể hiện hành trình đi tìm mặt trời của gà trống (nếu có).

– Mẫu chữ viết hoa L.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV có thể cho HS ôn bài cũ bằng một trong những cách sau đây:

– HS làm việc theo nhóm, đọc nối tiếp câu chuyện *Những bậc đá chạm mây*, sau đó mỗi em sẽ nêu chi tiết khiến em nhớ nhất.

– 2 – 3 em đọc nối tiếp câu chuyện *Những bậc đá chạm mây* trước lớp rồi lần lượt từng em trả lời câu hỏi cuối bài đọc theo yêu cầu của GV.

ĐỌC

1. Khởi động

– HS làm việc theo nhóm:

+ Đọc yêu cầu (*Hãy tưởng tượng: Nếu không có mặt trời, điều gì sẽ xảy ra?*)

+ Từng em trong nhóm phát biểu ý kiến. Nhóm trưởng tập hợp tất cả các ý kiến, sau đó cùng nhau chọn ra các ý các em thấy thú vị. (VD: Trái đất sẽ tối đen. Phải bật đèn/ thắp nến suốt. Không phân biệt ngày với đêm nên phải quy định hoặc thống nhất thời gian đi làm/ đi học và thời gian đi ngủ,...)

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc. (VD: Tranh vẽ gà trống đứng trên cây rất cao gáy vang, chắc đang gọi mặt trời thức dậy chiếu ánh sáng cho muôn nơi trên mặt đất), sau đó GV giới thiệu khái quát câu chuyện *Đi tìm mặt trời* (VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc câu chuyện *Đi tìm mặt trời*. Các em sẽ đọc kĩ để hiểu câu chuyện kể về những nhân vật nào, chuyện gì đã xảy ra, ai là người đứng ra lo liệu việc chung,...)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *gõ cửa, nhận lời, rừng nứa, rừng lim,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Gà trống bay đến cây chò cao nhất,/ nhìn lên/ thấy mây bồng bềnh và sao nhấp nháy.; Mặt trời/ vươn những cánh tay ánh sáng/ đính lên đầu gà trống một cụm lửa hồng,...*

+ Đọc diễn cảm tiếng kêu của gà trống: *"Trời đất ơi... ơi...!"*.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Vì sao gõ kiến phải đi các nhà hỏi xem ai có thể đi tìm mặt trời?*

– GV nêu câu hỏi (có thể giải thích thêm: Các em biết chim gõ kiến có mỏ cứng, hay gõ "cộc, cộc..." vào thân cây để bắt kiến. Nhà văn Vũ Tú Nam đã chọn chim gõ kiến làm nhiệm vụ đi gõ cửa khắp các nhà của cư dân trong rừng là vì vậy), yêu cầu HS chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến, GV động viên HS trả lời câu theo các cách khác nhau.

VD: Gõ kiến phải gõ cửa các nhà hỏi xem ai có thể đi tìm mặt trời vì:

+ Muôn loài khổ sở khi phải sống trong cảnh tối tăm, ẩm ướt,...

+ Muôn loài phải sống trong cảnh tối tăm, lạnh lẽo đã lâu,...

– GV nhận xét, và nói rõ hơn: Muôn loài trong rừng lâu nay phải sống trong cảnh tối tăm, ẩm ướt. Cuộc sống vô cùng khổ sở khi không có ánh sáng, không nhìn thấy nhau, chỗ nào cũng ẩm ướt, lạnh lẽo,... Vì thế, gõ kiến được giao nhiệm vụ đến các nhà hỏi xem ai có thể đi tìm mặt trời, mong cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

Câu 2. *Gõ kiến đã gặp những ai để nhờ đi tìm mặt trời? Kết quả ra sao?*

– GV nói: Các em hãy làm việc theo cặp, đọc kĩ lại đoạn 1.

– HS làm việc theo cặp, chuẩn bị câu trả lời phát biểu trước lớp.

– 2 – 3 HS trả lời câu hỏi (VD: Gõ kiến đã gặp chim công, liếu điếu, chích choè nhờ đi tìm mặt trời, nhưng tất cả đều mải làm việc riêng. Chỉ có gà trống nhận lời đi tìm mặt trời).

– GV khích lệ HS có câu trả lời diễn đạt khác nhau. (VD: Gõ kiến gõ cửa rất nhiều nhà – nhà công, nhà liếu điếu, nhà chích choè và nhiều nhà khác.). GV giải thích về dấu ba chấm (...) cho biết gõ kiến còn đến nhiều nhà khác nhưng không thể kể hết ra. Nhưng tất cả đều mải việc riêng, không ai đi. Chỉ có gà trống sẵn sàng đi tìm mặt trời.

Câu 3. *Kể lại hành trình đi tìm mặt trời đầy gian nan của gà trống.*

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện:

Bước 1: Làm việc cá nhân.

+ Đọc yêu cầu của câu 3.

+ Đọc kĩ đoạn 2.

+ Có thể vẽ (sơ đồ) và ghi rõ các địa điểm thể hiện những chặng đường gà trống đã qua trong hành trình đi tìm mặt trời; đọc tên các địa điểm, nhớ trình tự của hành trình (nơi nào đến trước, nơi nào đến sau).

Bước 2: Làm việc nhóm.

+ Từng bạn phát biểu ý kiến, cả nhóm góp ý.

+ Cử bạn trình bày ý kiến trước lớp.

Bước 3: Làm việc cả lớp.

+ 2 – 3 HS phát biểu.

+ GV và cả lớp nhận xét, góp ý. Câu trả lời cần nêu đúng trình tự các địa điểm gà trống đã bay qua và những khó khăn, gian khổ trong thời gian chờ đợi mặt trời. (VD: Gió lạnh ù ù. Mấy lần gà trống suýt ngã, phải quắp những ngón chân thật chặt vào thân cây.)

Câu 4. *Theo em, vì sao gà trống được mặt trời tặng một cụm lửa hồng?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp về câu trả lời của mình.

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp. GV khích lệ HS nêu câu trả lời theo cách hiểu, cách nói của mình.

(VD: – Vì tiếng gọi của gà trống chứa đầy cảm xúc thương xót các bạn trong rừng khiến mặt trời cảm động./ Vì mặt trời cảm động trước sự tận tâm vì cộng đồng của gà trống./ Vì mặt trời xúc động khi thấy gà trống kiên cường, kiên nhẫn, hết mình vì công việc chung./...)

Câu 5. *Câu chuyện muốn nói điều gì?*

– GV mời 4 HS đọc nối tiếp câu hỏi và 3 phương án trả lời.

– GV hướng dẫn cách làm:

+ Làm việc cá nhân: đọc câu hỏi 5, chọn phương án trả lời mình cho là đúng nhất (hoặc nêu ý kiến khác theo cách hiểu của riêng mình).

+ Làm việc nhóm: Từng cá nhân nêu ý kiến (nêu phương án mình chọn hoặc nêu ý kiến thể hiện cách hiểu riêng của mình), có thể giải thích vì sao mình chọn ý kiến đó.).

– Cả lớp: Một số nhóm trưởng nêu các phương án trả lời mà các bạn trong nhóm đã chọn; GV và cả lớp nhận xét, góp ý. (Phương án c là phù hợp nhất với chủ điểm đang học). GV hỏi HS nào có ý kiến khác, ý kiến riêng thì mạnh dạn chia sẻ.

4. Luyện đọc lại

– Nghe GV đọc diễn cảm toàn bài.

– HS luyện đọc diễn cảm theo hướng dẫn của GV.

VIẾT

1. Ôn chữ viết hoa

– GV nêu tên bài học: Ôn chữ viết hoa *L* (GV nhắc HS nhớ lại cách viết chữ viết hoa đã được luyện viết từ lớp 2). Trong khoảng nửa tiết học, các em ôn lại cách viết chữ viết hoa *L* và viết ứng dụng.

– GV viết mẫu, kết hợp nhắc lại cách viết các chữ viết hoa (hoặc cho HS quan sát clip hướng dẫn viết chữ viết hoa *L*).

– HS viết chữ viết hoa *L* ra nháp trước khi viết vào vở ô li theo hướng dẫn.

– HS viết chữ viết hoa *L* theo yêu cầu (về số chữ) vào vở.

– GV nhận xét chữ viết của HS.

2. Viết ứng dụng

a. *Viết tên riêng*

– HS đọc tên riêng: *Lam Sơn.*

– HS viết tên riêng *Lam Sơn* vào vở.

– GV giới thiệu với HS: Lam Sơn là tên gọi của ngọn núi thuộc tỉnh Thanh Hoá, nơi đây từng là vùng căn cứ đầu tiên của nghĩa quân Lam Sơn chống giặc Minh, vào đầu thế kỉ XV.

b. *Viết câu*

– HS đọc thầm câu ứng dụng:

Cao nhất là núi Lam Sơn
Có ông Lê Lợi chặn đường giặc Minh.

GV có thể giới thiệu thêm về Lê Lợi – người đã thành lập đội quân chiến đấu chống giặc Minh xâm lược, ông được coi là anh hùng, vị vua có tài năng quân sự,.... Câu ca dao ca ngợi Lê Lợi, lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh. Sau khi đuổi hết giặc Minh về nước, Lê Lợi lên ngôi vua, lập ra nhà Lê.

– GV nhắc HS trong câu ứng dụng có các chữ viết hoa *C, L, S, M*. Lưu ý HS viết đúng chính tả các chữ như *núi, Lê Lợi, chặn, đường* và cách viết lùi đầu dòng ở thể thơ lục bát.

– HS viết câu ứng dụng vào vở.

– HS góp ý cho nhau theo cặp hoặc theo nhóm.

– GV lựa chọn một số bài viết của HS chiếu lên màn hình, cả lớp nhận xét, sửa chữa. GV động viên những HS viết đẹp, tiến bộ.

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm những từ có nghĩa trái ngược nhau.

Ở bài tập 1, GV có thể chuẩn bị các thẻ từ để tổ chức HĐ học tập tìm từ có nghĩa trái ngược nhau trong nhóm (hoặc tổ chức hoạt động thi tìm từ có nghĩa trái ngược nhau giữa các nhóm).

– 1– 2 HS đọc yêu cầu của bài tập 1 và mẫu (*vui – buồn*).

– GV có thể cho các em thử tìm 2 từ có nghĩa trái ngược nhau trong số các từ đã cho.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện: Làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu theo cặp hoặc theo nhóm, thống nhất đáp án.

– GV tổ chức chữa bài chung cả lớp: Mời 1 HS lên làm bài hoặc có thể chiếu đáp án trên màn hình (nếu có phương tiện). Nếu GV chuẩn bị được các thẻ từ thì cho HS tìm các thẻ theo cặp từ trái nghĩa.

– GV chốt đáp án: vui – buồn; đẹp – xấu; nóng – lạnh; lớn – bé. Khen ngợi các em làm bài có kết quả đúng và nhanh.

2. Tìm từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau.

Ở bài tập 2, GV có thể chuẩn bị các phiếu học tập theo nhóm để tổ chức HĐ học tập tìm từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau trong nhóm (hoặc tổ chức hoạt động thi tìm từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau giữa các nhóm).

– GV có thể hỏi HS: Các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau các em vừa tìm ở bài tập 1 là từ chỉ sự vật, hoạt động hay đặc điểm? (Đáp án: Đều là các từ chỉ đặc điểm).

– 1– 2 HS đọc yêu cầu của bài tập 2 và mẫu (*nhanh – chậm*). (GV có thể giải thích: 2 từ nhanh – chậm gắn với câu chuyện về cuộc chạy thi giữa rùa và thỏ).

– GV có thể cho các em thử làm mẫu trước lớp, tìm 2 từ có nghĩa trái ngược nhau. GV có thể hướng dẫn HS cách tìm: tìm 1 từ chỉ đặc điểm rồi tìm từ có nghĩa trái ngược nhau với từ đó. Các em có thể quan sát kĩ bức tranh minh hoạ câu chuyện *Rùa và thỏ* để tìm từ ngữ.

– 1 – 2 em HS làm mẫu trước lớp, sau đó HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả.

– Một số em đại diện nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.

(HS có thể tìm được các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau như: nhanh – chậm, cao – thấp, lớn – bé; to – nhỏ; gần – xa; dài – ngắn; chăm chỉ – lười biếng; già – trẻ,...)

3. Đặt câu khiến.

– GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập 3, cả lớp nhìn vào sách đọc thầm theo (hoặc chiếu yêu cầu bài tập 3 lên màn hình, nếu có).

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập 3:

+ HS làm việc cá nhân: Suy nghĩ, tự đặt các câu khiến phù hợp với mỗi tình huống và nhân vật của câu chuyện *Đi tìm mặt trời.* (Có thể đặt câu rồi viết vào vở ô li hoặc vở bài tập).

+ Làm việc theo nhóm: Mỗi em đọc các câu mình đã đặt để cả nhóm nhận xét, góp ý. (GV đi các nhóm, ghi chép các câu hay, có sáng tạo hoặc câu chưa đúng để chữa chung trước lớp hoặc chữa bài riêng cho những em đặt câu chưa đúng yêu cầu.)

– GV mời một số HS trình bày kết quả làm việc của mình trước lớp. GV và HS nhận xét, góp ý.

(Đáp án:

a. *Đóng vai gõ kiến, đến nhờ công, liếu điếu hoặc chích choè đi tìm mặt trời.*

VD: Công ơi, công đi tìm mặt trời giúp cư dân trong cánh rừng của chúng ta nhé./

Công ơi, hãy tìm mặt trời cứu cư dân trong rừng nhé./ Công hãy tìm mặt trời chiếu ánh sáng cho khu rừng của chúng ta nhé./,...

b. *Đóng vai gà trống, nói lời đề nghị mặt trời chiếu ánh sáng cho khu rừng tối tăm, ẩm ướt.*

VD: Thưa mặt trời, mong ông hãy chiếu ánh sáng cho khu rừng tối tăm, ẩm ướt, cứu giúp muôn loài./,...

– GV chốt lại nội dung cần nhớ trong bài học (từ có nghĩa trái ngược nhau và câu khiến nêu yêu cầu, đề nghị). GV khen ngợi các cá nhân hoặc nhóm làm đúng, làm việc tích cực.

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Kể tên một số câu chuyện yêu thích.

– HS đọc yêu cầu của bài tập 1: Kể tên một số câu chuyện em yêu thích.

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV nêu mục đích tiết học: Bài học hôm nay giúp các em biết cách viết đoạn văn ngắn nêu lí do mình thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc, đã nghe.

+ GV nêu yêu cầu của bài tập 1 và nói rõ mục đích của bài tập 1: Ở bài tập 1, các em lựa chọn kể tên câu chuyện mình đã đọc, trong đó có nhân vật mình yêu thích hoặc câu chuyện mình thích, trong đó có nhân vật mình không thích.

+ GV mời một số HS nêu tên câu chuyện mình đã đọc hoặc câu chuyện mình yêu thích; nêu tên nhân vật trong câu chuyện đó khiến mình thích hoặc không thích.

2. Hỏi – đáp về nhân vật em thích hoặc không thích trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

– HS đọc yêu cầu của bài tập 2: Hỏi – đáp về nhân vật em thích hoặc không thích trong câu chuyện đã đọc, đã nghe. Đọc cả các câu gợi ý.

– GV giải thích thêm (nếu cần): Trong các câu chuyện đã nghe hoặc đã đọc (có thể là những câu chuyện trong SHS), hãy cho biết em thích hoặc không thích nhân vật nào, nêu rõ lí do khiến em thích hoặc không thích nhân vật đó.

– Làm việc chung cả lớp: 2 HS đóng vai 2 bạn trong hình vẽ, đọc hoặc nêu ý kiến như trong bóng nói hoặc nêu ý kiến về câu chuyện khác mình đã nghe/ đã đọc.

– Làm việc nhóm:

+ Từng em suy nghĩ để tự thực hiện yêu cầu của bài tập. Tự chuẩn bị ý kiến phát biểu dựa theo gợi ý.

+ Nhóm trưởng nêu từng yêu cầu và mời các bạn trả lời.

+ Cả nhóm nhận xét.

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV hỏi: Về nhân vật, các em yêu thích hoặc không thích điều gì ở nhân vật? VD: vẻ

bề ngoài (hình dáng, gương mặt, ánh mắt, mái tóc, trang phục,...); hành động (hành động, cử chỉ, việc làm, lời nói,...); đặc điểm về tính tình, phẩm chất,...

+ Một số HS phát biểu.

+ GV hỏi: Vì sao em thích hoặc không thích điều đó ở nhân vật?

+ Một số HS phát biểu ý kiến của mình.

+ GV chốt: Các em có thể thích hoặc không thích một hoặc nhiều điều ở nhân vật trong câu chuyện đã đọc, đã nghe. Các em có thể nêu một hoặc nhiều lí do khiến mình thích hoặc không thích nhân vật đó.

3. Viết 2 – 3 câu nêu lí do em thích hoặc không thích nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

– Làm việc cá nhân: Viết 2 – 3 câu nêu được lí do khiến mình thích hoặc không thích nhân vật trong câu chuyện.

– GV nhận xét kết quả làm việc của HS. Nhắc các em sửa theo góp ý của các bạn nếu thấy phù hợp.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng: *Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về một nghề nghiệp hoặc công việc nào đó* (như ví dụ trong SHS). Có thể trao đổi với người thân về nhân vật hoặc nghề nghiệp được nói đến trong bài đọc.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng cách nêu câu hỏi xem HS nhớ được những gì về bài đọc và viết đã học trong 4 tiết.

– GV có thể nói rõ thêm: Bài đọc *Đi tìm mặt trời* giúp các em hiểu rằng mỗi người sống trong cuộc đời, ngoài các việc riêng cần làm, còn cần tích cực tham gia vào công việc chung của cộng đồng. Làm được như vậy, cuộc sống sẽ tốt đẹp, chúng ta sẽ cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc hơn.

TUẦN 15

Bài 27 NHỮNG CHIẾC ÁO ẤM (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Những chiếc áo ấm*. Bước đầu biết thể hiện ngữ điệu khi đọc lời nói của nhân vật trong câu chuyện, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

b. Nhận biết được các nhân vật, hành động, việc làm, sự đóng góp phù hợp với khả năng của mỗi nhân vật vào công việc chung. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện (nếu tất cả chung sức, chung lòng sẽ làm được những việc lớn lao mà sức một người không thể làm được).

2. Biết trao đổi ý kiến về chủ điểm luyện nói *Thêm sức thêm tài*: so sánh được ưu điểm của việc học cá nhân với học theo cặp, theo nhóm, từ đó thấy được sức mạnh của sự hợp tác là "thêm sức thêm tài" (sức mạnh tập thể). Kể được việc làm cần nhiều người, những việc mình đã làm cùng với nhiều người và nêu cảm nghĩ khi làm việc hợp tác. Nói rõ ràng, đóng góp ý kiến đúng với yêu cầu, biết đặt câu hỏi với bạn để hiểu đúng ý kiến của bạn.

3. Viết đúng chính tả bài thơ *Trong vườn* (theo hình thức nghe – viết) trong khoảng 15 phút, trình bày đúng các đoạn thơ, biết viết hoa chữ cái mở đầu tên bài thơ và chữ cái đầu mỗi câu thơ (viết theo mẫu chữ viết hoa đã học ở lớp 2). Viết đúng từ ngữ chứa *l/ n* hoặc tiếng có *dấu hỏi/ dấu ngã*.

4. Có thái độ quý trọng những người biết sống vì mọi người, quan tâm đến người khác, có trách nhiệm với công việc chung. Có ý thức chia sẻ công việc chung với bạn bè, người thân.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (địa điểm, thời gian, trình tự các sự việc, suy nghĩ và hành động của nhân vật). Nghệ thuật kể và tả trong văn kể chuyện.

– Phương pháp đọc hiểu văn bản đa phương thức.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Những chiếc áo ấm* (có thể chiếu trên màn hình, nếu có), tranh ảnh về những nhân vật trong truyện *Những chiếc áo ấm* (nếu có).

– Tranh ảnh thể hiện những công việc cần sự đóng góp công sức của nhiều người (nếu sưu tầm được).

– Phiếu bài tập chính tả (nếu chuẩn bị được).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV có thể chọn cách tổ chức ôn bài cũ phù hợp với HS trong lớp, VD:

– HS làm việc theo cặp, đọc nối tiếp câu chuyện *Đi tìm mặt trời*, sau đó cùng trả lời câu hỏi cuối bài đọc.

– 2 – 3 em đọc nối tiếp câu chuyện *Đi tìm mặt trời* trước lớp, rồi lần lượt từng em trả lời câu hỏi: Em thích nhân vật nào trong câu chuyện? Vì sao?

1. Khởi động

– GV giới thiệu chủ điểm: Bài *Những chiếc áo ấm* là bài đọc thứ ba của chủ điểm *Cộng đồng gắn bó.* Chủ điểm này giúp các em có thêm hiểu biết về cách sống, cách ứng xử giữa những người cùng sống trong một tập thể, một cộng đồng và cách giải quyết những công việc chung. Mong rằng, qua việc tìm hiểu bài đọc, các em sẽ tích luỹ thêm cho mình một bài học bổ ích.

– GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm:

+ Đọc yêu cầu (*Quan sát tranh minh hoạ bài đọc, nói tên các con vật và đoán xem chúng đang làm gì*).

+ Mỗi em có thể có ý kiến khác nhau (về con vật và công việc con vật đó đang làm trong tranh theo kết quả quan sát, theo hiểu biết hoặc phán đoán của mình).

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhấn mạnh thêm: Trong bức tranh, các con vật đang cùng nhau làm việc, làm việc rất chăm chú. Bức tranh vẽ một xưởng may của các con vật trong rừng. Trong tranh, dễ nhận ra nhất là nhím, thỏ, tằm, bọ ngựa, ốc sên,... Để biết mỗi con vật đang làm gì, mỗi người đã góp những gì để hoàn thành công việc, các em hãy cùng đọc câu chuyện này.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu ở chỗ lời nói trực tiếp của các nhân vật).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *làm chỉ, luồn kim,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, những câu ngắn liền nhau. VD: *Mùa đông,/ thỏ quấn tấm vải lên người cho đỡ rét/ thì gió thổi tấm vải bay xuống ao.*; *Nhím trông thấy ốc sên bò trên lá,/ cứ mỗi quãng,/ ốc sên lại để lại phía sau một đường vạch*;...

+ Đọc diễn cảm những lời đề nghị của nhím.

– GV hướng dẫn chia đoạn để đọc nối tiếp:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *Phải may thành áo mới được.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *Mọi người cần áo ấm.*

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến *để may áo ấm cho mọi người.*

+ Đoạn 4: Còn lại.

– 4 HS đọc nối tiếp theo 4 đoạn đã chia.

– HS làm việc nhóm (4 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 4 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu hỏi 1 và 2, GV có thể nêu câu hỏi trước lớp và mời HS xung phong trả lời.

Câu 1. *Mùa đông đến, thỏ đã chống rét bằng cách nào?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS chuẩn bị câu trả lời và mời HS phát biểu trước lớp.

– 2 – 3 HS phát biểu ý kiến, GV động viên HS trả lời câu hỏi theo các cách khác nhau.

VD: Mùa đông đến, thỏ chống rét bằng cách khoác lên người một tấm vải./ Thỏ khoác lên người một tấm vải để chống rét, nhưng gió thổi mạnh làm tấm vải bay xuống ao./,...

– GV nhận xét và nói rõ hơn: Trời mùa đông rất rét, lại có gió lạnh. Thỏ khoác lên người tấm vải để chống rét, nhưng gió thổi tấm vải bay xuống ao. Thế là thỏ sẽ phải chịu rét vì vớt được vải lên, dù vắt nước đi thì khoác lên người vẫn lạnh.

Câu 2. *Vì sao nhím nảy ra sáng kiến may áo ấm?*

– GV nêu câu hỏi, mời một số HS trả lời (khuyến khích và khen ngợi HS có cách trả lời/ cách diễn đạt theo suy nghĩ riêng).

VD: Thấy thỏ khoác tấm vải lên người để chống rét, bị gió thổi bay xuống ao, nhím đã nảy ra sáng kiến may thành áo thì gió sẽ không thể thổi bay đi được./ Nhím nảy ra sáng kiến may áo ấm để gió không thể thổi bay đi được./,...

– GV có thể nói thêm: Nếu may vải thành áo, có tay áo, có khuy cài, gió sẽ không thổi bay như thổi tấm vải khoác lên người.

– GV bổ sung câu hỏi để dẫn dắt sang câu hỏi thứ 3 của bài học. VD: Với sáng kiến của nhím là may vải thành áo ấm, cả bài đọc kể về hành trình các nhân vật cùng nhau đi tìm người và cùng đóng góp khả năng của mình vào việc may áo (góp sức, góp tài vào công việc chung). Hãy làm việc theo cặp, tìm và kể tên các nhân vật trong câu chuyện.

– HS phát biểu trước lớp, GV viết tên hoặc dùng thẻ tranh về từng con vật gắn lên bảng: VD: thỏ – nhím – chị tằm – bọ ngựa – ốc sên – chim ổ dộc (GV dành thời gian cho HS đọc giải nghĩa về chim ổ dộc).

Câu 3. *Mỗi nhân vật trong câu chuyện đã đóng góp gì vào việc làm ra những chiếc áo ấm?*

– GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS cách thực hiện yêu cầu theo nhóm (6 em/ nhóm):

+ Mỗi em trong nhóm sẽ đóng vai một nhân vật (thỏ – nhím – chị tằm – bọ ngựa – ốc sên – chim ổ dộc) để nói về khả năng, những đóng góp của mình vào công việc làm ra những chiếc áo ấm cho cư dân trong rừng.

+ Để nói được đầy đủ những đóng góp của mỗi nhân vật, cần đọc thầm, đọc nhanh lại đoạn chuyện nói về nhân vật, chuẩn bị lời giới thiệu, lời kể việc để nói trước nhóm.

+ Từng em đóng vai nhân vật được phân công và nói trước nhóm, cả nhóm nhận xét, góp ý hoặc bổ sung.

– Làm việc cả lớp:

+ 2 – 3 nhóm lên trình bày (có thể cho HS gắn trên mũ hoặc cầm những biểu tượng con vật mình đóng vai để kể về những đóng góp và những việc đã làm).

+ GV và cả lớp nhận xét, góp ý dựa trên kết quả làm việc của các nhóm.

– GV thống nhất đáp án, có thể chiếu trên màn hình hoặc ghi trên bảng lớp theo ý kiến phát biểu của HS.

VD:

thỏ	trải vải cho phẳng
nhím	– rút một chiếc lông nhọn trên lưng để làm kim khâu áo – chắp vải, dùi lỗ vào mảnh vải đã cắt
chị tằm	– tặng tơ để làm chỉ – luôn tay xe chỉ
ốc sên	kẻ đường vạch lên mảnh vải
bọ ngựa	cắt vải theo vạch
đôi chim ổ dộc	luồn kim, may áo,...

– GV nói và nêu câu hỏi: Các em thấy để có một chiếc áo ấm, cần phải qua rất nhiều công đoạn, rất nhiều việc. Mỗi nhân vật trong câu chuyện đã đóng góp công sức và tài năng của mình để tạo ra những chiếc áo ấm cho tất cả cư dân trong rừng. Các em có biết vì sao tất cả các nhân vật trong xưởng may ai cũng chăm chỉ, say sưa, vui vẻ làm việc không?

– HS xung phong phát biểu theo suy nghĩ riêng. (VD: Vì công việc đó có ích, có ý nghĩa với tất cả cư dân trong rừng./ Vì làm việc cùng nhau nên rất vui./,...).

– GV hỏi HS có thích bức tranh ở cuối bài vẽ cảnh xưởng may không? Vì sao? (Mời một số em phát biểu.)

Câu 4. *Em thích nhân vật nào trong câu chuyện? Vì sao?*

– HS làm việc theo nhóm. Từng em phát biểu ý kiến của mình.

– Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp, GV khen ngợi tất cả các ý kiến HS phát biểu, nhất là những em có cách lí giải thuyết phục.

Câu 5. *Em học được điều gì qua câu chuyện?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để trình bày ý kiến của mình.

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp. GV khích lệ HS trả lời theo cách cảm nhận của mình.

– GV khen ngợi tất cả HS đã mạnh dạn phát biểu ý kiến.

(HS có thể nêu các ý như:

+ Câu chuyện cho em bài học: Trước một việc khó, hãy sử dụng sức mạnh và trí tuệ của tập thể.

+ Em rút ra bài học: Cần phải đoàn kết, hợp lực để tạo ra sức mạnh.

+ Câu chuyện giúp em hiểu: Không có việc gì khó, nếu biết huy động sức mạnh và trí tuệ tập thể.

+ ,...)

4. Luyện đọc lại

HS luyện đọc lại theo nhóm (mỗi em đọc một đoạn). GV khích lệ HS đọc diễn cảm.

NÓI VÀ NGHE

Thêm sức thêm tài

1. Giới thiệu chủ điểm luyện nói.

– GV: Qua bài *Những chiếc áo ấm*, các em đã thấy có những công việc cần huy động sự tham gia của nhiều người, phát huy sức mạnh và trí tuệ tập thể. Khi tất cả cùng hợp tác với nhau sẽ có "thêm sức thêm tài" (thêm sức lực và trí tuệ), sẽ làm được những việc lớn, công việc sẽ hoàn thành tốt hơn. Trong giờ luyện nói về chủ điểm *Thêm sức thêm tài* hôm nay, các em hãy mạnh dạn phát biểu ý kiến của mình trong nhóm theo 2 yêu cầu nêu trong SHS.

– GV hướng dẫn: Với mỗi yêu cầu, từng em chuẩn bị câu trả lời để phát biểu ý kiến của mình hoặc nhận xét, trao đổi để hiểu rõ ý kiến của bạn. Cả nhóm có thể đưa ra câu trả lời thống nhất, cũng có thể chấp nhận các cách trả lời khác nhau để trình bày trước lớp.

2. Luyện nói theo chủ điểm.

a. Yêu cầu 1: *Em thích học cá nhân, học theo cặp hay học nhóm? Vì sao?*

– HS làm việc nhóm:

+ Bước 1: Nhóm trưởng nhắc các bạn làm việc cá nhân (quan sát tranh, chuẩn bị ý kiến của mình thích cách học nào, nếu thích cả 3 cách học đó thì cần nêu ích lợi của mỗi cách học).

+ Bước 2: Nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, nhận xét ý kiến các bạn.

+ Bước 3: Thống nhất câu trả lời hoặc chọn ý kiến hay của các bạn trong nhóm. HS có thể đưa ra các ý kiến như sau:

1	Học cá nhân	Thích học cá nhân. Học cá nhân giúp rèn luyện khả năng tư duy (suy nghĩ độc lập), phát huy khả năng tự học, khả năng làm việc độc lập,...
2	Học theo cặp	Thích học theo cặp. Học theo cặp giúp rèn luyện kĩ năng hợp tác, kĩ năng thuyết phục người khác, kĩ năng tranh luận,...
3	Học theo nhóm	Thích học theo nhóm. Học theo nhóm giúp rèn luyện kĩ năng hợp tác nhiều người, kĩ năng trình bày ý kiến trước đám đông, phát huy sức mạnh tập thể,...

– GV: Qua các ý kiến trao đổi, phát biểu, các em đã hiểu rõ ý nghĩa/ ích lợi của mỗi cách học. Chúng ta cần phát huy tính tích cực, làm tốt nhiệm vụ được giao khi học cá nhân, học theo cặp hoặc theo nhóm.

b. Yêu cầu 2: *Kể về một hoạt động tập thể mà em đã tham gia.*

– GV hỏi: 3 bức tranh vẽ các bạn đang cùng nhau làm việc gì? (1 – 2 HS trả lời: các bạn đang trực nhật lớp, biểu diễn văn nghệ và vẽ tranh.)

– GV: Các em làm việc theo nhóm, từng người kể về một việc mình đã làm cùng với nhiều bạn hoặc cùng với người thân và nêu cảm nghĩ của em khi làm việc cùng với nhiều người khác (nói rõ sự khác biệt khi làm việc một mình).

– HS làm việc nhóm: Từng HS chuẩn bị nội dung để nói trước nhóm (dựa vào 4 gợi ý ở bài tập 2).

– Làm việc chung cả lớp: Một số em phát biểu trước lớp, cả lớp và GV nhận xét.

– GV tổng kết tiết học:

+ Khen ngợi các HS mạnh dạn phát biểu ý kiến.

+ GV nói với HS: Ở cuối câu chuyện *Những chiếc áo ấm*, nhà văn Võ Quảng còn viết:

Một việc dù lớn, bé
Một mình làm khó xong
Phải chung sức chung lòng
Công lao của tập thể

Ta sinh ra là để
Giúp ích cho mọi người
Đời có đẹp có tươi
Thì ta mới sung sướng.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV giới thiệu bài thơ *Trong vườn* (VD: Bài thơ tả một vườn cây có nhiều loài cây cùng chung sống, tạo nên một khu vườn có nhiều tầng nhiều lớp các cây cao thấp khác nhau, nhưng tất cả đều góp phần tạo nên bức tranh đẹp về sự quây quần, đoàn kết, sum vầy của vườn cây).

– GV đọc bài thơ, sau đó 3 HS đọc nối tiếp 3 khổ thơ.

– GV hướng dẫn HS các nội dung sau:

+ Cách trình bày 3 khổ thơ: mỗi khổ cách nhau một dòng (HS quan sát bài thơ trong SHS hoặc nhìn trên bảng/ màn hình).

+ Cách viết dấu ba chấm ở khổ 1 và khổ 3.

+ Viết hoa tên bài và các chữ đầu mỗi dòng thơ.

– Nghe GV đọc từng cụm từ hoặc từng dòng thơ, ghi nhớ và viết vào vở.

– Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

2. Làm bài tập a hoặc b.

– GV hướng dẫn HS chọn yêu cầu a hoặc b theo nhóm.

– HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi kết quả theo nhóm.

– Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài, cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV chốt đáp án trên bảng lớp (có thể chiếu trên màn hình phiếu bài tập, nếu có).

Đáp án:

a. *Chọn lặng hoặc nặng thay cho ô vuông.*

Trường của em be bé Nằm **lặng** giữa rừng cây.	Công cha cũng **nặng**, nghĩa thầy cũng sâu.
Cuội nằm **lặng** lẽ Mơ về trần gian.	**Lặng** rồi cả tiếng con ve Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.

b. *Chọn từ trong bông hoa thay cho ô vuông.*

– Hoa sen **nở** đẹp trong đầm
Mùi hương tinh khiết âm thầm toả bay.

– Kim vàng ai **nỡ** uốn câu
Người khôn ai **nỡ** nói nhau nặng lời.

– Đất màu trồng **đỗ**, trồng ngô
Đất lầy cấy lúa, đất khô làm vườn.

– Mồ hôi mà **đổ** xuống đồng
Lúa mọc trùng trùng sáng cả đồi nương.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng.

– Nhớ lại một hoạt động tập thể mà em thấy vui và kể cho người thân.

– Trao đổi với người thân mình đã tham gia những việc gì trong hoạt động đó.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng cách nêu câu hỏi xem HS nhớ được những gì về các bài đọc và viết đã học trong 3 tiết.

– GV có thể nói rõ thêm, VD: Bài đọc *Những chiếc áo ấm* và bài thơ *Trong vườn* (phần nghe – viết) giúp các em hiểu mỗi người cần biết sống đoàn kết, chan hoà với tập thể, với mọi người xung quanh. Có công việc chung, cần sẵn sàng góp công, góp sức,... Có như vậy, chúng ta mới thấy gắn bó với nhau hơn, cuộc sống sẽ vui và ý nghĩa hơn.

– GV dặn dò HS: Về nhà kể lại câu chuyện *Những chiếc áo ấm* và giúp người thân làm một số việc nhà, các em sẽ thấy gắn bó và yêu quý mọi người trong gia đình hơn.

Bài 28 CON ĐƯỜNG CỦA BÉ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài thơ *Con đường của bé*. Biết đọc bằng giọng vui vẻ, hồn nhiên của bạn nhỏ trong bài thơ khi khám phá ra được nghề nghiệp của những người xung quanh.

   b. Cảm nhận được cái hay của bài thơ, nhịp điệu thơ, hình ảnh và nội dung bài thơ: Bài thơ được viết với thể 5 chữ – thể thơ gần gũi với HS tiểu học, bài thơ viết về nghề nghiệp của chú phi công, chú hải quân, bác lái tàu hoả, nghề của bố (nghề xây dựng), của mẹ (làm nông) và việc hằng ngày của bé (đi học) với nhiều hình ảnh thơ đẹp.

   c. Đọc thêm được những văn bản mới về nghề nghiệp. Biết chia sẻ về những điều mình đã đọc.

2. Mở rộng vốn từ về nghề nghiệp; nhận biết được câu hỏi với từ để hỏi, biết biến đổi câu kể thành câu hỏi.

3. Tiếp tục luyện kĩ năng viết đoạn văn về một nhân vật trong câu chuyện.

4. Bồi dưỡng tình yêu đối với các nghề nghiệp khác nhau trong cuộc sống.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Thể thơ 5 chữ. Mỗi khổ thơ nói về một nghề nghiệp khác nhau. Bài thơ có nhiều hình ảnh thơ đẹp.

– Những hiểu biết chung về câu phân loại theo mục đích nói: câu nghi vấn (câu hỏi).

2. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ bài đọc *Con đường của bé* hoặc tranh ảnh về các công việc lái máy bay, lái tàu biển, lái tàu hoả, xây dựng, làm nông nghiệp. Có thể thêm tranh về đường sắt, để HS hiểu hơn nghĩa của từ *song hành*.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV có thể hỏi HS về bài 27 (*Những chiếc áo ấm*). VD: Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện *Những chiếc áo ấm*? Chi tiết nào trong bài mà em thích nhất?)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC

1. Khởi động

– GV gọi 1– 2 HS đọc yêu cầu: *Cùng nhau giải đố.*

– GV cho HS làm việc nhóm đôi hoặc thảo luận chung cả lớp, lần lượt giải từng câu đố.

– Một số HS (2 – 3 em) lần lượt phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV chốt đáp án: 1. y tá (điều dưỡng); 2. cô giáo/ thầy giáo.

– GV giới thiệu khái quát nội dung bài đọc *Con đường của bé.* (VD: Chúng ta đã được biết về nghề y tá (điều dưỡng), nghề dạy học qua 2 câu đố vui. Bài học hôm nay sẽ giới thiệu với các em những người thuộc những ngành nghề khác: phi công, bộ đội hải quân, người lái tàu hoả, công nhân xây dựng, nông dân. Hãy cùng nhau đọc bài thơ *Con đường của bé* để hiểu thêm về những nghề nghiệp đó và hãy xem con đường của bạn nhỏ trong bài thơ như thế nào.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, giọng đọc thể hiện sự hào hứng, say mê, tha thiết. Có thể mời một HS đọc tốt để đọc cả bài. Những HS khác đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *chi chít, giàn giáo,...*).

+ Đọc đúng nhịp của câu thơ, khổ thơ.

– GV cho 6 HS đọc nối tiếp 6 khổ thơ trước lớp làm mẫu.

– HS làm việc nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (lần lượt đổi vai nhau), từ 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– Một số nhóm đọc trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

– GV giải thích từ ngữ: *giàn giáo, song hành.* Với từ giàn giáo, GV có thể sử dụng hình ảnh trên internet để giải thích. Cũng có thể giải thích từ ngữ ở những câu thơ mà từ ngữ đó xuất hiện.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Ba khổ thơ đầu nhắc đến những ai? Công việc của họ là gì?*

Đây là một câu hỏi khái quát, GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi, sau đó giao nhiệm vụ làm việc nhóm:

+ Đọc lại một lượt thật nhanh 3 khổ thơ đầu.

+ Xem các tranh minh hoạ tương ứng với mỗi khổ thơ.

+ Tìm những tên người được nhắc đến trong bài.

+ Suy luận để tìm nghề nghiệp của họ.

– GV gọi đại diện một số nhóm trả lời. Các nhóm khác có thể bổ sung.

– GV cũng có thể hỏi lần lượt từng khổ thơ. VD. *Khổ thơ thứ nhất nhắc đến ai? Công việc của người ấy là gì?,...*

– GV và HS chốt đáp án. (Khổ thơ 1 nhắc đến chú phi công. Công việc của chú là lái máy bay. Khổ thơ thứ 2 nhắc đến chú hải quân. Công việc của chú là lái tàu biển. Khổ thơ thứ 3 nhắc đến bác lái tàu hoả. Công việc của bác là lái tàu hoả – tàu chạy trên đường ray trên mặt đất.)

Câu 2. *Bạn nhỏ kể những gì về công việc của bố mẹ mình?*

Đây là một câu hỏi mang tính tổng hợp. GV có thể đưa thêm các câu hỏi phụ để tách các ý: (a) Bạn nhỏ kể những gì về công việc của bố? (b) Bạn nhỏ kể những gì về công việc của mẹ? để HS có thể trả lời lần lượt.

– GV cho HS làm việc nhóm, trao đổi với nhau các ý kiến cá nhân về những câu hỏi sau:

+ Bố/ mẹ bạn nhỏ làm việc ở đâu? (Bố làm việc trên những giàn giáo cao, mẹ làm việc trên cánh đồng.)

+ Công việc cụ thể của từng người là gì? (Bố xây những ngôi nhà mới, mẹ trồng lúa và trồng dâu.)

+ Như vậy, bố/ mẹ bạn nhỏ làm nghề gì? (Bố làm nghề xây dựng, mẹ làm nông nghiệp.)

– Đại diện một số nhóm phát biểu, các nhóm khác có thể bổ sung.

– GV và HS chốt đáp án. (Bạn nhỏ kể về nơi làm việc của bố và của mẹ: Bố làm việc trên những giàn giáo cao và xây những ngôi nhà mới. Còn mẹ làm việc trên cánh đồng, trồng lúa và trồng dâu. Như vậy, bố bạn nhỏ làm nghề xây dựng, còn mẹ bạn nhỏ làm nông nghiệp.)

Câu 3. *Qua hình ảnh những con đường, tác giả muốn nói về điều gì?*

Đây là dạng câu hỏi trắc nghiệm, với 3 phương án trả lời: a. *Nói về nghề nghiệp*; b. *Nói về cảnh đẹp thiên nhiên*; c. *Nói về các loại phương tiện giao thông.*

– GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm, giao nhiệm vụ:

+ Đọc kĩ 3 phương án.

+ Suy luận để tìm câu trả lời.

+ Cố gắng giải thích lí do của sự lựa chọn.

– Đại diện nhóm phát biểu ý kiến.

– GV và HS chốt đáp án: phương án a – Nói về nghề nghiệp.

(GV có thể hỏi thêm về những phương án không được lựa chọn. Bài này có nhắc tới 2 phương tiện giao thông là máy bay và tàu hoả; cũng có nói tới cảnh đẹp của đất nước, nhưng chủ yếu tập trung vào nghề nghiệp của những con người cụ thể: chú phi công, bác lái tàu, bố và mẹ của em bé. Ở đây, cảnh đẹp của đất nước cũng góp phần thể hiện vẻ đẹp của mỗi nghề nghiệp).

Câu 4. *Em hiểu "con đường trên trang sách" có nghĩa là gì?*

Đây là dạng câu hỏi liên quan đến nghĩa bóng của câu thơ nhưng được tổ chức thành câu hỏi trắc nghiệm để giảm độ khó. Cách thức thực hiện, có thể tiến hành tương tự câu hỏi 4.

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu.

– HS làm việc theo cặp/ nhóm (có thể dùng suy luận loại trừ phương án sai: không phải con đường được vẽ trong sách, cũng không thể là con đường ta đi lại hằng ngày).

– Một số HS phát biểu ý kiến.

– GV và HS chốt đáp án: phương án b – Con đường khám phá kiến thức.

Câu 5. *Nói 2 – 3 câu về một con đường được tả trong bài thơ.*

Đây là câu hỏi mở, HS có thể thoải mái thể hiện những suy nghĩ cá nhân qua việc tự lựa chọn một con đường trong bài thơ mà mình thích. GV lưu ý HS phải diễn đạt lại ý thơ bằng lời của mình, chứ không đọc lại nguyên văn khổ thơ.

– HS làm việc theo cặp/ nhóm, trao đổi ý kiến cá nhân với nhau. Nhóm có thể lựa chọn 1 bạn đại diện cho nhóm mình để trả lời trước lớp.

– Một số nhóm phát biểu ý kiến.

– GV và HS nhận xét. GV có thể khen ngợi những bạn có câu trả lời hay, diễn đạt trôi chảy.

(VD: Em thích nhất con đường của chú phi công. Con đường này lẫn vào trong mây, ở rất cao và xa trên bầu trời đầy sao.)

4. Luyện đọc lại

HS làm việc theo cặp: đọc nối tiếp các khổ thơ.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về một nghề nghiệp hoặc công việc nào đó và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– HS trao đổi về những bài thơ, câu chuyện về nghề nghiệp khác nhau trong cuộc sống, theo các câu hỏi: Đó là nghề nào? Nghề đó gắn với công việc cụ thể gì?

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4. GV quan sát, góp ý cho các nhóm.

– HS ghi vào phiếu đọc sách những thông tin theo yêu cầu.

2. Trao đổi thêm với bạn về lợi ích mà nghề nghiệp hoặc công việc đó mang lại cho cuộc sống.

GV có thể cho HS làm việc theo nhóm hoặc theo cặp, trao đổi với nhau về lợi ích của những nghề nghiệp mà các em rút ra được từ các bài đọc. GV có thể mời một vài cặp phát biểu trước lớp.

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm các từ ngữ phù hợp với các cột trong bảng.

Mục đích của bài tập này là mở rộng vốn từ về nghề nghiệp. GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, giao nhiệm vụ cụ thể: Các em cùng nhau trả lời các câu hỏi dưới đây:

(a) Những người làm nghề y được gọi là gì? Công việc hằng ngày của họ là gì?

(b) Người làm nghề dược được gọi là gì? Công việc hằng ngày của họ là gì?

(c) Người làm nghề nông được gọi là gì? Công việc hằng ngày của họ là gì?

Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi.

GV và HS thống nhất đáp án:

NGHỀ NGHIỆP		
Tên nghề nghiệp	**Người làm nghề**	**Nhiệm vụ**
Nghề y	Điều dưỡng	Chăm sóc bệnh nhân
	Bác sĩ	Chữa bệnh
Nghề dược	Dược sĩ	Bảo quản, lưu trữ, cung cấp thuốc; sản xuất thuốc, hướng dẫn người bệnh sử dụng thuốc,...
Nghề nông	Nông dân	Trồng lúa và hoa màu

Lưu ý: Bảng trong SHS đã gợi ý về người làm nghề y nhưng chưa đầy đủ. GV có thể bổ sung thêm.

2. Tìm từ được dùng để hỏi trong câu.

Phần luyện tập ở bài 2 và 3 tập trung vào một loại câu chia theo mục đích nói, đó là câu hỏi. Câu hỏi được nhận biết nhờ các dấu hiệu: (1) dấu chấm hỏi cuối câu, (2) từ để hỏi. Nhận biết từ để hỏi tương đối khó, nên bài 2 sẽ tập trung vào việc đó. Bài 3 là dạng bài ứng dụng: HS tự xây dựng câu hỏi bằng cách biến đổi câu kể thành câu hỏi.

Đây là dạng bài tập tương đối mới, vì HS chưa học các từ để hỏi: *ai, gì, nào, sao, bao nhiêu, đâu, vì sao,...* (các đại từ nghi vấn); hay các cặp *có ... không; đã ... chưa*? (cặp phụ từ nghi vấn). Do vậy, HS làm theo mẫu trong SHS. GV linh hoạt trong việc tổ chức hoạt động này (có thể tổ chức thành trò chơi). Dưới đây chỉ là một gợi ý thông thường:

– GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu (GV có thể chiếu các câu lên bảng).

– HS làm việc theo cặp/ nhóm. (Khi tìm được một từ nào đó, có thể làm phép thử: bỏ từ đó đi, câu có còn mục đích hỏi nữa không?)

– Một số nhóm phát biểu trước lớp.

– GV và HS chốt đáp án. (Các từ để hỏi trong câu a là *gì*, trong câu b là *vì sao* và câu c là *à*, câu d là *mấy*.)

3. Chuyển câu kể thành câu hỏi.

Bài này rèn cho HS kĩ năng đặt câu hỏi bằng cách thêm từ để hỏi, lấy nòng cốt từ một câu kể. GV có thể cho HS làm theo nhóm, thi với nhau trong một khoảng thời gian nhất định. Hết giờ, GV yêu cầu nộp sản phẩm. Nhóm nào biến đổi được nhiều câu nhất và đúng nhất sẽ được khen. GV lưu ý các nhóm:

+ Đọc thật kĩ ví dụ mẫu.

+ Nhận xét về dấu câu (Tất cả các câu hỏi đều có dấu chấm hỏi).

+ Tìm xem trong các câu đã được biến đổi, từ nào là từ được dùng để hỏi. (Từ để hỏi trong câu 1 (*Nam đi học chưa?*) là từ "chưa", trong câu 2 là từ "à", trong câu 3 là cặp từ "có... không" và trong câu 4 là từ "bao giờ".)

Về đáp án, sẽ có nhiều đáp án khác nhau. GV lưu ý HS, khi biến đổi câu, cần giữ nguyên các từ ngữ trong câu gốc, chỉ thêm từ để hỏi và thay dấu chấm bằng dấu chấm hỏi. VD:

b. *Cô giáo vào lớp* → Cô giáo vào lớp rồi à? Cô giáo vào lớp chưa? Sao cô giáo chưa vào lớp? Khi nào cô giáo vào lớp?,...

c. *Cậu ấy thích nghề xây dựng* → Cậu ấy thích nghề xây dựng à? Cậu ấy thích nghề xây dựng phải không? Vì sao cậu ấy thích nghề xây dựng?,...

d. *Trời mưa* → Trời mưa à? Trời mưa phải không? Trời sắp mưa ư? Trời không mưa chứ?

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Trao đổi với bạn suy nghĩ của mình về các nhân vật trong câu chuyện đã đọc.

Để HS nhớ lại một số nhân vật đã được học qua các bài đọc, bài này giúp HS đọc lại các gợi ý dựa trên 4 bài đọc, trên cơ sở đó, HS đưa ra nhận định, đánh giá về các nhân vật.

– GV cho HS thảo luận nhóm 4 với các nhiệm vụ:

+ Cùng đọc kĩ các gợi ý.

+ Đưa ra nhận định của mình (Thích hay không thích các nhân vật đó? Vì sao?).

– Đại diện một số nhóm phát biểu. GV khuyến khích để HS nói được thật nhiều nhận xét của mình về các nhân vật.

– GV tổng hợp lại một số ý kiến tiêu biểu. VD: Em thích Huy-gô vì Huy-gô rất giỏi toán lại giỏi cả văn./ Em không thích Cô-li-a vì bạn ấy đã viết văn dựa trên chi tiết không có thật. / Em thích Cô-li-a vì khi viết văn, bạn ấy đã nói những việc mà bạn ấy không hề làm. Nhưng khi mẹ nhắc thì bạn ấy đã cố gắng hoàn thành tất cả những công việc đó,...

2. Viết đoạn văn ngắn về một nhân vật trong câu chuyện đã đọc. Lí do em thích hoặc không thích nhân vật đó.

– HS tự làm bài dựa vào phần luyện nói từ bài 1. HS cũng có thể viết về những nhân vật khác (ngoài 4 nhân vật đã được gợi ý).

– GV nhận xét, chữa một số bài cho HS, động viên, khuyến khích những bài làm có tiến bộ (bố trí vào thời gian thích hợp).

3. Trao đổi bài làm của em với bạn, chỉnh sửa và bổ sung ý hay.

Phần này GV cho HS làm theo cặp, đổi bài và góp ý cho nhau. Sau đó HS chỉnh sửa bài của mình.

VẬN DỤNG

GV nhắc HS về nhà đọc lại những câu chuyện mà mình yêu thích. Khi đọc nên chú ý nhớ những chi tiết hay nhất về những nhân vật trong truyện, có ý thức nhận xét, đánh giá về nhân vật hoặc câu chuyện.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng cách nêu câu hỏi xem HS nhớ được những gì về các bài đọc và viết đã học trong 4 tiết (Lưu ý kiến thức mới về từ và câu: câu hỏi và các từ để hỏi).

– GV có thể nói rõ thêm về bài thơ *Con đường của bé*. Bài thơ ca ngợi những nghề nghiệp khác nhau trong cuộc sống. Nghề nào cũng đẹp, cũng hữu ích. GV lưu ý khơi gợi tình cảm, cảm xúc tốt đẹp của HS với các nghề nghiệp, khuyến khích các em theo đuổi đam mê để có thể trở thành bác sĩ, giáo viên, thợ thủ công,... – những người công dân có ích.

– GV nhắc HS đọc lại những câu chuyện trong SHS, khi đọc lưu ý những cảm nhận cá nhân của mình về những nhân vật trung tâm trong bài đọc.

– GV dặn dò HS: Ôn lại những nội dung đã học và chuẩn bị cho bài 29.

TUẦN 16

Bài 29 NGÔI NHÀ TRONG CỎ (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Ngôi nhà trong cỏ*. Bước đầu biết cách đọc thể hiện được tâm trạng, cảm xúc của nhân vật qua tình tiết trong câu chuyện, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

b. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Những người hàng xóm là những người bạn tốt của chúng ta. Chúng ta có thể học hỏi nhiều điều từ họ, đồng thời cùng họ làm những công việc chung để cuộc sống tốt đẹp hơn.

2. Kể được câu chuyện *Hàng xóm của tắc kè* dựa vào tranh minh hoạ và câu hỏi gợi ý.

3. Viết đúng chính tả đoạn thơ trong bài thơ *Gió* (hình thức Nghe – viết), viết được các tiếng chứa *s/ x* hoặc *ao/ au*.

4. Hình thành và phát triển tình cảm đối với những người hàng xóm láng giềng nói riêng, bạn bè và những người sống xung quanh nói chung; biết chia sẻ công việc và có ý thức giúp đỡ người khác.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (hình dáng, điệu bộ, hoạt động và lời nói của nhân vật, trình tự các sự việc theo diễn biến câu chuyện.).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ câu chuyện *Ngôi nhà trong cỏ*, tranh ảnh minh hoạ cho phần Nghe nói.

– Phiếu bài tập chính tả (nếu có).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

Đọc và nói về khổ thơ em thích nhất trong bài thơ *Con đường của bé*.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV chiếu/ treo tranh minh hoạ bài đọc cho cả lớp quan sát.

– GV nêu câu hỏi chung cho cả lớp: *Quan sát tranh minh hoạ bài đọc, đoán xem các con vật đang làm gì*? GV có thể đặt câu hỏi gợi ý: Tranh vẽ cảnh ở đâu? Trong tranh có những con vật nào? Mỗi con vật đang làm gì? Theo các em, các con vật có quan hệ gì với nhau?

– HS làm việc theo cặp. HS luân phiên nói về các con vật theo gợi ý của GV. (VD: Tranh vẽ cảnh một bãi cỏ rộng. Trong tranh có chuồn chuồn, cào cào, nhái bén, dế. Chuồn chuồn đang bay, cào cào đang đứng trên nhánh cỏ, nhái bén đứng trên mặt đất, cào cào và nhái bén đều đang giơ tay, nói chuyện với nhau. Chuồn chuồn đang lắng nghe. 3 con vật có lẽ là bạn bè của nhau. Ở xa, dế đang cầm cái gì đó giống một nắm đất, có lẽ đang sửa chữa hoặc xây dựng gì đó. Có nốt nhạc bay ra, có lẽ dế đang hát.)

– GV mời 2 – 3 HS xung phong trả lời trước lớp.

– GV khen ngợi những HS có dự đoán hay, miêu tả sinh động.

– GV giới thiệu bài đọc: Hôm nay các em sẽ được đọc một câu chuyện rất đáng yêu, ngộ nghĩnh về tình hàng xóm láng giềng của các con vật. Câu chuyện kể về một cuộc gặp gỡ thân mật giữa những người bạn động vật với người hàng xóm mới của mình. Các em sẽ đọc để hiểu các bạn đã làm những gì trong cuộc gặp gỡ đó.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm ở những từ ngữ gợi tả).

– GV hướng dẫn cả lớp đọc bài.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *nhảy xa, vang lên, rủ nhau, chốc lát, vùng cỏ,...*).

+ Cách ngắt giọng ở câu dài, VD: *Chuồn chuồn vừa bay đến,/ đậu trên nhánh cỏ may,/ đôi cánh mỏng rung nhè nhẹ khi điệu nhạc vút cao.; Chỉ chốc lát,/ ngôi nhà xinh xắn bằng đất/ đã được xây xong/ dưới ô nấm/ giữa vùng cỏ xanh tươi.,...*

+ Tập đọc theo giọng của các con vật.

– GV cùng HS chia 3 đoạn đọc:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *đi tìm tiếng hát.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *một tài năng âm nhạc.*

+ Đoạn 3: Còn lại.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Vào sáng sớm, chuyện gì xảy ra khiến cào cào, nhái bén, chuồn chuồn chú ý?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến, GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Vào sáng sớm, một âm thanh vang lên từ đâu không rõ khiến cào cào, nhái bén, chuồn chuồn chú ý.)

Câu 2. *Các bạn đã phát hiện ra điều gì?*

– GV nêu câu hỏi, HS chuẩn bị câu trả lời.

– GV mời 2 – 3 HS phát biểu.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Các bạn đã phát hiện ra dế than đang vừa xây nhà vừa hát.).

Câu 3. *Chi tiết nào cho thấy cuộc gặp gỡ của các bạn với dế than rất thân mật?*

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện.

Bước 1: Làm việc cá nhân

+ Đọc thầm lại VB. Tìm đoạn văn nói về cảnh gặp gỡ giữa các bạn và dế than.

+ Tìm các chi tiết kể lại diễn biến sự việc, chú ý các chi tiết thể hiện sự thân mật giữa các bạn.

Bước 2: Làm việc nhóm

+ Từng bạn phát biểu ý kiến, cả nhóm góp ý và bổ sung nếu chưa đầy đủ.

+ Bầu 1 bạn trình bày ý kiến trước lớp.

Bước 3: Làm việc cả lớp

+ 2 – 3 HS phát biểu.

+ GV và HS nhận xét, góp ý, bổ sung, thống nhất đáp án. (Khi dế than vừa dứt lời hát, các bạn đã vỗ tay rất to thể hiện sự thán phục đối với dế than. Sau đó, các bạn đã tự giới thiệu mình để làm quen với dế than. Các bạn cũng khen ngợi dế than hát rất hay, là một tài năng âm nhạc. Còn dế than khiêm tốn chỉ nhận mình là một thợ đào đất.)

Câu 4. *Các bạn đã giúp dế than việc gì?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời.

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp. GV khen ngợi các bạn trả lời rõ ràng, lưu loát.

– GV và HS thống nhất đáp án. (VD: Các bạn đã xúm vào giúp dế than xây nhà.)

Câu 5. *Em nghĩ gì về việc các bạn giúp đỡ dế than?*

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp, nêu suy nghĩ cá nhân của mình.

– GV khuyến khích HS nói hết những suy nghĩ của mình. (VD: Việc các bạn giúp đỡ dế than thể hiện sự tốt bụng, thân thiện của các bạn chuồn chuồn, cào cào, nhái bén; sự đoàn kết của những người bạn tốt; tình bạn đáng quý giữa các con vật,...). GV cũng dặn dò HS, cần phải cư xử lịch sự, văn minh, thân thiện, hoà đồng với hàng xóm láng giềng của mình, tham gia tích cực vào những công việc chung, từ đó cuộc sống sẽ trở nên tốt đẹp hơn.

4. Luyện đọc lại

2 HS đọc nối tiếp câu chuyện. Cả lớp đọc thầm. (Hoặc đọc nối tiếp câu chuyện theo cặp/ nhóm).

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện *Hàng xóm của tắc kè*

1. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, đoán nội dung câu chuyện *Hàng xóm của tắc kè.*

– GV yêu cầu HS quan sát các bức tranh, dựa vào nhan đề (tên truyện) và câu hỏi gợi ý dưới mỗi tranh để trả lời các câu hỏi: Tranh vẽ cảnh ở đâu? Trong tranh có những ai? Họ đang làm gì? Những bóng nói/ bóng nghĩ trong tranh có nội dung gì?

– HS trao đổi trong nhóm để đoán nội dung câu chuyện theo các gợi ý.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp nội dung câu chuyện theo suy đoán và tưởng tượng của mình (HS không nhất thiết phải đoán đúng nội dung câu chuyện. GV khuyến khích HS tưởng tượng và đoán theo cách riêng của mình, càng có nội dung phong phú hấp dẫn càng tốt).

– GV khen ngợi HS đoán nội dung câu chuyện giống với truyện gốc, hoặc không giống truyện gốc nhưng hay, độc đáo, hấp dẫn.

– GV giới thiệu câu chuyện: Câu chuyện kể về một lần tắc kè làm phiền hàng xóm láng giềng bởi tiếng kêu của mình. Các em cùng nghe để biết các bạn hàng xóm nghĩ như thế nào về tắc kè, và họ đã làm gì sau khi hiểu về tắc kè.

2. Nghe và kể lại câu chuyện.

– GV kể (lần 1) toàn bộ câu chuyện cho HS nghe.

HÀNG XÓM CỦA TẮC KÈ

Cụ cóc, chú thằn lằn, cô ốc sên, anh nhái xanh và bác tắc kè đều là cư dân của xóm Bờ Giậu.

Cụ cóc đã nghỉ hưu từ lâu. Thằn lằn là thợ săn. Nhái xanh là vận động viên nhảy xa. Ốc sên là người mẫu. Chỉ có tắc kè là ít khi thấy mặt, không mấy ai biết bác làm nghề gì. Nhà của bác ở góc bức tường rêu, nơi có mấy mảnh vữa đã bong tróc vì mưa nắng.

Một hôm, thằn lằn than phiền:

– Hôm qua tắc kè kêu gì thế nhỉ?

Ốc sên đang chuẩn bị đi làm, nghe thấy thế cũng góp chuyện:

– Tôi cũng nghe thấy.

Nhái xanh lắc đầu:

– Thế cô có nghe rõ bác ấy kêu gì không?

– Chắc là... Chắc là...

– Chắc là sao?

– Tôi cứ nghe bác ấy tặc lưỡi "chắc là, chắc là..." chứ làm sao biết "chắc là" cái gì.

Cụ cóc từ trong hang chống gậy đi ra. Cụ nhìn mọi người, ho khụ khụ:

– Bác tắc kè kêu "đã về, đã về". Bác ấy làm việc dự báo thời tiết ở đài khí tượng thuỷ văn, xa lắm. Được về thăm nhà mừng quá, vừa đến đầu ngõ đã phải kêu lên cho người nhà biết. Hơi ồn một chút, nhưng mình nên thông cảm cho bác ấy.

Thằn lằn, ốc sên, nhái xanh ngơ ngác nhìn nhau. Ồ, hoá ra là thế. Vậy tối nay phải đến thăm bác tắc kè chứ nhỉ. Chẳng gì thì cũng là hàng xóm láng giềng với nhau, mà lâu lắm bác ấy mới về thăm nhà...

(*Theo* Trần Đức Tiến)

– GV kể chuyện (lần 2), thỉnh thoảng dừng lại hỏi sự việc tiếp theo là gì để HS tập kể theo, khích lệ các em nhớ chi tiết câu chuyện.

– GV nêu câu hỏi dưới mỗi tranh và mời một số HS trả lời câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện.

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh, đọc câu hỏi dưới tranh, nhớ lại nội dung và kể lại câu chuyện, không phải kể đúng từng câu từng chữ mà GV đã kể.

+ Bước 2: HS tập kể theo cặp/ nhóm (một em kể, một em lắng nghe để góp ý, sau đó đổi vai người kể, người nghe).

– GV mời 1 HS kể toàn bộ câu chuyện (hoặc 2 HS kể nối tiếp đến hết câu chuyện). Cả lớp nhận xét, GV động viên khen ngợi HS đã kể đúng, kể diễn cảm câu chuyện.

3. Em học được điều gì sau khi nghe câu chuyện?

– GV hướng dẫn HS trao đổi theo cặp. HS nêu ý kiến riêng của mình về điều rút ra sau khi nghe và kể câu chuyện *Hàng xóm của tắc kè*. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý và đổi vai nghe nói để nêu ý kiến của mình. (VD: Câu chuyện cho ta thấy, dù sống ở đâu cũng phải tôn trọng những người sống xung quanh. Ta phải giữ gìn trật tự để không làm ảnh hưởng đến người khác. Nhưng đồng thời, ta cũng nên biết thông cảm với hàng xóm nếu họ có lỡ làm phiền ta vì hoàn cảnh đặc biệt. Hàng xóm láng giềng cần biết thông cảm, tôn trọng lẫn nhau.)

– Đại diện 2 – 3 cặp trình bày ý kiến.

– GV khuyến khích HS nói ra những suy nghĩ của riêng mình.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV giới thiệu bài thơ *Gió* (VD: Gió có nhiều bạn tốt, sẵn sàng giúp đỡ gió để gió thành công trong việc học,...).

– GV đọc bài thơ, sau đó 4 HS đọc nối tiếp (mỗi em đọc 4 câu thơ).

– GV hướng dẫn HS các nội dung sau:

+ Cách trình bày bài thơ 4 chữ: quan sát bài thơ trong SHS (hoặc nhìn trên bảng/ màn hình).

+ Viết hoa tên bài và các chữ đầu mỗi dòng thơ.

+ Chú ý dấu chấm cuối câu.

+ Bài thơ này không chia khổ, vì thế HS không cách dòng ở đoạn nào.

– Nghe GV đọc từng cụm từ hoặc từng dòng thơ, ghi nhớ và viết vào vở.

– Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Làm bài tập a hoặc b.

Với cả 2 bài tập, GV có thể thực hiện các hoạt động giống nhau. VD:

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.

– HS làm việc nhóm:

+ Mỗi HS tự đọc thầm đoạn thơ, chọn *s/ x* (câu a), chọn tiếng chứa *ao/ au* (câu b) thay cho ô vuông.

+ Trao đổi trong nhóm và thống nhất đáp án.

+ Đối chiếu kết quả với nhóm khác.

– Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài, cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV chốt đáp án trên bảng lớp.

a.

Mưa rơi tí tách *Mưa vẽ trên **sân***
*Hạt trước hạt **sau*** *Mưa dàn trên lá*
*Không **x**ô đẩy nhau* *Mưa rơi trắng **x**oá*
***X**ếp hàng lần lượt* *Bong bóng phập phồng.*

b.

*Cây dừa xanh toả nhiều **tàu***
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng
Thân dừa bạc phếch tháng năm
*Quả dừa – đàn lợn con nằm trên **cao***
*Đêm hè hoa nở cùng **sao***
***Tàu** dừa – chiếc lược chải **vào** mây xanh.*

3. Tìm từ ngữ được tạo bởi mỗi tiếng cho trước.

– HS làm việc nhóm. Từng HS tìm các tiếng ghép được với mỗi tiếng cho trước để tạo từ.

– HS luân phiên nêu đáp án trong nhóm và nhận xét, góp ý cho nhau.

– Đại diện 3 – 4 nhóm trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV ghi một số đáp án lên bảng. GV có thể kẻ bảng như sau:

sao	ngôi sao, vì sao, sao băng, sao chổi, sao nhãng, sao chép,...
xao	lao xao, xao xuyến, xao động, xao xác,...
sào	cây sào, yến sào, sào ruộng,...
xào	xào nấu, xào xạc, xào xáo,...

– GV khen ngợi các HS tích cực tham gia làm bài.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động vận dụng:

+ HS xem lại tranh minh hoạ câu chuyện *Hàng xóm của tắc kè*, tập luyện kể lại từng đoạn theo tranh và câu hỏi gợi ý.

+ HS kể lại cho người thân nghe và nêu cảm nghĩ về câu chuyện.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng cách nêu câu hỏi xem HS nhớ nhất điều gì trong bài vừa học, hoặc để nghị HS nói lại những điều HS thích về bài đọc và bài viết.

– GV có thể nói thêm, câu chuyện *Ngôi nhà trong cỏ* với bức tranh minh hoạ sinh động, đáng yêu đã gợi cho các em về một không gian đồng nội tràn ngập màu xanh của cây cỏ với tiếng dế kêu re re, tiếng cào cào nhảy tanh tách. Các em được phát huy trí tưởng tượng để hiểu câu chuyện qua hành động, lời nói của nhân vật. Câu chuyện cho các em thấy một tình bạn thật đẹp và thật đoàn kết giữa những người bạn hàng xóm.

– Trong bài học, HS đã đọc hiểu câu chuyện *Ngôi nhà trong cỏ*, nghe và kể lại được câu chuyện *Hàng xóm của tắc kè*.

– HS đã viết chính tả dưới hình thức nghe – viết bài thơ *Gió*, viết đúng chính tả các tiếng chứa *s/ x* hoặc *ao/ au*.

– GV dặn dò HS: Về nhà trao đổi với người thân về những điều thú vị trong bài học hôm nay.

Bài 30 NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bài *Những ngọn hải đăng*.

b. Cảm nhận được những khó khăn, vất vả và tinh thần lao động quên mình của những người canh giữ hải đăng; nhận biết được những thông tin đáng chú ý trong bài đọc. Tìm được ý chính của từng đoạn trong bài, nhận biết cách sắp xếp thông tin trong văn bản.

2. Viết đúng chữ viết hoa M, N cỡ nhỏ, viết đúng từ ngữ và câu ứng dụng có chữ viết hoa M, N.

3. Nhận biết được từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động trong văn bản, biết đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi về sự vật, hoạt động được nói đến trong văn bản.

4. Bước đầu nhận biết cách viết một lá thư cho người thân.

5. Hình thành và phát triển tình cảm đối với những người có tinh thần trách nhiệm với công việc chung.

6. Đọc mở rộng theo yêu cầu (tự tìm được câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về một nhân vật được mọi người quý mến, cảm phục).

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản thông tin.

– Tài liệu về từ loại tiếng Việt (từ chỉ sự vật, hoạt động,...).

– Một số lá thư (nếu sưu tầm được).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc, tranh ảnh về những người làm việc ở biển đảo.

– Phiếu học tập cá nhân/ nhóm cho phần Luyện tập về từ và câu (nếu chuẩn bị được).

– Mẫu chữ viết hoa M, N.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

2 – 3 HS đọc nối tiếp câu chuyện *Ngôi nhà trong cỏ*. Mỗi em trả lời một câu hỏi cuối bài đọc theo yêu cầu của GV hoặc trả lời một trong những câu hỏi sau:

– Câu chuyện muốn nói với em điều gì?

– Em thích nhân vật nào trong câu chuyện? Vì sao?

ĐỌC

1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động: *Nói về những người làm công việc canh giữ biển đảo của Tổ quốc.*

+ HS nhớ lại các bài đã học ở SHS *Tiếng Việt 2* nói về những người canh giữ biển đảo của Tổ quốc (VD: *Thư gửi bố ngoài đảo* và những câu chuyện, bài thơ, bài văn khác đã đọc).

+ Nêu công việc họ đã làm, những khó khăn họ phải đương đầu và vượt qua.

+ Bày tỏ tình cảm, cảm xúc của em đối với những người canh giữ biển đảo của Tổ quốc.

– HS thực hiện theo hướng dẫn của GV (có thể phát biểu ý kiến theo cặp hoặc theo nhóm); có thể cử 1 – 2 em phát biểu trước lớp.

– Giới thiệu bài mới:

GV có thể cho HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc, hoặc có thể cho HS xem thêm một số tranh ảnh/ băng hình về công việc của người canh giữ hải đăng rồi giới thiệu bài đọc. VD: Ngọn hải đăng trên biển rất quan trọng, do đó việc giữ ngọn hải đăng để nó luôn sáng cũng vô cùng quan trọng. Vì sao vậy? Bài đọc hôm nay giúp các em hiểu rõ điều đó. Các em hãy đọc và tìm hiểu nội dung văn bản để thu nhận được các thông tin quan trọng.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ cung cấp thông tin quan trọng của VB: tầm quan trọng của ngọn hải đăng, về khó khăn, nguy hiểm, vất vả,... của những người canh giữ hải đăng).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *lạc đường, điện năng lượng, mưa nắng, biển lặng,...*). GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của từ ngữ (*"định hướng", "điện năng lượng mặt trời"* theo cách giải thích trong SHS).

+ Nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu: dấu chấm, dấu phẩy.

+ Đọc các câu dài:

Hải đăng/ hay đèn biển,/ là ngọn tháp được thiết kế/ để chiếu sáng bằng hệ thống đèn,/ giúp tàu thuyền định hướng đi lại giữa đại dương.

Với lòng yêu nghề,/ yêu biển đảo quê hương,/ họ đã vượt qua bao khó khăn,/ gian khổ nơi biển khơi xa vắng,/ góp sức mình bảo vệ vùng biển,/ vùng trời của Tổ quốc.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn (bài đã thể hiện rõ 3 đoạn) trước lớp.

– HS làm việc nhóm (3 em/nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp đến hết bài), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV đưa câu hỏi dẫn dắt: Bài đọc giới thiệu những gì về ngọn hải đăng?

– Mời 1 – 2 HS trả lời. (GV có thể nhắc lại để HS nhớ: Hải đăng là đèn biển, là ngọn tháp được thiết kế để chiếu sáng bằng hệ thống đèn ở ngoài biển.)

– 1 – 2 HS đọc chú thích từ ngữ. (GV có thể sử dụng hình ảnh trực quan để HS hiểu rõ hơn về những ngọn hải đăng trên biển đêm.)

Câu 1. *Nêu ích lợi của những ngọn hải đăng.*

– GV nêu yêu cầu, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời rồi mời HS phát biểu trước lớp. Câu hỏi này dễ tìm được câu trả lời, không cần dành nhiều thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến. VD: Hải đăng phát sáng trong đêm giúp tàu thuyền định hướng đi lại giữa đại dương. Chỉ cần nhìn thấy ánh sáng hải đăng, người đi biển sẽ cảm thấy yên tâm, không lo lạc đường.

Câu 2. *Những ngọn hải đăng được thắp sáng bằng gì?*

GV nêu câu hỏi. Mời 2 – 3 HS trả lời. (VD: Những ngọn hải đăng được thắp sáng bằng điện năng lượng mặt trời. Đó là nguồn điện được tạo ra từ việc chuyển đổi ánh sáng mặt trời thành điện.). GV có thể giải thích thêm: Vào những đợt mưa bão dài ngày, năng lượng yếu thì phải lập tức thay thế bằng máy phát điện.

Câu 3. *Những người canh giữ hải đăng phải làm việc vất vả ra sao? Em có suy nghĩ gì về công việc của họ?*

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Làm việc cá nhân, tìm câu trả lời.

+ Làm việc theo cặp hoặc nhóm: Từng cá nhân nêu ý kiến (nêu câu trả lời của mình), cả nhóm góp ý, thống nhất câu trả lời đúng.

– Cả lớp:

+ 1 HS đọc lại đoạn 2.

+ Một số nhóm trưởng hoặc đại diện nhóm (hoặc HS chưa thật mạnh dạn, tích cực) phát biểu ý kiến.

+ Cả lớp nhận xét, GV thống nhất câu trả lời.

VD: Để tàu thuyền đi lại trên biển không bị mất phương hướng, những ngọn hải đăng không bao giờ được tắt. Những người làm nhiệm vụ canh giữ hải đăng phải làm việc suốt ngày đêm, bất kể nắng hay mưa, mùa biển lặng hay bão tố,... Có những đêm mưa gió, họ phải buộc dây bảo hiểm quanh người, trèo lên đỉnh cột đèn xem xét, bảo dưỡng. Họ luôn sẵn sàng khắc phục mọi sự cố để giữ được ánh sáng của hải đăng.

– GV nêu câu hỏi: Các em có suy nghĩ gì về công việc của họ?

– GV dành thời gian cho HS suy nghĩ trước khi trả lời.

– GV yêu cầu mỗi HS trả lời câu hỏi bằng 1 – 2 câu. Mời nhiều em phát biểu.

GV khích lệ, khen ngợi các ý kiến thể hiện suy nghĩ chân thực của các em. HS có thể phát biểu: Công việc của những người canh giữ hải đăng vô cùng vất vả, hiểm nguy. Làm tốt công việc đó, những người canh giữ hải đăng đã chứng tỏ tình yêu với biển đảo, với đất nước.

Câu 4. *Sắp xếp các ý theo trình tự bài đọc.*

– GV yêu cầu HS tự đọc yêu cầu, suy nghĩ để sắp xếp các ý đã cho theo trật tự 3 đoạn trong bài đọc, sau đó phát biểu, trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm.

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp, cả lớp cùng GV nhận xét và chốt câu trả lời đúng.

– GV tổng kết nội dung bài học.

4. Luyện đọc lại

3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

VIẾT

1. Ôn chữ viết hoa

– GV nêu tên bài học: Ôn chữ viết hoa *M, N* (GV lưu ý HS nhớ lại cách viết chữ viết hoa đã được luyện viết từ lớp 2). Trong khoảng nửa tiết học, các em ôn lại cách viết 2 chữ viết hoa *M, N* và viết ứng dụng.

– GV viết mẫu, kết hợp nhắc lại cách viết các chữ viết hoa (hoặc cho HS quan sát clip hướng dẫn viết chữ viết hoa *M, N*).

– HS viết chữ viết hoa *M, N* ra nháp trước khi viết vào vở ô li theo hướng dẫn.

– HS viết chữ viết hoa *M, N* theo yêu cầu (về số chữ) vào vở.

– GV nhận xét chữ viết của HS.

2. Viết ứng dụng

a. *Viết tên riêng*

– HS đọc tên riêng: *Mũi Né.*

– HS viết tên riêng *Mũi Né* vào vở.

(GV có thể cung cấp thông tin hoặc giới thiệu về Mũi Né: một địa điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Lâm Đồng. GV có thể chỉ trên bản đồ Việt Nam để HS dễ hình dung vị trí.)

b. *Viết câu*

– GV giới thiệu câu ứng dụng: Đây là câu ca dao ca ngợi vẻ đẹp của Đồng Tháp Mười – vùng đất thuộc miền Tây Nam Bộ nước ta. Đó là vùng đất rộng mênh mông, sông nước dạt dào, có nhiều tôm cá.

– HS đọc thầm câu ứng dụng:

Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh
Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm.

– GV nhắc HS trong câu ứng dụng có các chữ viết hoa *Đ, T, M, N*. Lưu ý HS viết đúng chính tả các chữ như *Nước, lóng lánh,* và cách viết lùi đầu dòng của thơ.

– HS viết câu ứng dụng vào vở.

– HS góp ý cho nhau theo cặp hoặc theo nhóm.

– GV lựa chọn một số bài viết của HS chiếu lên màn hình, cả lớp nhận xét, sửa chữa. GV động viên những HS viết đẹp, tiến bộ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Nhận biết từ chỉ sự vật, hoạt động trong đoạn thơ.

– GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu bài tập 1.

– GV nhắc HS đọc thầm đoạn thơ, chú ý các từ ngữ được in đậm.

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ HS làm việc cá nhân: xếp các từ ngữ được in đậm vào 2 nhóm: từ ngữ chỉ sự vật, từ ngữ chỉ hoạt động.

+ HS chữa bài trước lớp (hoặc đối chiếu bài làm trong nhóm).

– GV và HS thống nhất đáp án:

+ Từ ngữ chỉ sự vật: biển, sóng, đèn biển, sương, đoàn tàu.

+ Từ ngữ chỉ hoạt động: thức dậy, cõng, đứng.

2. Tìm thêm những từ ngữ chỉ sự vật có trong đoạn thơ ở bài tập 1.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập 2:

+ HS làm việc cá nhân: suy nghĩ, mỗi em tự tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật có trong đoạn thơ.

+ HS làm việc theo cặp hoặc nhóm: Từng bạn nêu các từ ngữ mình đã tìm được. Nói đến từ nào thì cả nhóm xác nhận đúng hoặc chưa đúng (GV đi các nhóm, ghi chép kết quả làm bài của các nhóm để chữa chung trước lớp hoặc chữa riêng bài của một số HS làm chưa đúng).

– GV mời một số HS đọc các từ trong mỗi nhóm đã thống nhất.

(Đáp án: trẻ con, ông trời, dã tràng, nắng, mắt, khăn, còi)

Lưu ý: Về từ chỉ sự vật, với HS lớp 3, chủ yếu chỉ yêu cầu các em nhận biết các từ ngữ chỉ người, chỉ đồ vật, con vật, cây cối và những vật thể lớn như biển, trời, sông, núi,...

3. Hỏi – đáp về sự vật, hoạt động được nói đến trong đoạn thơ ở bài tập 1.

– HS đọc yêu cầu bài tập 3 và mẫu.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập 3 theo cặp: 1 bạn hỏi, 1 bạn trả lời, sau đó đổi vai.

– GV khen ngợi các cá nhân hoặc nhóm làm đúng yêu cầu, làm việc tích cực (đưa ra được câu hỏi và câu trả lời dựa vào bài thơ).

VD:

TT	Hỏi – đáp về sự vật	Hỏi – đáp về hoạt động
1	Hỏi: – Cái gì lắc ông trời thức dậy? Đáp: – Sóng./ Sóng lắc ông trời thức dậy.	Hỏi: – Dã tràng làm gì? Đáp: – Dã tràng cõng nắng./ Dã tràng cõng nắng lon xon.
2	Hỏi: – Sáng ra, cái gì hoá trẻ con? Đáp: – Biển./ Sáng ra biển hoá trẻ con.	Hỏi: – Sóng làm gì? Đáp: – Sóng lắc ông trời thức dậy.
3	Hỏi: – Cái gì quấn khăn sương? Đáp: – Đèn biển quấn khăn sương.	Hỏi: – Đèn biển làm gì? Đáp: – Đèn biển đứng quấn khăn sương.
...	...	...

LUYỆN VIẾT THƯ

1. Đọc bức thư và trả lời câu hỏi.

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV nêu mục đích của bài tập 1: Tìm hiểu và nhận biết cách viết một bức thư.

+ GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập và đọc bức thư trước lớp. Trước khi HS đọc, GV yêu cầu cả lớp đọc thầm các câu hỏi bên dưới bức thư.

– Làm việc nhóm:

+ Từng em suy nghĩ để tự trả lời các câu hỏi của bài tập.

+ Nhóm trưởng nêu từng câu hỏi và mời các bạn trả lời.

+ Cả nhóm nhận xét.

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV chữa bài trên bảng lớp: sử dụng máy chiếu bức thư lên màn hình (nếu có); GV viết câu trả lời của HS lên bảng.

+ Thống nhất đáp án:

a. Nga viết thư cho chú Thành.

b. Dòng đầu bức thư ghi địa điểm, thời gian viết thư.

c. Lời hỏi thăm có ở đoạn: "Dạo này chú có khoẻ không ạ? Ở Trường Sa mùa này có mưa bão nhiều không chú?"

d. Đoạn Nga kể về mình và gia đình: "Chú Thành ơi, cả nhà mình đều khoẻ... nhắc đến chú đấy."

e. Nga mong ước được ra đảo thăm chú Thành. Nga chúc chú Thành và các chú bộ đội ở đảo Trường Sa luôn mạnh khoẻ.

2. Trao đổi với bạn: Em muốn viết thư cho ai? Trong thư, em sẽ viết những gì?

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV nêu yêu cầu bài tập 2, dành thời gian cho HS suy nghĩ và trả lời. GV nói HS có thể trao đổi ý kiến với bạn.

+ GV mời một số HS phát biểu ý kiến trước lớp, GV và HS nhận xét.

+ GV yêu cầu HS viết vào vở những điều mình muốn viết trong thư (như ý kiến đã phát biểu trong nhóm hoặc trước lớp).

3. Thực hành viết một đoạn trong bức thư.

– GV nhắc HS thực hiện yêu cầu của bài tập 3 (Dựa vào những điều trao đổi với bạn ở bài tập 2, viết 3 – 4 câu hỏi thăm tình hình của người nhận thư).

– HS làm việc cá nhân, sau đó tự soát và sửa lỗi.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng: *Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ... về một nhân vật được mọi người quý mến, cảm phục* (như ví dụ trong SHS). Có thể trao đổi với người thân về nhân vật trong bài đọc.

CỦNG CỐ

– GV nhận xét về kết quả học tập tuần 16. GV hỏi HS đã học những nội dung gì trong 2 bài (Bài 29 và Bài 30) và chốt lại nội dung môn học trong tuần:

+ Các bài đọc (*Ngôi nhà trong cỏ*, *Những ngọn hải đăng*) đều ca ngợi những người sống bình dị, cởi mở, thân thiện, làm việc có trách nhiệm, biết sống vì cộng đồng,...

+ Biết cách viết thư cho người thân.

– GV động viên, khen ngợi HS học tập tích cực, tiến bộ, có nhiều cố gắng.

– Dặn dò HS tìm đọc câu chuyện, bài thơ theo yêu cầu đọc mở rộng; xem trước bài 31.

TUẦN 17

Bài 31 NGƯỜI LÀM ĐỒ CHƠI (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Người làm đồ chơi*. Bước đầu biết đọc VB với giọng đọc thể hiện được tâm trạng, cảm xúc của nhân vật, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

b. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm của các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, việc làm của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Bác Nhân, người chuyên làm đồ chơi cho trẻ em, là một người rất đáng trân trọng vì bác yêu nghề, yêu các bạn nhỏ. Những người như bác Nhân sẽ góp phần gìn giữ văn hoá dân tộc thông qua việc gìn giữ một loại đồ chơi dân gian cho trẻ em – tò he. Câu chuyện còn nói về tấm lòng đáng trân trọng của một bạn nhỏ: tìm mọi cách để làm cho người mình yêu quý được vui vẻ, hạnh phúc.

2. Kể lại được câu chuyện *Người làm đồ chơi*.

3. Viết đúng chính tả một đoạn bài *Người làm đồ chơi* (theo hình thức nghe – viết) trong khoảng 15 phút. Biết viết đúng chữ viết hoa tên người.

4. Hiểu và có tình cảm trân trọng với nghề nặn tò he cũng như những nghề nghiệp khác nhau trong cuộc sống, biết quan tâm tới những người xung quanh.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (địa điểm, thời gian, trình tự các sự việc, suy nghĩ và hành động của nhân vật).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Người làm đồ chơi*, đặc biệt là tranh ảnh về tò he – một đồ chơi dân gian rất độc đáo của người Việt.

– Tranh minh hoạ ở bài tập chính tả.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV hỏi HS về bài học trước (*Những ngọn hải đăng*). VD: Em có suy nghĩ gì về những người canh giữ hải đăng?

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Thực hiện yêu cầu ở phần Khởi động: *Kể với các bạn về món đồ chơi em thích nhất.*

+ Quan sát tranh minh hoạ trong bài đọc và nói với các bạn về đồ chơi được vẽ trong tranh: Tranh vẽ đồ chơi gì? Em đã từng chơi đồ chơi này chưa? Đồ chơi này được làm bằng chất liệu gì?,...

+ Có thể làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp.

– Một số HS (2 – 3 em) lần lượt phát biểu ý kiến trước lớp.

Với yêu cầu ở phần Khởi động, HS được nói ý kiến cá nhân, kể về bất cứ loại đồ chơi nào mình thích. Với yêu cầu thứ 2 (xem tranh ở phần bài đọc), GV có thể chốt một số ý: Tranh vẽ một loại đồ chơi dân gian được nặn bằng bột màu, với nhiều hình thù khác nhau: Tôn Ngộ Không, gà, hoa,... Đó là tò he. Ở Hà Nội, trước cửa đền Ngọc Sơn thường bày bán đồ chơi này. Loại đồ chơi này cũng đã được giới thiệu trong bài đọc *Trên các miền đất nước* ở SHS *Tiếng Việt 2, tập hai.*

Sau đó, GV giới thiệu khái quát câu chuyện *Người làm đồ chơi.* (VD: Hôm nay các em sẽ được biết câu chuyện về một người làm tò he bán cho các bạn nhỏ ở thành phố. Đó là bác Nhân. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu xem xung quanh câu chuyện làm tò he của bác Nhân có điều gì đặc biệt.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *bột màu, sào nứa, tinh nhanh,...*).

+ Lưu ý cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Ở ngoài phố,/ cái sào nứa cắm đồ chơi của bác/ dựng chỗ nào/ là chỗ ấy,/ các bạn nhỏ xúm lại.*

+ Đọc diễn cảm theo lời nhân vật:

Lời bạn nhỏ: "*Đừng, bác đừng về. Bác ở đây làm đồ chơi bán cho chúng cháu.*". Giọng đọc tình cảm, tha thiết, khẩn khoản.

Lời bác Nhân: "*Hôm nay, bác bán hết hàng. Thì ra, vẫn còn nhiều bạn nhỏ thích đồ chơi của bác.*". Giọng đọc vui vẻ, hào hứng, có chút xúc động.

+ Chia đoạn: 3 đoạn. Đoạn 1 từ đầu đến *công việc của mình.* Đoạn 2 tiếp theo đến *bán*

nốt trong ngày mai. Đoạn 3: phần còn lại. (Tuỳ vào đối tượng HS mà GV có thể tự phân đoạn hoặc yêu cầu HS phân đoạn.)

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp như đã làm mẫu ở trên.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Bác Nhân làm nghề gì?*

Đây là một câu hỏi đơn giản, GV có thể cho HS trả lời nhanh.

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến.

– GV động viên HS trả lời theo các cách khác nhau. (VD: Bác Nhân làm đồ chơi cho trẻ em bằng bột màu; Bác Nhân làm tò he bán cho các bạn nhỏ.)

Câu 2. *Chi tiết nào cho thấy trẻ con thích đồ chơi của bác Nhân?*

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi, hướng dẫn HS tìm đoạn văn có chứa câu trả lời.

– Làm việc theo nhóm, cặp:

+ HS đọc lại câu hỏi, đọc lại đoạn văn thứ nhất.

+ HS chuẩn bị câu trả lời trước lớp.

+ Đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi. GV khuyến khích HS diễn đạt lại câu văn trong bài theo ý của mình.

– GV và HS nhận xét câu trả lời và chốt đáp án. (Chi tiết cho thấy trẻ nhỏ thích đồ chơi của bác Nhân là: các bạn nhỏ xúm vào chỗ cái sào nứa cắm đồ chơi của bác Nhân). Lưu ý HS có thể diễn đạt theo cách khác.

Câu 3. *Vì sao bác Nhân muốn chuyển về quê?*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ Đọc câu hỏi và 3 phương án trắc nghiệm.

+ Suy nghĩ tìm phương án đúng.

– GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trả lời. GV có thể hỏi thêm HS vì sao lại chọn phương án đó. GV và HS chốt phương án đúng: phương án b. (Giải thích: Vì trong bài có các chi tiết: mấy năm gần đây, đồ chơi của bác không được đắt hàng như trước; chẳng mấy ai mua đồ chơi của bác nữa.)

– GV có thể mở rộng câu hỏi: Vì sao các bạn nhỏ lại ít mua đồ chơi của bác? (Vì đồ

chơi nhựa ra đời, các bạn nhỏ thích đồ chơi nhựa hơn./ Đồ chơi nhựa mới mẻ nên các bạn thấy nó hấp dẫn hơn,...)

Câu 4. *Bạn nhỏ đã bí mật làm điều gì trước buổi bán hàng cuối cùng của bác Nhân?*

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến.

– GV động viên HS trả lời câu hỏi theo các cách diễn đạt khác nhau. (Ý chung là: Bạn nhỏ đã lấy tiền từ con lợn đất của mình để đưa cho các bạn, nhờ các bạn mua đồ chơi của bác Nhân.)

– GV có thể đặt thêm câu hỏi phụ để dẫn vào câu số 5: Vì sao bạn nhỏ lại làm như vậy? (Vì bạn ấy rất yêu quý bác Nhân, muốn làm cho bác ấy vui).

Câu 5. *Theo em, bạn nhỏ là người như thế nào?*

Đây là câu hỏi mở, HS có thể trao đổi suy nghĩ riêng của mình.

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS trao đổi theo cặp để cùng nắm được các ý kiến của nhau.

– GV quan sát các cặp, lắng nghe một số ý kiến.

– Đại diện 2 – 3 cặp HS phát biểu ý kiến. GV khích lệ HS có những kiến giải cá nhân. (VD: Em thấy bạn nhỏ là người tốt, biết nghĩ cho người khác; Em thấy bạn nhỏ tuy ít tuổi nhưng đã biết chia sẻ với người khác, rất quan tâm tới bác Nhân,... Em thấy bạn nhỏ rất sáng tạo, nghĩ ra được một phương án rất hay để làm cho bác Nhân vui,...)

4. Luyện đọc lại

HS làm việc theo nhóm: Đọc nối tiếp các đoạn.

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện *Người làm đồ chơi*

Đây là một kiểu kể chuyện mới, không kể theo tranh mà theo các câu hỏi gợi ý.

– GV yêu cầu HS: Đọc phần chỉ dẫn kể chuyện trong SHS.

– GV hướng dẫn HS kể từng đoạn của câu chuyện với các câu hỏi gợi ý. VD: Đoạn 1. Giới thiệu nghề nghiệp của bác Nhân.

+ *Bác Nhân làm nghề gì?* (Bác Nhân làm nghề nặn đồ chơi bằng bột màu và bán cho các bạn nhỏ.)

+ *Bác có yêu công việc của mình không?* (Bác rất yêu công việc của mình.)

Các đoạn còn lại cũng triển khai tương tự.

– Sau mỗi gợi ý của từng đoạn, GV có thể gọi 1 – 2 HS trả lời (làm mẫu). Sau đó HS làm việc nhóm, kể cho nhau nghe.

– GV gọi đại diện một số nhóm kể từng đoạn hoặc nối tiếp nhau kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp (không cần dựa vào câu hỏi gợi ý).

– GV và HS cùng nhận xét phần kể chuyện của các bạn.

(Có thể cho HS đóng vai: một em đóng vai bác Nhân, một em đóng vai bạn nhỏ, một em dẫn chuyện).

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV đọc một lượt toàn bộ đoạn văn cần viết, lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong bài:

+ Viết hoa tên riêng (bác Nhân).

+ Chữ dễ sai chính tả: *sào nứa, đen sạm,...*

– GV đọc từng câu cho HS viết. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.

– Sau khi HS viết xong, GV đọc lại một lần cả đoạn và yêu cầu HS tự soát lỗi.

– HS đổi vở cho nhau để soát lỗi giúp bạn.

– GV kiểm tra bài viết của HS, sửa một số bài và nhận xét chung cả lớp, động viên những HS có tiến bộ.

2. Viết thông tin vào phiếu mượn sách.

Bài này có mục đích rèn chữ viết hoa cho HS.

– HS đọc phiếu mượn sách.

– GV gọi 1 – 2 HS làm mẫu trước lớp (GV có thể viết mẫu phiếu lên bảng để HS điền).

– GV lưu ý HS: Có nhiều từ cần được viết hoa (tên riêng của mình, tên địa danh (phố, phường, xã, tỉnh,...), tên tác giả, chữ cái đầu của tên sách).

– HS viết vào vở.

– HS đổi vở cho nhau, nhận xét.

– GV nhận xét một số bài viết của HS (chú trọng vào việc HS có viết hoa đúng hay không), động viên những HS có tiến bộ.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu. Nếu không có đất nặn thì HS có thể làm bằng giấy hoặc các vật liệu sẵn có. Sau khi các em làm xong, hãy giới thiệu đồ chơi đó với bố mẹ. VD: Đây là quả thị. Con dùng đất nặn để tạo ra nó. Quả thị của con có màu vàng. Con dùng màu nước màu xanh lá cây để điểm một vài đốm xanh vì quả thị này chưa chín hẳn. Phần cuống được tạo bởi đất nặn màu xanh bọc quanh một đoạn chiếc tăm...

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng cách nêu câu hỏi xem HS nhớ được những gì về các bài đọc và viết đã học trong 3 tiết. Đặc biệt, GV hỏi HS xem các em có ấn tượng gì với bác Nhân và bạn nhỏ trong câu chuyện *Người làm đồ chơi.*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– GV có thể nói rõ thêm về bài đọc *Người làm đồ chơi.* Bài đọc nói về một con người bình dị, yêu nghề nghiệp của mình, yêu các bạn nhỏ. Đồng thời bài đọc cũng ca ngợi người bạn nhỏ: biết yêu thương, giúp đỡ và chia sẻ với những người xung quanh, biết sống vì người khác, mang lại niềm vui cho người khác.

– GV nhắc lại một số quy tắc viết hoa.

– GV dặn dò HS: Về nhà chia sẻ với người thân đồ chơi mình tự làm và thuyết minh với người thân về đồ chơi ấy.

Bài 32 CÂY BÚT THẦN (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và rõ ràng câu chuyện *Cây bút thần* (đọc đúng các tiếng khó, các tiếng dễ phát âm sai). Biết thể hiện ngữ điệu khi đọc lời nói của nhân vật trong câu chuyện, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

   b. Biết kết hợp đọc chữ và xem tranh để hiểu các tình tiết, sự việc của câu chuyện. Nêu được nhận xét về nhân vật dựa vào hành động, việc làm của nhân vật.

   c. Chia sẻ với bạn nội dung bài đọc mở rộng (viết về những người làm việc thầm lặng, có ích cho xã hội). Biết ghi chép những thông tin cơ bản về bài đọc.
2. Mở rộng vốn từ về thành thị và nông thôn, nhận biết các sự vật được so sánh trong câu văn. Biết đặt câu có hình ảnh so sánh.
3. Viết được bức thư theo hướng dẫn.
4. Biết bày tỏ sự cảm mến với những người có hành động cao đẹp, sẵn sàng giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Truyện dân gian, phương pháp đọc hiểu thể loại truyện dân gian.

– Tài liệu về từ loại tiếng Việt (từ chỉ đặc điểm, tính chất).

– Nhân vật trong tác phẩm văn học.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc, tranh ảnh về nhân vật kì ảo trong truyện cổ tích.

– Sách, truyện phục vụ yêu cầu đọc mở rộng.

– Phiếu học tập cá nhân/ nhóm cho phần Luyện tập về từ và câu (nếu chuẩn bị được).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 - 2

ÔN BÀI CŨ

GV có thể cho HS ôn bài cũ bằng một trong những cách sau đây:

– HS làm việc theo cặp, đọc nối tiếp câu chuyện *Người làm đồ chơi,* sau đó mỗi em sẽ nêu chi tiết khiến em cảm động.

– 2 – 3 em đọc nối tiếp câu chuyện *Người làm đồ chơi* trước lớp, rồi lần lượt từng em trả lời câu hỏi cuối bài đọc theo yêu cầu của GV.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động: HS thực hiện hoạt động theo nhóm, từng em sẽ trả lời câu hỏi: *Nếu được ban một phép lạ, em muốn mình có phép lạ gì?*

– HS thực hiện theo hướng dẫn của GV; có thể mời 1– 2 em phát biểu trước lớp.

– Giới thiệu bài mới:

+ GV có thể cho HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc và nói (phán đoán) nội dung từng bức tranh (có thể cho xem thêm một số hình ảnh về các nhân vật trong truyện cổ tích Việt Nam và các hiện tượng kì ảo) rồi giới thiệu bài đọc với HS. (VD: *Cây bút thần* là câu chuyện cổ tích của Trung Quốc. Cũng giống như nhiều truyện cổ tích của Việt Nam, truyện thường có những nhân vật hoặc đồ vật thần kì, đem may mắn đến cho những người tốt bụng, hiền lành hoặc nghèo khổ. Bài đọc hôm nay có nhiều chi tiết thần kì thú vị. Các em hãy đọc và tìm hiểu nội dung văn bản để hiểu được vì sao câu chuyện này được xếp vào chủ điểm *Cộng đồng gắn bó.*)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu ở chỗ lời nói trực tiếp của các nhân vật), nhắc HS nhìn vào bài để đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng từ ngữ có các tiếng dễ phát âm sai (VD: *Mã Lương, kiếm củi trên núi, cây bút sáng lấp lánh,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Một đêm,/ Mã Lương mơ thấy một cụ già tóc bạc phơ/ đưa cho em cây bút sáng lấp lánh./ Em reo lên:/ "Cây bút đẹp quá!/ Cháu cảm ơn ông!".*

+ Đọc diễn cảm những lời nói của Mã Lương.

– GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp theo 5 đoạn (đã tách trong bài đọc).

– 5 HS đọc nối tiếp theo 5 đoạn (hoặc 2 HS đọc nối tiếp 5 đoạn).

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm: Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 5 đoạn), 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 5 HS đọc nối tiếp 5 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1 và 2 đơn giản, nên tổ chức làm việc chung cả lớp.

Câu 1. *Tìm những chi tiết cho thấy Mã Lương rất thích vẽ và vẽ rất giỏi.*

– GV nêu câu hỏi, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời rồi mời HS phát biểu trước lớp. (GV nhắc HS không cần nói đúng câu chữ trong câu chuyện.)

– Một số HS phát biểu ý kiến, VD:

+ Mã Lương thích vẽ: Khi kiếm củi trên núi hay lúc cắt cỏ ven sông, Mã Lương đều tập vẽ. Mã Lương vẽ trên đất, trên đá.

+ Mã Lương vẽ giỏi: Em vẽ chim, tưởng như sắp được nghe chim hót; vẽ cá, tưởng được trông thấy cá bơi.

Câu 2. *Mã Lương được ai tặng cho cây bút thần? Cây bút đó có gì lạ?*

– Một HS đọc câu hỏi. GV dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời rồi mời HS phát biểu trước lớp.

– Một số HS phát biểu ý kiến. HS có thể đưa ra các ý kiến như sau:

+ Mã Lương được cụ già tóc bạc phơ tặng cho cây bút thần. Cây bút đó rất kì diệu: vẽ chim, chim tung cánh bay; vẽ cá, cá vẫy đuôi trườn xuống sông; vẽ cày, vẽ cuốc thành cày, thành cuốc cho người dân đem đi làm ruộng,...

+ Mã Lương được ông tiên tặng cho cây bút thần, vẽ thứ gì thứ đó đều trở thành thật (thành cái có thật).

Câu 3. *Đóng vai người dân trong làng, nói về những điều Mã Lương đã làm cho họ từ khi có bút thần.*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS cách thực hiện theo nhóm:

+ Bước 1: Tìm hiểu những việc Mã Lương làm cho dân làng từ khi có bút thần.

+ Bước 2: Từng em tập đóng vai người dân trong làng nói về những điều Mã Lương đã làm cho họ, các em khác đóng vai người nghe, chăm chú nhìn vào người nói.

Lưu ý: Khi nói, cần hình dung mình đang nói với người dân của làng khác, kết hợp thể hiện cử chỉ, điệu bộ,... để vai diễn tự nhiên hơn. Cần nhìn vào người nghe để nói.

+ Bước 3: Các thành viên góp ý cho nhau để đóng vai đạt hơn trước.

– Làm việc nhóm theo hướng dẫn của GV (thực hiện theo 3 bước).

– Làm việc chung cả lớp: GV mời một số nhóm lên "trình diễn"; GV và HS nhận xét. HS có thể nói theo các cách khác nhau. (VD: Làng tôi có cậu bé Mã Lương thông minh, tốt bụng lắm. Cậu ấy có cây bút thần, vẽ gì được nấy. Cậu ấy chỉ giúp người nghèo khổ. Nhà nào không có cày, cậu ấy vẽ cho cày. Nhà nào không có cuốc, cậu vẽ

cho cuốc,... Ai cũng có dụng cụ tốt để làm ăn. Chúng tôi không biết lấy gì để cảm ơn cậu ấy.)

Câu 4. *Theo em, vì sao Mã Lương không chịu làm theo ý muốn của phú ông?*

– GV mời 1 HS đọc giải nghĩa từ *phú ông, đầy tớ*, mời 2 HS đọc nối tiếp câu hỏi và các phương án trả lời.

– GV hướng dẫn cách làm:

+ Làm việc cá nhân: đọc câu hỏi 4, chọn phương án trả lời mình cho là đúng nhất (hoặc nêu ý kiến khác theo cách hiểu của riêng mình).

+ Làm việc nhóm: từng cá nhân nêu ý kiến (nêu phương án trả lời mình chọn hoặc nêu ý kiến thể hiện cách hiểu riêng của mình), có thể giải thích vì sao mình chọn ý kiến đó.

– Cả lớp:

+ Một số nhóm trưởng nêu các phương án trả lời mà các bạn trong nhóm đã chọn (có thể thống kê); GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

+ GV hỏi HS nào có ý kiến khác, ý kiến riêng thì mạnh dạn chia sẻ; GV và HS nhận xét, góp ý.

+ GV nhận xét chung, chốt phương án đúng là phương án c và giải thích vì sao 2 phương án còn lại chưa đúng (Vì Mã Lương từ chối làm theo ý muốn của tên địa chủ trước khi hắn nhốt Mã Lương vào chuồng ngựa, bỏ đói, bỏ rét.)

Câu 5. *Em đoán xem những sự việc gì sẽ xảy ra tiếp theo.*

– HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn làm việc theo nhóm: từng em phán đoán; nhóm bình chọn phán đoán nào thú vị và hợp lí.

– HS làm việc nhóm theo hướng dẫn.

– Làm việc chung cả lớp:

+ Một số HS nêu ý kiến.

+ Cả lớp nhận xét.

+ Nghe GV khen các ý kiến hay.

4. Luyện đọc lại.

HS làm việc theo nhóm, đọc nối tiếp các đoạn.

ĐỌC MỞ RỘNG

– HS làm việc cá nhân: Tìm đọc bài về một nhân vật được mọi người quý mến, cảm phục và viết phiếu đọc sách.

– Làm việc nhóm: Thực hiện các yêu cầu nêu trong SHS (Chia sẻ với bạn về điều em muốn học từ nhân vật trong bài đọc).

– GV đi các nhóm để góp ý, nhận xét, khích lệ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TIẾT 3 – 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ ngữ chỉ sự vật và từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật thường thấy ở thành thị hoặc nông thôn.

– GV giới thiệu mục tiêu của tiết học: Làm bài tập 1 giúp các em mở rộng vốn từ về thành thị và nông thôn, đồng thời củng cố thêm kiến thức về từ ngữ chỉ sự vật và đặc điểm. Làm bài tập 2, bài tập 3, các em được rèn kĩ năng nhận biết các sự vật được so sánh trong câu văn tả âm thanh và biết đặt câu có hình ảnh so sánh.

– GV mời 2 HS đọc yêu cầu và mẫu của bài tập 1.

– GV hướng dẫn HS: có thể dựa vào tranh của bài tập 1 để tìm từ ngữ hoặc dựa vào hiểu biết, trải nghiệm thực tế của bản thân (đã được quan sát cảnh vật ở thành thị và nông thôn) để nêu các từ ngữ chỉ sự vật và từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật thường thấy ở thành thị hoặc nông thôn.

– GV gợi ý cách thực hiện: Có thể tìm xong các từ ngữ chỉ sự vật rồi mới tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật, hoặc tìm được sự vật nào thì nêu luôn đặc điểm của sự vật đó. VD:

+ Tìm từ ngữ chỉ sự vật: Từng cá nhân viết ra các từ ngữ chỉ sự vật ở thành thị, ở nông thôn. Sau đó, trao đổi kết quả theo nhóm, bổ sung thêm từ ngữ vào bài của mình theo góp ý của các bạn trong nhóm.

Đáp án:

Tranh	Thành phố (đô thị)	Nông thôn (làng quê)
Từ ngữ chỉ sự vật	– Từ ngữ chỉ người: sinh viên, bác sĩ, kĩ sư, nhân viên công sở,... – Từ ngữ chỉ vật: xe buýt, chung cư cao tầng, cửa hàng, cửa hiệu, siêu thị, ô tô, xe máy, nhà máy, công sở, bệnh viện, công viên, đèn cao áp,...	– Từ ngữ chỉ người: nông dân, người làm vườn, thợ cấy, thợ lái máy cày, ... – Từ ngữ chỉ vật: cánh đồng, vườn rau, ruộng lúa, đồng cỏ, luỹ tre, lúa, ngô, khoai, ao hồ, cổng làng, xe thô sơ, cây rơm, đường đất, trâu bò, lợn gà,...

– GV nói với cả lớp: Các từ ngữ cả lớp tìm được là từ ngữ chỉ sự vật thường thấy ở thành thị và nông thôn. Tuy nhiên, trên thực tế, chúng ta thấy nhiều vùng nông thôn trên đất nước ta cũng đã thay đổi nhiều, có dáng nét của thành phố (phố trong làng) và ngược lại, cũng có thành phố đã chú ý tạo môi trường xanh (làng trong phố).

+ Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật: HS thực hiện yêu cầu theo cặp hoặc theo nhóm.

Đáp án:

Từ ngữ chỉ người	Từ ngữ chỉ đặc điểm
sinh viên	trẻ, thông minh,...
bác sĩ	giỏi, nhân hậu,...
kĩ sư	sáng tạo,...
nông dân	cần cù, chăm chỉ,...
người làm vườn	hiền lành, chất phác,...
...	...

Từ ngữ chỉ vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm
chung cư cao tầng	hiện đại, cao vút,...
xe buýt	đông người, thuận tiện,...
vườn rau	tươi tốt, xanh mơn mởn,...
cổng làng	cổ kính, thân thuộc,...
đường làng	yên tĩnh, vắng vẻ
...	...

– GV mời một số nhóm có cách trình bày hợp lí, đẹp mắt trình bày trước lớp và hướng dẫn chữa bài.

Lưu ý: HS có thể nêu từ chỉ đặc điểm gắn với từng sự vật. GV có thể nêu một số từ ngữ chỉ đặc điểm chung của cảnh vật ở thành thị và nông thôn. VD:

Đặc điểm cảnh vật ở thành phố	Đặc điểm cảnh vật ở nông thôn
đông đúc, sầm uất, chật chội, ồn ào, náo nhiệt, tấp nập, sôi động, hiện đại, đồ sộ, sang trọng, mới mẻ,...	vắng vẻ, thoáng đãng, rộng rãi, yên tĩnh, thanh bình, yên ả, êm đềm, xanh tươi, bình dị, cổ xưa, gần gũi với thiên nhiên, trong lành,...

2. Tìm những âm thanh được so sánh với nhau trong mỗi câu văn. Điền thông tin vào bảng.

– GV mời 3 HS đọc yêu cầu của bài tập 2: 1 em đọc câu lệnh, 2 em đọc 2 câu văn. GV chiếu trên màn hình hoặc viết lên bảng như sau:

Âm thanh được so sánh	Đặc điểm so sánh	Từ so sánh	Âm thanh dùng để so sánh
Tiếng đàn t'rưng			
Tiếng chim sáo			

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập 2 (làm cá nhân hoặc theo cặp):

+ Lập bảng theo hướng dẫn của GV.

+ Đọc kĩ từng câu rồi điền vào bảng.

– GV quan sát các cá nhân hoặc các nhóm làm bài tập 2. Nếu thấy các em lúng túng thì có thể làm mẫu câu a trước lớp.

Âm thanh được so sánh	Đặc điểm so sánh	Từ so sánh	Âm thanh dùng để so sánh
Tiếng đàn t'rưng	trầm hùng	như	tiếng thác đổ
	thánh thót, róc rách	như	suối reo

– HS làm bài tập 2.

– GV mời một số nhóm trình bày kết quả bài tập 2 trước lớp và hướng dẫn chữa bài.

Đáp án:

Âm thanh được so sánh	Đặc điểm so sánh	Từ so sánh	Âm thanh dùng để so sánh
Tiếng đàn t'rưng	trầm hùng	như	tiếng thác đổ
	thánh thót, róc rách	như	suối reo
Tiếng chim sáo	ríu ran	như	một cái chợ vừa mở
		như	một lớp học vừa tan
		như	buổi đàn ca liên hoan sắp bắt đầu

3. Đặt một câu tả âm thanh có sử dụng biện pháp so sánh.

– HS làm bài tập 3. (Nếu còn thời gian thì viết câu mình đặt vào vở ô li hoặc vở bài tập).

Có thể tiến hành theo các bước như sau:

+ Làm việc cá nhân: Từng em đặt câu vào vở (nên nói câu theo yêu cầu trước khi viết).

+ Làm việc nhóm: Đọc và góp ý cho nhau để chỉnh sửa.

– GV đi quanh lớp để bao quát kết quả đặt câu của HS, nhận xét chung cả lớp.

– GV mời nhiều HS đọc câu mình đã đặt trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét, động viên, khích lệ.

LUYỆN VIẾT THƯ

1. Viết thư cho bạn (hoặc cho người thân) ở xa.

– GV gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1 và phần gợi ý viết thư.

– GV hướng dẫn thêm:

+ Các em có thể đọc lại bức thư đã đọc trong tiết tìm hiểu một bức thư ở Bài 30.

+ Xác định rõ em muốn viết thư cho ai.

+ Dựa vào gợi ý của bài tập 1, viết thư theo đúng thể thức.

– HS viết thư dựa trên gợi ý từ bài tập 1.

Lưu ý: HS được phép nêu thắc mắc hoặc điều chưa hiểu để GV giải đáp. GV quan sát HS làm bài để có hỗ trợ phù hợp.

2. Tập viết phong bì thư.

HS viết xong bức thư (bài tập 1), các em thực hành tập viết phong bì thư theo mẫu trong SHS.

3. Chia sẻ bức thư của em trong nhóm và nghe góp ý của các bạn để chỉnh sửa.

– HS làm việc nhóm, chuyển bài viết của mình cho bạn đọc (theo vòng), góp ý cho nhau.

– Một số HS đọc thư trước lớp. Cả lớp nhận xét.

– GV nhận xét, chữa một số bài của HS (về nội dung, về diễn đạt, về cấu trúc, thể thức của thư). Động viên, khuyến khích những bài làm có tiến bộ.

Lưu ý: GV nên thu bài của HS để viết nhận xét, góp ý cho từng em.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

– HS tự làm phong bì thư (hoặc tìm 1 phong bì thư có sẵn) rồi viết các thông tin của người gửi, người nhận trên bì thư (như mẫu trong SHS trang 143).

– Xin ý kiến nhận xét, góp ý của người thân về phong bì thư.

– Có thể nhờ người thân hướng dẫn cách gửi bức thư của em.

CỦNG CỐ

– GV nhận xét về kết quả học tập tuần 17. GV hỏi HS đã học những nội dung gì trong 2 bài (Bài 31 và Bài 32) và chốt lại nội dung được học trong tuần:

+ Các bài đọc (*Người làm đồ chơi, Cây bút thần*) tiếp tục ca ngợi những người sống bình dị, chất phác, tốt bụng, biết yêu thương mọi người,...

+ Mở rộng vốn từ về thành thị và nông thôn. Nhận biết biện pháp so sánh được sử dụng trong câu văn và đặt được câu có hình ảnh so sánh.

+ Viết được bức thư theo gợi ý, hướng dẫn.

– GV động viên, khen ngợi các em học tập tích cực, tiến bộ, có nhiều cố gắng.

TUẦN 18

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1

I MỤC TIÊU

Việc ôn tập cuối học kì giúp HS xác định được các mục tiêu cần đạt trong học kì 1 như sau:

1. a. Đọc đúng từ, câu, đoạn, bài theo yêu cầu; bước đầu biết đọc diễn cảm các bài văn miêu tả, câu chuyện, bài thơ với ngữ điệu phù hợp; tốc độ đọc khoảng 70 – 80 tiếng/ phút. Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hoặc chỗ ngắt nhịp thơ.

b. Hiểu nội dung bài đọc (nhận biết được chi tiết và nội dung chính, nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản), tìm được ý chính của từng đoạn văn, hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý. Nhận biết được các từ ngữ miêu tả điệu bộ, hành động của nhân vật, nhận biết được trình tự của các sự việc dựa vào

hướng dẫn hoặc gợi ý; miêu tả, nhận xét được về hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật qua hình ảnh, tranh minh hoạ.

2. a. Viết đúng bài chính tả khoảng 65 chữ theo hình thức nghe – viết, tốc độ khoảng 65 chữ/ 15 phút; viết đúng các từ ngữ có tiếng chứa âm/ vần dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

b. Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, miêu tả đồ vật, nêu tình cảm, cảm xúc về một người thân quen hoặc nhân vật trong câu chuyện đã nghe, đã đọc, biết nêu lí do vì sao mình thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện, viết được một bức thư, phong bì thư, tờ khai in sẵn đơn giản.

3. a. Biết kể câu chuyện đơn giản dựa vào gợi ý, biết nói theo đề tài (chủ điểm) phù hợp với lứa tuổi.

b. Nói được 2 – 3 câu về tình huống, sự việc do mình tưởng tượng hoặc mơ ước. Biết kết hợp sử dụng điệu bộ, cử chỉ khi nói, tuân thủ quy tắc tôn trọng lượt lời. Chăm chú lắng nghe ý kiến của người khác, biết hỏi lại để hiểu đúng ý người nói.

Phân biệt được từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, nhận biết được một số nhóm từ chỉ đặc điểm (chỉ màu sắc, âm thanh, hương vị, hình dáng, kích thước), nhận biết các từ có nghĩa trái ngược nhau. Bước đầu nhận biết câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến thể hiện qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của kiểu câu.

II CHUẨN BỊ

– Các tờ giấy ghi tên các bài đọc (có tranh minh hoạ ở bài tập 1, tiết 1 – 2), các tranh minh hoạ bài đọc (cỡ nhỏ, nếu chuẩn bị được).

– Có thể chuẩn bị các phiếu học tập để HS không làm vào SHS (VD: bài tập chính tả, bài tập luyện từ và câu,...) hoặc vở bài tập (nếu có).

– Phiếu bài đọc hiểu và bài viết đoạn ở tiết 6 –7 để các em làm quen với bài kiểm tra cuối kì 1.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

PHẦN 1 – ÔN TẬP

TIẾT 1 - 2

Bài tập 1, 2. *Luyện đọc các bài đã học và nêu cảm nghĩ về nhân vật em thích.*

– GV hướng dẫn HS luyện đọc theo nhóm:

+ Dựa vào tranh minh hoạ đã bị che khuất một vài chi tiết, từng em nói tên bài đọc, cả nhóm nhận xét.

+ Từng em bắt thăm và đọc 1 bài. Đọc xong, nêu cảm nghĩ về nhân vật yêu thích trong bài.

+ Cả nhóm nhận xét và góp ý.

– Các nhóm thực hiện theo hướng dẫn của GV.

– GV quan sát HS các nhóm, ghi nhận xét/ cho điểm.

Bài tập 3. *Đọc các câu ca dao, tục ngữ và tìm từ ngữ thuộc một trong hai nhóm:*

– 2 HS đọc yêu cầu và các câu ca dao của bài tập 3.

– HS làm bài theo cặp:

+ Từng em đọc kĩ các câu ca dao, tìm từ ngữ theo yêu cầu (từ ngữ chỉ sự vật, từ ngữ chỉ đặc điểm có trong mỗi câu), ghi ra giấy các từ ngữ các em tìm được. VD:

Câu	Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm
1	chuồn chuồn, bờ ao	thấp, cao
2	non, biển, sào	cao, sâu, cạn
3	dòng sông, bên bồi, bên lở	đục, trong
4	trăng, sao, núi, đồi	mờ, tỏ, lở, cao

+ Trao đổi kết quả làm bài theo cặp.

– Chữa bài trước lớp:

+ GV có thể kẻ bảng như trên lên bảng lớp và mời HS lên điền từ ngữ.

+ Cả lớp đối chiếu, nhận xét.

– GV khen ngợi, động viên HS có nhiều cố gắng.

Bài tập 4. *Tìm các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau trong các câu ca dao, tục ngữ ở bài tập 3.*

Cách tổ chức có thể tương tự như ở bài tập 3.

Đáp án:

Câu	Cặp từ có nghĩa trái ngược nhau
1	thấp – cao
2	lên – xuống, cạn – sâu (*cạn – sâu* có nghĩa trái ngược nhau ở trong câu ca dao này)
3	lở – bồi, đục – trong
4	mờ – tỏ

Bài tập 5. *Chọn từ ngữ chỉ đặc điểm thay cho ô vuông.*

– GV yêu cầu HS tự đọc yêu cầu của bài tập 5 và làm bài cá nhân.

(GV có thể mời một HS làm mẫu câu a, dựa vào kết quả HS làm câu a, GV hướng dẫn thêm về cách làm theo phương pháp thử/ loại trừ).

a. *Ngọn tháp cao vút.*

– HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi kết quả theo cặp/ theo nhóm.

– GV tổ chức cho HS đọc các câu đã hoàn thành trước lớp.

Đáp án:

a. *Ngọn tháp* ***cao vút.***

b. *Ánh nắng* ***vàng rực*** *trên sân trường.*

c. *Rừng **im ắng**, chỉ có tiếng suối **róc rách**.*

d. *Lên lớp 3, bạn nào cũng **tự tin** hơn.*

– GV và HS nhận xét kết quả làm bài của cả lớp và đưa ra những lưu ý dựa trên kết quả chung.

Bài tập 6. *Đặt 1 – 2 câu về cảnh vật nơi em ở, có từ ngữ chỉ đặc điểm.*

– HS làm việc cá nhân. GV quan sát, hỗ trợ HS.

– HS chia sẻ bài trong nhóm, cả nhóm góp ý.

Lưu ý: Đặt câu có từ chỉ đặc điểm là yêu cầu HS đã thực hiện nhiều ở học kì 1 và cả năm lớp 2. Bài tập này GV khích lệ HS tự hoàn thành.

TIẾT 3 – 4

Bài tập 1. *Đọc các khổ thơ và nêu tên bài thơ chứa khổ thơ đó.*

– HS làm việc nhóm:

+ Từng em đọc khổ thơ, nói tên bài thơ, đọc đoạn thơ mình thuộc trong một bài đã học.

+ Cả nhóm nhận xét và góp ý.

– GV quan sát HS các nhóm, ghi nhận xét/ cho điểm.

Bài tập 2. *Tìm từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc trong các khổ thơ ở bài tập 1.*

– HS làm việc cá nhân: Đọc yêu cầu của bài tập 2, thực hiện yêu cầu (có thể viết các từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc tìm được ra giấy nháp hoặc vở ô li).

– HS làm việc theo cặp/ nhóm:

+ Từng em nêu những từ ngữ mình đã tìm.

+ Cả nhóm góp ý.

(VD: *thích nhất, mừng ghê, xinh quá, yêu em tôi, vui, thích, náo nức, say mê, say sưa, chẳng bao giờ cách xa*)

– Làm việc chung cả lớp: Một số HS phát biểu ý kiến. GV khen ngợi, động viên các em tìm đúng từ ngữ.

Lưu ý: HS có thể giải thích từ ngữ nào đó thể hiện niềm vui, nỗi buồn, diễn tả tình cảm, sự xúc động,... của nhân vật, được coi là từ ngữ chỉ tình cảm.

Bài tập 3. *Đọc đoạn thơ em thuộc trong một bài đã học.*

HS luyện đọc theo cặp.

Bài tập 4. *Xác định kiểu câu.*

– GV hướng dẫn chung cả lớp:

+ HS làm việc cá nhân, đọc kĩ truyện vui. Xác định mỗi câu trong truyện thuộc kiểu câu nào (trong 4 kiểu câu đã học).

+ HS làm việc nhóm: Nhóm trưởng nêu từng câu, cá nhân báo cáo kết quả xác định kiểu câu của mình, cả nhóm nhận xét và thống nhất đáp án.

– Các nhóm thực hiện theo hướng dẫn, sau đó báo cáo kết quả trước lớp, GV nhận xét và chốt đáp án. (câu cảm: 1, 8; câu kể: 4, 6, 7; câu hỏi: 2; câu khiến: 3, 5.)

Bài tập 5. *Đặt câu.*

– HS đọc yêu cầu bài tập 5.

– GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 5:

+ Làm việc cá nhân: Quan sát tranh, đoán sự việc trong tranh. Đặt 4 câu theo yêu cầu.

+ Làm việc nhóm: Lần lượt từng em đọc 4 câu đã đặt trước nhóm, cả nhóm góp ý. Hoặc tất cả đọc câu đã đặt thuộc một kiểu câu, sau đó mới chuyển sang kiểu câu khác.

(GV quan sát HS làm việc cá nhân/ nhóm theo hướng dẫn. Nếu HS lúng túng, GV có thể tổ chức cho HS làm mẫu trước lớp. GV nói: Các em có thể nhìn vào từng tranh để đặt 4 kiểu câu. VD:

+ Bạn nhỏ ngủ dậy muộn./ Bạn nhỏ ngủ dậy muộn phải không?/ Bạn ngủ dậy muộn quá!/ Bạn đi học đi kẻo muộn!

+ Bạn nhỏ để đồ dùng học tập bừa bộn./ Cái bút ở đâu nhỉ?/ Bạn thật là cẩu thả!/ Bạn nhanh tay lên không muộn học!

+ Bạn nhỏ đang xếp đồ dùng học tập vào cặp sách./ Liệu bạn có bị muộn học hay không?/ Bạn ấy chậm chạp quá!/ Bạn nhanh tay lên!

+ Bạn nhỏ đi đến trường học./ Bạn bị muộn học phải không?/ Ôi, chạy mệt quá!/ Bác bảo vệ chờ cháu với ạ!

– GV mời một số HS đọc câu đã đặt trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý (nội dung có gắn với tranh minh hoạ không? Có đúng 4 kiểu câu không?)

Bài tập 6. *Nói tiếp để hoàn thành các câu rồi chép vào vở.*

a. *Phòng của bạn nhỏ vương vãi đủ thứ: (...), (...), (...),...*

b. *Bạn đến trường muộn vì phải đi tìm (...), (...), (...),...*

– HS làm việc nhóm:

+ Đọc yêu cầu bài tập 6, quan sát lại 4 tranh ở bài tập 5.

+ Từng em nói tiếp để hoàn thành 2 câu đã cho (có thể bổ sung thông tin khác nhau vào các ô vuông).

+ Cả nhóm góp ý, viết câu đã thống nhất trong nhóm vào vở ô li hoặc vở bài tập.

– GV tổ chức chữa bài, thống nhất cách làm. VD:

a. *Phòng của bạn nhỏ vương vãi đủ thứ: sách vở, thước kẻ, bút mực,...*

b. *Bạn đến trường muộn vì phải đi tìm sách vở, bút, thước,...*

– GV lưu ý HS cách đặt dấu phẩy tách các sự vật được nêu, nhận xét chung kết quả làm bài của cả lớp.

TIẾT 5

1. Nói về sự việc được thể hiện trong tranh.

Bài tập 1, 2. *Quan sát tranh và nêu nội dung từng tranh. Kể câu chuyện được thể hiện trong tranh và đặt tên cho câu chuyện.*

– GV hướng dẫn chung cả lớp:

+ Quan sát từng tranh, tìm sự kết nối giữa các tranh (mối liên quan giữa cảnh vật và con người trong các tranh).

+ Nêu nội dung từng tranh.

+ Dựa vào tranh kể lại câu chuyện được thể hiện trong tranh.

– HS thực hiện yêu cầu bài tập 1 và 2 theo 2 nhóm (4 em/nhóm) như sau:

+ Mỗi em nói nội dung một tranh.

+ Cả nhóm xây dựng mối liên kết giữa các tranh.

+ Cùng nhau xây dựng nội dung câu chuyện.

+ Từng em kể câu chuyện (hoặc kể nối tiếp câu chuyện theo 4 tranh).

– GV tổ chức chữa bài trước lớp: các nhóm xung phong lên trình bày/ kể chuyện. GV cùng cả lớp nhận xét, khích lệ, động viên các bạn xung phong nói trước lớp. (VD: Tên câu chuyện: Nhớ người trồng cây/ Ông tôi,...; Người kể chuyện xưng "tôi"; Nội dung câu chuyện.)

Tranh 1: Nhà tôi có vườn cây ăn quả xum xuê. Từ khi tôi còn bé tí, ông tôi đã làm vườn, trồng các loài cây ăn quả.

Tranh 2: Thỉnh thoảng, ông bế tôi ra vườn đi dạo. Ông nói cho tôi biết tên từng loại cây trong vườn.

Tranh 3: Cây cối trong vườn ngày một vươn cao và tôi ngày một khôn lớn. Tôi đã biết theo ông ra vườn chăm sóc từng gốc cây. Ông nhổ cỏ, vun gốc cho cây. Ông hướng dẫn tôi tưới nước cho cây. Làm việc cùng ông thật là vui.

Tranh 4: Bây giờ, cây trong vườn ông trồng đã trĩu quả, đền ơn người trồng và chăm bón. Ông hái cho tôi những trái cây đầu mùa thơm ngon nhất. Ông ơi, cháu cảm ơn ông – người trồng cây cho cháu hái quả ngọt.

2. Viết đoạn văn.

Bài tập 3. *Viết lại lời em kể thành đoạn văn.*

– HS làm việc cá nhân, viết lại lời đã kể dựa theo 4 bức tranh.

– HS đọc bài làm của mình trong nhóm, cả nhóm góp ý.

– GV đọc một số bài trước lớp, nhận xét chung về bài làm của HS.

PHẦN 2 – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1

TIẾT 6 – 7

Tuần 18 có 7 tiết, trong đó:

– 5 tiết dành cho ôn tập; 2 tiết dành cho kiểm tra, đánh giá cuối học kì.

– SHS có giới thiệu để kiểm tra để HS tập làm hoặc để HS làm quen với cách làm bài kiểm tra cuối học kì 1.

– GV có thể giới thiệu cấu trúc của phiếu kiểm tra, gồm:

+ Bài kiểm tra đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (câu hỏi miệng).

+ Bài kiểm tra đọc hiểu (đọc một bài và trả lời câu hỏi bằng hình thức viết).

+ Viết một đoạn văn theo yêu cầu.

– HS tự làm bài kiểm tra vào phiếu hoặc GV hướng dẫn thực hiện, tuỳ theo năng lực HS và điều kiện của lớp.

– Hướng dẫn thực hiện Đề tham khảo

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

Đọc thành tiếng

– GV giải nghĩa từ *chó mực*: một loại chó có lông màu đen.

– GV nhắc HS các bước chuẩn bị đọc thành tiếng:

+ Chú ý đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai, VD: *nội, nấu cơm, khắp lối, khởi động, mong mỏng, núi đồi, lủng lẳng,...*

+ Chú ý cách ngắt nhịp thơ: 3/2 (Khi mặt trời/ chưa dậy, Hoa còn thiếp/ trong sương,...), hoặc 2/3 (Cuối xóm/ ai thầm thì, Gánh rau/ ra chợ bán,...).

+ Đọc diễn cảm cả bài.

– GV mời 1 – 2 HS xung phong đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

– GV nhắc HS các bước chuẩn bị trả lời các câu hỏi.

+ Tìm khổ thơ có chứa nội dung/ chi tiết/ từ ngữ trả lời cho câu hỏi.

+ Đọc thầm lại khổ thơ, trả lời câu hỏi.

– Với mỗi câu hỏi, GV mời 1 – 2 HS trả lời và thống nhất đáp án với HS.

a. *Tìm những từ ngữ trong bài thơ tả: hoa, gió, núi đồi, mặt trời.*

– Hoa: thiếp trong sương.

– Gió: chạm khóm hoa nhài, mang hương đi khắp lối.

– Núi đồi: ngủ trong mây.

– Mặt trời: như trái chín, treo lủng lẳng vòm cây.

b. *Những con vật đã làm gì trong buổi sáng ở quê nội của bạn nhỏ?*

– Đàn trâu: đội sương ra đồng sớm.

– Gà con: kêu trong ổ, đánh thức mặt trời.

– Chó mực: chạy trong sân phơi.

c. *Bài thơ nói đến những ai? Những người đó làm gì?*

Bài thơ nói đến nội và những người ở cuối xóm. Nội đang nấu cơm, nấu cám. Những người ở cuối xóm đang thẩm thì nói chuyện và gánh rau ra chợ bán.

2. Đọc – hiểu

– GV nhắc HS các bước chuẩn bị thực hiện yêu cầu đọc hiểu:

+ Đọc thầm câu chuyện *Chúng tớ làm thủ thư.*

+ Đọc thầm từng câu hỏi.

+ Đối với mỗi câu hỏi, xem lại câu chuyện để tìm đoạn nào chứa nội dung trả lời. Đọc thầm đoạn đó, trả lời câu hỏi bằng lời hoặc loại trừ các phương án sai (đối với câu hỏi lựa chọn đáp án).

– GV mời 1 – 2 HS trả lời mỗi câu hỏi và chốt đáp án với HS.

a. *Si-skin cảm thấy thế nào khi được làm thủ thư của lớp?* – (Hãnh diện, hào hứng)

b. *Si-skin và bạn của mình đã làm những gì để bảo vệ sách?* – (Dán lại sách, dặn các bạn giữ sách.)

c. *Vì sao Si-skin ngạc nhiên khi thấy bạn thủ thư khác mượn sách?* – (Vì bạn ấy nghĩ rằng thủ thư chỉ quản lí sách.)

d. *Vì sao Si-skin không kêu ca về việc giá ít sách nữa?* – (Vì bạn ấy cũng bắt đầu mượn sách như mọi người. Bạn ấy hiểu rằng sách là để đọc chứ không phải để cất trên giá.)

e. *Viết 2 – 3 câu nêu cảm nhận của em về những việc Si-skin đã làm.* Đây là câu hỏi mở, HS có thể trả lời theo suy nghĩ riêng của mình. Sau đây là một VD: Bạn ấy là một người rất nghiêm túc, trách nhiệm (thể hiện qua chi tiết nhắc nhở các bạn trả sách sớm), nhiệt tình, thậm chí hơi quá mức (không vui khi các bạn trả sách quá nhanh), dẫn đến việc có những suy nghĩ rất buồn cười, khó hiểu (không muốn sách được mượn nhiều vì thích nhìn giá sách đầy ắp).

g. *Từ ngữ nào chỉ đặc điểm?* – (đầy ăm ắp).

h. *Tìm trong bài đọc các câu kết thúc bằng dấu chấm than và xếp vào 2 nhóm: câu cảm, câu khiến.*

Câu cảm	Câu khiến
– Thật là oách! – Mọi người mượn nhiều quá, giá thưa hẳn đi này! – Ô!	– Hãy bảo vệ sách! – Cậu giữ sách cẩn thận, đừng để giun dế xuất hiện trong sách nhé!

VIẾT ĐOẠN VĂN

Lựa chọn một trong hai đề viết đoạn văn.

– GV hướng dẫn HS:

+ Đọc thầm cả 2 đề văn và gợi ý của mỗi đề.

+ Lựa chọn một đề phù hợp với năng lực của bản thân.

+ Thực hành viết đoạn.

– GV chấm, chữa nhanh 1 – 2 bài viết.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN

Biên tập tái bản: NGUYỄN HƯƠNG GIANG

Thiết kế sách: PHẠM VIỆT QUANG

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA – NGUYỄN THỊ NGỌC THUỶ

Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – NGUYỄN DUY LONG – VŨ THỊ THANH TÂM

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 3, TẬP MỘT — SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: Khổ 19 x 26,5cm.

Mã số ISBN: Tập một: .....

Tập hai: .....

Số ĐKXB: .....-...../CXBIPH/.....-...../GD

Số QĐXB: .....

Nộp lưu chiểu quý ..... năm .....

In ..... bản (QĐ in số .....) tại các nhà in:



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 3 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 3, tập một – SGV
2. Tiếng Việt 3, tập hai – SGV
3. Toán 3 – SGV
4. Tự nhiên và Xã hội 3 – SGV
5. Đạo đức 3 – SGV
6. Âm nhạc 3 – SGV
7. Mĩ thuật 3 – SGV
8. Công nghệ 3 – SGV
9. Tin học 3 – SGV
10. Hoạt động trải nghiệm 3 – SGV
11. Giáo dục thể chất 3 – SGV
12. Tiếng Anh 3 – Global Success – SGV

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG